

diễn đàn

F O R U M

Số 111 / 10.2001

ISSN 1164-2378



sinh hoạt nghệ thuật văn hoá mùa thu 2001

Compagnie EA SOLA

Đoàn Ea Sola tiếp tục trình diễn vở múa (sáng tác năm 2000) **Requiem / Nguyễn Cầu** tại các nước Đức, Thụy Sĩ, Hà Lan và Pháp :

18-19-20 octobre : Kampnagel, **HAMBURG** (D)
23-24 octobre : Forum de Meyrin, **GENEVE** (CH)
8 novembre : Stadsschouwburg, **UTRECHT** (NL)
12 novembre : Stadsschouwburg, **EINDHOVEN** (NL)
22 novembre : IDDAC, OCET, **TALENCE** (F)

TRẦN TRỌNG VŨ

Tranh và bố trí (*installation*) của Trần Trọng Vũ ra mắt công chúng Mỹ qua cuộc triển lãm tại **NEW YORK**

Made in Vietnam

từ 17 đến 27.10.2001 tại Plum Blossoms Gallery, 555 West 25th St. (giữa 10th Ave và 11th Ave), mỗi tuần từ thứ ba đến thứ bảy (10g30 đến 18g30)

ĐÀO DROSTE

Nữ nghệ sĩ tạo hình Đào Droste (*tác giả hình bìa số báo này*) tổ chức bốn cuộc triển lãm hoạ phẩm, điêu khắc và bố trí (*installation*) tại Đức :

Open mindedness / Visages animés disposés dans un espace tại **REUTLINGEN** từ 13.10.2001 đến 3.2.2002 (Städtisches Kunstmuseum Spendhaus / Städtische Galerie)

Dao Droste. Bilder

tại Galerie Top Air, Flughafen **STUTTGART** (đến 30.11.01)

Fernöstliche Kunst. Neue Arbeiten von Dao Droste

tại Galerie Esplanade, **BAD DÜRKHEIM** (7.10.-14.10.2001)

Dao Droste. Im Zeichen des Tao

Atelier & Galerie Dao, **EPPELHEIM** (17.11.-15.12.2001)

HƯƠNG THANH

vừa xuất bản đĩa CD **DragonFly**, gồm mười bài dân ca và sáng tác của Hồng Nguyên do Nguyễn Lê phối âm, ACT Publishing Với các nhạc sĩ Nguyễn Lê, Chí Tâm, Hạo Nhiên, Đinh Công Tuyển, Richard Bona, Renaud Garcia Fons, Tino di Geraldo cajon, Paolo Fresu, Etienne Mbappé, François Verly, Dominique Borker, Raphaëlle Pacault, Martin Rodriguez, Sophie Lechelle.

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Bà **Bùi Thị Dê** (quả phụ Bùi Liên)

đã từ trần ngày 22.9.2001, thọ 88 tuổi. Lễ an táng đã cử hành ngày 1.10.2001 tại Nha Trang.

Xin thành thực chia buồn cùng anh chị Bùi Ái và toàn thể tang quyến.

Một nhóm bạn bè ở Toulouse và Diễn Đàn

NGUYỄN LÊ

Chương trình lưu diễn tháng 10 và 11.2001 :

12/13.10 tại Goteborg (Thụy Điển), với Kudsi Erguner band
20 : La Roche s/Yon (Pháp) với Hương Thanh (Moon & Wind)
22 : Bordeaux với ban tứ tấu Paolo Fresu Angel 4tet

Ban tam tấu TRIO ELB (Peter Erskine, Nguyễn Lê, Michel Benita) sẽ trình diễn ngày 24 : Toulouse, 25 : Marseille, 26 : Nice, 27 : Gorizia (Italia), 30 : Zurich (Thụy Sĩ), 31 : Heidelberg (Đức) ; 1.11 : Singen, 2 : Kassel, 3 : Lunen, 5 : Dusseldorf, 6 : Hamburg, 7 : Weimar, 8 : Mainz (chờ xác nhận), 9 : Vlotho, 10 : Aalen.

Từ 11 đến 15.11 : tại Guimares (Portugal) với dàn nhạc Big band w/ Maria Schneider

Ngày 23.11 tại Jouy le Moutier (Pháp) với Hương Thanh
Moon & Wind

Bạn đọc có thể đặt mua trước

hai tác phẩm của LÊ THÀNH KHÔI

VOYAGES DANS LES CULTURES DU VIETNAM

Nxb Horizons du Monde, phát hành tháng 11. 01, khổ 24 x 30 cm, 224 trang, với khoảng 150 minh hoạ chưa công bố.

Giá bán công cộng : 49 Euro (321,42 F)

Giá đặt mua (trước 31.10) : 40 Euro (262,38 F)

Một cuộc du hành văn hoá từ thời tiền sử tới đương đại, vạch ra những đặc trưng của bản sắc văn hoá Việt Nam qua văn học truyền miệng, văn học viết và nghệ thuật sống (các ngành nghệ thuật sẽ được đề cập trong một cuốn khác)

EDUCATION ET CIVILISATIONS

Genèse du monde contemporain

UNESCO, Bruno Leprince Editeurs, Horizons du Monde đồng xuất bản tại Paris, tháng 10.2001, 800 trang, khổ 18 x 24 cm. Giá bán công cộng : 39 Euro (255, 83 F), Diffusion Dilisco.

Giá đặt mua (trước ngày 31.10.01) : 32 Euro (209,90 F)

Lịch sử nền giáo dục thế giới nhìn dưới góc độ thành tố của quá trình sinh sản và tái sinh sản các xã hội. Các chiều kích trí tuệ, đạo đức, cảm tính, mỹ học, thân thể của giáo dục trong mỗi nền văn hoá được xem xét trong mối tương quan hai chiều với các nhân tố : dân tộc và ngôn ngữ, môi trường thiên nhiên, phương thức sản xuất, tư tưởng và giá trị, cấu trúc và vận động xã hội - chính trị, vai trò của những nhân vật, quan hệ quốc tế.

Thư đặt mua (ghi rõ tên, địa chỉ, mã số bưu điện) cùng ngân phiếu đề tên HORIZONS DU MONDE (của một ngân hàng có trụ sở tại Pháp, đề trả bằng tiền F Pháp) xin gửi trước ngày 31.10.2001 về

HORIZONS DU MONDE

15 rue Georges Pitard, 75015 PARIS (Pháp)

CHÚ Ý : khi thanh toán, xin cộng thêm cước phí bưu điện 5,53 Euro (35F) / mỗi cuốn sách ghi mua.

KHỦNG BỐ CHIẾN LƯỢC, NĂM 01

Nguyễn Quang

Năm 1923 (ngày 29 tháng 10) có ngày Thứ hai đen ở phố Wall, năm 2001 (11 tháng 9) có ngày Thứ ba đen Manhattan... Hoạ khủng bố ở quy mô chiến lược đã đột nhập sân khấu quốc tế qua một tràng biểu tượng nổ tung : New York rụng đầu, đài Ngũ giác toang bụng, nước Mĩ bị cưỡng hiếp (đó là lời của những nạn nhân sống sót), toàn bộ cảnh tượng ấy hiện ra trực tiếp trên màn hình. Suốt mấy giờ đồng hồ chúng ta đã bị các chương trình truyền hình trực tiếp bắt giữ làm con tin. Tháp đôi bị đâm thủng, những thân xác lao mình từ tầng cao, lơ lửng trên không, toà nhà chọc trời sụm xuống... khán giả cứ trở mắt trân trân nhìn từng ấy hình ảnh quay đi quay lại, cảm xúc như bị tê liệt, khả năng suy tư như bị đông đặc...

Suy tư, hai tiếng ấy bây giờ tìm lại tính thời sự, sau khi cú sốc đã qua đi (qua đi, nhưng có thể nào tiêu tan?). “*Bạo lực là bà đỡ của Lịch sử*”, nếu công thức của F. Engels còn có một chút giá trị chân lí, thì có lẽ chúng ta vừa chứng kiến sự ra đời của Thế kỉ 21, một cuộc sinh đẻ tiến hành bằng cặp thai (*forceps*). Từ khi Thế kỉ ngàn 20 đã kết thúc vào năm 1991 với sự sụp đổ của Liên Xô⁽¹⁾, trong suốt một thập kỉ, chúng ta đã sống trong một vùng xám của Lịch sử, một thứ “vùng trắng”, *no man's land*, vừa có tính đơn cực (chỉ còn độc nhất một siêu cường) vừa đa cực (với hàng loạt cuộc giao tranh khu vực). Và giờ đây, cái kim nam châm trên la bàn của chúng ta, sau những dao động vô trật tự, dường như đang chỉ một hướng trực mới. Xác định được cái trục mới đó, diễn giải được nó, là nhận diện được những tiền đề của Thế kỉ mới. Bài này không hề có tham vọng hội chẩn được Lịch sử, mà chỉ muốn thăm dò một vài dấu hiệu định hướng.

1. Đã nói đến bạo lực, thì trước tiên, cần gạt bỏ hẳn nhân tố xúc cảm để gây nhiễu cho cuộc thảo luận : đó là nhân tố mà chúng tôi xin gọi là *bệnh ghét Mĩ sơ cấp (anti-américanisme primaire)*. Sự bạo liệt của cuộc tiến công khủng bố (7000 người chết trong vòng 20 phút, tức là gần gấp ba số tử vong 60 năm về trước ở Trân Châu cảng, gần 1/10 tổng số tử vong của quân đội Mĩ ở Việt Nam) cố nhiên đã dấy lên sự lên án gần như là nhất trí của các chính phủ trên hoàn cầu, nhưng ở cấp độ dân chúng, phản ứng phải nói là rất tương phản : ở các nước phương Tây là một trào lưu đoàn kết cảm thông, ở châu Mĩ Latinh, người ta thương tiếc một cách lễ độ, châu Phi dửng dưng, còn thế giới Hồi giáo thì tâm thần phân lập (*schizophrenie*)... Ngay trong những người biểu lộ tình đoàn kết, ai dám chắc trong thâm tâm không phảng phất một chút hả dạ khi thấy kẻ mạnh phải quy gối, trọc phú gặp hoạ, khi thấy “các ông chủ của thế giới” phải nếm liều thuốc đắng của chính mình? Những cảm nghĩ vẫn đục mà Willem đã nắm bắt một cách tài tình trong bức tranh (xem bên) : em bé gái Việt Nam nạn nhân của bom xăng chạy trốn khỏi tháp đôi Manhattan. Ưu thế của nghệ thuật là không cần phải giải thích dài dòng, còn nếu muốn giải thích thì chỉ cần trích đoạn những lá thư độc giả (độc giả *thật 100%*⁽²⁾) gửi cho các báo, đại để

như sau : “*Trước thảm hoạ xảy tới cho nước Mĩ, có người đã hô to ‘Chúng ta đều là người Mĩ!’ . Còn tôi, tôi không phải là người Mĩ, không cảm thấy mình là Mĩ, không thể là người Mĩ. Bất luận dưới hình thức nào, nạn khủng bố cũng là điều gớm ghiếc, không ngôn từ nào lên án cho vừa. Nạn nhân nào cũng đáng thương xót, nhưng tại sao bây giờ lại đòi chúng ta im lặng 3 phút⁽³⁾ trong khi trước đó, người Algérie, người Irak, người Rwanda, và biết bao người khác... có được phút tưởng niệm nào không? Đó là không kể rằng ở New York cũng như ở Washington, các mục tiêu không phải là những mục tiêu vô tội. Đài Ngũ giác là nơi chủ xướng thuyết “chiến tranh 0 tử vong”, “thiệt hại bên lề”. Trong những văn phòng bị phá huỷ, chắc cũng có những người chồng, người cha tốt, song dù muốn dù không, công việc của họ dính líu tới một sự nghiệp không mấy tốt đẹp. Còn Trung tâm Thương mại Thế giới là biểu tượng của chính sách toàn cầu hoá đã loại bỏ ra ngoài cuộc hai phần ba nhân loại, của sự đơn phương phủ nhận Hiệp định Kyoto để tha hồ gây ô nhiễm trái đất. Chắc chắn ở đó cũng có những người chồng, người cha tốt, nhưng những quyết định của họ có thể đã dẫn những người không được may mắn ra đời dưới một ngôi sao tốt vào cõi chết hay đưa đẩy họ vào một tình thế tuyệt vọng...” . Luận điểm kiểu ấy (xin nhắc lại, đó là những luận điểm thực sự đã được phát biểu) biểu lộ sự hỗn mang của cái “vùng xám” mà chúng ta đang sống trong đó. Trái với tinh thần nhân bản mà luận điểm đó muốn thể hiện, không cần phân tích dài dòng, phải nói đó là một sự vô nhân đạo khủng khiếp, bởi vì nó hàm chứa ý tưởng có một trách nhiệm tập thể, một thứ tội tổ tông, theo đó, mỗi dân tộc có thể (hay phải?) chịu tội cho những sai lầm của chính*



Willem (*Libération*, 21.09.01)

rập và râu xồm à ?

2. Nói rõ như trên rồi, thì cũng phải thừa nhận rằng không khí bạo lực xã hội ở các nước chậm tiến được nuôi dưỡng bằng

quyền. Xưa kia người ta chu di tam đại. Gần đây hơn, người ta “săn cộng”, người ta thiết lập những vùng “tự do bắn giết”. Ngày nay có “bổn phận giết sạch” bọn Mĩ và đồng minh ở mọi nơi trên thế giới⁽⁴⁾, rồi ngày mai có quyền bóp cò mỗi lần thấy bóng dáng A

sự oán thán, thậm chí căm thù, đối với quyền hành trịch thượng của Mĩ, đối với sự can thiệp thiên hình vạn trạng của Mĩ (và nói rộng ra, của phương Tây). Trong loạt bài giới thiệu tác phẩm Thế kỉ ngắn 20⁽¹⁾, chúng tôi đã nhấn mạnh tới di sản nặng nề mà Thế kỉ 21 phải thừa kế : đó là sự bất công ngày càng sâu sắc trong phân phối tài nguyên giữa phương bắc và phương nam. Trên hoang tàn của thế giới lưỡng cực đã kết thúc năm 1991, thì nhiệm vụ của siêu cường còn lại là phải thiết lập một trật tự quốc tế mới (người ta không thể vừa bá quyền vừa tránh né mọi trách nhiệm). Điều đó, Mĩ đã không làm, hay đúng hơn, không còn đối trọng của phe xã hội chủ nghĩa, Mĩ đã khoét sâu thêm các mâu thuẫn, làm nghiêng thêm những mắt cân đối. Ví dụ quá nhiều, kể sao cho xiết. Chẳng hạn như quá trình toàn cầu hoá, buộc các nước phương nam phải áp dụng những biện pháp liberal triệt để mà chính các nước phương bắc trong thời kì tái kiến thiết cũng không chịu áp dụng⁽⁵⁾. Hay sự phủ nhận các nguyên tắc dân chủ, khi người ta khăng khăng áp đặt sự trường cửu của Nhà nước Israel (mà ngày nay chẳng còn ai phản bác) mà vẫn phủ nhận chủ quyền của người Palestine trên cùng một địa hình toàn cát và sỏi đá ấy. Hay là sự giả đạo đức tột cùng khi người ta dùng quân sự để bảo vệ độc lập tự do (của Koweit chống cuộc xâm lăng của Irak) đồng thời lại câu kết với những chế độ tàn bạo và thối nát nhất thế giới (Arabia Saudi, các Tiểu vương quốc Ả rập), và lì lợm tiếp tục ván cờ vây (go) địa - chính trị ở Iran, Irak, Afghanistan, vũ trang phe này, tài trợ phe kia, đạt được mục tiêu thì vắt chanh bỏ vỏ (như ở Afghanistan sau khi Liên Xô rút quân). Nếu quả thật là mạng lưới các nhóm khủng bố Islam cực đoan đã gây ra cuộc tiến công ở New York và Washington D.C. (khả năng này xác suất ngày càng cao), thì đúng là Hoa Kì đã gieo gió gặt bão : kẻ tài trợ chủ yếu cho xu hướng Islam cực đoan chính là nước Arabia Saudi theo đường lối Wahhab toàn thống, còn Oussama Ben Laden, kẻ thù cộng số 1, vốn là bộ hạ của cục tình báo CIA.

3. Thế là từ nay, đương đầu với bá quyền của Tây phương, dường như đã nổi lên một xu hướng Islam cực đoan mà ảnh hưởng và uy tín ngày càng lan rộng trong thế giới Hồi giáo (nhất là sau sự kiện mới xảy ra). Phải chăng chủ nghĩa Islam cuồng tín này là đại diện tự nhiên và chính đáng của những người cùng khổ ? Chẳng có gì nhất quyết như vậy cả⁽⁶⁾. Không thể đồng nhất đạo Islam với xu hướng cực đoan này. Ngược dòng lịch sử, ta thấy rằng ngay sau Thế chiến lần thứ nhất, ở các nước Hồi giáo bị Âu Châu trực tiếp hay gián tiếp thống trị, có hai hệ tư tưởng cạnh tranh nhau để giành quyền lãnh đạo công cuộc giải phóng dân tộc. Hệ tư tưởng thứ nhất là xu hướng cách mạng thế tục (laïc) và canh tân tây hoá, mà tiêu biểu là Atatürk ở Thổ Nhĩ Kỳ, Reza ở Iran, về sau là Nasser, Bourguiba và Mặt trận giải phóng dân tộc Algeria. Hệ tư tưởng thứ nhì là chủ nghĩa toàn thống Islam, chủ trương trở về sự “ thanh khiết nguyên thủy ” của thế kỉ sáng lập Hồi giáo (Hegire), tiêu biểu là tổ chức “ Huynh đệ Hồi giáo ” Ai Cập (tôn phái Sunnite), tới thập kỉ 30 là trường giáo Ấn Hồi Mau-dudi (có thể coi là cha đẻ tinh thần của tư tưởng Hồi giáo Pakistan ngày nay), sang thập niên 70 là giáo chủ Khomeini ở Iran (tôn phái Chiite), cuối cùng là các Taliban (tôn phái Sunnite) đang tác quái ở Afghanistan... Gần gũi xu hướng này là

tôn phái Wahhab thống trị ở Arabia Saudi. Xu hướng Islam toàn thống chủ trương “ trở về nguồn ”, loại trừ mọi ảnh hưởng ngoại lai, mọi triển vọng tiến hoá, nó là một hệ thống khép kín. Vì vậy, nó có thể chuyên chở một dự phóng dân tộc, nhưng không thể nào hàm chứa một dự phóng phát triển. Thí dụ tiêu biểu là Iran tại đó sự tiến hoá của xã hội và sự phát triển của đất nước đã diễn ra ngoài vòng kiểm soát của thân quyền Chiite, đến mức chính quyền “ cải cách ” hiện nay đã đứng về phe Tây phương chống khủng bố. Còn tập đoàn Taliban thì dùng bạo quyền để thống trị đất nước Afghanistan đã trở về thời kì đồ đá⁽⁷⁾, tương lai của chính quyền “ Khơ me xanh ” Islam này cũng đen tối như tiền đồ chính quyền “ Khơ me đỏ ” của Pol Pot ngày nào. Có một cái gì thật là tuyệt vọng – và điều này cũng là thước đo sự vô vọng của phương nam cũng như sự thất bại của phương bắc – khi ta phải chứng kiến sức huy động mạnh mẽ của một hệ tư tưởng u muội tới mức đó, không phải chỉ thu hẹp trong giới người cùng khổ nhất (những phi công cảm tử lao vào tháp đôi hay vào đài Ngũ giác đều xuất thân từ giới thượng lưu Arabia Saudi hay Ai Cập và được đào tạo nhiều năm ở phương Tây).

4. Ở đây cần phải tránh lầm lẫn trong việc diễn tả những tuyến lực mới đang hiện rõ nét. Đành rằng nạn khủng bố quốc tế có tổ chức bắt nguồn từ chủ nghĩa Islam cực đoan – điều này cũng cần được nói rõ – đành rằng chủ nghĩa toàn thống Hồi giáo là, không khoan nhượng, chống hiện đại và chống phương Tây, phải chăng vì vậy mà phải biến thế giới Hồi giáo thành một thứ quỷ dữ và coi Islam là kẻ thù bản thể ? Chúng tôi muốn nói tới luận thuyết của Samuel P. Huntington⁽⁸⁾ về “ cuộc đụng độ của các nền văn minh ”, mà các media (thậm chí cả một vài chính khách) đã hấp tấp mở ngăn kéo mang ra chỉ vì chúng cung cấp một cách lí giải “ mì ăn liền ” về sự kiện hỗn loạn ngày 11 tháng 9. Trong cuốn sách nổi tiếng, nhà chính trị học Mĩ đã mang hết tài năng và sức thuyết phục để bảo vệ và minh chứng định đề theo đó không thể có mẫu số chung giữa một số giá trị của các nền văn minh (ai cũng nghĩ tới những giá trị của Tây phương và những giá trị của Islam). Theo Huntington, trong số tám “ nền văn minh ” hiện tồn, thì có ba nền văn minh (Tây phương, Islam và Trung Hoa) tất yếu sẽ đụng độ nhau trong cuộc đấu tranh nhằm làm bá chủ thế giới. Ông còn vạch ra cả một kịch bản chính trị giả tưởng theo kiểu Tom Clancy : Thế chiến thứ 3 sẽ nổ ra vào trong thế kỉ 21 khi các lực lượng Islam cực đoan Algérie dùng vũ khí hạt nhân tấn công thành phố Marseille !

Luận đề của Huntington không phải là thứ luận đề người ta có thể hất tay một cái là quét sạch. Khi viết về lịch sử thế kỉ 20, chúng tôi đã do dự không biết có nên đề cập tới thuyết của Huntington không, và cuối cùng, chúng tôi đã chọn tiếp cận của E. J. Hobsbawm⁽¹⁾ và của B. R. Barber⁽⁹⁾. Thật vậy, Huntington khởi luận từ những định đề tư tưởng khả nghi : các nền văn hoá không có mẫu số chung (đây chẳng qua là những lập luận vị chủng đã được tân trang), không có những giá trị phổ quát (kể tục một truyền thống tư tưởng luôn luôn đối nghịch với triết học Ánh sáng⁽¹⁰⁾), song hoàn toàn không cần tới loại tiền đề ấy để phân tích sự ra đời của chủ nghĩa Islam toàn thống trong bối cảnh truyền thống & hiện đại mở đầu cuộc khai phóng Thế giới thứ ba (xem bài thứ IV trong loạt bài⁽¹⁾),

hay để lí giải động lực hiện nay của nó trong bối cảnh toàn cầu hoá đi đôi với sự cạn kiệt của các hệ tư tưởng thế tục (xem bài V trong loạt bài vừa dẫn). Do đó, nhân tố tôn giáo là một nhân tố không cơ bản : chủ nghĩa truyền thống (fondamentalisme) khur khur bám chặt quá khứ để khẳng định bản sắc có thể huy động được cả những Taliban chống hiện đại lẫn những phần tử “ ái quốc ” (“ Patriots ”) ở Mĩ chống chính quyền liên bang.

Cần nhắc lại rằng trước ngày 11.9, cuộc mưu sát gây ra đổ máu lớn nhất ở Mĩ là cuộc khủng bố ở Oklahoma, mà kẻ chủ xướng là Timothy Mac Veigh, một phần tử cực đoan không dính dáng gì tới đạo Hồi. Và trong số những kamikaze ngày 11.9, hình như có cả những tín đồ Hồi giáo không mấy sùng đạo, tôn giáo đối với họ chỉ là một thứ “ hậu cần tư tưởng ” cung cấp những quy chiếu “ mì ăn liền ”, ở một nơi khác, thời khác, có lẽ họ sẽ gia nhập các “ Lữ đoàn đỏ ” hay các đội “ Hành động trực tiếp ”. Đến đây, không thể không viện dẫn E. J. Hobsbawm : “ *Đây không phải lần đầu tiên cái hỗn hợp giữa một con số không về trí tuệ và một xúc động tình cảm mạnh mẽ, thậm chí tuyệt vọng, của quần chúng lại tạo nên tác động chính trị to lớn trong thời đại khủng hoảng, bất an và – ở nhiều khu vực lớn trên thế giới – sụp đổ của các nhà nước và định chế. Cũng như các phong trào giữa hai cuộc thế chiến đã sản sinh ra chủ nghĩa phatxít, các cuộc phản kháng có tính chất tôn giáo và chính trị của Thế giới thứ ba, sự khao khát tìm kiếm bản sắc và khao khát thiết lập một trật tự xã hội vững chãi trong một thế giới đang trên đà tan rã (...) là mảnh đất màu mỡ thuận lợi cho sự tăng trưởng của những lực lượng chính trị [có thể] lật đổ các chế độ cũ để thiết lập những chế độ mới. Tuy nhiên, sự phản kháng và nổi khát khao ấy tài nào có khả năng mang lại những giải pháp cho thiên kỉ mới, cũng như trước đây chủ nghĩa phatxít không thể mang lại giải pháp cho Thời đại của những tai hoạ* ” (1), trang 728).

5. Trong khi đó, nước Mĩ bị thương đòi trả nợ máu, và việc trừ khử chế độ Taliban, bằng bạo lực nếu cần, tỏ ra khó tránh. Phen này, hai chữ “ chiến tranh ” chạy dài trên các cột báo không mang tính cường điệu. Thật vậy, cuộc thảm sát ngày 11.9, với mức độ bạo tàn của kịch bản được nhân lên qua media, đã vượt khỏi quy mô một hành động khủng bố đơn thuần ; nó là một thách thức, một lời tuyên chiến. Sách lược mà nói, nó không có nghĩa lí gì đáng kể : ngoài cái thích thú chốc lát là đã giáng cho “ chú Sam ” một cái tát, ai có thể nghĩ được rằng cái đòn ấy, dù nặng tới đâu chăng nữa, có thể làm cho nước Mĩ quy gối ? Cố nhiên, trong một thời gian ngắn, nó đã gây xáo trộn trong giao thông, nhiễu loạn trong thông tin, chao đảo thị trường chứng khoán, hoảng loạn trong dân chúng, song ngoại trừ những biểu tượng ra, thu hoạch sách lược của bọn khủng bố (bây giờ đã bị lật tẩy) là không đáng kể, và đối với những con người cùng khổ trên thế giới, là tiêu cực (của đáng tội, đó không phải là quan tâm của bọn khủng bố), vì ngắn hạn và trung hạn, mọi bạo hành “ chống phương Tây ” sẽ bị đồng hoá với khủng bố, bất luận đó là cuộc ném đá Intifada ở Palestin hay những cuộc biểu tình quần chúng chống toàn cầu hoá... Tệ hại hơn nữa (đối với Ben Laden và đồng bọn), một liên hiệp quốc tế chưa từng có, từ các quốc gia Tây phương tới Trung Quốc qua Nga, tỏ ra quyết tâm tiêu diệt nạn khủng bố có tổ chức. Tệ hại hơn nữa (đối với Taliban), một

liên minh quốc tế lần đầu tiên thành hình từ sau Chiến tranh vùng Vịnh với ý đồ can thiệp ở Afghanistan. Nhưng có lẽ đó chính là tính toán chiến lược của bọn khủng bố : kéo phương Tây vào cái bẫy Afghanistan, cho phương Tây sa lầy ở đó, chờ (hay khiêu khích) cho họ làm bậy để có thể kêu gọi Hồi giáo toàn thế giới đoàn kết, tiến hành Djihad (Thánh chiến) (11)... Và như thế là sẽ có “ đụng độ giữa các nền văn minh ” theo kiểu Huntington. Kịch bản đại hoạ dự tưởng chừng ? Một phần Thế giới Thứ ba đang chìm đắm trong hận thù và chết chóc, cánh đồng khô chỉ đợi que diêm. Cách đây vài chục năm, Mao chủ tịch đã chẳng nói rằng ông ta không khớp chiến tranh hạt nhân, vì theo ông ta, với chiến tranh hạt nhân “ mọi người sẽ ngang nhau ”. Ngay sau thảm kịch 11.9, những tuyên bố đầu tiên của tổng thống Bush (“ *cuộc Thập tự chiến Thiện chống Ác* ”, “ *Wanted, dead or alive* ”) có thể làm cho người ta phải quan ngại tình huống xấu nhất. Người ta dễ thở hơn một chút với bài diễn văn đọc trước Quốc hội Mĩ, nói tới “ *cuộc chiến đấu của tất cả những người tin tưởng ở tiến bộ và đa nguyên, khoan hoà và tự do* ”. Với những ai không đánh đồng di sản của phương Tây với những tội ác mà nó đã gây ra, với những ai tin tưởng vào ý nghĩa phổ quát của một số giá trị mà phương Tây đã mang lại : tự do, bình đẳng, tình anh em ; ưu vị của cá nhân và giá trị của tư duy, các quyền con người (nói với người Hồi giáo, tương cũng cần nhấn mạnh : mọi con người, cả nam lẫn nữ)..., với tất cả những người ấy, xin được khẳng định một điều : chống lại khủng bố quốc tế, cách phòng thủ tốt nhất không phải là chiến tranh, mà là công lí.

Nguyễn Quang

Kiến Văn biên dịch từ tiếng Pháp

(1) E. J. Hobsbawm, *L'Âge des Extrêmes / Le Court 20^e siècle*, Ed. Complexe & Le Monde Diplomatique. Xem 5 bài bình giải của Nguyễn Quang trên Diễn Đàn từ số 105 đến 109.

(2) Xem *Le Monde* ngày 16.09.01 (trang 18, mục Thư đọc giả) chẳng hạn.

(3) Tại ngày hội của báo L'Humanité, phút im lặng đã bị ngắt quãng bằng tiếng huýt sáo và phản đối.

(4) Nguyên văn lời rao giảng của Ben Laden từ Afghanistan.

(5) Ngân hàng Thế giới và Quỹ Quốc tế Tiền tệ đã kê đơn như vậy cho Argentina, nước “ học trò ngoan ” này đã áp dụng và ngày nay kinh tế Argentina đang đứng bên bờ vực thẳm.

(6) Cũng cần nhắc lại, cuối năm 1994, một nhóm Islam cực đoan Algeria đã cướp máy bay Air France với ý đồ lái máy bay đến Paris (lao vào tháp Eiffel ?). Ghé sân bay Marseille, chúng bắt đầu hành quyết hành khách. Xác chết đầu tiên bị ném xuống phi đạo là của một người cùng khổ trong những người cùng khổ : Việt Nam.

(7) Xem phóng sự ở Kabul của O. Weber, tuần báo *Le Point*, tuần 21.09.01.

(8) Samuel P. Huntington, *Le Choc des Civilisations*, Odile Jacob, 1997.

(9) B. R. Barber, *Djihad versus McWorld*, Desclée de Brouwer, 1997.

(10) Sự tồn tại của tờ báo này (những người làm ra nó và những người đọc nó) chứng nhận hiện thực của những giá trị phổ quát.

(11) Việt mưu sát thiếu tá Massoud, lãnh tụ kháng chiến Afghan chống Taliban, vài ngày trước cuộc thảm sát 11.09, là một dấu hiệu cho thấy có thể có một kế hoạch chung.

THÁNH CHIẾN

Cao Huy Thuần

Tôi có hai hình ảnh nước Mỹ ở trong lòng : một nước Mỹ siêu cường đã thả bom trên đất nước tôi và một nước Mỹ rất nhạy cảm với lý tưởng đã chống lại việc thả bom đó. Chiến tranh Việt Nam kết thúc, phần chính là nhờ ở sức chiến đấu của dân tộc tôi, nhưng cũng nhờ ở sự đóng góp rất lớn của chính dân tộc Mỹ. Vì sao ? Vì dân tộc Mỹ rất nhạy với lý tưởng và chiến tranh Việt Nam rốt cục đã đặt ra cho dân tộc Mỹ một vấn đề đạo đức, một vấn đề lương tâm.

Tôi không sống nhiều ở Mỹ, nhưng tôi may mắn thấy được tấm lòng lý tưởng của thanh niên Mỹ giữa lúc chiến tranh leo thang đến mức khốc liệt nhất. Cái thấy nhanh chóng đó của tôi giúp tôi hiểu được những gì tôi đọc trong sách vở về căn bản đạo đức trên đó nước Mỹ đã xây dựng, phát triển, áp dụng và biện minh cho chính sách ngoại giao và thái độ của mình trên thế giới. Nói như vậy không có nghĩa rằng các nước khác, nhất là các cường quốc, không biết dùng đạo đức để biện minh cho ngoại giao của họ. Nói như vậy cũng có thể làm cho bao nhiêu người phì cười vì họ dễ dàng đưa ra hai phản bác : một là đạo đức của anh cũng là đạo đức của tôi, chỉ khác nhau ở chỗ diễn dịch thôi ; hai là đạo đức của anh lắm khi trái ngược nhau như nước với lửa với thực tế mà anh đang lèo lái. Tôi biết thế, nhưng kinh nghiệm sống của tôi vẫn buộc tôi phải nói rằng không thể nào hiểu được thái độ ngoại giao của Mỹ nếu không chịu khó nhìn vào xúc cảm lý tưởng của dân tộc Mỹ. Nhờ nắm được xúc cảm đó mà nhà cầm quyền Mỹ đã gửi được bom đạn qua Việt Nam. Và chính vì đã đánh mất lòng yêu mến lý tưởng đó mà máy bay, tàu bò đã phải cuốn cờ xếp giáp. Đó là vinh quang của nền dân chủ Mỹ. Đó cũng có thể là bi kịch. Bi kịch khi cả một dân tộc yêu mến lý tưởng gửi yêu mến của mình vào tay một chính sách sai lầm. Xã hội Mỹ là một xã hội tự do, nhưng đó cũng là một xã hội *tuân thuận* ⁽¹⁾. Sự đồng thuận là một điểm son, nhưng sự đồng thuận đầy cảm tính trong một xã hội tự cho mình là ngọn hải đăng của thế giới có thể dẫn đến tai họa. Tai họa cho mình và cho kẻ khác.

Nước Mỹ chưa bao giờ thất bại, trừ ở Việt Nam. Chiến tranh đang sửa soạn ở Trung Á có thể tạo thêm một dịp nữa để thế giới khiếp phục uy vũ của nước Mỹ. Nhưng trong tôi, và có lẽ trong lòng rất nhiều bạn bè Việt Nam của bạn bè Mỹ, tôi không khỏi bàng khuâng khi thấy một nửa hình ảnh nước Mỹ trong lòng chập lại làm một với nửa kia trong một khí thế đạo đức và ái quốc đáng kính để đi vào một thử thách được vinh danh là chiến tranh giữa Thiện và Ác. Từ nhỏ, chữ Thiện trong đầu tôi không dính máu.

Tôi chống khủng bố, vì nơi bàn tay của khủng bố có máu của người vô tội. Rất nhiều khi tôi đồng ý với mục đích mà họ nhắm, nhưng tôi không thể bước qua thấy người chết để vỗ tay với họ. Như ai cũng biết từ khi đọc Tào Tháo và Machiavel, đạo đức bao gồm cả cứu cánh lẫn phương tiện. Giết mười người vô

tội để dùng sống một kẻ tình nghi không phải là đạo đức. Xét cho cùng, trả thù cũng không phải đạo đức. Lại càng không phải đạo đức nếu vì thù riêng mà buộc quá nhiều người không liên can phải gánh chịu hậu quả khốc hại. Chỉ trên điểm đó mà thôi, chiến tranh đang diễn ra khó nói là thiện. Bởi vì có ai biết tổng thống Bush sẽ dùng những phương tiện gì nữa đâu ?

Thế giới chỉ biết rằng ông Bush từ chối những phương tiện có thể hạn chế bạo lực, trong đó có phương tiện luật pháp. Đồng minh của ông dâng điều 5 của hiến chương NATO trên chiếc mâm vàng để xin cùng ông chiến đấu, ông bảo : được, nhưng tôi chưa cần các ông góp tay vào việc binh đao. Ông muốn tay ông không vướng bất kỳ một sức cản nào, dù là một góp ý của bạn. Nước Pháp nhanh nhẩu tranh thủ biểu quyết ngay một quyết nghị ở Hội Đồng Bảo An công nhận cho Mỹ quyền tự vệ chính đáng. Lại một chiếc mâm vàng nữa ! Và món quà quý lắm, bởi vì nó giải quyết nhanh chóng một tranh luận có thể xảy ra về một điều khoản của hiến chương LHQ liên quan đến quyền tự vệ chính đáng. Đó là điều 51 cho phép sử dụng quyền đó để chống trả một “*tấn công vũ trang*”. Ở thời điểm 1945, các tác giả hiến chương chưa tưởng tượng ra được một tấn công nào không phát xuất từ một quốc gia khác và không phải là vũ trang. Họ chưa hề thấy một chiến trận nào nổ ra đại quy mô trên khắp thế giới chỉ để nắm râu một tên khủng bố. Khủng bố thì có từ lâu, nhưng khủng bố như là đại họa của thế giới, giăng mạng nhện từ nước này qua nước nọ, giăng trên cây thuốc phiện, giăng trên nhà máy ma túy, giăng cả trong mùng màn chân gối của các ông hoàng bà chúa Trung Đông, giăng cả trong chữ nghĩa thánh hiền thì làm sao họ tưởng tượng ra nổi. Luật quốc tế chưa bao giờ quy định thể lệ chiến tranh giữa Don Quichotte với cái cối xay gió thì cũng chưa bao giờ nghiên cứu chiến tranh giữa một quốc gia với cái mạng nhện. Bởi vậy, khi họ nói chiến tranh thì đương nhiên họ nghĩ đến “*tấn công vũ trang*”, có ai nghĩ có thể làm chiến tranh với lưỡi dao cạo râu ! Vậy mà khủng bố bây giờ rút dao cạo râu ! Dao cạo râu là “*tấn công vũ trang*” ? Chiếc máy bay dân sự là vũ khí ? Khủng bố là sự kiện mới quá, phi lãnh thổ, phi quốc gia, phi chiến tranh trong nghĩa cổ điển, luật quốc tế hiện hữu xoay sở chưa thông. Vậy thì quyết nghị 1368 của Hội Đồng Bảo An cho phép Mỹ sử dụng quyền tự vệ chính đáng là món quà luật pháp quý giá lắm chứ !

Nhưng phương tiện đó, tổng thống Bush cũng gạt. Ông không muốn ai cản trở gì chân tay ông. Ông nghi Pháp muốn dùng LHQ để hạn chế ông vào một cuộc trả đũa “*hiệu quả*”, “*tương xứng*”, “*thẳng băng*” như Pháp mong muốn. Mà thật vậy, điều 51 nói rất rõ rằng quyền tự vệ chính đáng chỉ được sử dụng “*cho đến khi HĐBA lấy những biện pháp cần thiết để duy trì hòa bình và an ninh thế giới*”. Điều 51 còn nói thêm : những biện pháp mà quốc gia liên hệ quyết định phải được “*thông báo tức khắc cho HĐBA biết*”. Đã đành hành động của khủng bố tạo cho Mỹ một lợi thế về pháp lý và về tính chính đáng chưa bao giờ thấy trong HĐBA khiến Mỹ có thể làm thông qua nhiều biện pháp mà không sợ ai phủ quyết, nhưng như thế cũng là bị hạn chế rồi ! Cho nên ông Bush gạt HĐBA. Người Pháp có mặt nơi lưỡi, nhưng trong đầu anh ta chỉ nghĩ đến sợi dây thừng. Từ mấy chục năm nay, chỉ có một tay đàn em chơi được mà thôi là nước Anh. Cho nên ông Bush chỉ làm chiến tranh với anh ấy. Và chẳng đây là chiến tranh giữa Thiện và Ác, nghĩa là chiến tranh bất cộng đái thiên. Thiện ác không phải là đối tượng của luật pháp : đó là đối tượng của đạo đức.

Và như vậy, tổng thống Bush đặt chiến tranh ngày hôm nay vào truyền thống thiện ác của lịch sử ngoại giao Mỹ. Có lẽ phải gọi lại một chút lịch sử mới hiểu được thái độ của ông chăng ? Đây không phải là lần đầu, và chắc chắn sẽ không phải lần cuối, thiện ác phát phối trên lá cờ xông trận của nước Mỹ. Một phần bởi vì, như tôi đã nói, dân tộc Mỹ rất nhạy cảm với đạo đức. Một phần bởi vì đạo đức là ý thức hệ giúp khuynh hướng can thiệp thắng khuynh hướng cách ly (isolationnisme) trong lịch sử Mỹ khi nước Mỹ nhảy vọt từ địa vị một nước nằm trong một nửa bán cầu lên địa vị một cường quốc thế giới. Bước nhảy vọt đó đã được thể hiện qua chiến tranh, và chiến tranh đó được biện minh bằng đạo đức. Đó là thế chiến thứ nhất, và nhân vật lỗi lạc đã đưa chiến thắng đến cho khuynh hướng can thiệp là Wilson. Ngày nay, nói đến đạo đức trong ngoại giao Mỹ là nói đến nguồn cội Wilson, nguồn cội đó luôn luôn tạo hứng bởi vì khuynh hướng can thiệp cần ưu thắng.

Wilson tự xem ông như “ nhà tiên tri của nhân loại, sứ giả bên cạnh Thiện do cả thế giới dề cử ” (2). Sứ mạng của ông mang tính chất của một thánh chiến. Thắng trận của ông sẽ là thắng trận của đạo đức, và chỉ đạo đức mà thôi mới có thể cứu rỗi thế giới này khỏi địa ngục của chiến tranh. Thượng Đế, Wilson và Dân (3), tương tự chúa ba ngôi, sẽ ngự trị trên khắp địa cầu. Ông viết : nước Mỹ “ sinh ra để chỉ cho mọi người thấy, bằng chính kinh nghiệm của mình, sự Sùng Thiện bắt nguồn từ Kinh Thánh ” (4). Là “ nước duy nhất trên thế giới hành động vô vị lợi ”, nước Mỹ có bổn phận đóng vai trọng tài bằng chính sự “ lãnh đạo bao dung ” (5) của mình. Tất cả những gì nước Mỹ làm đều chính đáng. Nước Mỹ đã với đến gần Thượng Đế. Tiếng nói của nước Mỹ là tiếng nói của chính Phán Xét Cuối Cùng (6). Với Wilson, luồng gió cải đạo trong tôn giáo thổi lồng lộng vào ngoại giao Mỹ : nước Mỹ có nhiệm vụ đem chân lý của Locke thắp sáng mọi chốn tối tăm. Một tác giả có tiếng của Mỹ, Louis Hartz, đã dùng một từ ngữ thật hay để diễn tả khuynh hướng truyền giáo của Wilson : “ absolutisme libéral ” (7) mà tôi tạm dịch là “ tự do chuyên chế chủ nghĩa ”.

Tôi có thể giải thích một cách dễ dàng tại sao nước Mỹ giữ thái độ trung lập trong hai năm đầu của thế chiến thứ nhất, không phân biệt thiện với ác gì cả. Tôi cũng có thể giải thích dễ dàng tại sao nước Mỹ nhảy vào chiến tranh từ hai năm cuối bằng những lý do rất trần tục - thương mại, kỹ nghệ - xa lắc xa lơ với thiên đàng địa ngục. Nhưng chắc chắn tôi không cười phì diễu từ của Wilson và tôi buộc tôi phải hiểu tại sao Wilson để lại một dấu ấn sâu đậm như thế trong chính sách ngoại giao của nước ông, tại sao người Mỹ trân trọng như thế cái gia tài mà sách vở gọi là “ wilsonian idealism ”, một trong hai nguồn tư tưởng chỉ đạo ngoại giao Mỹ. Nếu tiếng nói của Wilson được dân tộc ông hưởng ứng như thế, chắc chắn vì ngón tay của ông nắn đúng một dây tơ đã căng sẵn trong lòng họ. Bởi vậy lúc trẻ tôi cười phì bao nhiêu thì bây giờ tôi thận trọng bấy nhiêu khi đọc câu này chẳng hạn của một tác giả có tiếng khác, C.R.Friedrich : “ To be an American is an ideal ; while to be a Frenchman is a fact ” (8). Người Mỹ sinh ra là một lý tưởng, người Pháp sinh ra là một sự kiện. Chẳng phải người Pháp thì chỉ biết sờ sờ ra đấy, như cục đất, cục đá, cục thịt biết thờ. Ý câu nói là thế này : lịch sử lập quốc của Mỹ khác hẳn các nước khác ; chẳng nước nào sinh ra từ một sự kiện chính trị như nước Mỹ. Sự kiện gì ? Một hợp đồng. Một hợp đồng mở đầu như thế này : “ We, the Peoples of the Unites States of America... ”. Nước Mỹ sinh ra từ một sự thỏa thuận, thỏa thuận giữa dân

chúng với nhau để lập ra chính quyền. Căn bản của quyền lực chính trị, vì vậy, là sự thỏa thuận của dân : đứa trẻ sơ sinh Mỹ quốc nhận huyết máu từ Locke. Và, cũng khác với các quốc gia khác ở châu Âu phải tập đi từng bước chập chững vào chủ nghĩa tư bản, đứa trẻ sơ sinh Mỹ quốc vừa ra đời đã rơi tòm vào chủ nghĩa tư bản chín muồi như rơi trọn vào tay bà mẹ. Locke với quyền tư hữu, A. Smith với *laisser-faire* mang đôi hia bầy dậm vào chân đứa bé. Nước Mỹ vừa lập quốc đã đồng hóa mình với những khái niệm chính trị, kinh tế căn bản rành rọt. Trung thành với nước của họ, người Mỹ đồng thời trung thành với những niềm tin chính trị, kinh tế đó mà tất cả họ lại làm thành cái mà ai cũng biết, “ American way of life ”. Nghĩa là gì ? Nghĩa là lòng ái quốc của người Mỹ dính chặt vào những giá trị chính trị đã sáng tạo ra nước của họ : yêu nước, đúng là yêu tự do chủ nghĩa. Tự do, dân chủ trở thành tôn giáo của người Mỹ. Từ đó, người Mỹ và nước Mỹ có một nỗi sợ hãi sâu kín đối với những ý tưởng mà họ nghĩ là sẽ phá hủy nước họ. Ý tưởng “ cộng sản chủ nghĩa ” là một. Ý tưởng “ khủng bố chủ nghĩa ” bây giờ là hai.

Cộng sản là Ác : đó là diễn từ của J. F. Dulles, nhân vật nổi bật của chính sách ngăn dè thời Eisenhower. Ông nói với cả khối các nước không liên kết rằng các ông trung lập như thế giữa Thiện và Ác là các ông không có đạo đức gì cả : đó là thái độ vô đạo.

Tự do là Thiện, cho nên nước Mỹ của Kennedy “ sẵn sàng gánh bất cứ gánh nặng nào, trả bất cứ giá nào ” để tự do chiến thắng trên thế giới. Cho nên nước Mỹ của Carter khám phá ra nhân quyền mà ông cam kết bảo vệ. “ Bởi vì chúng ta tự do, chúng ta không bao giờ có thể lãnh đạo trước số phận của tự do ở nơi khác ”, “ cam kết của chúng ta đối với nhân quyền là tuyệt đối ” (9). Cũng vậy, nước Mỹ của Reagan viện trợ cho phe đối lập chống chính quyền sandiniste ở Nicaragua - phe đối lập mù mờ chính nghĩa nhưng được vinh danh là *freedom fighters*, chiến sĩ của tự do.

Có lẽ không ai hiểu nước Mỹ bằng Tocqueville, và câu viết của ông từ 1834 - cách Cách mạng tháng Mười 83 năm ! - còn làm thiên hạ kinh ngạc về tài nhìn xa của ông. Ông viết :

“ Trên trái đất ngày nay có hai dân tộc lớn, họ đi từ những điểm khởi hành khác nhau nhưng hình như cùng tiến đến một mục đích, đó là dân tộc Nga và dân tộc Mỹ... Cả hai đều lớn lên từ trong bóng tối, và trong lúc mọi người chăm chú nhìn vào nơi khác, bỗng nhiên cả hai nhảy vọt lên hàng đầu các quốc gia, và thế giới bỗng khám phá ra hầu như cùng lúc ngày ra đời của họ và sự vĩ đại của họ. ... Để đạt mục đích của mình, người Mỹ giao phó sứ mạng cho lợi ích cá nhân, và để mặc cho sức mạnh và lý trí của cá nhân hành động, không điều khiển. Người Nga tập trung tất cả sức mạnh của xã hội vào tay một người. Một bên, phương tiện hành động căn bản là tự do; bên kia, phương tiện hành động căn bản là nô lệ. Điểm khởi hành của họ khác nhau, đường đi của họ chẳng giống ; tuy vậy mỗi dân tộc dường như được một ý muốn bí ẩn nào đó của Thượng Đế kêu gọi để một ngày kia nắm trong tay số phận của một nửa thế giới ” (10).

Bao nhiêu lần trong lịch sử, nhà cầm quyền Mỹ đã dùng ngôn từ thiện ác để mở đầu chiến tranh, hiếm khi họ mất vốn, chỉ thấy được lãi. Họ đã chứng tỏ sức mạnh bí ẩn của họ không phải chỉ nằm nơi lời nói suông. Họ bắt được mạch của dân tộc họ. Nhưng không phải lúc nào mạch đó cũng đập cùng một

(Xem tiếp trang 13)

CHƯƠNG CHIÊU HỒN, KẼNG BÁO THỨC...

Nguyễn Lộc

Lái hai chiếc máy bay dân sự, mỗi chiếc với vài chục hành khách vô can và vô tội, đâm thẳng vào hai toà nhà chọc trời cao nhất thành phố New York, nơi làm việc và lui tới của khoảng 50 000 người là một hành động dã man vượt quá khả năng tưởng tượng của nhiều người.

Cách đó không xa, và sau đó không lâu, một máy bay hành khách khác đâm sầm vào toà nhà Pentagon, trụ sở Bộ Quốc phòng Mĩ. Tàn phá nhẹ hơn, số thương vong ít hơn, nhưng cũng không kém phần bạo liệt, ghê gớm.

Các hành động khủng bố này đã giết chết và làm mất tích hơn 6 000 người và làm bị thương khoảng chừng đó người. Trong nhiều ngày liền, thế giới đã chứng kiến bao nhiêu hình ảnh chết chóc, tang thương, máu, nước mắt, phần nộ, đau xót và oán hờn. Lời thống trách và lên án kẻ sát nhân, bọn hung đồ vang lên, không những từ quốc gia đối tượng của vụ khủng bố, mà còn từ hầu như khắp mọi nơi trên thế giới.

Trên bãi điều tàn, ngay giữa lòng thành phố New York, cho đến nhiều ngày sau đó, người ta vẫn xả thân dò dẫm, lắng nghe từng nhịp thở, truy lùng từng dấu hiệu mong manh của sự sống, ngày đêm mong sao giành giật với cái chết, để trả lại cho những gia đình mất cha, mất chồng, mất con, mất bạn bè,... những người thân yêu của họ. Bên cạnh đấy, trên những đường phố của cái “thủ đô tài chính toàn cầu hoá”, vẫn còn những con người phờ phạc, thần thờ ôm hình ảnh người thân và chút hi vọng mong manh, kiên trì đi tìm kiếm. Những con người riêng tư nhất, mong manh nhất sống, chết và đau khổ với cái riêng tư và mong manh nhất của mình. Cái hình ảnh thê lương của con người - nạn nhân quen thuộc trên toàn thế giới.

Cảnh đổ nát, tàn phá phảng phất vóc dáng một thứ chiến trận, hiếm thấy trên đất nước Hoa Kỳ, phần lục địa an bình của thế giới đối với bất kì mọi xung đột, va chạm vũ trang đã và vẫn còn xảy ra trên trái đất. Cái thẳng thốt của nạn nhân và tính chất “siêu thực” của biến cố hình như làm tăng thêm khuôn mặt bi thảm của sự việc. Sự bi thảm được cân mẫn soi rọi, chăm chút thu nhặt và phóng chiếu, khuếch đại ra toàn cầu, bằng những phương tiện tối tân nhất của thời đại. “Chiến tranh” – nếu ta tạm dùng cách nói của những người có quyền lực cao nhất nước Mĩ – lại đi vào phòng khách của từng gia đình Mĩ.

Khi những dòng này được viết, vẫn còn hơn sáu ngàn người mất tích, chưa thấy tăm hơi. Và những tiếng chuông chiêu hồn vẫn vang vọng khắp nơi.



Tháp đôi World Trade Center đã hơn một lần bị tấn công. Một lần, ngày 26 tháng 2 năm 1993, bị khủng bố tấn công bằng chất nổ. 6 người chết và hàng ngàn người bị thương. Và rất nhiều lần khác, qua phim ảnh Hollywood, như một khẳng định mặc nhiên cái tính chất “đối tượng tấn công khủng bố”

của hai toà nhà cao trên trăm tầng này. Nhưng lần này, cái chết là rất thật, con số thương vong, tang thương nói chung, là quá lớn. Mọi sự, nhìn từ bên ngoài, hầu như chậm chậm diễn ra trước mắt thế giới. Âm thanh và cuồng nộ đầy ắp không gian.

Nhưng, đây là “*một kiểu chiến tranh khác*”. Lại một cách nói bóng bẩy của những người có quyền lực ở Mĩ. Trong một ý nghĩa nào đó, đây là một ví von phảng phất sự thật.

Từ lâu, ngay khi cuộc chiến tranh Việt Nam vẫn còn tiếp diễn, người dân bình thường của Mĩ đã được làm quen với quan niệm một cuộc chiến tranh “sạch” – được làm vệ sinh (sanitized) cẩn thận – trong đó, người làm chiến tranh không cảm thấy trực tiếp nhúng tay vào máu. Các quan điểm về “*chiến tranh bấm nút*”, “*chiến tranh trên tầng không*” trước năm 1975, rồi “*oanh kích chính xác như phẫu thuật*” thời kỳ chiến tranh Vùng Vịnh, đã tỏ ra hữu ích trong việc cho phép tuyệt đại đa số người dân Mĩ quyền tách rời ra khỏi cái thực trạng máu xương của chiến tranh. Đã khá lâu, họ sống vô tư, vô can, và dĩ nhiên là vô tội.

Cho nên, chiến tranh vẫn được gắn kết với một miền đất xa lạ (*foreign land*) nào đó. Ngay khi người ta nói đến chiến tranh, những cơn mưa thép và lửa đối với cái an bình Mĩ cũng rất “*foreign*”, dù ở D.C., San Francisco, Los Angeles, San Antonio, hay New York. Lần này, nó xảy ra ngay nơi dinh cơ của Bộ quốc phòng nước Mĩ cường thịnh vô địch, và nơi trung tâm dân cư đông đúc, sung túc, sang cả nhất của Hoa Kỳ. Cường quốc số một – siêu cường duy nhất – của thế giới, có đủ lí do để găm lên tiếng thét giận dữ của mình. Cái tổn thương về sinh mạng, về vật chất đầu lớn, hình như vẫn chưa lớn bằng cái tổn thương sĩ diện, bị thách thức, bị xúc phạm. Cái tức tối của một đầu thủ vốn coi mình là vô địch, bị bêu đầu, sứt trán vì bị đòn “*đánh trộm*” của một đám nhãi nhép.

Trong cái găm thét giận dữ, còn có cả tiếng huyền não reo hò, khích lệ và khích tướng – một thứ *pep talk* trước trận đấu football – chuẩn bị cho một kiểu phục hận. Phần đầu thương rất thâm sâu hình như cũng chìm chìm trong cái trào lưu ôn ã, rậm rục ấy.



Nhưng, nếu New York hay D.C. có là đối tượng để bị kẻ địch tấn công (*militarily vulnerable*), thì những nhà chiến lược quân sự của sức mạnh vũ trang số một thế giới trong thời đại toàn cầu hoá phải ý thức rõ hơn ai hết. Nếu kẻ thù giết hại được thường dân, trách nhiệm rốt cục lại là của nhà nước. Vụ tấn công ngày 11 tháng 9 vừa qua, có thể là dã man và kinh khiếp, nhưng nhất định chúng không thể thật sự là một kinh ngạc đối với một nước Mĩ, trong vòng thập niên qua, từng vừa nhúng tay vào, vừa quan tâm rất nhiều tới chuyện khủng bố. Ở quốc nội, cũng như quốc ngoại.

“*Một vụ tấn công bằng vũ khí có tầm sát hại cao (mass destruction), nếu thành công, tất sẽ giết chết nhiều ngàn, nhiều vạn người. Nếu quả bom nổ dưới hầm toà nhà World Trade Center năm 1993 là vũ khí hạt nhân, hay có khả năng tán phát một loại mầm bệnh (pathogen) nào đó, sự kinh hoàng và hỗn loạn do nó sinh ra sẽ vượt quá khả năng mô tả của chúng ta. Một hành động khủng bố thảm khốc kiểu ấy sẽ là một sự biến bản lề trong lịch sử Mĩ. Nó sẽ gây thiệt hại nhân mạng và tài sản chưa từng thấy trong thời bình và lật nhào cái*

ý niệm an toàn cơ bản của Mĩ, giống như vụ Liên Xô thử bom nguyên tử năm 1949. Như Pearl Harbor, sự biến này sẽ vạch lần ranh chuyển tiếp giữa quá khứ và tương lai của chúng ta. Hoa Kỳ có thể sẽ đáp ứng lại bằng những biện pháp cứng rắn, cắt giảm dân quyền, nói rộng hơn việc thám sát người dân, giam cầm kẻ bị tình nghi, và dùng bạo lực sát thương. Sẽ có thêm những hành động bạo lực, hoặc thêm những vụ tấn công khủng bố hoặc phản kích của Hoa Kỳ. Một cách muộn màng, người Mĩ sẽ phán xét lãnh đạo của họ về tội chảnh mảng, vì đã không lưu tâm khẩn trương hơn đến vấn đề khủng bố”.

Những dòng được lược dịch trên được viết trước ngày 11-9-2001 khá lâu ⁽¹⁾. Tuy vậy, các tác giả đã dự báo khá chính xác những gì đang xảy ra, vì họ là những người không xa lạ với an ninh và quốc phòng cấp liên bang của Hoa Kỳ. Do đó, ở trên, tôi cho rằng vụ tấn công vừa rồi nhất định không thể mang tới kinh ngạc cho lãnh đạo Mĩ.

Dù vậy, ta cũng thấy, những nhà chiến lược của một quốc gia “ vũ trang tận răng ”, luôn tự hào và trông cậy vào công nghệ hiện đại, khó mà dự đoán được cái thứ vũ khí sát thương cao độ được dùng lần này. Nó là một công cụ dân dụng, nằm sẵn bên trong địa giới quốc gia Hoa Kỳ. Bọn khủng bố đã không cần lén lút mang thứ vũ khí ghê gớm ấy đi qua một cửa khẩu nào cả. Ngồi nổ mà chúng mang theo là chính mạng sống của những con người, sôi sục một thứ căm thù. Sau tai biến, một chuyên gia tình báo, an ninh Israel lên lớp Mĩ về an toàn sân bay : trong khi Mĩ kiểm soát tìm bắt những quả bom, Israel tìm bắt kẻ đánh bom. Câu dạy đời này không phải là không có lí. Nếu muốn học thêm tài khủng bố thiên hạ, Mĩ có thể học đôi điều ở thủ tướng Israel đương nhiệm.

Và, đặc biệt cần nhắc lại, thứ căm thù dẫn đến tình nguyện tự sát này này, thực ra, cũng không lạ lùng gì với những chính khách và các chuyên gia an ninh, quốc phòng Hoa Kỳ. Đã có lần, họ từng dùng căm thù ấy như một thứ vũ khí. Trò chơi chữ nghĩa, biến hoá từ “ chiến sĩ của tự do ” (*freedom fighter*) của cuối thập niên 80, và “ khủng bố ” – nếu cần, thì thêm “ man rợ ” vào – của những năm 90 và đầu thế kỉ này, cũng là một trò khá thạo của Mĩ. Vài tí đô la ngân sách Mĩ đã chui vào trò chơi đấm máu này. Những cánh hoa độc nở trên vùng đồi núi, sỏi đá Trung Đông đã được thơm trồng, vun xới bằng tiền thuế của dân Mĩ. Để rồi giờ đây, ông Bush có thể quên vai trò “ tài trợ ” của Mĩ, ngang nhiên cao giọng nguyên rủa bọn sát nhân ấy, như một tạo vật từ trên trời rơi xuống, nếu không phải là một thứ ác quỷ bẩm sinh, mang lòng thù ghét nước Hoa Kỳ của ông ấy. Còn người dân Mĩ bình thường thì đôi lúc, vì chưa hề bận tâm về sự thật, nên có thể không cần biết bọn sát nhân ấy là ai. Nhờ thế, họ cũng không cần quên.



Trả đũa. Trả thù. Mất đổi mất, răng đổi răng. Tiếng khua chạm của gươm giáo như một cần thiết nhằm thoả lòng căm tức của một đấng toàn năng bị xúc phạm. Một lần nữa, nước Mĩ nhận lấy trọng trách lãnh đạo thế giới đi vào “ cuộc chiến thắng ” mới. Quân đội Mĩ vẫn mạnh nhất, tài nguyên Mĩ vẫn dồi dào nhất. Ít ra là trong vài tháng tới, lòng quyết tâm của Mĩ vẫn cao nhất. Và trên hết cả, chưa bao giờ nước Mĩ đoàn kết như hôm nay. Tổng thống Mĩ, George W. Bush đã nhắc nhở và khẳng định với toàn thế giới những điều ấy. Cờ bay, và trống giục.

Một cơ hội quý báu cho những nhà chiến lược, chiến thuật chưa một lần nghiệm sinh chiến trận, gồng người lên reo hò, góp tiếng. Một dịp để cho một số công dân mới tỏ ra mình Mĩ hơn cả Mĩ, nhảy múa làm “ cheer leaders ” cho giải pháp chiến tranh. Mê man trong cơn đồng thiếp.

Đã đành, không một người có lương tri nào có thể tìm lời biện minh cho bọn chủ mưu những vụ giết chóc kinh hoàng vừa xảy ra ; nhưng, lại cũng khó biện minh cho những hành động thiên vị, ích kỉ hay mù quáng, điên cuồng đã và sẽ tạo thêm cơ hội cho uất hận, căm hờn gia tăng, để lùa thêm một vài thế hệ những tên không tặc, khủng bố sẵn sàng tự sát, vào tay của những thủ lĩnh đã chọn nước Mĩ làm đối tượng kêu gào thù hận của họ. Thế giới hoặc theo họ, hoặc là kẻ thù của họ. Tổng thống Mĩ, kì diệu thay, cũng nói một cách tương tự về cái liên minh thần thánh của ông ấy. Trên lập trường tự cho mình là tuyệt đối đúng ấy, ngôn ngữ “ thánh chiến ”, “ thập tự chiến ” chỉ là bước kế tiếp tất yếu. Trong kiểu tư duy này, nếp sống Mĩ là một tôn giáo. Trên và trước mọi tôn giáo.

Hãy hăm hờ chuẩn bị chiến tranh. Và hãy hăm hờ chờ đón chiến tranh. Ngày 15 tháng 9, chính quyền Bush cho biết, nước Mĩ đã sẵn sàng để tấn công.

Nền dân chủ đã đi vào nề nếp, được nhiều người xem là mẫu mực, của Mĩ không cho phép chính quyền tự chuyên, lộng hành như một thể chế toàn trị. Cho nên, lãnh đạo Mĩ luôn dựa vào ý dân. Với vài cuộc thăm dò chớp nhoáng, chính quyền Mĩ đã nghe tiếng nói của dư luận. Theo thăm dò, ngày 18-9-2001, 90 % dân Mĩ ủng hộ tổng thống Bush và cách đáp ứng bằng quân sự của Bush đối với bọn khủng bố. Và dù ngay nhà cầm quyền Hoa Kỳ chưa chắc đã có thể trưng bằng có buộc tội đích danh một ai, hơn 80 % dân Mĩ đã “ biết ” chắc ai là thủ phạm. Chỉ sự kiện này đủ khiến người dân nơi khác đặt câu hỏi về thiên kiến và kì thị trong thái độ của dân Mĩ. Vô tình, hay cố ý, sự hằn thù đã không mở, mà còn thắt thêm chặt.

Hãy tạm để yên những thứ nhiều khê như hiến pháp, luật hiến pháp, quốc tế công pháp,... cho những nhà làm và nghiên cứu luật, và những ai sống nhờ luật. Nền dân chủ hiện thực của Mĩ dựa rất nhiều vào dư luận và truyền thông. Báo chí đây áp sự ủng hộ, ca ngợi và mong đợi Mĩ giáng cho lũ côn đồ của thế giới một trận nên thân. Dĩ nhiên, vẫn có kẻ bàn ra, hay chí ít, cũng có những cảnh báo, những kêu gọi sự thận trọng, cẩn tính cùng suy trước khi lao vào một cuộc đổ máu mới. Nhưng, trong cơn sốt oán hờn và “ yêu nước ” này, đó chỉ là tiếng nói của bọn yếu bóng vía, chủ bại, “ phản chiến ”. Đất nước này không do bàn tay những tên rụt rè chết nhất, không xương sống xây dựng nên. Giờ này mà còn có kẻ lơ mơ đặt câu hỏi : Sẵn sàng tấn công, nhưng tấn công ai ? Rõ chán.

Vì lẽ đó, giới truyền thông “ chính thống ” và “ đại chúng ” của Mĩ đã khéo léo giúp lược bỏ rất sớm các suy nghĩ tiêu cực. Một ví dụ : người dân Mĩ được các hãng thông tấn cho biết, ngay trên xã luận báo *Le Monde*, người ta cũng đã viết : “ *Mỗi người chúng ta đều là người Mĩ* ”, để nói lên mối tương liên sâu sắc của người Pháp đối với Mĩ trong cơn hoạn nạn này. Và, trách nhiệm người làm truyền thông có ý thức là phải lược bỏ ngay một đoạn khá dài (và ám ố), trong cùng bài viết trên *Le Monde*, nhắc lại (cho người Mĩ ?) rằng bin Laden vốn là một đồng minh, một “ tạo vật ” của CIA trong cuộc chiến ở

Afghanistan chống Liên Xô. Cái quan hệ giữa gieo và gặt là thứ quan hệ Mĩ không cần nghĩ tới. Hôm qua, cũng như hôm nay.



Những đứa trẻ con ngơ ngác hỏi : Tại sao? Tại sao “ chúng nó ” lại thù ghét “ mình ” đến như vậy ? Tại sao “ họ ” lại có thể “ ác độc ” đến như vậy ? Những câu hỏi thật đơn giản, thật hợp lí. Và là những câu hỏi đáng được câu trả lời thận trọng, nghiêm chỉnh, và đúng đắn.

Nhưng, đã có ngay những câu trả lời rất sớm, rất quan trọng, nhưng không nhất thiết là thận trọng và đúng đắn. Tổng thống Hoa Kỳ đáp rằng : Vì chúng thù ghét nền tự do, dân chủ của ta. Vì chúng thù ghét nếp sống Hoa Kỳ. Đây là một cách trả lời rất Mĩ. Nó gồm cả cái trịch thượng lẫn sự ngu tối, vì nó hàm chứa chưa được một nửa sự thật.

Cũng có những câu trả lời rất sẵn và rất dễ, dựa vào các dự đoán về chủng tộc, tôn giáo, khuynh hướng chính trị của các cá nhân hay nhóm bị tình nghi là hung thủ. Thường, các câu trả lời này đi kèm theo các nhãn hiệu quen thuộc. Những nhãn hiệu phù hợp với lối sống và tư duy dựa trên nhãn hiệu của khá nhiều người Mĩ, của chủ nghĩa “ khách hàng tiêu thụ ”. Những câu trả lời vừa đủ viết lên một cái bumper sticker dán sau đuôi xe.

Những nhãn hiệu vạch ra những lần ranh thật đơn giản. Những lần ranh diễn dịch ra cuộc sống đời thường bằng màu da, nhân dáng, trang phục, nơi thờ phượng và câu nguyện, ... Những lần ranh làm rõ các “ mục tiêu ”, rõ không kém những toà nhà World Trade Center đã là mục tiêu dưới mắt tên khủng bố. Mục tiêu của sự vinh quang và của thù hận. Những lần ranh phân minh như những lá cờ, những bộ đồng phục các đội banh trên sân đấu. Khán giả có thể nhận ra các phe bạn và thù không sai chạy. “ Ta ” và “ chúng nó ”, trò chơi quen thuộc từ tuổi lên năm ba, và giúp tư duy dừng lại với tuổi lên năm, lên ba.

Từ đó, đã có những cách “ trả lời ” rất đáng ngại : Những giáo đường Islam bị hãm dọa, phá hoại, có những bé gái theo đạo Islam không dám đến trường. Có những thư, điện thoại đe dọa những nhóm, hội, đoàn thể, tổ chức tôn giáo của người Mĩ gốc A Rập. Những kẻ căm ghét bọn “ ngoại quốc ” được dịp lên tiếng. Hoặc tệ hại hơn nữa, dù không đủ hiểu biết tối thiểu để phân biệt một người trang phục theo kiểu Islam với một người Sikh, gốc Ấn Độ, người ta cũng sẵn sàng bắn chết người Sikh kia, gọi là trả thù cho nước Mĩ. Mong muội trả lời cho mong muội. Cứ nói đại mà nghe, nếu người ta ngờ rằng đám khủng bố châu Á, như bọn Aum Shinrikyo ở Nhật chẳng hạn, có dính líu xa gần vào một vụ tương tự, thì các con tôi còn dám ngáng mặt đi ra đường chẳng ?



Có lẽ còn rất lâu, những đau thương mất mát của bao nhiêu ngàn gia đình nạn nhân bị sát thương trong những vụ khủng bố ngày 11-9-2001 ở New York và Washington D.C. mới nguôi ngoai, hàn gấn. Nếu thật sự con người có thể hàn gấn các vết thương ấy cho thế hệ này.

Các phát ngôn hoa mĩ, đây áp tu từ chính trị rồi cũng sẽ tan loãng dần theo thời gian. Và, có lẽ to lớn trăm lần hơn việc cứu

hộ và thanh toán những đổ nát chất ngất như núi ở gần chỏm phía nam của đảo Manhattan, gánh nặng tìm kiếm những đầu mối giải pháp thoả đáng – trên đường dài – cho một thế giới ít đe dọa hơn, một thế giới ít oán hận và thù ghét hơn, là loại trách nhiệm mang tầm vóc dành cho Hercule. Sẽ rất cần sự hiểu biết, nhiệt tình, thiện tâm và cống hiến của rất nhiều người trên thế giới.

Nhìn từ vị trí thật nhỏ nhoi của một người đang cố nhận dạng cái thế giới mà các con tôi sẽ tiếp nhận, tôi vẫn tin rằng, có những bắt đầu rất cần thiết và hữu ích, dù rất khiêm tốn, khởi đi với mỗi người dân của một quốc gia đã quen với lối sống theo tiêu chuẩn đôi (*double standard*).

Chiều ngày thứ ba, 11 tháng 9, nhiều người đã nói : đêm nay, chúng ta sẽ đi ngủ trong lòng một nước Mĩ đã đổi khác. Và những ngày sau đó, không ít người cũng nói : Thế giới chúng ta đang sống đã là một thế giới khác rồi. Cũng như nhiều người đã lên tiếng nói, tôi nghĩ rằng, một cách khiêm tốn hơn, và có ý thức hơn, người Mĩ có thể nói rằng, kể từ sau buổi sáng 11-9, chúng ta có cơ hội để chân thành và nỗ lực nhận thực ra về chính nước Mĩ mà chúng ta đang sống, và từ đó hiểu biết hơn về chính cái thế giới vẫn tồn tại, mà nước Mĩ là một thành viên cực kì quan trọng trong đó. Có một sự liên tục tất yếu, nếu không nói là nhân quả, giữa hôm qua, hôm nay, và mai sau. Bước ra khỏi cái thế giới quan “ American centric ” đây hôn ám có thể là một bắt đầu cần thiết, sau khi tiếng keng báo thức nghiệt ngã, man rợ của thời thế đã vang lên. (2)

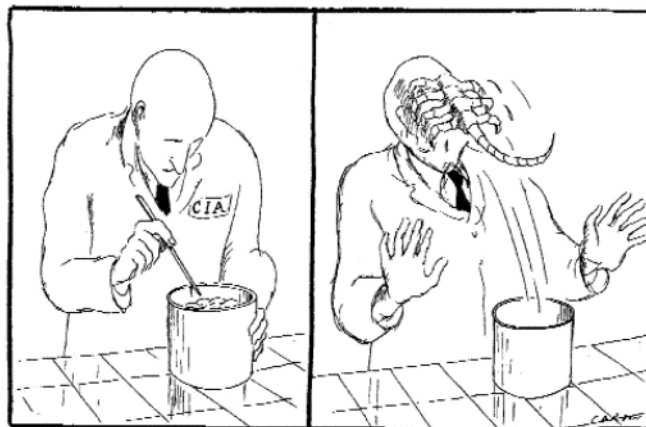
Tối thiểu, tôi còn nợ các con tôi một câu trả lời. Chưa phải cho câu hỏi, tại sao nước Mĩ bị thù ghét. Mà là câu hỏi, thế nào là một sự đồng lõa ?

Nguyễn Lộc
(California)

(1) *Combating Catastrophic Terrorism*, Ashton Carter, John Deutch, Philip Zelikov, *Foreign Affairs* (November/december 1998). A. Carter nguyên là Trợ lí Bộ trưởng Quốc phòng, Deutch giám đốc CIA, thứ trưởng Quốc phòng, P. Zelikov thành viên Hội đồng An ninh Quốc gia Hoa Kỳ.

(2) Người viết xin phép dùng mà không chuyển ngữ một số từ Anh ngữ trong bài này, vì lẽ, có những cách nói rất Mĩ mà khả năng chuyển dịch hên hạp của người viết sẽ không chuyên chở được ý nghĩa trọn vẹn.

FABRICATION D'OUSSAMA BEN ALIEN



Tranh của CARDON, báo *Le Canard Enchaîné*

Thảm hoạ New York, suy sụp của thị trường công nghệ thông tin và suy thoái kinh tế

Vũ Quang Việt

New York, 21.09.2001

Cho đến thứ sáu 21 tháng 9, một tuần sau thảm hoạ ở nước Mỹ, thị trường chứng khoán tiếp tục xuống giá, chỉ số Dow Jones giảm 7 % vào ngày mở cửa lại và tiếp tục xuống thêm 7 % nữa, chỉ còn 8 191 ; chỉ số Nasdaq là 1 421, giảm 15 %. Đây là chỉ số thấp nhất từ mùa thu năm 1998 (lúc cao nhất Dow Jones gần 12 000 và Nasdaq trên 5 000). Cổ phiếu các công ty máy bay bị xuống giá nhiều nhất, hơn 50 % vì trực tiếp bị ảnh hưởng do những ngày vừa qua không được phép bay, đưa đến việc mỗi ngày lỗ khoảng 300 triệu. Lợi nhuận các công ty bay đã xuống đáng kể trước thảm hoạ, sau thảm hoạ thị trường du lịch lại càng xuống do lo ngại an toàn, các công ty này đã tuyên bố sa thải khoảng 100.000 lao động. Rồi đến các công ty bảo hiểm. Những công ty chế tạo vũ khí quốc phòng tuy vậy lại lên giá vì cuộc chiến tranh đang sửa soạn phía trước.

Tình hình xấu cũng ảnh hưởng trực tiếp đến giá đồng đô la. So với ngày 6 tháng 8, hôm nay giá đô la Mỹ so với đồng euro đã giảm 18.6 %, từ 113.61 xuống 92 xu và giảm 5 % so với đồng yen, từ 123,84 xuống 117,32 hôm thị trường mở cửa lại. Tuy vậy, do sự can thiệp của các ngân hàng trung ương các nước phát triển, thị trường ngoại hối đã lên lại chút ít. Chiều hướng trung hạn là đồng USD tiếp tục giảm giá vì hai yếu tố xảy ra cùng một lúc : cán cân thanh toán Mỹ thiếu hụt lớn và thị trường chứng khoán Mỹ sụt giá trị, do đó số USD cung ứng trên thị trường ngày càng nhiều và nhu cầu mua USD để đầu tư vào thị trường Mỹ bị giảm mạnh.

Đối với thành phố New York, thiệt hại vật chất khoảng 5-6 tỷ, chỉ bằng 1/100 kinh tế thành phố và 1/1000 kinh tế Mỹ. WTC cũng không phải là trung tâm chứng khoán, cho nên việc mở cửa lại cũng đã diễn ra bình thường. Tài liệu điện tử buôn bán chứng khoán theo nguyên tắc bảo vệ an toàn luôn có bản sao chép được giữ ở một nơi khác. Nói chung, đối với toàn nền kinh tế Mỹ, thảm hoạ có tác dụng trực tiếp và ngắn hạn đến hoạt động của ngành du lịch, giải trí và hàng không nhưng tổng cộng lại có thể không đến 0,5 % GDP. Tuy vậy ảnh hưởng gián tiếp của nó có thể lớn hơn. Nó đánh vào tâm lý người Mỹ là thời phát triển kinh tế vàng son của Mỹ đã đến lúc chững lại và không thể phục hồi nhanh chóng. Dấu hiệu đã được phản ánh qua thị trường chứng khoán.

Để hiểu về tình hình kinh tế sắp tới, cần để ý là kinh tế Mỹ đã nhanh chóng giảm tốc trước thảm hoạ do đầu tư quá tải vào

công nghệ thông tin. Tốc độ tăng trên 4 % trong 4 năm liền đã giảm xuống 1,3 % quý một, 0,7 % quý hai và 0,2 % quý ba năm 2001. Sản xuất công nghiệp giảm liên tục 11 tháng, và tháng 8 vừa qua giảm 5 %, xây dựng nhà ở cũng giảm 6,8 %. Thất nghiệp tăng từ 3,9 % năm ngoái lên 4,9 % tháng 8 vừa qua. Số liệu thống kê đáng tin cậy hơn (số liệu này thường ra đời 2 năm sau thời điểm đã xảy ra) cho thấy tốc độ phát triển năm 2000 không phải là 5 % mà là 4 %, tốc độ tăng các năm trước cũng đều thấp hơn, năng suất lao động từ 1995-2000 không phải là 3 % mà chỉ là 2,6 %. Năng suất lao động năm 1999 là 2,3 % thay vì 2,6 % và năm 2000 là 3 % không phải 4,3 % như đã được công bố trước đây. Hào nhoáng về năng suất lao động do công nghệ thông tin (bị hiểu sai) đã bột màu sau sự ra đời của thống kê mới nhất.

Cuộc giảm tốc lần này cũng có tính toàn cầu vì ảnh hưởng đến mọi nước lớn, không như năm 1991 khi kinh tế Mỹ suy thoái, kinh tế Nhật, Âu châu và các nước Đông Á và Đông Nam Á khác vẫn tăng trưởng mạnh. Liên hiệp Châu Âu tăng 2 % vào quý một năm nay và không có tăng trưởng vào quý hai. Bi đát hơn là Nhật, gần như không tăng vào quý một và giảm 4,5 % vào quý hai. Sự giảm tốc hoặc suy thoái của các nước phát triển kéo theo giảm tốc và suy thoái ở hầu hết các nước đang phát triển trên toàn cầu vào quý hai của năm 2001. Châu Mỹ Latin thật sự suy thoái, giảm 1,5 %. Ở Á châu, Đài Loan giảm 2,4 %. Nam Hàn năm trước tăng 9,7 % quý hai chỉ còn tăng 2,7 %. Singapore giảm 0,9 %. Thái Lan và Malaysia giảm hoặc không tăng. Tình hình giảm tốc hoặc suy thoái diễn ra mạnh hơn, nhanh chóng và bất ngờ hơn so với dự báo của IMF vào tháng 5 vừa qua, trong đó họ đánh giá là Liên hiệp Châu Âu tăng 2 % và Mỹ tăng 1,5 % vào năm 2001.

Có sự khác biệt lớn này đối với các nước Đông và Đông Nam Á vì các nước này ngày càng dựa vào xuất khẩu sang thị trường Mỹ, đặc biệt là hàng liên quan đến công nghệ thông tin. Nhập khẩu của Mỹ hiện nay lên tới hơn 30 % giá trị xuất khẩu của thế giới, cho nên nước Mỹ “ cảm cúm ” thì rất nhiều nước sẽ “ sốt nặng ”. Hai quý đầu năm nay, nhập khẩu của Mỹ nói chung giảm 10 %, riêng hàng hoá giảm 13,7 %. Kéo theo nó là giảm xuất khẩu 27 % ở Đài Loan, 26 % ở Nhật, 24 % ở Singapore, 17 % ở Hàn Quốc. Riêng Malaysia và Singapore hàng công nghệ thông tin chiếm đến 59 % và 64 % tổng giá trị xuất khẩu của họ. Đối với hai nước này, phải chăng suy thoái nhanh chóng là hậu quả của chiến lược tập trung mũi nhọn vào sản xuất hàng công nghệ thông tin của ông Lý ở

Singapore và Mahathir ở Malaysia ? Bài học này cho thấy là nền kinh tế cần được đa dạng hoá, không nên tập trung vào một mũi nhọn, “ bỏ tất cả trứng vào một giỏ ”.

Khó có thể đoán chắc những gì sẽ xảy ra sắp tới, nhưng nếu chẩn đoán bệnh sau đây là chính xác thì kinh tế thế giới khó lòng phát triển mạnh trong năm nay và năm tới như IMF dự báo (họ dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng 3,9 % năm 2002, cao hơn cả năm 1999). Tuy vậy việc phát động kinh tế chiến tranh và chỉ tiêu xây dựng ở New York sẽ hà hơi tiếp sức cho kinh tế Mỹ và kinh tế thành phố New York.

Có hai căn bệnh lớn đối với nền kinh tế Mỹ hiện nay : quá hồ hởi về công nghệ thông tin và kinh tế mới đã đẩy giá thị trường chứng khoán lên quá cao và việc tiêu nhiều hơn khả năng mình có (không hẳn là hệ quả của căn bệnh số một) đã đưa Mỹ trở thành con nợ lớn nhất thế giới.

Sự hồ hởi quá đáng về cái gọi là nền kinh tế mới do công nghệ thông tin thúc đẩy đã đưa thị trường chứng khoán lên quá mức giá trị thực của nó. Thời gian vừa qua không ít chuyên gia trên thị trường tài chính cho rằng không còn cái gọi là suy thoái kinh tế trong nền kinh tế mới. Những đánh giá của họ nhiều phần là nhằm quảng cáo tiếp thị hơn là phân tích cố vấn khách hàng. Những cuộc điều tra mới đây trên báo chí cho thấy họ “ sách động ” khẩu hiệu này rất tài tình, một phần là để tăng dịch vụ bán cổ phiếu, nhưng quan trọng hơn nữa là các dịch vụ phí khổng lồ nhận được khi họ đỡ đầu tung ra thị trường các công ty dot.com. Họ vừa làm người phân tích công ty hướng dẫn người mua cổ phiếu vừa làm người đỡ đầu phát hành cổ phiếu, một hình thức ta gọi là “ vừa đá bóng vừa thổi còi ”. Đã có dư luận đòi hỏi cải tổ nguyên tắc hành nghề trên thị trường chứng khoán ở Mỹ, nhưng chưa biết là chuyện này sẽ đi đến đâu. Công ty tài chính và chuyên gia của họ lại làm cho thị trường sôi động bằng cách thay đổi cả phương pháp tính kế toán doanh nghiệp nhằm làm tăng số lợi nhuận của các công ty trên, chẳng hạn như nhiều cái thường được coi là chi phí thì bị loại ra ngoài sổ kế toán như trả lương bằng cổ phiếu, chi phí đền bù cho thôi việc, lỗ do đầu tư vào thị trường tài chính, chi phí hàng tồn kho không bán được phải loại bỏ, để trình làng lợi nhuận trong khi thực chất là lỗ (cái này gọi là phương pháp kế toán pro forma, không được SEC / Ủy ban Kiểm tra Thị trường Chứng khoán ở Mỹ cho phép nhưng họ vẫn làm vì chỉ là để đưa ra báo chí và người mua cổ phiếu chứ không để nộp chính thức cho SEC và sở thuế nên không bị đặt dưới sự chi phối của pháp luật). Theo báo *Wall Street Journal* số ngày 21/8/01, hiện tượng này chỉ ra đời khoảng 5 năm qua cùng với hiện tượng ra đời hàng loạt các công ty dot.com. Ngay ngày hôm sau khi bài viết trên xuất hiện, SEC của Mỹ phản ứng là họ đã khuyến cáo thị trường nhưng theo luật họ không có quyền cấm đoán trò kế toán này. (Thật ra trò kế toán này là loại kế toán phân tích nhằm loại trừ những hiện tượng tiêu cực nhất thời để phân tích khả năng phát triển dài hạn, nhưng đã bị lạm dụng). Lợi nhuận danh nghĩa của doanh nghiệp Mỹ giảm khoảng 6 % năm 2000. Theo một vài chuyên gia, nếu chi phí được tính đủ theo phương pháp kế toán thông thường thì chỉ số giá chứng khoán trên lợi nhuận (P/E) đang trên *Wall Street Journal* sẽ là 36,7 thay vì 22,2, cao hơn nhiều so với quá khứ là khoảng 15. Như vậy, việc xuống giá trên thị trường chứng khoán hiện nay là tất nhiên và là quá trình đưa

về giá trị thực của nó. Công nghệ thông tin sẽ ngày càng tăng ảnh hưởng trong nền kinh tế, nhưng ảnh hưởng sâu rộng đến đầu còn là dấu hỏi và cần thời gian để phát huy tác dụng.

Sự suy sụp của thị trường chứng khoán đã làm suy giảm nguồn vốn từ cổ đông, phá sản rất nhiều công ty không có khả năng làm lời trong thời gian vừa qua cũng như sắp tới. Tình hình này đưa đến giảm đầu tư, đặc biệt là vào hàng công nghệ thông tin. Suốt 5 năm, từ 1995, hàng công nghệ thông tin (máy tính, phần mềm...) tăng nhanh chiếm tới 30 % giá trị đầu tư ở Mỹ, với tốc độ tăng hàng năm 13-14 %. Hơn 1,0 % tốc độ tăng GDP (4 %) có thể giải thích là do việc tăng mua hàng công nghệ thông tin này. Thị trường chứng khoán đã đẩy nhanh đầu tư vào công nghệ mới với hy vọng tăng năng suất và lợi nhuận. Tuy vậy như tôi đã trình bày nhiều lần trước đây trên tờ báo này là việc đầu tư rất lớn này đã không mang đến tăng năng suất đáng kể. Và việc phải đến đã đến, nền kinh tế Mỹ cần sự điều chỉnh để trở lại bình thường. Đầu tư vào công nghệ thông tin giảm hẳn xuống.

Hơn nữa do trong thị trường nội địa tín dụng và nguồn tài chính cho vay sẽ không tăng nhiều vì mức độ rủi ro trên thị trường hiện nay là cao. Nợ doanh nghiệp tăng thêm 437 tỷ năm 2000 (trong đó 251 tỷ là qua thị trường chứng khoán), gấp đôi năm 1995 và hiện nay bằng 85 % GDP, tỷ số cao nhất từ trước đến nay. Khả năng tạo tài chính trên thị trường chứng khoán đã giảm hẳn, 6 tháng đầu năm chỉ có 83 tỷ và đang tiếp tục không tăng đáng kể.

Vấn đề thứ hai của kinh tế Mỹ là họ tiêu dùng vượt quá khả năng. Trước đây Mỹ là một nước xuất khẩu tư bản tài chính, nhưng từ năm 1995 thì khác hẳn, nó đã trở thành nước vay mượn lớn nhất thế giới, và đây là lần đầu tiên xảy ra đối với nước Mỹ. Cán cân thanh toán đã vượt quá ngưỡng báo động - 3 % GDP vào năm 1998. Nó lên tới -4,5 % năm 2000, khoảng 460 tỷ USD và con số này chưa thấy suy giảm đáng kể vào năm 2001. Tỷ lệ để dành của hộ gia đình Mỹ hiện nay gần như số không. Có vài lý do để Mỹ có thể thu hút tài chính trên thế giới : thứ nhất là tốc độ phát triển kinh tế Mỹ cao nhất trong các nước phát triển trong nhiều năm qua, thứ hai là thị trường chứng khoán lên giá lại càng có sức thu hút tư bản khắp thế giới và thứ ba là lãi suất trên thị trường Mỹ cũng cao hơn ở Nhật và châu Âu. Sức thu hút của thị trường Mỹ làm giá trị đồng đô la tăng 30 % trong 5 năm qua. Do đó, một cách tương đối, hàng Mỹ mất đi tính cạnh tranh, đưa đến nhập nhiều hơn xuất, tuy hại cho Mỹ nhưng lại lợi cho thế giới. Tình hình thiếu hụt cán cân thanh toán như hiện nay không thể tiếp tục và giá đồng đô la đã bắt đầu chuyển hướng, tất nhiên sẽ gây khó khăn lớn cho kinh tế những nước dựa vào xuất khẩu sang Mỹ. Đồng USD sẽ tiếp tục xuống giá. Hàng Mỹ sẽ có khả năng cạnh tranh hơn, đây là phản ứng phù hợp của thị trường nhằm giải quyết việc mất quân bình quá lớn trên thị trường ngoại thương.

Kinh tế Mỹ suy yếu nhưng về mặt kỹ thuật thì chưa suy thoái (cần có tốc độ tăng GDP âm hai quý liên tiếp để được coi là suy thoái) một phần vì tiêu dùng của dân chúng vẫn tiếp tục tăng, đặc biệt là đầu tư vào nhà cửa khi Cục Dự trữ Liên bang giảm lãi suất. Nhưng với thị trường chứng khoán giảm, thất nghiệp tăng, chi tiêu cho việc mua nhà ở cũng đã giảm và tâm lý lo ngại sau thảm họa New York, khả năng tiêu dùng của dân

chúng có thể giảm hoặc không tăng mạnh trong thời gian sắp tới, kinh tế Mỹ khó tránh suy thoái trong quý 4 này.

Như đã nói kinh tế Mỹ sẽ được tiếp sức bởi hoạt động kỹ nghệ chiến tranh cũng như việc giảm thuế thu nhập vừa qua của chính quyền Bush, nhưng khả năng tăng đầu tư mạnh của doanh nghiệp chưa thấy, nhất là trước tình hình đầu tư lớn đặc biệt là vào công nghệ thông tin trong 5 năm qua đã tạo nên dư thừa công suất.

Đối với các nước khác, nếu đồng USD tiếp tục giảm giá (và đây chắc là điều khó tránh khỏi) thì các nước dựa vào thị trường Mỹ sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong thời gian tới cho đến khi kinh tế Mỹ bắt đầu phát triển mạnh trở lại, nhưng cũng khó lòng đạt được tốc độ mạnh như trong 5 năm qua.

Lại một lần nữa, kinh tế Trung Quốc chứng tỏ là họ không bị ảnh hưởng lớn bởi tình hình suy thoái trên thế giới, một phần là thị trường nội địa lớn, một phần là xuất khẩu của họ đa dạng. Điểm mạnh này càng tăng thêm sức hút đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc và giảm tính thu hút của khối ASEAN. Từ sau khủng hoảng 1997, Trung Quốc đã chuyển chiều đầu tư nước ngoài vào khu vực. Trước đây họ thu hút 30 % còn ASEAN thu hút 70 % đầu tư nước ngoài. Hiện nay thì ngược lại, họ thu hút 70 %, các nước ASEAN thu hút 30 %, mỗi năm họ đạt khoảng trên 40 tỷ USD. Trung Quốc vẫn giữ hối suất của họ ổn định từ 1997, nhưng khi họ thay đổi nếu như xuất khẩu không tăng mạnh thì cả khu vực Đông Nam Á sẽ gặp thêm khó khăn, đặc biệt là Việt Nam vì giá trị đồng Việt Nam vẫn đang lên giá so với đồng tiền các nước chung quanh.

Bush từ ngày nhận chức đã đẩy mạnh hướng cô lập của nước Mỹ, rút ra khỏi việc tham gia nhiều hiệp định thế giới, từ bỏ đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề có tính cách toàn cầu (bảo vệ môi trường, toà án quốc tế về tội ác diệt chủng...) nếu như thấy rằng bản thân có thể bị động chạm, tự tin rằng nền “kinh tế mới” sẽ phát triển mạnh, ngân sách do đó dư thừa và nhiệm vụ của nhà nước Mỹ là chia của lại cho người giàu bằng cách giảm thuế, giảm bớt các chính sách xã hội, xây dựng công nghệ chiến tranh kỹ thuật cao để bảo vệ lấy mình, theo cách xây tường chống trộm và quên đi thế giới chung quanh. Nhưng chỉ một hai tháng sau, nền kinh tế đi vào đường suy thoái, dự báo dư thừa ngân sách suốt mười năm tới bỗng chốc bay mất. Và nước Mỹ bị tấn công phá hoại chưa từng thấy bằng những cảm tử quân của một cuộc thánh chiến, một kỹ thuật chiến tranh cực kỳ lạc hậu. Người Mỹ hiện nay chỉ bàn đến chiến tranh tiêu diệt hệ thống tổ chức phá hoại và gần như không đả động gì đến nguyên nhân đã đưa đến việc những con người trong không ít xã hội hiện nay trên thế giới đi tìm niềm tin trong tôn giáo quá khích để tự khẳng định mình, hy vọng xây dựng công lý trong một quốc gia trên nền tảng tôn giáo và phá huỷ một hệ thống mà họ coi là đầu não của việc mất công lý. Lịch sử không chấm dứt như Fukuyama tiên đoán khi chủ nghĩa cộng sản phá sản trước sự thành công của chủ nghĩa tân tự do. Vấn đề cơ bản của lịch sử chưa được giải quyết vẫn là vấn đề công lý và phân phối lợi tức trong phát triển không phải chỉ trong một nước mà trên toàn thế giới. Nó là vấn đề của mọi tầng lớp, đặc biệt là tầng lớp dưới của mọi xã hội.

Vũ Quang Việt

Thánh Chiến (tiếp theo trang 7)

nhịp với mạch của thế giới. Khi hai mạch cùng đập với nhau, họ được mang ơn. Có khi ngược lại, và họ đem tai họa. Đó là vinh quang và thảm nhục của một đại cường quốc.

Lần này, nhịp tim của thế giới đạo đức và nhịp tim của nước Mỹ cũng đập chung một nhịp trước một biến cố rùng rợn và bi thương. Nhưng thế giới chính trị không phản ứng giống nhau với phản ứng của nước Mỹ. Phản ứng đầu tiên của thế giới chính trị là vụt nghĩ đến chính sách của nước Mỹ ở Palestine, ở Irak. Phản ứng đầu tiên của nước Mỹ là vụt nghĩ đến Trần Châu Cảng. Điều này có lẽ cũng tất nhiên thôi, vì nạn nhân có quyền phản ứng khác. Nhưng chính phản ứng đầu tiên này ảnh hưởng đậm đà trên cách nhìn thiện ác : thiện ác của nước Mỹ bây giờ trộn lẫn với lòng tự ái dân tộc bị thách thức cực điểm. Đó có thể là nguy cơ đạo đức của nước Mỹ và cũng là lo lắng của thế giới. Bởi vì ai cũng biết nước Mỹ đã phản ứng thế nào trong kinh nghiệm thách thức đầu tiên. Và chính vì vậy mà vấn đề phương tiện đó được nêu lên ở bài này như là một tiêu chuẩn của đạo đức.

Trần Châu Cảng. Chưa ai dám tấn công nước Mỹ. Thách thức ghê gớm đó đã mở đầu chiến tranh Thái Bình Dương. Và chiến tranh đã kết thúc với hai trái bom nguyên tử. Ngày nay, sau hơn năm mươi năm, trí thức Mỹ vẫn đặt câu hỏi : tại sao hai trái, thả cách nhau ba ngày ? Một trái chưa đủ để đè nặng trên lương tâm hay sao ? Và quả thật có cần phải dùng đến bom nguyên tử chăng ? Trong tương quan lực lượng quân sự lúc đó, phải chăng Nhật đã kiệt quệ rồi, và nếu quân phiệt Nhật chưa chịu thua là vì họ chưa nhận được một đảm bảo gì về số phận của Thiên Hoàng mà người Nhật xem là thiêng liêng ? Nhiều trí thức xét lại Mỹ còn tự hỏi : đồ tể nazi đâu có nhẹ tội gì hơn quân phiệt Nhật, tại sao bản án của Nuremberg không nghiêm khắc bằng bản án Tokyo ? 7 tử hình, 17 chung thân, hàng ngàn sĩ quan bị kết án... nhưng thôi, đây chỉ là chi tiết. Điều mà tôi muốn nói ở đây là thế này : đây là lần thứ hai nước Mỹ bị tấn công và tấn công vào thường dân vô tội ; hận thù có cơ sở như thế có đưa phản ứng đến mức phi lý không ?

Tôi chống khủng bố là vì vậy : là vì khủng bố đã chấp lại làm một nửa này với nửa nước Mỹ thân yêu kia của tôi trong thánh chiến. Xin nhân loại hãy giã từ trung cổ : thánh chiến là mô chôn đạo đức. . .

Cao Huy Thuần

Chú Thích :

- (1) Tôi muốn nói “société conformiste”.
- (2) và (3) Harold Nicolson, *Peace Making*, 1919, trong : Theodore P. Green (ed.) *Wilson at Versailles*, Boston, D. C, Heath & Company, 1957, trang 38. Tôi dịch chữ “thiện” từ nguyên văn “*Righteousness*”.
- (4) (5) và (6) Richard W. Van Alstyne, Woodrow Wilson and the Idea of the Nation-State, *International Affairs*, Vol. 37, n° 3, juillet 1961.
- (7) Louis Hartz, *The Liberal Tradition in America*, New York, Harcourt, Brace & World Inc. 1955, trang 293.
- (8) Carl J. Friedrich et al., *Problems of the American Public Service*, New York, 1935, trang 12.
- (9) J. Carter, Diễn văn nhậm chức tổng thống. Câu nói của Kennedy quá quen thuộc, sách nào cũng có.
- (10) Trích trong J.J. Chevallier, *Les grandes oeuvres politiques de Machiavel à nos jours*, Armand Colin, 1996, trang 170.

TIN TỨC

Vụ khủng bố ngày 11 tháng 9 tại Mỹ ảnh hưởng thế nào vào kinh tế Việt Nam ?

Như những nơi khác trên thế giới, người ta chờ đợi kinh tế Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của vụ tấn công khủng bố vừa qua tại Mỹ, tất nhiên là tùy theo khu vực hoạt động.

Thị trường ngoại tệ, vàng và đá quý xao động nhẹ, theo Thông tấn xã Việt Nam thì người ta không đổ xô đi bán đô la để mua vàng hoặc một ngoại tệ khác như chờ đợi, giá đô la sụt nhẹ, từ 15 020 - 15 040 xuống 14 990 còn vàng từ 4,86 - 4,96 triệu đồng một lượng lên 4,94 - 5,04 (giá ngày 14.9.2001). TTXVN giải thích, trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Mỹ còn ở mức thấp, và cho rằng xáo trộn sẽ không kéo dài.

Tuy nhiên ở từng khâu của ngành xuất nhập cảng, sự xáo trộn ở mức độ khác nhau bắt buộc những người có trách nhiệm phải suy nghĩ lại chiến lược của ngành mình.

Khâu may dệt bị chững lại, một số công ty ký được hợp đồng xuất khẩu rồi, thậm chí có công ty đã triển khai được gần nửa hợp đồng nhưng phải dừng lại, chưa biết bao giờ mới tiếp tục được, trong khi nguyên phụ liệu đã được đặt hoặc mua và hiện nằm trong kho, vốn bị chôn chân mà phải trả lãi ngân hàng. Theo ông Vũ Đức Thịnh, phó tổng giám đốc tổng công ty Dệt may Việt Nam thì các doanh nghiệp may mặc có quy mô nhỏ, nhất là doanh nghiệp ở các tỉnh, hiện tại hầu như không có việc làm. Ông công nhận khó khăn của các doanh nghiệp may dệt không phải chỉ do tình hình hiện nay của Mỹ, nhưng sự kiện 11 tháng 9 đã tăng phần khó khăn đó, và ông kết luận ngành phải tranh thủ tổ chức lại sản xuất, cơ chế điều hành xuất nhập khẩu.

Công nghệ thực phẩm ăn liền thì ngược lại tăng thị trường. Hiện tượng cũng dễ hiểu. Người tiêu dùng thường đề phòng bất trắc bằng cách dự trữ những loại thực phẩm ăn liền. Các thị trường xuất khẩu chính như Đông Âu, châu Á, Bắc Mỹ không những vẫn đứng vững mà có chiều gia tăng. Đã có những khách hàng thăm dò để tiến tới đặt hàng số lượng nhiều hơn trong những tháng tới. Ông Nguyễn Văn Bền, giám đốc điều hành công ty Kỹ nghệ Thực phẩm Việt Nam (Vifon) cho đây là một cơ hội đặc biệt đối với ngành nên phải tiếp tục chương trình đầu tư chiều sâu với những công nghệ sản xuất tiên tiến của Nhật, để nâng cao chất lượng sản phẩm, chuẩn bị lực lượng lao động tổ chức sản xuất để đáp ứng yêu cầu mới bảo đảm phẩm, lượng và thời hạn giao hàng. Vifon hy vọng nhanh chóng có mặt tại thị trường Mỹ, trước mắt tập trung vào các vùng đông người Việt sinh sống.

Một số công ty chuyên xuất nhập bị khó khăn vì vốn bị giam quá to, Công ty xuất nhập khẩu IMEXCO đã đạt kim

ngạch xuất khẩu 11,88 triệu USD tính đến đầu tháng 9-2001, trong đó kim ngạch xuất của riêng thị trường Mỹ mới thực hiện được trên 380 000 USD trong số 1 triệu USD được ký. Sau sự kiện 11-9 vừa qua, 30 container hàng thủ công nghệ trị giá 245 000 USD phải nằm chờ kho vì phía khách hàng xin dời ngày nhận, đến cuối tháng 9 này một đợt hàng khác trị giá 150 000 USD cũng sẽ phải nằm kho chờ, vốn công ty 6 tỷ đồng vay ngân hàng chịu kẹt nhưng phải trả phần lãi suất phát sinh. Ông Dương Kỳ Hiếu, giám đốc công ty cho biết IMEXCO sẽ khó bảo đảm tốc độ phát triển trong năm 2001.

Ông Đỗ Văn Minh, quyền giám đốc công ty kinh doanh thủy hải sản TPHCM (APT) cho biết từ khi có vụ khủng bố xảy ra trên đất Mỹ, sản phẩm của APT vẫn tiếp tục được xuất, nhưng thủ tục nhập cảng chậm và phiền hà hơn. Mới đây, những chuyến tàu cập cảng Long Beach đã chuyển hàng đi chậm hơn trước từ 4 đến 7 ngày. Từ đầu năm 2001 đến nay, công ty đã xuất sang thị trường Mỹ gần 2 triệu USD hàng thủy hải sản chế biến các loại và từ nay đến cuối năm, còn xuất khoảng 1 triệu USD giá trị hàng hoá nữa. Nhưng, khách hàng còn đang thăm dò nghe ngóng tình hình, ông Minh kết luận, phía sản xuất cũng phải thăm dò những thị trường mới khác. (Tân Hoa Xã 14.9.2001 và Sài Gòn Giải Phóng 24.9.2001)

Lũ lụt tại đồng bằng sông Cửu Long

Thiên tai lũ lụt ở nam bộ vẫn kéo dài.

Tin giờ chót ngày 27-9 của hãng AFP cho biết, cho đến chiều ngày thứ năm 27-9, đã có 166 người chết, trong đó có 142 trẻ em (Năm ngoái số tử vong do lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là 407 người). Ngày 21.9, Quỹ nhi đồng Liên hiệp quốc (Unicef) đã ra lời kêu gọi quốc tế giúp đỡ khẩn cấp 392 000 đôla để hỗ trợ các nạn nhân bị lụt, đặc biệt để bảo vệ mạng sống và sức khoẻ của trẻ em trong vùng bị nạn.

Về thiệt hại vật chất, cho đến ngày 23.9.2001, tại đồng bằng sông Cửu Long (ĐBCL) có 57% số xã, phường chìm trong lũ, 224 481 nhà dân bị ngập hoặc hư, 141 786 hộ cần cứu trợ lương thực. Tổng thiệt hại tính đến ngày 23.9 lên tới hơn 480,8 tỉ đồng.

Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ cho biết mực nước ở các điểm gần biên giới Campuchia vẫn ở mức cao, cao hơn gần 1m so với mức báo động III. Đối với các huyện thị phía nam của các tỉnh đầu nguồn lũ, mực nước sẽ xuống chậm theo triều trong 5 ngày tới, sau đó lên lại theo kỳ triều cường rằm tháng 8 âm lịch và đạt đỉnh lớn nhất vào ngày 5-6.10.

Các tỉnh bị nặng nhất là An Giang, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang và Cần Thơ. Đồng Tháp có 116/139 xã, phường bị ngập. Ở An Giang, chỉ còn lại 21 xã nằm trong khu đê bao không bị ngập trong tổng số 140 xã, phường trên địa bàn tỉnh...

Mỹ : Hạ viện thông qua thương ước và “ luật nhân quyền Việt Nam ”

Như đã được dự đoán, ngày 6.9 hạ viện Mỹ đã thông qua không mấy khó khăn hiệp định thương mại song phương Mỹ-Việt. Hơn thế nữa, một cuộc bầu bằng vỗ tay hoan nghênh, không có người chống đối. Thực ra, những nghị sĩ chống đối VN đã hoàn toàn thoả mãn vài phút trước với một đạo “ luật

nhân quyền Việt Nam ” cũng được thông qua gần như với số phiếu tuyệt đối (410/1). Đạo luật này cột những viện trợ ngoài viện trợ nhân đạo cho Việt Nam với “ những tiến bộ ” về quyền con người ở Việt Nam, và đòi chính phủ Mỹ hỗ trợ cho những tổ chức “ hoạt động vì tự do và dân chủ ” ở VN, đòi VN ngừng gây nhiễu cho đài phát thanh “ Châu Á tự do ”...

Đạo luật không ngăn cản những trao đổi thương mại với VN. Ngoài ra còn có điều khoản cho phép tổng thống vẫn viện trợ cho VN khi thấy điều đó phục vụ lợi ích của Mỹ. Tuy vậy, phản ứng của Hà Nội cho thấy đạo luật đã chạm đúng nọc độc với đảng CSVN. Ngay hôm sau, tiểu ban đối ngoại của quốc hội và bộ ngoại giao lên tiếng phản đối. Báo Nhân Dân và các báo khác đều bình luận trong cùng một hướng. Đó là những phản ứng bình thường. Và hợp lý. Chẳng thể chấp nhận cái ngạo ngược của anh Yankee tự cho mình cái quyền phán xử người khác về đạo lý. Cái không bình thường là từ hôm ấy đến nay, chính quyền VN đã dấy lên cả một phong trào, triệu tập hàng trăm buổi họp, mít tinh khắp nước, buộc mọi thành phần nhân dân tham gia, để lên án cái “ đạo luật nhân quyền ” ấy. Làm như, tổ chức những mít tinh khắp nước ấy là minh chứng cho sự “ đoàn kết nhất trí ” của nhân dân VN, làm cho các chính khách ở Hoa Thịnh Đốn phải “ ngán ” mà lui bước (!). Chưa kể, do tình hình đột biến của vụ khủng bố ngày 11.9, không hiểu một người Mỹ bình thường nghĩ sao khi suốt ngày phải nghe rai rả một luận cứ về một vấn đề đã hoàn toàn ra khỏi quan tâm trước mắt của họ (cho tới khi số báo này lên khuôn, suốt hơn 3 tuần, báo Nhân Dân điện tử vẫn mỗi ngày dành chỗ cho các mít tinh nói trên, và rất ít chỗ cho các tin tức và phân tích tình hình về hậu quả của vụ khủng bố).

Có phải là đã bắt đầu cảm thấy điều bất ổn đó mà ông Nguyễn Dy Niên, bộ trưởng ngoại giao, cuối cùng cũng đã lên tiếng, trong một cuộc gặp các nhà báo ở Hà Nội ngày 28.9, khẳng định rằng việc HN sẽ thông qua hiệp định thương mại là một việc độc lập với đạo luật nhân quyền. Cùng ngày, ông Vũ Khoan, bộ trưởng thương mại, cũng công nhận trước các nhà báo là người Mỹ đang quan tâm về các vấn đề khác, do đó ông chờ đợi là việc thông qua thương ước sẽ không được ưu tiên trong lịch làm việc của thượng viện Mỹ.

SEA Games 21

Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 21 đã kết thúc ngày 18.9.2001. Xếp theo thứ tự huy chương vàng thì Việt Nam đứng hạng 4 trong số 10 nước tham dự với 132 huy chương trong đó có 33 huy chương vàng (hơi dưới chỉ tiêu 36 HCV đặt ra trước khi đi), sau Malaysia (271 huy chương, 111 vàng), Thái Lan (278 huy chương, 103 vàng) và Indonesia (226 và 72). Nếu xếp theo tổng số huy chương thì VN thụt xuống hạng 5, sau 3 nước trên và Philippines (163 huy chương nhưng chỉ có 30 vàng).

Như chờ đợi, các bộ môn võ thuật (19 HCV) và bắn súng (6 HCV) đã mang lại nhiều huy chương nhất cho VN. Tuy nhiên, người ta cũng ghi nhận những thành tích về điền kinh nữ, với 3 HCV của Phạm Đình Khánh Đoan (vô địch chạy 800m nữ với thành tích 2'10"2 và 1500m với 4'21"87) và Phan Thị Thu Lan (vô địch nhảy xa nữ với thành tích 6,46m). Ngoài ra, phải kể huy chương vàng về bóng đá nữ, trong khi

đội tuyển bóng đá nam đã bị loại không được vào vòng cuối. Thành tích ngược này đã có ngay hậu quả hai tuần sau khi vận động hội chấm dứt : huấn luyện viên của đội tuyển, ông Dido, người Brasil, đã bị buộc phải từ chức. Ông Dido là người huấn luyện viên nước ngoài thứ 5 của đội tuyển bóng đá nam VN kể từ năm 1995.

Tai biến thủy triều đen tại Vũng Tàu

Nửa đêm ngày 7.9.2001 tàu chở dầu Formosa One (quốc tịch Liberia), đã đâm vào sườn tàu chở dầu Petrolimex 01 chở 25 nghìn tấn dầu đang neo ở bến B13 Gành Rái Vũng Tàu.

Đây là những tàu cỡ lớn, tàu Formosa One dài 167,17 m rộng 27,8 và tàu Petrolimex 01 dài 157 m rộng 22,36 m.

Vết thủng do mũi ‘lê’ ngầm của tàu Formosa One gây ra rộng 5,8 m và ở sâu dưới mực nước làm hàng ngàn tấn dầu của tàu Petrolimex 01 thoát ra ngoài. Một vết dầu lớn đã loàn trên vùng biển vùng tàu sau sự cố, và đã vào đến bờ biển. Sở Khoa học Môi trường lấy quyết định không cho phép phun chất hoá học để tẩy dầu, nhân dân địa phương đã được huy động dùng những phương pháp thủ công để thu hồi dầu.

Tại Bãi Trước, hơi dầu đã gây khó chịu cho toàn khu vực. Vết dầu tiếp tục loàn và hoà vào cát và nước cho nên đến hết ngày 8.9.2001, công việc cứu chữa phải ngừng vì không đạt hiệu quả.

Công ty Vitaco, chủ tàu Petrolimex 01 đã có đơn khởi kiện công ty Formosa Plastic Marine đòi bồi thường cho Vitaco 1,65 triệu USD. Ngày 17-9, Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được sự ủy quyền của UBND tỉnh cũng đã nộp đơn khởi kiện tại tòa án nhân dân tỉnh đối với Vitaco và Công ty Formosa Plastic Marine đòi bồi thường 17,2 triệu USD do sự cố hai công ty gây ô nhiễm cho tỉnh. (tin các báo Lao Động và Nhân Dân điện tử).

Mỏ dầu Bạch Hổ sắp cạn

Theo tin từ xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt-Xô, mỏ dầu Bạch Hổ đã đạt công suất khai thác tối đa. Bạch Hổ là mỏ dầu lớn nhất Việt Nam hiện nay. Hiện mỗi ngày VietsovPetro khai thác được từ mỏ này 38 000 tấn dầu thô, chiếm 80% sản lượng dầu thô của VN. Các chuyên gia dầu khí của Tổng công ty dầu khí VN (PetroVietnam) cho biết, sản lượng khai thác của mỏ dầu Bạch Hổ sẽ được duy trì ở mức hiện nay cho đến năm 2005 và sau đó sẽ giảm đi nhanh.

Dầu thô là nguồn thu lớn nhất của ngân sách VN hiện nay.

Mỏ dầu Bạch Hổ có trữ lượng khoảng 300 triệu tấn và được khai thác thương mại từ giữa năm 1986. Vào tháng 3-2001, Vietsovpetro đã làm lễ đón mừng tấn dầu thứ 100 triệu khai thác được.

Từ năm 1990 đến nay, VN đã phát hiện và đưa vào khai thác thêm các mỏ dầu Đại Hùng, Rạng Đông, Hồng Ngọc. Các mỏ này đều có trữ lượng nhỏ. Tháng trước, PetroVietnam và các đối tác nước ngoài đã công bố phát hiện thêm mỏ dầu Sư Tử Đen. Đây là mỏ lớn nhất trong số các mỏ mới phát hiện sau này, có trữ lượng 100 triệu tấn, chỉ bằng một phần ba mỏ Bạch Hổ (theo Tấn Đức, báo Kinh tế Sài Gòn ngày 6.9.2001).

Mặc dầu vậy, chính phủ vừa chính thức phê duyệt địa điểm

xây dựng Nhà máy lọc dầu số 2 tại Nghi Sơn (Thanh Hóa), với tổng mặt bằng khoảng 200ha, với tổng vốn đầu tư xây dựng khoảng hai tỷ USD.

Một số dự án đầu tư bị đóng băng ở TP HCM

Khởi công xây dựng ngày 16-5-1996, gần một năm rưỡi sau, vào cuối tháng 12-1997, khách sạn quốc tế tiêu chuẩn 5 sao Park Hyatt Sài Gòn (101 Hai Bà Trưng) của Công ty liên doanh khách sạn Grand Impérial Sài Gòn đã ngừng thi công, chủ yếu do thiếu vốn đầu tư để thực hiện các khâu còn lại của công trình. Đến nay đã qua bốn năm, công trình này vẫn nằm chờ để được xây tiếp.

Theo thống kê mới nhất của Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM, hiện có 23 dự án với tổng vốn đầu tư ước khoảng 972,948 triệu USD được xếp loại “ các dự án tạm ngưng hoạt động và sử dụng vào mục đích khác, hoặc các dự án đã giải toả, mặt bằng còn để trống ” ; 9 dự án được xếp vào diện “ dự án chưa triển khai hoạt động ” với mức vốn đầu tư khoảng 316,274 triệu USD, và cuối cùng là 2 dự án “ đang xây dựng, phải đình hoãn ” có mức vốn đầu tư 583.196.371 USD. Trong buổi gặp các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại TP. HCM được tổ chức trung tuần tháng 8 vừa qua, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch & Đầu tư Vũ Huy Hoàng cho biết bộ sẽ phối hợp với Sở KH & ĐT TP. HCM rà soát lại các dự án đầu tư nước ngoài đang bị đóng băng trên địa bàn TP, nhằm giải quyết dứt điểm trong năm nay. (TT, 28-8-01)

Một cây đàn vĩ cầm nhiều triển vọng

Nguyễn Hữu Nguyên, sinh năm 1972, du học âm nhạc (đàn violon) tại Pháp năm 1991, vừa cùng tứ tấu Impresa đoạt giải nhất cuộc thi nhạc thính phòng quốc tế FNAPEC được tổ chức tại Paris, hồi tháng 4-2001. Năm 1998, anh được tuyển chọn vào ban nhạc quốc gia của Pháp (Orchestre National de France) và năm 1999 được coi là thành viên chính thức của ban nhạc này. Hiện nay anh đang học thêm về hoà tấu với tứ tấu Ysaie, và chuẩn bị để tham gia cuộc thi nhạc thính phòng ở Evian. Nếu có điều kiện, anh sẽ tham gia cuộc thi quốc tế Marguerite Long-Jacques Thibaud vào tháng 11-2002. Đầu tháng 9-01 vừa qua, Nguyễn Hữu Nguyên đã về biểu diễn ở nhạc viên TP. HCM cùng với Lê Hồ Hải (piano). Chương trình gồm có các bản Symphonie Espagnole, op. 21 của E. Lalo, Sonate pour violon et piano en La maj. của César Franck, và Introduction et rondo capriccioso, op.28 của Camille Saint-Saens. (TTCN, 26-8-01)

Xây dựng văn miếu Trấn Biên

Nằm trên một vùng đất cao ráo, hội tụ phong thủy, công trình văn miếu được xây dựng trong phạm vi 20.000m², với hệ thống hồ phía trước (minh đường), xa hơn nữa là sông Đồng Nai, tiếp nối có có núi Châu Thới án ngữ. Núi Long Ẩn và núi Bửu Long phía sau (Thanh long, Bạch hổ). Văn miếu Trấn Biên là một trong những công trình xây dựng chào mừng 300 năm Biên Hoà - Đồng Nai và cũng là công trình chào thế kỷ mới, được khởi công từ tháng 9-2000 và được chia làm nhiều giai đoạn thực hiện. Từ ngoài tỉnh lộ 24, cách không xa khu du lịch Bửu Long, theo một con đường uốn khúc rẽ vào

khoảng 200m, thấp thoáng sau những rặng tre xanh mướt, ngay từ bây giờ đã có thể nhìn thấy những mái cong lợp ngói âm dương, những nhà thờ, nhà bia, tam quan, v.v. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức (bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, xuất bản năm 1972) ghi rõ : “ Văn miếu (Trấn Biên) ở địa phận thôn Bình Thành và thôn Tân Lại, huyện Phước Chánh, cách phía tây trấn 2 dặm rưỡi. Đồi vua Hiến Tông, năm Ất Vị thứ 25 (1715), trấn thủ dinh Trấn Biên là Nguyễn Phan Long, ký lục Phạm Khánh Đức lựa chỗ đất dựng lên ban đầu, phía nam hướng đến sông Phước, phía bắc dựa theo núi rừng, núi sông thanh tú, cỏ cây tươi tốt...”. Toàn bộ công trình dự kiến xây dựng khoảng 5 tỉ đồng. Giai đoạn 2 sẽ mở rộng thêm qui mô khoảng 60.000m² và sẽ xây thêm các phòng thư khố, văn vật khố, sân khấu, câu lạc bộ dạy Hán Nôm, thư pháp, ca cổ, v.v. Văn miếu Trấn Biên với kiến trúc cổ kính, cảnh quan đẹp, gắn với khu du lịch Bửu Long nên rất có điều kiện để thu hút du khách đến bằng nhiều sinh hoạt : thăm viếng, nghỉ ngơi, sinh hoạt văn hoá, xem biểu diễn nghệ thuật, du thuyền trên hồ... (TTCN, 2-9-01)

Bia đá khắc thơ của vua Thiệu Trị

Vừa qua tổ bảo vệ lăng Minh Mạng thuộc Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế đã phát hiện một tấm bia đá lớn có khắc chữ Hán tại thôn La Khê Bãi, xã Hương Thọ, huyện Hương Trà, cách lăng Minh Mạng khoảng 500m. Một nhóm cán bộ nghiên cứu của Trung tâm đã lập tức lên khảo sát, nghiên cứu tấm bia này. Kết quả thật bất ngờ : đây chính là tấm bia khắc bài *Trạch nguyên tao lộc* (Săn nai đầu nguồn), bài thơ vịnh cảnh thứ 15 trong 20 thắng cảnh đất thần kinh của vua Thiệu Trị. Tấm bia đá quý giá này vẫn còn nguyên vẹn cả phần thân và phần bệ. Toàn bộ bài thơ chữ Hán *Trạch nguyên tao lộc* cùng dòng lạc khoản “ *Thiệu Trị tam niên nhuận thất nguyệt cát nhật* ” (dựng bia vào tháng 7 nhuận năm Thiệu Trị thứ 3 - tức năm 1843) vẫn không hề suy suyển, nét khắc sắc sảo dù trải qua 158 năm dẫu bể ! Tuy nhiên toàn bộ phần nhà che bia đã bị sụp đổ từ lâu, không để lại dấu tích. Nguyên đầu thời Thiệu Trị, mỗi lần lên thăm lăng vua Minh Mạng, vị hoàng đế thứ ba này của triều Nguyễn thường tổ chức săn bắn tại vùng đầu nguồn sông Hương. Khi ấy tại khu vực này rừng cây rậm rạp, có rất nhiều muông thú. Xem đây là một thắng cảnh của đất Huế, vua Thiệu Trị đã làm thơ và cho khắc vào bia đá để lưu danh hậu thế. Ngày nay bia đá vẫn còn, mà cảnh cũ đã mất. (TTCN, 12-8-01)

Cuộc thi tiểu thuyết 1998-2000

Hội Nhà văn Việt Nam đã tổ chức cuộc thi “ tiểu thuyết VN 1998-2000 ”, kéo dài từ 1-4-1998 đến 31-6-2000 với 238 cuốn tiểu thuyết dự thi. Trong số 56 tiểu thuyết lọt vào chung khảo, có 14 tác phẩm được chọn trao giải (3 giải chính thức, không xếp thứ tự nhất, nhì, ba và 11 tặng thưởng) trong buổi lễ diễn ra ngày 7-9 tại Hà Nội.

Cuốn tiểu thuyết lịch sử dày 850 trang **Hồ Quý Ly** của tác giả Nguyễn Xuân Khánh đã giành được số phiếu tuyệt đối của Hội đồng chung khảo (gồm chín nhà văn: Hữu Thịnh - Chủ tịch, Nguyễn Trí Huân - Phó Chủ tịch và bảy ủy viên: Ma Văn Kháng, Lê Lựu, Nguyễn Khải, Vũ Tú Nam, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Phan Hách, Cao Tiến Lê). Hội đồng chung khảo

giải thích về quyết định chọn trao giải của mình cho tác phẩm này: "*Chỉ nói những điều gì chưa nói ra và luôn luôn tìm kiếm một hình thức tự sự mới, tiểu thuyết Hồ Quý Ly tôn trọng hai điều luật quan trọng đó ... Cạnh những trang viết mang tính thông điệp lịch sử để làm nổi rõ bối cảnh, là những trang viết thành công đặc biệt, mang dấu vết cách tân hiện đại trong miêu tả quá trình tâm lý nhân vật*". Chỉ trong hơn một năm ra mắt, **Hồ Quý Ly** đã được tái bản đến lần thứ năm.

Hai tác phẩm khác được giải chính thức (không xếp thứ tự) là **Lạc rừng** của Trung Trung Đĩnh, và **Đời thường** của Phùng Khắc Bắc (đã mất).

Nhà điêu khắc Điềm Phùng Thị tặng toàn bộ tài sản nghệ thuật cho Huế

Nhà điêu khắc Điềm Phùng Thị vừa quyết định tặng hết phần tài sản còn lại cho Huế. Chuyến hàng đầu tiên đã về Huế gồm 36 nhóm tượng, tượng đơn và tranh vải với đủ các chất liệu: đá, gỗ, thạch cao, đồng, đất nung, gỗ hóa thạch, rễ cây... Trong đó có những bức tượng lớn (cao 3,5 m) như: *Văn miếu, Cây đời nở hoa, Cội nguồn hạnh phúc*. Số tượng và tranh còn gửi lại cho người đại diện của bà Điềm Phùng Thị tại Paris sẽ được hoàn tất thủ tục để đưa về Huế cuối năm nay.

Từ năm 1993, bà Điềm Phùng Thị đã mang về cho Huế một phần tài sản nghệ thuật của mình gồm 150 tượng và các sáng tác khác, đã được trưng bày tại Nhà trưng bày nghệ thuật Điềm Phùng Thị, 1 Phan Bội Châu (Huế).

Tin Ngắn

* Ngày 12-9, trong **điện chia buồn** gửi Tổng thống Hoa Kỳ G.W. Bush, Chủ tịch nước Trần Đức Lương nhân mạnh: Chính phủ và nhân dân Việt Nam rất sùng sốt trước thảm họa đã xảy ra tại Hoa Kỳ sáng 11-9-2001, bày tỏ sự chia buồn sâu sắc tới Chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ, đặc biệt là tới gia đình các nạn nhân. Việt Nam phản đối những hành động khủng bố gây chết chóc, đau thương cho dân thường.

Cùng ngày, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên cũng đã gửi điện chia buồn tới Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ C.Powell trước thảm họa này.

* Năm 2002, **sân bay Phú Bài** (Huế) sẽ được **nâng cấp** thành một phi trường quốc tế, đường băng sẽ được kéo dài lên 3.000m (hiện nay 2700m), hạ tầng cơ sở sẽ được mở rộng để đón lượng khách ước khoảng 3 triệu người trong năm.

Hiện nay, Vietnam Airlines khai thác 10 chuyến/ tuần Hà Nội - Huế và 11 chuyến/ tuần TP.Hồ Chí Minh — Huế.

* **Giá nước sinh hoạt ở Hà Nội sắp tăng**, nước dùng cho sinh hoạt các hộ dân, các khu tập thể, ký túc xá, người nước ngoài, tăng 33% (giá mới 2.000 đồng/m³); nước dùng cho sản xuất, cơ quan, bệnh viện, trường học, lực lượng vũ trang, cơ quan ngoại giao, tăng 16,7% (giá mới 3.500 đồng/m³). Dự kiến, giá nước sinh hoạt mới sẽ được UBND thành phố Hà Nội ban hành, thực hiện trong tháng 10-2001.

* **Hoàng Thanh Trang** đã gây bất ngờ lớn khi đoạt chức á quân giải cờ vua Thiên niên kỷ giữa hai đội tuyển cờ vua châu Âu và châu Á vừa kết thúc ở Georgia. Ở sáu ván đầu tiên, Trang vươn lên dẫn đầu với bốn trận thắng, hai trận hòa

được 5 điểm, nhưng ở 2 ván cuối cô đã để thua Kovalevskaya - kỳ thủ hàng đầu của Liên bang Nga 0-2 nên đành xếp thứ nhì. Đương kim vô địch Cúp thế giới 2000 - Xu Yuhua (Trung Quốc) xếp thứ nhất với 6,5 điểm.

* Ủy ban quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình **cung cấp 107 xuống dịch vụ y tế** cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện trong vùng bị ngập lũ của tỉnh Đồng Tháp. Xuống được làm bằng vật liệu composite gồm hai loại, dài 6m trang bị máy 6 CV và 8 áo phao và năm chiếc dài 9m được trang bị máy 12 CV và 15 áo phao cho các trung tâm y tế huyện.

* Chiều 24.9 tại Hà Nội, đại diện hai Chính phủ Việt Nam và **Australia** đã ký kết dự án **hỗ trợ quản lý tài nguyên nước**, với tổng vốn đầu tư gần 9 triệu USD. Dự án tập trung vào 3 lĩnh vực chính: Xây dựng năng lực của Chính phủ Việt Nam trong việc quản lý tài nguyên nước ở cấp quốc gia và khu vực; thiết lập một mạng lưới thông tin về tài nguyên nước phục vụ cho công tác nghiên cứu, khảo sát thăm dò và xây dựng cơ chế điều phối nước cho ĐBSCL; quy hoạch và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Dự án được thực hiện trong vòng 3 năm từ 2001-2003.

* Ngày 26.9.2001 chính quyền Phi Luật Tân (PLT) cho biết **quân đội Phi đã nã súng vào thuyền đánh cá** và bắt giữ 48 ngư dân **Trung Quốc** đánh cá gần quần đảo Trường Sa. Bộ ngoại giao PLT tuyên bố tàu của PLT bị bắt buộc phải nổ súng khi chiếc tàu Xiong Xiong Hai tìm cách đâm vào mình.

* Tháng 8, bước vào thời kỳ thu hoạch lúa và xả lũ để đón phù sa vào những cánh đồng, cũng là lúc cao điểm của **nghe bắt chuột đồng**. Với các hình thức như: ví cù, chất chà, đuổi lợp, rập chì, rung tràm... nhiều người bắt được hàng chục ký mỗi ngày. Mỗi ký chuột tùy lớn nhỏ, nông dân bán cho thương lái với giá từ 7.000 đến 8.000 đồng/kg.

* UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế đã chính thức phê duyệt dự án **đền bù và giải toả các hộ dân sống dọc bờ sông Hương**, khu vực Kim Long, đoạn từ cầu Giã Viên đến chùa Linh Mục, với tổng kinh phí đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng mới là 24 tỉ đồng. Theo kế hoạch, bắt đầu từ năm nay, 172 hộ gia đình và hai trụ sở cơ quan nhà nước (trạm quan trắc thủy văn và đồn công an phường Kim Long) toạ lạc khu vực này sẽ được giải toả và di dời đến các khu định cư mới.

* Công ty xuất nhập khẩu tỉnh Quảng Ninh đã đầu tư 35 tỉ đồng xây dựng hệ thống **cáp treo** với 20 cabin và công suất thiết kế vận chuyển 700 người/giờ **từ chùa Giải Oan lên chùa Hoa Hiên (Yên Tử - Quảng Ninh)**. Đoạn đường đặt cáp treo dài 1,2km và toàn bộ thiết bị công nghệ lắp đặt hệ thống cáp treo đều được nhập đồng bộ từ Pháp. Dự kiến công trình sẽ được hoàn thành trong quý 4 năm nay.

* Nhà quay phim 35 tuổi, gốc Hà Nội, **Phạm Hoàng Nam** - tay máy trẻ thuộc hàng xuất sắc nhất hiện nay - sẽ tạo hình cho bộ phim truyện nhựa *Thời Vang Bóng* của nữ đạo diễn Việt Linh. Phim sẽ quay tại Sơn Tây, Hà Nội và một vài địa điểm phía bắc trong một tháng rưỡi (từ 27-9) và sẽ làm hậu kỳ tại Pháp. Một phim truyện nhựa khác *Thời Xa Vắng* của đạo diễn Việt kiều Thụy Sĩ Hồ Quang Minh, cũng do Phạm Hoàng Nam đảm nhiệm phân hình ảnh, sẽ được quay đầu năm 2002.

Hoạt động phản đối đạo luật nhân quyền VN của Mỹ, và...

Đảng Cộng sản VN đã đẩy lên từ mấy tuần nay một đợt mít tinh trên cả nước để phản đối việc hạ viện Mỹ thông qua cái gọi là “ đạo luật nhân quyền Việt Nam ”. Hoạt động đó không ngăn cản Đảng tiếp tục những hành động đàn áp của mình. Dưới đây là một vài tin tức liên quan.

Một Phật tử tự thiêu

Đợt đàn áp, khủng bố tôn giáo trước hè (xem Diễn Đàn số 109), như một giọt nước tràn đầy, khiến một Phật tử không còn chịu nổi đã tự thiêu để phản kháng. Ông Hồ Tấn Anh, 61 tuổi, huynh trưởng đoàn thanh niên Phật tử (thuộc giáo hội Phật giáo không được nhà nước VN công nhận), đã để lại một bức thư tuyệt mệnh trước khi tưới xăng tự thiêu sáng ngày 2.9.2001 dưới chân một tượng đài trong thành phố Đà Nẵng. Hai ngày sau, chính quyền Đà Nẵng thừa nhận đã tìm thấy một tử thi người bị chết cháy nhưng, viện cớ “ trong người nạn nhân không mang giấy căn cước nào ”, đã từ chối không cho gia đình ông Anh mang xác về chôn cất, mặc dầu một người anh em của ông đã tới nhận diện người chết ở một bệnh viện thành phố.

Quyết định bắt nhân ấy không che giấu được sự kiện ông Hồ Tấn Anh tự thiêu phản đối chính quyền đàn áp giáo hội của ông, được chứng thực trong bức thư tuyệt mệnh đề là “ Thư báo tin ” có ảnh ông, đã được lưu hành ra nước ngoài. Toàn văn bức thư như sau :

Kính thưa toàn thể đồng bào.

Tôi tên là Hồ Tấn Anh, 61 tuổi, pháp danh Hạnh Minh. Hiện ở tại thôn 2 xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam. Là huynh trưởng GĐPTVN (thuộc GHPGVNTN). Lúc này là 4 giờ 30 sáng, ngày Rằm tháng 7 năm Tân Tỵ (tức là ngày 2-9-2001), tại tượng đài Mẹ Dũng sĩ (mẹ Nhu), thuộc quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

Tôi tự thiêu để :

- Phản đối Đảng Cộng sản Việt Nam đã đàn áp GHPGVNTN suốt 26 năm qua.

- Phản đối Đảng Cộng sản Việt Nam đã đàn áp giáo hội chúng tôi trong thượng tuần tháng 6 vừa qua.

- Đòi Đảng phải tôn trọng nhân quyền, dân chủ, tự do.

Mong tất cả đồng bào chúng giám.

Kính chúc bà con dồi dào sức khỏe.

Chào vĩnh biệt.

Viết lúc 3 giờ sáng ngày 2-9-2001.

(Bức thư chấm dứt bằng chữ ký, dưới nhắc lại tên “ Hạnh Minh Hồ Tấn Anh, và bên trái chữ ký có dấu lăn hai ngón tay).

Cuối tháng 9, linh mục Nguyễn Văn Lý và thượng toạ Thích Quảng Độ vẫn chưa được trả lại tự do.

Cấm lập hội chống tham nhũng

Sau hè, tới lượt những người cộng sản phản kháng đã được đảng “ chiếu cố ” khá kỹ đầu tháng 9 vừa qua. Liên tiếp trong

nhiều ngày, kể từ sáng mùng 5, hơn hai chục người đã bị công an Hà Nội bắt lên đồn bắt tra hỏi. Nhà địa vật lý Nguyễn Thanh Giang, một trong những nạn nhân của đợt đàn áp, kể lại :

“ Hàng chục công an giăng vòng trong, vòng ngoài, áp vào xóc nách đại tá Phạm Quế Dương, tống lên xe, chở đi. Cùng cảnh bắt bớ hoặc đến nhà gọi đi như thế còn có : Hoàng Minh Chính, Lê Chí Quang, Trần Đại Sơn, Trần Bá, mẹ của Lê Chí Quang... và hai người trong nhóm 11 cụ viết huyết tâm thư chống tham nhũng là Nguyễn Thu và Nguyễn Đoàn. Tất cả những ai dù vô tình đến nhà ông Phạm Quế Dương hay nhà cụ Hoàng Minh Chính trong ngày 5 tháng 9 đều bị dẫn lên đồn Hàng Mã hoặc Hàng Bài : Trần Dũng Tiến, Hoàng Tiến, Nguyễn Vũ Bình... Mấy cháu thanh niên, bạn của con đại tá Phạm Quế Dương đến rủ bạn đi làm việc cũng không thoát cảnh bị câu lưu. Trần Khuê và Nguyễn thị Thanh Xuân bị đưa lên máy bay, trục xuất về thành phố Hồ Chí Minh...”

Theo ông Giang cũng như nhiều nhân chứng khác, các cuộc thẩm vấn đều xoay chung quanh “ vụ ” hai ông Phạm Quế Dương và Trần Khuê đã nộp đơn xin thành lập “ Hội nhân dân hỗ trợ Đảng và Nhà nước chống tham nhũng ” !

Ông Dương, đại tá quân đội nhân dân về hưu, năm nay 68 tuổi, đã bị quay hỏi liên tục trong 3 ngày 5-7.9. Ông Hoàng Minh Chính, 80 tuổi, bị kêu lên đồn 4 ngày liền - tới ngày thứ ba, ông từ chối không chịu đi nữa.

Phiên toàn xử Tây Nguyên

Thay vì nhìn lại những chính sách của mình, cái gì đã khiến cho hàng ngàn đồng bào Thượng ở Tây Nguyên đã xuống đường tham gia các cuộc biểu tình bạo động hồi đầu năm (xem Diễn Đàn số 105, tháng 3.2001), Hà Nội đã lại một lần nữa, chọn con đường trấn áp những người mà họ gọi là “những phân tử xấu”.

Một cuộc “phá rối an ninh” trên nhiều tỉnh trong một vùng rộng lớn, kéo dài nhiều ngày, có những móc nối với nước ngoài, được đem ra ‘toà’ xét xử trong một ngày, sáng mở phiên toà chiều tuyên án. Tin đưa trên báo Nhân Dân điện tử ngày hôm sau, 27.9 : “ *Chiếu Điều 89 khoản 1 và Điều 230 Bộ luật Hình sự của nước CHXHCN Việt Nam, Tòa án Nhân dân tỉnh Đắc Lắc đã tuyên phạt các bị cáo: Y Nuên Byá mười một năm tù; Y Rin Kpá mười năm tù ; Y Nok Mlô tám năm tù; Nay D'Rut bảy năm tù; Y Phên Ksor bảy năm tù; Y B'Hiết Niê Kdăm sáu năm tù đều về tội phá rối an ninh; Y Tum Mlô tám năm bốn tháng tù về tội phá rối an ninh và tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.”*

Không có tiếng nói của luật sư, hay nếu có chắc cũng chỉ để xin hưởng “khoan hồng”, luật sư nhà nước mà, tờ báo chắc thấy chả cần phải nói tới. Hoặc giả, đối với những người dân tộc miền núi xa xôi đó thì cần chi đến luật sư ?

“ Những người có mặt tại phiên tòa và đồng đảo nhân dân trong tỉnh Đắc Lắc rất đồng tình với mức hình phạt mà Tòa án đã tuyên đối với từng bị cáo, thể hiện rõ việc xử lý nghiêm minh đúng người, đúng tội, đúng pháp luật...”. Công lý đã được ‘quân chúng’ hỗ trợ, như trong thời hoàng kim của Xit-ta-lin. Một thời tưởng đã qua đi.

Mười ngày trước phiên tòa, tổng bí thư Nông Đức Mạnh đã đi kinh lý Tây Nguyên (14-15.9). Và một tuần trước nữa, trong một buổi lễ kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập "Nha dân tộc thiểu số" thuộc bộ nội vụ chính phủ Hồ Chí Minh đầu tiên, nay là Ủy ban Dân tộc và miền núi, ông cũng đã có dịp nhấn mạnh tới "vị trí chiến lược của vấn đề dân tộc và miền núi đối với cách mạng Việt Nam". Nhưng đoàn kết 54 dân tộc miền núi với nhau và với dân tộc Kinh đòi hỏi phải tôn trọng quyền sống, tôn trọng nhân cách của người dân tộc.

Phiên tòa ngày 26.9 không đáp ứng yêu cầu cơ bản nói trên.

Miệng tao là pháp luật

Và dưới đây, Diễn Đàn xin đăng lại lời chứng của ông Lê Chí Quang, một nạn nhân trong vụ đàn áp trí thức đầu tháng 9, viết dưới dạng thư gửi các cơ quan lãnh đạo và các phương tiện truyền thông.

Sáng 5.9.2001 anh Nguyễn Vũ Bình có qua nhà tôi và đưa cho tôi đọc một lá đơn xin thành lập "Hội nhân dân Việt Nam ủng hộ Đảng và Nhà nước chống tham nhũng", gọi tắt là "Hội nhân dân Việt Nam chống tham nhũng". Kèm theo là lời kêu gọi nhân dân gia nhập hội "chống tham nhũng". Hội này do các ông Phạm Quế Dương và Trần Khuê chủ trương thành lập. Trong đơn xin thành lập có trích dẫn lời của cựu Tổng bí thư Lê Khả Phiêu: "Nếu không chống tham nhũng thì Đảng sẽ mất vai trò lãnh đạo", và lời của tân Tổng bí thư Nông Đức Mạnh: "Phải chống tham nhũng quyết liệt hơn". Tôi thiết nghĩ tham nhũng là một trong những quốc nạn của đất nước và là một trong bốn nguy cơ hàng đầu mà hội nghị Trung ương nào cũng đề cập đến. Với tư cách của một công dân tha thiết có sự nghiệp đổi mới của nước nhà và rất ủng hộ sự nghiệp chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước, tôi nghĩ đây là một cơ hội tốt để cho tôi có thể đóng góp một phần sức lực nhỏ bé của mình giúp Đảng và Nhà nước, không chần chừ, tôi nhận lời ngay. Anh Bình ra về được ít phút, tôi không thể tin vào tai mình khi nghe tin các ông Phạm Quế Dương, Hoàng Minh Chính, Trần Khuê đã bị bắt chỉ vì các ông này là người chủ trương thành lập Hội. Chiều hôm đó khi đi ra cổng đứng chơi, tôi thấy có khoảng 30 công an mặc thường phục, tay cầm máy bộ đàm vây quanh nhà. Khoảng 14 giờ 20 phút, một tốp công an khoảng 10 người to khoẻ ập vào nhà tôi và đưa tôi giấy triệu tập do trưởng công an quận Đống Đa Vũ Công Long ký, với lý do "Hỏi có việc liên quan đến an ninh quốc gia". Họ chỉ cho tôi đủ thời gian mặc chiếc quần dài, và liền áp giải tôi ra xe đặc chủng, đưa tôi về công an quận Đống Đa. Tại cơ quan CA có 3 người tiếp tôi là: Cường, Tâm, Đoàn. Họ hỏi tôi có phải là tác giả bài viết "Góp ý sửa đổi Hiến Pháp 1992"? Tôi trả lời phải. Họ tiếp tục chất vấn tôi về nội dung bài viết. Tôi trả lời: tôi hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Nhà nước và Quốc hội, góp ý sửa đổi Hiến Pháp, nên tôi viết bài đó, nhưng tôi không gửi cho các cơ quan CA, tôi không có nghĩa vụ phải trả lời họ về bài viết. Họ lại hỏi tôi về việc tham gia Hội chống tham nhũng. Tôi trả lời: đây là một tổ chức giúp Đảng và Nhà nước chống tham nhũng, đúng như lời Đảng và Nhà nước kêu gọi, nên tôi đã đồng ý tham gia, và tôi tự hào về việc đó. Tại sao cơ quan CA lại cho bắt những người tham gia Hội, vì cớ gì ??!. Cuộc thẩm vấn chỉ xoay quanh vấn đề Hội chống tham nhũng, nhưng tôi bị giữ tại cơ quan CA 3 giờ. Tôi hết sức bất bình vì thái độ

của các công an viên, đặc biệt là anh Tâm. Anh này có thái độ vô cùng xác xược và vô văn hoá đến mức không tưởng tượng nổi. Lúc thả tôi, Tâm nói:

- Tao tha cho mày vì mày ốm yếu, chứ không tao đã bắt mày rồi. Nhưng tao cấm mày ra khỏi nhà.

- Có văn bản pháp luật nào cấm tôi ra khỏi nhà không?

- Tao không cần văn bản nào cả.

- Vậy là văn bản miệng à?

- Đúng. Miệng tao là pháp luật.

- Vậy thì tôi vẫn cứ ra khỏi cứ ra khỏi nhà nếu tôi muốn.

- Tao sẽ bắt mày ngay nếu mày ra khỏi nhà, mày đừng thách tao.

Tôi vô cùng phẫn nộ và ngạc nhiên trước thái độ của con người này. Anh ta chỉ là một công an viên mà dám tự cho mình cái quyền cao hơn cả chủ tịch nước, cao hơn cả Hiến Pháp và pháp luật. Tôi tự hỏi không biết anh này đã được học điều lệ và tác phong của ngành công an chưa, đã được học những lời dạy công an của Hồ Chủ tịch chưa? "Đối với nhân dân phải kính trọng và lễ phép". Tại sao đến thời buổi này mà ngành công an vẫn sử dụng một người vô văn hoá, nói năng kiêu con đồ như vậy. Tôi kính đề nghị Bộ Công an phải xem xét lại trình độ, tư cách của công an viên Tâm, nếu cần thì nên thải hồi ngay. Quay trở lại vấn đề Hội chống tham nhũng. Đây là một tổ chức dự kiến thành lập hết sức hợp ý Đảng lòng dân. vậy mà, tại sao những người thành lập và tham gia lại bị công an câu lưu và hạ nhục!? Có phải Đảng và Nhà nước chỉ nói mồm, để mị dân, còn khi có một tổ chức có khả năng thật sự chống tham nhũng thì Đảng lại lo sợ. Sợ chống tham nhũng tức là sẽ chống những kẻ có chức quyền đang lợi dụng Đảng để tham nhũng. Có phải vì thế mà người ta đã chuẩn bị sẵn tội danh xâm phạm đến an ninh quốc gia cho những ai tích cực chống tham nhũng thật sự không? Nếu Đảng không đồng ý cho thành lập Hội chống tham nhũng thì Đảng cũng nên cho chúng tôi biết bằng văn bản chứ không thể bắt giữ những người như chúng tôi. Làm như vậy là phạm pháp, là vi hiến đấy. Theo lời ông Nguyễn Thanh Giang trả lời phỏng vấn đài BBC thì đây là âm mưu phá Hiệp định thương mại Việt-Mỹ. Tại sao người ta tổ chức chiến dịch bắt bớ rầm rộ này ngay khi Hạ viện Mỹ đang biểu quyết thông qua Hiệp định? Phải chăng họ bị Trung Quốc giật dây? Phải chăng người ta muốn đem việc này dẹt thành tám trăm nhân quyền để chào đón ông Lý Bằng? Tôi được biết trong ngày hôm đó có tới 19 người bị công an câu lưu, sách nhiễu. Trần Dũng Tiến, Đào Quang Tiến, Dương Sơn... bị đưa lên CA phường Hàng Mã. Tại đây các ông cũng phàn nàn về thái độ rất thiếu văn hoá và xác láo của một cán bộ CA có tên là Nghĩa. Điện thoại nhà các ông Hoàng Tiến, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Đắc Kính đều bị cắt. Điện thoại nhà tôi cũng không thể liên lạc ra ngoại tỉnh được, là vì cớ gì? Làm như vậy, có phải đã trắng trợn vi phạm quyền tự do thông tin, tự do lập hội của công dân theo điều 69 của Hiến Pháp không? Đảng ta vẫn luôn tự hào rằng nước ta là nước dân chủ, nhưng theo lời ông Trần Dũng Tiến nói tại CA phường Hàng Mã: "Tao đã sống qua ba chế độ, nhưng tao chưa thấy chế độ nào đã man và mất dân chủ như chế độ này."

Liệu có đúng như vậy không?

Lê Chí Quang (kèm theo là địa chỉ và số điện thoại).

Nghị định về Internet

Ngày 23 tháng 8 năm nay, thủ tướng chính phủ Việt Nam Phan Văn Khải vừa ký một nghị định “**về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet**”. Nghị định này có hiệu lực ngay 15 ngày sau đó. Bạn đọc có thể tìm nguyên bản trên “Nhân Dân điện tử” ngày 27.08.2001.

Với vị trí của Internet trong thế giới ngày nay, rõ ràng đây là một nghị định rất quan trọng, việc nó ra đời cũng là hậu quả của nhiều áp lực trong dư luận trong nước (kể cả một bộ phận không nhỏ trong chính quyền) và ngoài nước, đòi hỏi một chính sách Internet rõ ràng và thông thoáng hơn. Tuy nhiên còn có một khuynh hướng muốn kiểm soát chặt chẽ việc trao đổi thông tin bằng những bức tường lửa. Đó là khung cảnh cần nhắc lại để có thể hiểu rõ những “ý tại ngôn ngoại” của nghị định này. Dù sao một nghị định chưa thể giải quyết hết mọi vấn đề, và chúng ta cần chờ xem những diễn biến trong việc áp dụng nó. Phần lớn các điều khoản là minh bạch và bình thường, ở đây xin không đề cập, chỉ có vài nhận xét sơ bộ về những điều hơi bất ngờ.

1. Trước hết đây là một nghị định không có luật đứng đằng sau. Một vấn đề quan trọng như Internet đáng nhẽ phải có dự thảo luật trình quốc hội và được thảo luận, sửa chữa trước khi thông qua rồi mới có nghị định thực hiện (decret d’application) đạo luật đó. Ở các nước Âu Mỹ chỉ một điểm nhỏ trong nghị định này, như chiều dài của chìa khoá mật mã, cũng đã phải thảo luận vài năm trước quốc hội và công luận.

Dù sao thì có “phép nước” trên giấy trắng mực đen còn hơn không, mặc dù đây là phép vua ban chứ chưa phải là luật.

2. Nghị định này khá dài và bao quát, có lẽ quá bao quát. Gồm 5 chương và 48 điều khoản, bao gồm cả hình thức tổ chức mạng, xác định các cơ quan hữu trách, tới trách nhiệm kiểm soát (và tự kiểm soát) thông tin, các hình thức và mức độ xử phạt vi phạm. Nên chăng có một cấu trúc hợp lý và bền vững hơn? thí dụ như một đạo luật mang những nguyên tắc chung, và nhiều nghị định triển khai các phạm vi khác nhau.

3. Có lẽ quan trọng nhất là điều 3 :

Việc phát triển Internet ở Việt Nam được thực hiện theo các nguyên tắc:

1. *Năng lực quản lý phải theo kịp với yêu cầu phát triển, đồng thời phải có biện pháp đồng bộ để ngăn chặn những hành vi lợi dụng Internet gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục.*

2. *Phát triển Internet với đầy đủ các dịch vụ có chất lượng cao và giá cước hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Cho đến nay thì an ninh là chính, và như vậy cũng có thể mừng là đã thêm về thứ hai về phát triển. Nhưng có phải như thế sẽ đặt yêu cầu quá cao cho tường lửa, phải đồng bộ chạy theo phát triển? Nếu kiểm soát quá tập trung và chặt chẽ như hiện nay thì những người có quan hệ qua Internet với Việt Nam đều biết mỗi lần nâng cấp tường lửa là một lần cả mạng Internet bị sình vình chao đảo. Không kể các cơ sở kinh doanh đã đặt dấu hỏi về sự

bảo đảm bí mật thông tin kinh doanh của họ. Cần phải nói rõ thêm là kiểm soát thông tin vì *an ninh quốc gia...thuần phong mỹ tục* là việc cần thiết, và nước nào cũng làm. Cả vấn đề ai kiểm soát, kiểm soát thế nào, và kiểm soát những gì.

Về điều này có một tiến bộ lớn, điều 8 nói : *Bí mật đối với các thông tin riêng trên Internet của tổ chức, cá nhân được bảo đảm theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Việc kiểm soát thông tin trên Internet phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật.* Miễn bàn thêm, ngoài một điều là hình như pháp luật cũng chưa đầy đủ.

4. Điều 6 : *Thông tin lưu trữ, truyền đi và nhận đến trên Internet phải tuân thủ ... Luật báo chí, luật xuất bản... Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước... : như vậy có nghĩa là bất cứ ai muốn làm **Webpage** đều phải xin phép xuất bản tại bộ văn hoá thông tin? Như vậy các cá nhân có quyền có *trang nhà* (home page) riêng của mình không? các cơ quan nghiên cứu khoa học, các đại học, v.v. có phải xin phép để xuất bản trực tuyến (on line) các công trình của mình không? Xuất bản trên lưới nhện là vấn đề mới cho cả thế giới, cần một giải pháp mới (cho đến nay trên thế giới gần như hoàn toàn tự do, và như thế cũng không hẳn hoàn toàn tốt). Nhưng nếu giải quyết như hết giải quyết cho báo chí giấy thì sẽ không thực tế chút nào, vì các giai đoạn giấy tờ quan liêu sẽ vô hiệu hoá sức mạnh của Internet trong việc đi vào kinh tế tri thức để đi tắt đón đầu các công nghệ mới trong nền kinh tế toàn cầu hoá.*

5. Điều 22.1. : *Người sử dụng dịch vụ Internet...không được truy nhập đến các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet ở nước ngoài bằng cách quay số điện thoại quốc tế trực tiếp.* Tức là không cho phép máy tính người dùng gọi điện thoại đến một máy tính (của một hãng bán dịch vụ Internet) nằm ở nước ngoài. Để hiểu rõ điều này cần nắm một chi tiết kỹ thuật : khi đó có thể coi như hai máy tính này nói chuyện với nhau bằng điện thoại, giữa người dùng và dịch vụ sẽ không còn máy tính nào nữa, đường điện thoại viễn liên đã nhảy rào qua tường lửa. Nếu bạn đã đăng ký vào một hãng dịch vụ Internet (ISP) tại Pháp, khi sang Việt Nam bạn sẽ không được quyền gọi điện thoại viễn liên để trực tiếp liên lạc với ISP của bạn, mà phải đăng ký tại một ISP có trạm tiếp chuyển tại Việt Nam để thông qua đó liên lạc với máy tính dịch vụ tại ISP cũ (hai ISP này có thể cùng là một công ty quốc tế, thí dụ như YAHOO) trong đó có chứa các thông tin và hộp thư của bạn. Thường thì cũng nên làm như thế, vì giá điện thoại viễn liên rất đắt. Nhưng nếu bạn là nhà kinh doanh chỉ đến VN vài ngày thì có lẽ cũng hơi bị bất tiện. Chẳng lẽ đang họp bàn nếu thiếu thông tin nào đó ở nhà lại phải chạy ra cà phê xi be?

6. Điều 22.5 cũng có một tâm quan trọng thực tế : *“không được kinh doanh lại các dịch vụ Internet”*. Như vậy có nghĩa là các cà phê xibe sẽ phải đóng cửa? Trên thực tế đang diễn ra thì các cà phê xibe phải xin phép để trở thành chi nhánh của một ISP (và chịu sự kiểm soát của họ).

7. Cho đến nay chỉ có Tổng cục Bưu Điện (TCBD) được phép làm dịch vụ truy nhập Internet. Trong nghị định này thì nói đến *“các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet”* (các điều 24 đến 27). Tức là bãi bỏ độc quyền của TCBD. Nhưng giao cho TCBD thay mặt nhà nước quản lý mạng Internet (các điều 28, 29, 30). Như vậy các công ty ISP cũng lại chịu sự kiểm soát của TCBD. Thế thì làm sao tránh khỏi việc TCBD vừa đá bóng vừa thổi còi? trừ phi TCBD tư hữu hoá chi nhánh ISP của mình.

H.T.

Lũ lụt

hay là
diễn biến của
một tai hoạ
được báo trước

Văn Ngọc

Lũ lụt là một trong những thiên tai gây thiệt hại to lớn nhất và thường xuyên nhất cho con người ⁽¹⁾. Hiện tượng không chỉ xảy ra ở những vùng nhiệt đới gió mùa, thường hay có áp thấp, bão, lốc, và lượng mưa nhiều, mặc dầu ở những nơi này cường độ của mưa, bão, có lớn hơn, song càng ngày người ta càng thấy hiện tượng lũ lụt hoành hành ở khắp mọi nơi trên thế giới, kể cả ở những vùng khí hậu ôn đới, kể cả ở những nước công nghiệp phát triển, như Hoa Kỳ và một số nước Âu châu, những quốc gia có những phương tiện, thiết bị kỹ thuật tối tân nhất để phòng chống thiên tai này.

Tuy nhiên, lũ lụt không phải là một hiện tượng tự nhiên xảy đến một cách bất ngờ, khiến con người không thể biết trước được. Đó là cả một quá trình diễn biến tuân theo những qui luật nhất định. Lô gích của tai biến không chỉ ngự trị ở trong bản thân sự cấu tạo và vận hành của hiện tượng, mà còn tồn tại trong tất cả những hoạt động của con người liên quan đến việc ứng phó với nó.

Diễn biến của của một trận lũ lụt, với các nguyên nhân, hậu quả, cũng như các yếu tố cấu thành của nó, trong điều kiện khoa học phát triển ngày nay, đều có thể dự báo được : những điều kiện khí tượng thuỷ văn, lượng nước mưa rơi xuống ở mỗi vùng ; vị trí và những biến động của lòng sông, của dòng chảy, lưu lượng của từng con sông, con suối ; độ dốc, độ trũng của các vùng đất đai ; mức độ che phủ của rừng cây ; thời điểm có thể xảy ra mưa, bão, lũ lụt ; địa hình, địa lý, đặc điểm khí hậu của từng vùng, v.v. Tất cả những tham số này đều có thể đo lường, thống kê được một cách tương đối chính xác. Giữa chúng có những mối tương quan tác động lẫn nhau khá phức tạp, do đó hiện tượng lũ lụt, cũng như những biện pháp ứng phó, đều cần được nghiên cứu một cách tổng hợp.

Ngày nay, khoa học về trái đất và môi trường còn cho ta biết thêm rằng : lượng khí các-bon CO² (chủ yếu do các chất đốt trong công nghiệp, như : than đá, khí đốt, dầu lửa, v.v.)

phát thải vào trong khí quyển gây nên *hiệu ứng nhà kính*, và lượng *khí nhà kính* càng gia tăng bao nhiêu, thì hiệu ứng nhà kính càng tăng lên bấy nhiêu, kéo theo sự nóng lên của mặt trái đất, và của khí hậu, làm cho lượng nước mưa và cường độ mưa ở một số vùng ngày một tăng thêm, và mực nước các đại dương cũng ngày một dâng cao, do sự dâng nở của nước biển và sự tan băng, v.v. (Người ta dự báo đến thế kỷ sau, mực nước biển sẽ tăng lên khoảng từ 15 cm đến 1m. Nếu tăng lên tới 1m, thì phải di dời 10 triệu dân ở các đồng bằng thấp của Bangladesh, Ai Cập và Trung Quốc ; Bangladesh sẽ mất đi 18% diện tích đất đai và nhiều hải đảo sẽ bị ngập chìm dưới biển).

Ở nước ta, những vùng bị đe dọa bởi sự thay đổi khí hậu là các vùng đất thấp ven biển. Đồng bằng sông Hồng có đến trên 72% diện tích có cao trình dưới 3m. Trong mùa lũ, mực nước sông thường là trên 9m. Vài ba chục năm trở lại đây, nhiệt độ trung bình tăng lên từ 0,08° đến 0,1° / mỗi thập niên. Bão cũng có xu thế tăng lên. Lượng mưa ngày lớn nhất thường vượt 300mm và nhiều nơi vượt 500mm. Đồng bằng sông Cửu Long có phần lớn diện tích ở cao trình thấp dưới 2m, rất dễ bị ngập lụt, úng và mặn xâm nhập sâu. Khí hậu trái đất nóng lên, dòng chảy hàng năm của các sông ngòi có thể giảm 10%, ngược lại sẽ có sự tăng lên của dòng chảy lũ lớn nhất (GS. Nguyễn Việt Phổ, *Nóng lên toàn cầu*, Tạp chí Hoạt Động Khoa Học, số 4/1998)

Con người, trước hiện tượng lũ lụt, đã làm gì để tự vệ, và trong tương lai sẽ phải làm gì để tránh tai hoạ này ?

Ngay từ những thời xa xưa, mặc dầu mới chỉ biết dựa vào *kinh nghiệm* thôi, song con người đã tìm ra được những giải pháp phòng ngừa lũ lụt một cách hiệu quả : đó là những ngôi *nhà sàn* ở các vùng thượng du, cao nguyên, trên sườn đồi, sườn núi, ở những vùng ven hồ, ven biển, hay ở những vùng ngập trũng thường xuyên ; đó còn là những chiếc *nhà bè* nằm ngay trên sông nước ; hoặc những *hang động* nằm trên những vách núi cheo leo, nhưng cao ráo. Sau này, ở một trình độ văn minh hơn, họ đã biết sáng tạo ra hệ thống đê điều, cống, đập, kênh, mương, ngăn lũ và tiêu thoát lũ ở đồng bằng. Truyền thuyết Sơn Tinh-Thủy Tinh, kết cục bằng thắng lợi của Sơn Tinh, có một ý nghĩa tượng trưng sâu sắc : Sơn Tinh chính là biểu tượng của bản năng sinh tồn của người nông dân Việt Nam, đòi đòi kiếp kiếp phải đương đầu với thủy tai, song cuối cùng cũng vẫn vượt qua khỏi được tai biến và không để cho lũ lụt chiến thắng !

Trên trống đồng Ngọc Lũ và trên những chiếc chuông đá, khánh đá của người Nhật cổ đại, đều có khắc hình nhà sàn, mà kiến trúc giống hệt như những ngôi nhà sàn truyền thống hiện vẫn còn ở Torraja (Bornéo, Indônêsi), ở Nouvelle Guinée (Đại dương châu), ở Nhật Bản, hay ở Tây Nguyên, Việt Nam.

Trong cấu trúc ngôi đình làng Việt Nam ở nông thôn, người ta cũng có thể nhận ra dấu tích của ngôi nhà sàn cổ truyền : ở đây sàn chỉ còn cách mặt đất khoảng 50, 60 cm (thí dụ rõ nhất là đình làng Đình Bảng, Bắc Ninh). Ở Hội An, đô thị-cảng cổ của người Chăm, có từ trước thế kỷ 17, nằm trên cửa sông Hội An và sông Thu Bồn, nhiều dấu vết của nhà sàn đã được ghi lại trên các bức hoạ cổ của người Nhật Bản đương thời ⁽²⁾. Nói rộng ra, ở khắp các vùng khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, ven sông, ven hồ, hoặc có khả năng bị ngập nước, hoặc bị lũ, dù là ở Đông Nam Á, Đại Dương châu, Nhật Bản, hay Nam Mỹ, đều có truyền thống làm nhà sàn, nhà bè, hoặc nhà ở nơi cao ráo, để phòng ngừa lũ lụt và thú dữ.

Song, ngôi nhà sàn đã mất dần chức năng nguyên thủy của nó, khi xã hội loài người từ bỏ nền kinh tế săn bắn và hái lượm để đi lên nền kinh tế nông nghiệp, lúa nước. Xuống tới những vùng đồng bằng phì nhiêu do phù sa của các con sông bồi đắp nên, ngôi nhà sàn dần dần đã phải nhường chỗ cho ngôi nhà tranh, với nền đất được đắp cao lên khỏi sân phơi chừng 50, 60 cm (vẫn với mục đích chống ẩm ướt) : ngôi nhà này thuận tiện hơn cho việc ăn ở, đi lại và sản xuất nông nghiệp. Đó là ngôi nhà đặc trưng của nông dân đồng bằng sông Hồng, nói chung. Đó cũng là ngôi nhà của nông dân miền Trung và ở một số vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Có thể nói rằng cuộc sống định canh định cư của con người trên các bãi sông mầu mỡ bắt đầu từ đây, song tai hoạ cũng bắt đầu từ đây ! Những xóm làng, và ngay cả những đô thị, đều tập trung ở những vùng đồng bằng, ven sông, có đất bồi phì nhiêu để trồng trọt, có nước để tưới tiêu, lại có giao thông thuận tiện bằng đường thủy và đường bộ. Thậm chí, vì những lý do kinh tế hiển nhiên, con người đã phải *bám* vào những vùng ven sông, ven biển để sinh sống, khai thác ngay chính cái qui luật xói lở và bồi tụ của các con sông, mặc dầu vẫn biết rằng đây vừa là một nguồn cung cấp đất phù sa mầu mỡ, song lại vừa là một nguồn tai hoạ. Chính cái tập quán canh tác và định cư trên các bãi sông đã làm tăng tác hại của lũ lụt về người và của, đồng thời làm suy giảm khả năng thoát lũ của các con sông : từ sông Hồng, sông Thái Bình, ở miền Bắc, đến các sông Thu Bồn, Trà Khúc, Hương, Đà Ràng, ở miền Trung, sông Tiền, sông Hậu, sông Đồng Nai và sông Sài Gòn, ở miền Nam.

Cũng vì những lý do kinh tế, mà nhiều đô thị, thậm chí cả những kinh đô, đã được tạo dựng ở ngay những vùng có nguy cơ bị ngập lụt : Hội An, Đà Nẵng, Huế ; Hà Nội, kinh đô Thăng Long xưa, trên thực tế không phải nằm ở một vị trí lý tưởng về mặt địa hình, địa lý, như người xưa tưởng, bởi vì La Thành của Cao Biền, hay Thăng Long của nhà Lý, không phải nằm ở một địa thế cao ráo : núi Nùng thực ra chỉ là một nắm đất, chỉ có cái tên trên bản đồ mà thôi, sông Nhị mới thực là một hiểm hoạ : thành phố Hà Nội ngày nay nằm dưới mực nước lớn của sông Hồng tới 7m !

Về những tác hại do lũ lụt gây nên ở những vùng nông dân định cư sinh sống và canh tác trên các bãi bồi của các con sông, người ta đã thấy được tầm quan trọng của chúng trong đợt lũ lụt năm 1999 ở các vùng Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng : tổn thất không kể hết về người, vật, và của cải đã xảy đến cho 7 tỉnh duyên hải miền Trung, hàng vạn ngôi nhà bị cuốn theo nước lũ, cùng với đất đai, hoa mầu, v.v. Các năm trước đó, 1997 và 1998 cũng đều có lũ lụt to. Nói chung, ở vùng đất miền Trung này lũ lụt xảy ra gần như hàng năm. *Trận lụt lịch sử năm Thìn 1964, riêng ở tỉnh Quảng Nam đã làm hàng ngàn người chết. Có những làng mất hẳn tên trên bản đồ do nước chìm xuống lòng sông. Có những làng mất hẳn tên trong sổ hộ tịch hộ khẩu vì không một ai sống sót. Nước dâng lên cao vây bốn bề. Dân phần lớn trèo lên nóc nhà rồi cuối cùng cũng cùng mái nhà theo nước trôi cả làng ra biển Đông.[...] Các ngôi nhà mới xây đều làm mọi cách để tồn cao nên nhà đến mức có thể. Mỗi nhà đều có một chiếc xuống treo trên chái sau, mỗi năm chỉ dùng một lần...* (TTCN, 14-11-1999).

Ở đồng bằng sông Cửu Long, vào đầu tháng 9-2000, khi lũ ở thượng nguồn sông Tiền và sông Hậu dâng cao, đe dọa tính mạng của hàng chục ngàn hộ dân ở vùng sấu Đồng Tháp, An

Giang, Cần Thơ, một số địa phương đã cho di dời hàng nghìn hộ trong vùng sạt lở ở đầu nguồn sông Tiền và nhiều hộ ở đồng sấu ra các điểm dân cư, hoặc ven quốc lộ che lều ở tạm... Nhưng rồi họ sẽ phải làm gì đây để kiếm sống qua ngày ? (TTCH, 3-9-2000)

Ở đồng bằng Bắc bộ, lại còn có hiện tượng phải hy sinh một số vùng (vùng các huyện Nho Quan, Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình), để *phân lũ*, nhằm bảo vệ cho một vùng rộng lớn hơn. Trong một năm, đất đai, nhà cửa ở đây bị ngập nước từ 1 đến 3 tháng.

Từ một số năm nay, người dân ở những vùng bị lũ lụt thường hay có câu nói của miệng : “sống chung với lũ lụt”, như một sự thoả hiệp, mà cũng như một sự thách thức. Đó cũng là một cách nhìn thực tế, khi chưa có một giải pháp nào cụ thể và hữu hiệu.

Trên thực tế, lũ lụt tuy là một thiên tai ghê gớm, nhưng vẫn có thể tránh được, nếu áp dụng kịp thời những biện pháp phòng ngừa. Sờ dĩ, ngay cả những nước có nhiều phương tiện tài chính, và kỹ thuật nhất, cũng vẫn không tránh khỏi tai hoạ này, vì nhiều lý do, song những lý do chính thuộc trách nhiệm của con người, vẫn nằm trong hai lãnh vực : qui hoạch và xây dựng, trong đó bao gồm cả những công trình thủy lợi. Đương nhiên, những vấn đề của qui hoạch và xây dựng luôn luôn phụ thuộc vào những điều kiện kinh tế, xã hội, ở mức quốc gia, hay địa phương.

Sự qui tụ dân cư thành xóm làng, đô thị, đòi hỏi phải tạo ra những luật lệ, qui phạm, thiết lập những bản đồ chỉ dẫn và kiểm tra việc qui hoạch, xây dựng, nhằm tạo một môi trường sống đáp ứng những nhu cầu của xã hội và con người. Tại các nước phát triển, những luật lệ về qui hoạch và xây dựng áp dụng cho các vùng ven sông, ven biển, và các vùng có nguy cơ bị ngập lụt, đều tương đối rõ ràng, và chính xác. Các luật lệ và sơ đồ này được lập ra không chỉ để bảo vệ an toàn trực tiếp cho cư dân trong một vùng, mà còn để bảo đảm cho việc thoát lũ, và tránh cho môi trường khỏi bị ô nhiễm. Chúng được thiết lập trên cơ sở những điều tra, thống kê, nghiên cứu, của nhiều ngành chuyên môn, trong nhiều lãnh vực : khí tượng, thủy văn, khí hậu, địa hình, địa lý, địa chất, khoa học xã hội, kinh tế, luật pháp, v.v.

Tuy nhiên, trong một bối cảnh kinh tế-xã hội nào đó, luật pháp cũng bị vô hiệu hoá, hoặc không quyết định được tất cả. Ở những thời xa xưa, khi chưa có luật pháp, chưa có các ngành khoa học về môi trường, khí hậu, cũng như về kinh tế, qui hoạch và xây dựng, con người hoặc đã phạm phải những sai lầm trong việc phân bố dân cư, chọn địa điểm để định cư, canh tác (lập làng xóm ở trên các bãi bồi, ven sông, ven biển, v.v.), hoặc khi có luật pháp rồi, đã không tuân thủ những luật pháp được đặt ra trong các lãnh vực này, vì những lý do kinh tế, như đã nêu ở trên.

Đi tìm những biện pháp phòng ngừa lũ lụt, trước hết là đi tìm những nguyên nhân của lũ lụt, đứng về mặt hiện tượng thiên nhiên ; sau đó, là những nguyên nhân do chính con người gây nên trong cách ứng xử với lũ lụt, đã khiến cho tai hoạ này gây tác hại ở những nơi mà lẽ ra họ có thể tránh được. Trên cơ sở một sự phân tích nghiêm chỉnh về nguyên nhân và bản chất của tai hoạ, mới có thể tìm ra được những biện pháp phòng ngừa.

Những nguyên nhân chính của lũ lụt, xét về mặt hiện tượng thiên nhiên, đã được nêu lên tóm tắt ở phần trên, mặc dầu trên thực tế, sự vận động của hiện tượng này hết sức là phức tạp và đòi hỏi những tri thức tổng hợp của nhiều ngành

khoa học. Điều mà người ta có thể tin tưởng được một cách chắc chắn là, với trình độ khoa học kỹ thuật ngày một tiến triển, hiện tượng này hoàn toàn có thể được dự báo một cách chính xác, với độ tin cậy ngày một cao. Tuy nhiên, với những hành động vô trách nhiệm của con người, như phá hoại rừng nguyên sinh, xây dựng tràn lan trên các bãi sông, cửa sông, kênh, rạch, và nhất là phát thải bừa bãi khí CO² vào khí quyển, gây nên hiệu ứng nhà kính, phải chờ đợi là sẽ có những biến đổi quan trọng về khí hậu, về lượng nước mưa, cường độ mưa và lũ lụt ở một số nơi trên thế giới.

Hiện nay, quốc gia dẫn đầu xa nhất trong việc phát thải khí các-bon vào khí quyển vẫn là Hoa Kỳ (5410 triệu tấn), theo sau là Trung Quốc (2853 triệu tấn), Pháp đứng gần cuối trong các nước công nghiệp phát triển (376 triệu tấn).

Cách đây hai năm, các nhà khoa học đã chứng minh rằng từ 400.000 năm nay, chưa bao giờ trữ lượng khí nhà kính trong khí quyển đã đạt tới mức hiện nay, do ô nhiễm môi trường trên phạm vi toàn cầu. Nếu cứ cái đà này, thì từ nay đến nửa thế kỷ XXI, trữ lượng đó sẽ nhân lên gấp hai, và sang đến năm 2100, sẽ nhân lên gấp ba.

Xem như vậy, con người có một phần trách nhiệm quan trọng ngay từ ngọn nguồn của các nguyên nhân sinh ra tai biến.

Sau thất bại của Hội nghị La Haye, tháng 11 năm ngoái, không biết đến bao giờ các quốc gia mới đi tới được một qui ước quốc tế giới hạn việc phát thải các khí nhà kính vào khí quyển, nhằm giữ cho môi trường khỏi bị quá ô nhiễm, và tránh cho nhân loại những hậu quả to lớn không thể lường được về thiên tai ?

Mặt khác, trong việc ứng xử với lũ lụt, trách nhiệm của con người cũng không phải là nhỏ.

Bản thân hiện tượng, cũng như những hậu quả, tác hại, của nó, đều là những vấn đề đòi hỏi sự điều tra, nghiên cứu, phối hợp, của nhiều ngành chuyên môn, có nhiệm vụ cung cấp những dữ liệu chính xác trong một số lãnh vực : khí tượng, thủy văn, khí hậu, địa hình, địa lý ; lập bản đồ các vùng có nguy cơ bị lũ lụt, ngập úng, với mức độ ngập lụt trong thời gian ; lập bản đồ về môi trường sinh thái, về hệ thống sông ngòi, kênh rạch, cống đập, đê điều ; về độ che phủ của rừng ; về đất đai dành cho nông nghiệp, cho qui hoạch đô thị, nông thôn v.v. Ngoài ra, còn cần những dữ liệu về hướng phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, về phân vùng kinh tế, về dân số, v.v. Trên cơ sở những dữ liệu đó, mới có thể phân tích các nguyên nhân và hậu quả của tai biến, từ đó mới có thể đề ra những biện pháp phòng ngừa thích ứng.

Riêng trong hai lãnh vực qui hoạch và xây dựng, từ những kinh nghiệm phòng tránh lũ lụt của tổ tiên ta ngày trước (truyền thống ở nhà sàn, nhà bè, và ở những nơi cao ráo ; truyền thống đắp đê điều, kênh, muông, cống, đập ; truyền thống trồng rừng, v.v.), cũng như từ những kinh nghiệm trị thủy và ngăn biển của nhiều dân tộc trên thế giới (như người Hà Lan, với kỹ thuật đắp đê ngăn biển Bắc hải với hồ nhân tạo Zuyderzee trong vịnh Hà Lan, và đắp *polders* lấn biển trên hồ này), chúng ta có thể rút ra một số bài học, áp dụng cho việc tìm kiếm những biện pháp phòng ngừa lũ lụt ở Việt Nam.

Nhìn chung, về mặt qui hoạch, chỉ có hai hướng chọn lựa, một là chấp nhận “sống với lũ lụt”, hai là tránh lũ lụt.

Tránh lũ lụt một cách triệt để, là tránh không ở những vùng có nguy cơ lũ lụt, không bố trí ở những nơi này những hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội, v.v. . Đó chủ yếu là trách nhiệm

của các khâu qui hoạch lãnh thổ, phân vùng kinh tế, phân bố dân cư, quản lý qui hoạch và xây dựng, v.v. Các khâu này phụ thuộc vào chính sách phát triển kinh tế của một nước. Các luật lệ về qui hoạch được đặt ra, do ngành qui hoạch quản lý, người dân phải tôn trọng những luật lệ này, vì sự an toàn của chính mình, nhưng cũng vì lợi ích chung của xã hội.

Còn “sống với lũ lụt”, đối với những người có trách nhiệm tạo tác môi trường sống của người dân, cụ thể là những người trách nhiệm về qui hoạch, là chấp nhận việc phân bố các khu dân cư ngay cả ở trong những vùng có nguy cơ bị lũ lụt, và như vậy là phải có những biện pháp phòng ngừa lũ lụt, hoặc bằng những *công trình trị thủy*, như đê điều, cống, đập, hồ chứa nước, để ngăn và thoát lũ, v.v., hoặc bằng những *giải pháp kiến trúc*, với điều kiện là những giải pháp này không trở thành những trở ngại cho việc thoát lũ, không làm ô nhiễm môi trường, và không làm hư hại đến cảnh quan. Mặt khác, những giải pháp kiến trúc đó phải phù hợp với từng vùng, tùy theo đó là vùng nông thôn hay thành thị ; vùng lũ lụt định kỳ, ngập sâu dài hạn, hay ngắn hạn ; ở ven sông, ven biển, hay trong đồng sâu ngập trũng. Ngoài ra, giải pháp nào thì cũng phải nhìn đến khía cạnh kinh tế, khía cạnh giá thành xây dựng, đối với khả năng đầu tư của nhà nước, cũng như khả năng đóng thuế, hay trả góp của người dân.

Nói chung, về mặt kinh tế, kỹ thuật, cũng như về mặt sử dụng, nếu là biện pháp *nhà sàn*, thì dù trong trường hợp nào, cũng không nên coi đó là những công trình biệt lập, bởi trong điều kiện lũ lụt, thì giao thông, đi lại, bằng thuyền bè, rất là điểu vợi, nguy hiểm ; ngược lại, nên quan niệm đó là những *tổng thể công trình* nằm quây quần lại với nhau thành những xóm, làng.

Về mặt cấu trúc, những tổng thể này, cơ bản là một *khung kết cấu*, gồm một hệ thống cừ (pieux), sàn, cột chống, và dầm, kèo, bằng vật liệu kiên cố và đúc sẵn (bê-tông cốt thép). Tường ngoài cũng phải kiên cố, có thể xây bằng tấm bê-tông lắp ghép, hay bằng gạch xi-măng. Vách trong có thể làm bằng những vật liệu nhẹ hơn. Mái cũng phải bảo đảm chống thấm và đủ kiên cố, để chịu được sức gió. *Sàn chính* để sinh hoạt, đi lại, buôn bán, và làm nhà kho, v.v. được thiết kế *trên mực nước cao nhất của lũ*. Một hệ thống hành lang cố định, hoặc cầu phao, nối liền các ngôi nhà với nhau. Với những kỹ thuật xây dựng hiện đại, nhà có thể xây cao 2, 3 tầng, hay hơn nữa, tùy theo nhu cầu. Không gian nằm bên dưới sàn chính, có thể được sử dụng với những chức năng thích hợp, trong thời gian không có lũ lụt. Những tổng thể cấu trúc này được bố trí theo một bố cục mặt bằng thích ứng với những chức năng đặc thù của chúng.

Nhìn rộng hơn nữa, có thể quan niệm những làng, xã, thậm chí những thành phố, được xây cao hơn mực nước cao nhất của lũ, với một *khung kết cấu*, gồm những *cấu kiện đúc sẵn* kiên cố, như : cừ, cột, dầm, sàn, tường, mái ; vách có thể được bổ sung dần dần ; một hệ thống hành lang cho phép đi lại, giao dịch, như đã mô tả ở trên. Các hệ thống thiết bị kỹ thuật như : điện, nước, chất đốt, vệ sinh, v.v. đều có thể thực hiện được bằng những kỹ thuật cổ điển thông thường. Để đảm bảo giao thông và chuyên chở, trên vùng ngập nước, có thể sử dụng thuyền như một phương tiện giao thông tư nhân, hay tập thể.

Ở những vùng đất yếu, nếu vì giá thành của kỹ thuật đóng cừ quá cao, có thể nghĩ đến những biện pháp xây móng bằng kết cấu đáy (radier) bằng bê-tông. Không gian nằm bên dưới (xem tiếp trang 39)

Thơ

Vi Thùy Linh

Sinh ngày 4 tháng 4

Những con kiến rừng yêu mùa nào, để để trứng đúng vào
tháng Tư

Cả tháng Tư em bồn chồn như cả rừng kiến đốt
Như con ong

Em khích động anh bằng tưởng tượng có thật

...

Và đáp lại tất cả thềm muốn

Anh và em trong trắng trong Vũ - trụ - sơ - sinh

(Những bí ẩn được khơi mở như thể nếu không, người ta sẽ
điên lên vì bức bối)

Em bắt đầu yêu anh, và

Anh yêu em, bằng sự cực đại được khuếch tán

Sự tối tăm và sáng láng

Sự chôn chân và những cuộc bay

Cái lưỡi mềm của anh nơi gan bàn chân em

Làm Thế giới hoá lỏng

Em như bóng lúa chín

Trò *Domino* với hiệu ứng lan truyền, đổ sang nhau những
ăn năn - bắt cần, trong sạch - vấy bẩn, ý nghĩa - vô
bổ, cạn kiệt - lấp đầy, tuyệt vọng và ngộ nhận, đoàn
tụ và lưu lạc, trấn tĩnh và hoảng loạn

Sự âm ỉ chen đua của đám đông chỉ là một chế giễu cho mảnh
đất chật hẹp

Những tranh cãi chằng chịt chẳng biện minh điều gì

Anh nói, nơi khuôn mặt em, đôi mắt gọi, nhưng anh yêu cái
miệng hơn, cái miệng biết yêu anh hơn mọi ve vuốt của lời
nói

Một tình yêu phi thường của những Định mệnh khác thường

Là sự kết hợp toàn hảo

Không chỉ trong ánh sáng tự nhiên của thân thể được gột rửa
và tái sinh

Sự hợp nhất kỳ diệu làm anh cùng em lớn lao, trước những
ngạc nhiên không kiểm chế của mọi người

Xung quanh, tất cả đều lạnh lẽo, sau khi em ở bên anh và đã
gần anh, thuộc về anh trong tình yêu đôi ta (anh vắng mặt)

Dấu sự vắng mặt của anh là thường hằng

Em vẫn thuộc về sự sống của anh, trọn vẹn

1.5.2000

Thế giới hiện hữu

Trái đất - cái cối xay rất cũ

Những vòng quay nặng nề

mỗi một

Nóng dần lên, nước biển

Thức dậy những núi lửa

Những cánh rừng trơ cuống họng

Những người đàn bà teo tóp ôm con, không bật nổi tiếng khóc

Ì ạch Lục địa Đen

Nhiều vàng và kim cương, vẫn đói nghèo

Sông Nil ⁽¹⁾ không chảy qua những cổ họng rất bỏng

Mầm sống gieo rắc vô tội vạ trong bệnh tật và mông muội

Lục địa Đen không thể trở dậy.

Sẽ đến lúc cái - cối - xay - khổng - lồ vận hành theo một chu
kỳ khác

Sẽ đến lúc con người phải lên các vì sao và mặt trăng để sống
Mặt đất nứt nẻ và lũ lụt

Lòng đất nứt những mạch chảy

El Niño, La Niña nhào nặn nhịp sống.

Mặc nhiên, như nhiều năm trước

Con người tiếp tục ăn thịt nhiều loài và tàn phá môi trường

sống mà bất cần tương lai của thế hệ kế tiếp
Tham vọng khiến họ loại trừ nhau, ném bom xả đạn vào đồng
loại

Những tổng thống ngạo nghễ với va-li bấm nút hạt nhân và
chất huỷ diệt ...

“ *Me ơi ? loài nào độc ác hơn tất cả* ”

Một mai, tôi sẽ phải im lặng trước câu hỏi của con mình.

*

Tôi căm ghét ngày 14 tháng 7 năm 1999, cả loài người kinh
ngạc khi cừu Dolly ra đời

Gã Wilmut người Scotland ⁽²⁾ chẳng có gì phải tự hào vì công
trình của mình đến thế

Không ai ngăn cản ý đồ nhân rộng kiểu sinh sản nhân
vân

Thật nực cười những kẻ ngộ nhận *sinh sản vô tính* là thành
tựu của tiến hoá.

Hàng triệu người điên lên theo mãnh lực phần mềm *Microsoft*

Những tâm hồn đang được mã hoá với nhịp điệu sống lập
trình

Ngày đêm, những neuron thần kinh căng cứng cập nhật dữ liệu

Con người không ngây thơ, không nhiều ước mơ và mất dần
lãng mạn

Màu *dollar* sấp nhuộm cả da trời

*

Tôi vẫn tin

Không gì đẹp bằng con người

Khi tình yêu giúp họ vượt mọi ngăn trở.

Tôi mãi run rẩy tôn vinh, ngợi ca vẻ đẹp của thân thể khi
thoát ra khỏi sự áp đặt của mẫu mốt, xuất hiện nguyên khôi
như tạo hoá sinh ra, trong không gian tình yêu

Và

Không gì kỳ diệu bằng việc tạo thành CON NGƯỜI

Cuộc sống được bắt đầu từ sự phối thai những đứa trẻ.

20.1.2000

1) Là dòng sông dài nhất thế giới, trên 6000 Km, chảy qua châu Phi

2) Người tiến hành ca sinh sản vô tính đầu tiên thành công : chú cừu Dolly

Phạm Thị Hoài

Cam tâm

Hai năm trước tôi nhìn ống gỗ quế chạm một đôi chim đậu trên cành hoa bé xíu kia mà tưởng đến cái ống hít của những thiếu nữ như Lâm Đại Ngọc trong Hồng Lâu Mộng. Giấu trong tay áo, bên hồ sen vắng vẻ mới giờ ra hít hững hờ, thoáng bóng người lại cất nhanh vào tay áo. Lờ lờ cô Cam dặn tôi chỉ nghe loáng thoáng : tâm mốc đưng vào ống này là bao nhiêu công lao vứt đi cả.

Nhưng câu chuyện cô kể thì tôi nhớ kỹ : ống tâm ấy chồng chưa cưới của cô, là cậu Luân, phải nhờ bạn làm quản giáo ở Thanh Hoá bảo tù thừa. Từ tìm được cây quế hoang hơn hai chục năm tuổi, bóc lấy phần thượng châu, đem về ngâm nước một ngày, ủ lá chuối bẫy ngày, dỡ ra lại ngâm, phơi mát, ép bằng ống nứa, hàng ngày lau chùi mặt trong cho bóng, cầu kỳ cả thầy gân hai tháng, chưa kể bao nhiêu thời gian cắt, gọt, dán bằng keo pha mật, và chạm trổ. Quế Quý ấy đắt giá nhất thế giới. Nếu làm bằng quế quan, quế đơn nhập lậu qua Trung Quốc, thứ quế bóc non, cây may ra được ba bốn năm, bóc xong chỉ phơi qua rồi đem bán cân cả lối, dùng ba tháng là hết thơm, thì cô Cam khỏi mất công dẫn tôi ra siêu thị *Westside* chọn loại tâm gỗ sấy đúng công nghệ, trắng muốt, tiện tròn cả hai đầu, trông như trám cài tóc búp bê của cô Lâm Đại Ngọc. Cậu Luân bảo, sang nhất là dùng tâm đôi môi, nhưng cũng phải nhờ người thừa tận nơi, cậu ngờ đôi môi bán ở các tiệm mỹ nghệ là chất dẻo giả hiệu. ở nhà tôi, ai xé đóm đưng trong cái ống bơ mà xỉa răng thì xé, nếu không thì ra bờ rào tuốt lá dưới lấy gân. Nhựa dưới chữa được chứng trướng bụng.

Tâm dự trữ, tôi đưng trong hộp kem dưỡng da sản xuất tại Mỹ có chất chiết xuất từ rau bả để giúp cho làn da căng mọng và đàn hồi. Cô Cam dùng hết kem thì bảo : “ Này Tâm, cho mày cái hộp đẹp nhé ! ”

Hai năm qua tôi thu thập những thứ đẹp nhé cô Cam bỏ đi như sau : lọ dầu gội già biệt gấu ; lọ dầu gội cho loại tóc cực kỳ mẫn cảm ; lọ dầu xả táo tầu *jujube* để tóc không bị tổn thương khi chải và hết hẳn chẻ ngọn ; lọ sữa tắm vòi hoa sen gặt gù ; lọ sữa tắm bồn bầu dục ; lọ sữa rửa mặt ; lọ sữa thoa mềm da toàn thân ; vô số lọ nước hoa ; hộp kem làm sạch mụn cám, mụn đầu đen, tẩy lớp sừng hoá dưới da, thông thoáng lỗ chân lông ; hộp kem dưỡng da siêu hạng dùng cho loại da mỏng để dị ứng ; hộp kem chống nắng, không trôi khi gặp nước ; hộp kem một bước đột phá trong việc trị nám và tàn nhang ; hộp kem bào chế từ thực vật của hãng mỹ phẩm *Kanebo* nổi tiếng nhất ở Nhật ; hộp kem làm tan mỡ bụng, làm thon và săn chắc vùng đùi, trị các vết rạn nứt trên bụng ; hộp kem làm mượt da vùng ngực, tẩy thâm đầu ngực và làm hồng nhũ hoa... Làm hồng nhũ hoa... Chúng đều bền và nắp đóng rất khít. Để đưng kim chỉ cúc áo linh tinh, hạt cườm, ghim băng, chun buộc tóc, khuyên tai, mì chính, cau khô, muối tinh, ớt bột... cho sạch. Tôi còn chưa kể vô vàn túi giấy bóng và hộp giấy cứng một mình cô Cam thải ra, đủ cho cả huyện Mường

Lặt nhà tôi dùng một đời.

Những thứ sau đây cô Cam bỏ đi tôi không giữ : tuýp kem lột nhẹ da mặt ; tuýp kem đắp mặt nạ thư giãn và sáng khoái ; tuýp kem tẩy lông tay vĩnh viễn ; tuýp kem nền ; vô số ống mascara và ống son ; lọ dung dịch dưỡng dài và dày lông mi lông mày, làm mát long lanh ; lọ nước hoa khô ; lọ nước hoa xịt ; lọ thuốc bôi móng tay ; lọ dung dịch tẩy thuốc bôi móng tay ; lọ keo tẩy da móng tay ; lọ keo xịt tóc giữ nguyên hình dáng cả ngày ; lọ nước xịt miệng thơm cả ngày ; hộp kem đặc trị túi mỡ mắt, xoa nhãn mắt và quầng thâm dưới mắt ; hộp phấn đánh quầng mắt mười hai mẫu, hộp sáp giữ môi mềm ẩm... Cũng đẹp nhé mà vô dụng, trẻ con không thèm chơi, đồng nát không thèm nhặt. Ai cũng như cô Cam thì chết cả nút trong rác đẹp.

Ban đầu tôi hoảng, thấy mình đứng góc nào là hồng góc ấy trong căn nhà bày biện như trong hoạ báo của cô cậu. Cách tôi há miệng xem vô tuyến. Cách tôi cầm đũa vung vít, như chọc vào mặt người ta. Cách tôi a lô liên hồi vào máy điện thoại. Tất cả đều hồng. Không đẹp mắt. Sửa chỗ này thì chỗ chừa khác lờ ra. Cô cậu bảo tôi là một ca hoàn toàn đáng tuyệt vọng. Tôi sưng sốt, cả cô cả cậu mở miệng là nói cái này xấu, cái này đẹp. Suốt ngày chỉ quần quanh chuyện xấu đẹp. Suốt ngày chỉ dỏng tai nghe lời cái gương. Tôi chẳng gì cũng nguyên một con người, không nhiều thì ít chuyện áp ú, cô cậu đâu buồn biết, chỉ chăm chú vào những chi tiết bề ngoài. Bảo ngay là da con gái Mường sáng, dáng con gái Mường hay. Nhưng mặt con gái Mường đần. Tay con gái Mường thô. Móng con gái Mường hơi bự và ngực hơi nở, hơi kém nhả.

Tôi chỉ là con gái Mường một nửa. Mẹ tôi cùng lứa, cùng người Hà Đông như bà Lý, mẹ cô Cam. Hai nhà quan hệ với nhau kiểu gì mà đầu tiên cụ cô ấy gọi cụ bên tôi là thầy xung con, sau bà tôi lại gọi bà cô ấy là bà xung con, rồi mẹ tôi với bà Lý lại xung chị em với nhau, bố tôi với bố cô ấy thì gọi nhau là đồng chí. Đến lượt tôi, hôm gửi tôi lên cho cô Cam, mẹ tôi dặn phải gọi cô, xung thì tùy, em cũng được, cháu cũng được, con cũng được. Nhưng em thì hơi nhờn, con thì hơi nhún, vậy xung cháu là tiện nhất. Tôi không hiểu. Cô ấy chỉ hơn tôi dăm ba tuổi. Mẹ tôi gắt : “ Ngu lắm ! Gọi thế cho người ta để đối xử ! Chứ lại đòi công bằng hay sao ! ”

Sao lại không đòi công bằng ? Đòi tôi mặt đần, tay thô, móng bự, ngực nở kém nhả mặc tôi, không khiến cô cậu ấy chê bôi. Tôi cũng mặc đời cô cậu ấy ngắc ngoải trong những cái đẹp cái nhả không biết thế nào cho vừa của cô cậu. Chả bên nào phải cải tạo bên nào. Công bằng chỉ ít ỏi thế mà không đòi thì còn sỉ nhục gì ?

Một lát sau mẹ vuốt tóc tôi, dỗ dành : “ Ngày xưa nhà mình tiếng là chủ mà đái đàng nhà ấy như trong gia đình. Lúc bị phát động, nhà ấy phải đứng ra tố điều, không thế thì liên luy mà chết theo mất. Chuyện ở ta nó điên đảo thế con ạ, nghĩ làm gì cho quần trí. Bây giờ con đi ở cho họ, nếu họ tử tế thì sau này thời buổi có lặt lại cũng chớ cam tâm làm người vô ơn. ”

Mẹ tôi ở làng mãi không ai dám đánh tiếng, lên sông Bôi trồng chè, nói là để cải tạo bản chất chứ không nói là chống ế. Cải tạo tốt, lấy cha tôi là người Mường giác ngộ làm cán bộ nông trường. Cha tôi không đeo dao phát ngang hông mà

thường đeo một cái túi dết, bên trong có cái dài nhỏ, đèn pin, sổ công tác, và một khẩu súng lục tước được của Pháp nhưng đã bắn hết đạn từ lâu. Xung quanh cũng chẳng có gì đáng bắn. Người thì mang ra hộp là êm. Thú thì người đã chén sạch. Ông cũng không có trong người bốn mươi vía ở bên phải và năm mươi vía ở bên trái. Ai hỏi thì ông cười bảo : “ Mình thông suốt lý luận rồi. Một vía đã là lạc hậu rơi rớt, chín mươi thì đại phản động à ? ” Tôi mang họ Đình của cha, nghe cũng không khác họ người Việt. Hai năm trước cha tôi mất, họ hàng bên nội chạy được một ông thầy còn nhớ vài đoạn mo bằng tiếng Mường, chỗ nào quên lại xen vào tiếng Việt, nghe cũng na ná nhau. Mãi lúc ấy tôi mới biết, chuyện ngày xưa nhà mình không phải chỉ là chuyện của mẹ, những chuyện xung hô, diên đảo, liên luy, ế ẩm, phụ bạc nào đó, chẳng ra một nghĩa lý gì. Chuyện ngày xưa nhà mình của cha khác lắm, tôi nghe mò mẫm trong lời mo ngâm nga lộn xộn Mường Việt, hình như là chuyện đi thăm dưới đất, đi kiện trên trời, chuyện một con thú to bằng quả núi, một người mẹ vú to bằng quả đồi... Chả trách ngực con gái Mường nở. Lại cả chuyện một vườn hoa ở núi Cối...

Vườn hoa núi Cối.

Làm hồng nhũ hoa.

Tôi chọn đúng năm mươi chiếc tam trong hộp dự trữ, cũng Westside, trông cũng như mới. Cậu Luân ăn uống cảnh về như cậu Giả Bảo Ngọc trong Hồng Lâu Mộng, cầm cái tam chỉ chọc hồ hững hờ lấy lệ, như quên vừa dùng bữa, không xỉa kỹ rồi bẻ đôi như cô Cam. Tôi đem rửa, chuốt lại hai đầu một chút là lại tốt chán. Cậu Luân hay đăng trí. Những hôm ngủ lại, đêm dậy đi tiểu thế nào mà về nhắm giường. Từ hôm tôi cài then trong thì cậu quên một tiểu.

Tôi mở nút lọ nước hoa *Chanel* số 19 đựng phước môn. Bà bán bánh phở ở chợ Âm Phủ nhận của tôi một hộp kem giải phóng các tế bào chết để đựng với ăn trâu, một lọ nước cọ gạch men để đựng dấm và một chai nước xịt gương để làm súng phun cho đứa cháu nội, rồi mới sẻ cho tôi được mấy muôi phước môn. Bà bảo phước môn nhà bà mua tận gốc trên biên giới Trung Quốc, không mua lại của nhà xác, cứ dùng vô tư. Tôi hoà một thìa ấy với một thìa nước máy, ngâm tam. Nước máy sặc cờ lo thế này, có hoà thuốc sâu cũng bặt mùi.

Trong lúc đợi tam ngâm, tôi soạn bữa sáng cho cô Cam. Ít lâu nay cô chê bánh mì với bơ, chuyển sang xà lách trái cây, gồm một nửa quả táo Đà Lạt để nguyên vỏ đỏ, đã rửa kỹ bằng nước *La Vie*, cô Cam không ăn táo Tàu phun thuốc hoá học ; một quả chuối tây trắng nõn vừa chớm chín, cô Cam không ăn chuối tiêu quá nhiều hàm lượng đường ; một quả hồng xiêm Xuân Đình nâu hồng chín cây, tuyệt đối tránh loại ừ đất đèn ; và một vạt xoài Mộc Châu vàng rực, cô Cam không ăn xoài miền Nam cũng quá nhiều hàm lượng đường. Tất cả thái nhỏ trộn đều, bên trên lại rắc nhân một quả hồ đào Lạng Sơn đập vụn. Thức uống gồm một cốc 200 ml sữa tươi ức không béo tiệt trùng, một ly 150 ml trà nhúng *Dilmah* không đường, một ly 150 ml cam vắt Bó Hạ không đường. Tôi viết thư kể, bị mẹ mắng là điều toa, trên đời làm gì có thứ câu kỳ quá quắt như vậy. Tôi cũng đã tưởng khản như cô Lâm Đại Ngọc chỉ là trong truyện thời nào ở đâu. Để đọc cho quên ở ta thời này.

Hai năm qua tôi học phân biệt những thứ sau đây : nho chỉ chọn loại Mai Cô Hương màu đen tía, để nhầm với loại Ong Chúa cũng đen tía nhưng vỏ chát ; giá đỗ chọn loại gầy, dài không quá năm phân màu vàng nhạt, tránh loại ừ bằng đạm hóa học phốp pháp trắng mọng ; ba ba chọn con đực đuôi dài quá mai, mai phải màu xanh ; cua biển nếu thích ăn gạch lại phải chọn con cái ; trứng chọn quả quay nhiều nhất là ba vòng ; giò phải già chày truyền thống ; lợn bò thì miếng thân ăm tay còn phải nhảy trên mặt thớt ; gà vịt chỉ ăn hai mảnh ức lột da... Không thì bao nhiêu công lao đổ vào tám thân đặc sắc của cô Cam vứt đi cả.

Cô Cam cao tới một mét bảy, lưỡng quyền cao, mũi cao, cổ cao, mặt dài, lông mi dài, tóc dài, ngón tay dài, móng tay dài, chân dài. Những lúc uể oải yếu điệu cũng ra cây liễu. Còn bình thường như cây sào. Nhưng mắt tôi có tròng, tròng lại nằm trong ổ, ổ lại kẹp giữa hai mí, nhìn thế nào cũng không ra khỏi ba cái nấc ấy, biết phán thiên hạ đẹp xấu thế nào.

Những thứ sau đây tôi không phải học phân biệt, cô Cam dạy cho vài lần rồi nhớ : rau ở quây rau sạch Thiên Đường Xanh ; dầu vừng đúng chai lùn cổ thất vàng óng của Hàn Quốc; đồ Tây lấy ở cửa sau khách sạn *Sofitel* ; bánh ngọt ở *L'Indochine* ; bánh bao hiệu Tâm Tâm, bánh mì ở *Hilton* cạnh Nhà hát lớn ; đường, dấm, muối, xì dầu và gạo Thái Lan ở *Westside*, ốc lại lên tận Tây Hồ, còn đồ khô đến chợ Hàng Bè... Cứ y nguyên như vậy. Trịch đi một tí là cô cậu mất thăng bằng, mà cái thế giới của những đồ phế phẩm rẻ tiền thì giăng như lưới đất, trượt đà sa xuống chỉ còn chờ chết trong những chiếc quan tài loại III đóng bằng gỗ thùng, đầu đỉnh tua tua. Hôm tôi mua kem Mỹ hai mươi đô la một ký như thường lệ, tráo vào cái hộp nhựa méo mó của *Vinamilk*, cô cậu không buồn nếm. Có nếm chắc cũng chê.

Tôi vớt tam, lấy máy sấy tóc của cô Cam sấy thật đúng công nghệ, rồi cho vào ống que Quỳ. Không móc nhé. Chỗ phước môn còn lại quấy đều vào cốc sữa. Tiệt trùng nhé. Hôm nọ tôi xin được ít bả chuột, nghe nói hiệu nghiệm, chuột béo chỉ cần xơi nửa vốc, vậy tôi vẩy cho đám trứng giun tái mét còn sót trong mớ rau mua của quây Thiên Đường Xanh một đầu dưa là vừa. Để giun sán khỏi lẫn vào, làm hồng bố cục của những thỏi phân cầu kỳ mà cô Cam phải nhào nặn mãi mới thả ra trên nền men trắng óng của chiếc bồn vệ sinh *American Standard* hoàn mỹ theo tiêu chuẩn Mỹ.

Xong xuôi cả, chỉ còn việc cắm bó hoa cậu Luân cho người mang tới từ sáng sớm. Đêm qua cậu không ngủ lại, bảo là có việc, nhưng việc gì bằng việc cô Cam đánh rắm suốt đêm. Hôm đầu tiên như vậy, cách đây mấy tháng, cậu còn cố bịt mũi, cô còn rẩy nước hoa cho đỡ ngượng. Sau cứ dăm ba ngày lại thói um. Dăm ba ngày tôi sắc một lần nước lá thị đặc quánh, pha vào suýt 200 ml nhân trần buổi tối của cô Cam. Tôi luôn để một quả thị đầu giường, lót trong lá thị. Hạt mít không nhay bằng lá thị. Rắm đánh thưa, nhưng mùi lợm hơn. Những hôm cô Cam dùng 200 ml sữa đậu nành thay đổi với nhân trần thì tôi hoà hạt mít rang tán mịn, trữ sẵn trong hộp sáp khử mùi và làm trắng vùng nách, vùng bẹn. Cô cậu ngạc nhiên lắm, chọn thực phẩm tinh khiết thế mà xú khí vẫn phọt ra, như ở bọn hạ tiện chuyên rình mua hàng ôi chợ ế. Cô cậu lấy làm tò mò. Cô cậu sai tôi đốt trầm và thắp hương. Chắc cũng không

có ý chờ tôi nịnh là rắm thơm. Rắm ướp trầm hương trong nhà chạy máy điều hoà đóng kín thành mùi thế nào, tôi không kể, sợ mẹ mắng là tục.

Cậu Luân luôn chọn loại hồng *Singapore* ráo hoảnh, hương không một gợn nhưng sức khoẻ tràn trề. Lá, cọng, bông và gai trông như năng tập ở phòng thể dục thẩm mỹ Bạn Gái mà cô Cam thường tới vào chiều thứ ba và chiều thứ bảy, trong khi cậu Luân đi đánh ten nít ở câu lạc bộ New Asia. Cậu bảo, ten nít là phát minh vĩ đại nhất của nhân loại sau phát minh chữ viết. Người Mường không có chữ. Tiếng nói có rồi cũng ra không. Giữ được tiếng nào là may tiếng ấy, bố mẹ hôm đó bảo thế. Đến ông là hết tiếng Mường. Cô cãi, cô cho aerobics cái vinh dự phát minh vĩ đại. Đến cãi nhau cũng cãi hờ như thế, chẳng trách cứ làm chồng chưa cưới, vợ chưa cưới mãi. Lại còn bảo, giá thú chỉ là chuyện hình thức. Tôi không hiểu. Cô cậu ấy sống cả về cái mẽ mà lại phản đối hình thức hay sao? Cậu Luân giảng giải tự do cá nhân, tự do luyện ái, tự do tình dục. Cô Cam cười cười, can : “ Thôi, tha cho nó. Anh nói nữa là nó khóc đấy.”

“ Phải dạy dần cho nó mở mang ra chứ. Con bé này có vẻ biết tiếp thu. Thỉnh thoảng thấy đọc tiểu thuyết Tàu cơ mà.”, cậu Luân đáp.

Một nghìn điều tôi tiếp thu hai năm qua, đem kể về nhà chỉ nghe mẹ mắng. Đầu óc nhồi đầy những chuyện như thế, sau này còn chỗ nào mà học khôn? Tết năm tới mẹ quyết xin tôi về. Con ơi, thế này là bà Lý làm phúc cho nhà mình, hay làm tội?

“ Truyện Tàu cũng chả hơn gì phim ấn Độ. Đàng thì chen vào hát. Đàng thì sấn vào triết lý. Chỉ cảm động hờ với thông thái suông là tài. Bây giờ phải đọc truyện Mỹ, xem phim Mỹ, cho thực tế, bạo dạn lên.”, cậu Luân khuyên.

“ Anh chỉ tàn nhẫn !” Cô Cam trách.

“ Giời ơi ! Tiến bộ không tàn nhẫn thì nước mình tiến rồi !”, cậu Luân than, nhưng than mà khoái ra mặt.

Tôi lom khom lau cái bàn trà bằng gỗ pơ mu thấp lè tè, nghe nói là kiểu Nhật. Cậu Luân phát tôi một cái vào mông, lắc đầu bảo : “ Mông miếc thế này thì tiến thế nào !”.

Cậu lại giảng nữa, về chỉ số văn minh đo bằng ba số vòng ở người đàn bà. Ở tôi là một độ phình đầy tính bản năng và phản nhận thức, nghĩa là phản văn minh, cậu kết luận. Song còn hơn khối đũa khác, vòng trên và vòng dưới đều lép, vòng giữa lại lồi. Bọn thui chột ấy, cậu không tính. Gọi chúng là người làm gì cho chữ người mất giá. Vậy gọi là ngọm. Con Tâm nhớ nhé ! Thành ngọm là cô cậu không dạy được đâu.

Cô Cam nghe lơ đãng. Những lúc như thế, may ra có lời tâu ngon ngọt của cái gương mới khiến cô choàng tỉnh. Mọi chuyện xảy ra ngoài tám thân đạt chỉ số văn minh tuyệt đối của cô đều không xảy ra. Còn tôi, con gái Mường họ Đinh, họ vua mở đầu nước Đại Cổ Việt, ngu dân có giống có nòi cũng thừa hiểu, sao tay cậu phát hơi lâu mà không đau gì. Bao giờ miền núi tiến kịp miền xuôi thì Tâm ơi, đem đùng cài then trong, rồi cũng được làm người mẫu như cô, cởi ra mặc vào những váy áo do cậu thiết kế. Cậu thêm những cái kém nhẽ, ừ thì thêm ăn dỡ, tôi thông cảm. Đùng chẳng nổi thì phận đứa ở như tôi, phục vụ được đến đâu cũng đành. Còn hơn để cậu đi tìm tự do ở những chỗ ăn bớt vào cái tư cách vợ chưa cưới của

cô chủ. Mẹ ơi, thế là nhà mình trả ơn cho nhà bà Lý, hay trả va?

Nhưng thêm rõ rãi mà còn sợ mang tiếng phản văn minh thì là cái thá đàn ông gì? Hừ, phản văn minh! Với tôi thì cô cậu vênh mặt lên đến đâu, tuy cái gân ở cổ cô cậu. Với ai khác lại gập cả xương gáy mà gằm mặt xuống thôi. Hôm nào nhĩ, cô cậu có khách. Khách với chủ nhà này giống nhau cả, tươi tốt, bóng lọng, như trong ca ta lô, chứ không héo hon bụi bặm như người ta ngoài đường. Từ đỉnh đầu đến gót chân toàn những thứ đích đáng. Thái độ thì nhất loạt thoải mái nhanh nhẹn. Giọng điệu sắc sảo bốn cọt, tôi nghe hai năm không phân biệt nổi là thật hay đùa. Khách hôm ấy mới ở xa về, trông thì đầy đủ, phớt đời, như thể cứ vậy đến chết không phải lo sự gì thiếu thốn, nhưng lời lẽ sao mà chì chiết cay đắng. Cả buổi ngồi nói hết phần chủ. Tôi đứng trong bếp, chỉ nghe loáng thoáng khách dạy cô Cam rằng đẹp để giữ gìn như cô trong cái xã hội đơ dáy này chỉ uống, không chùng là rước hoạ vào thân cũng nên. Khí hậu thì muôn thuở khắc nghiệt. Hiện tại thì điện đóm tù mù, nước sôi tanh tưởi, đường xá rác rưởi, người ngọm ồn ào, chính quyền thối tha, dân trí bệ rạc. Còn dĩ vãng ư? Dĩ vãng tắt ngấm. Tương lai ư? Tương lai chôn từ mấy nghìn năm nay chưa cải mô. Vậy bạn ơi, quan trọng gì vài ba cái cử chỉ văn minh tiểu tiết!

Tôi lò mò ra thay trà. Cậu Luân trầm ngâm phản đối : “ Anh câu toàn mà cực đoan quá ! Mười mấy năm trước còn chẳng ai dám sang trọng. Bây giờ được cái quyền ấy, mình không tiên phong nắm lấy thì dân chúng biết đường nào mà dùng, lại ném đi à? Họ biết trông vào đâu mà khá lên được? Trông vào trí thức chắc? Bọn trí thức thích văn hoá đặc tuyển thì sống đời hạ lưu bản tiện. Bọn trưởng giả thích phong lưu thì ô trọc. Bọn cung đình thích quý tộc thì tỉnh lẻ ngơ ngáo. Bọn thanh niên thích tân tiến thì trốn ra nước ngoài. Không mình thì ai đứng ra mà xây dựng cái văn hoá thượng lưu chưa bao giờ có ở xứ này?” Cậu Luân nói chân thành, tha thiết, tôi chỉ hiểu lỗ mỗ cũng động lòng.

Khách cười lớn : “ Cầm đèn chạy trước ô tô thì tiên phong hay là mù quáng? Dân thượng lưu nước mình đang cố mà trả giá cắt cổ cho bằng giới bình dân nước người cũng còn chưa xong. Chẳng trách bọn Tây ba lô đến đây cũng được hầu như ông bà. Bọn Việt kiều thì mua hàng hạ giá bên ấy bằng trợ cấp thất nghiệp, đem về bán lãi cho *Intershop*. Sang trọng của người ta, như riêng đồ trang trí trong cửa kính cái tiệm *Hermès* ở Paris hàng kỳ cũng trị giá bằng ngân sách văn hoá Việt Nam một năm. Mình sang trọng thì ghếch chân lên cho thẳng bẻ đánh giầy bôi phẩm đen trộn với bột sắn. Văn học Việt Nam hiện đại tả năng nào rục rở cũng cho mặc áo phong quần bò. Dân quê ra tỉnh, đi sắm áo phong quần bò trước khi vào thăm làng Bác. Phái đoàn của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam đi tham quan ba nước Tây Âu vừa rồi, diện đồng loạt áo phong quần bò. Tôi bảo thì thay ra, diện đồng loạt áo dài thêu sặc sỡ linh tinh, trông như đi hội hoá trang cả lũ.”

Cậu Luân nhăn nhó cười đồng tình. Cô Cam vội đem khoe tập ảnh chụp cô trong bộ mẫu thời trang, nói là cậu Luân vừa giật giải *Fadin*, sắp tới mang đi Manila trình diễn. Ông Pierre Cardin đem bộ *Maxim's de Paris* sang đây ra mắt hội tháng Mười cũng đánh giá cậu Luân là một tài năng độc đáo.

Khách thờ ơ liếc qua, nói : “ Nghe Tây khen thì đổ thóc

giống ra mà ăn. Chúng nó có thói lịch sự xoa đầu trẻ con. Cứ chịu khó theo chân chúng nó, nhưng đi sau ba bước, là được khen tuốt. Ba bước là vừa đủ. Bốn bước nó chẳng buồn ngoái cổ. Hai bước nó lại sợ mình lẩn, quay ra chê ngay là mình học đòi. Còn độc đáo thật của mình, chúng nó hiểu thế quái nào được ! Xúng xính thế này là hợp cho các mợ mặc đi siêu thị. ở ta đi siêu thị diện âm ỉ, quá bằng ở Tây đi opera. Đi nhà hát thì ở ta đánh bộ pích ních, đi pích ních thì đóng cà vạt, áo dài, cho thế mới là đúng điệu. Hay thử tạo một áo ngủ cho giới thượng lưu ta diện đi khiêu vũ ? Mấy giọt văn minh hứng một của người cũng làm ao nhà nổi sóng đấy, cổ lên các bạn thân mến a ! Tôi bây giờ chỉ muốn tìm lại những tinh túy của dân tộc, không đâu có được. Xong thì lên ở với đồng bào Thượng. Làm cái nhà sàn, ăn thịt thú săn, ra suối bắt cá, hái măng rừng, lam cơm ống nứa, ôm lưng mấy em sơn cước.”

Tôi trọ chân một cái, hất được già nửa bã trà vào cái cổ cồn trắng nuột của khách. Lên ở với đồng bào Thượng thì cần gì cổ cồn. Không phải tôi rồi hơi mà đỡ cho cô cậu, chỉ làm thế để đừng tưởng tôi hèn hạ, bị cô cậu chê cười mãi, bây giờ thấy cô cậu bị người chê cười thì sững hỏi.

Cô Cam chồm lên tát tôi một cái. Chắc rất tay đẹp, nên chìa cho cậu Luân xoa. Khách trợn mắt nhìn tôi, ý hỏi ở đâu ra cái của này.

“ Anh thích thì cầm về mà dùng !”, cậu Luân đắc thắng đáp. “ Gái Mường chính gốc đấy, đảm bảo nói mười hiểu một, văn minh thế nào cũng không biến chất đâu.”

Cô Cam ứa nước mắt vì ngượng với khách, rên rí kể những tội vụng dại tây trời của tôi, rồi chép miệng than : “ Khốn nỗi nó lại ngoan ngoãn thật thà, duối đi thì mình mang tiếng nhẩn tâm hay sao ? ”

Tôi lủi thủi về buồng, tìm hộp *tampons* Phân Lan đựng quả phồn khô. Cái hộp giấy ấy hở nắp, phải quành dây chun mới kín, nhưng tôi giữ để chứng minh, nếu không mẹ lại bảo là chuyện bịa, rằng cô Cam dứt những thỏi bông bé bằng đầu ngón tay út ấy vào cửa mình để hút kinh nguyệt. Ngày xưa các cụ dùng bông gòn quấn chỉ là nhất, từng tiệm thì lá chuối khô hơ mềm. Bà dùng giấy bản. Mẹ dùng vải xô. Tôi dùng băng lót. Cô Cam đưa tôi thử cho biết, nó mềm, nở, khô, thoáng, êm dịu và an toàn do sử dụng công nghệ lưới siêu thấm với kỹ thuật lựa hoá bề mặt và công nghệ ép chân không. Tôi không dám.

Cậu Luân bảo : “ Ngu thế ! Nước mình có khi chế được nút bom nguyên tử, nhưng cái nút phụ nữ này không làm nổi đâu.”

Tôi sợ cho vào, sau này lấy chồng, nhờ chồng lại nghi là đã hư hỏng.

Tôi đập mấy chum quả lấy hạt, giã nhỏ, ép mãi được bảy, tám giọt dầu. Cha tôi vẫn bảo, nhà mình có cây phồn ở sân sau, khỏi rước thầy thuốc vào sân trước. Thuốc hay là thuốc độc. Miền xuôi gọi cây phồn là ba đậu, chữa không biết bao nhiêu chứng tích tụ, phong, thũng, trúng, ngất. Tôi rỏ cả bảy, tám giọt ấy vào lọ dầu thư giãn da mặt ban đêm của cô Cam. Sáng hôm sau, cô Cam khỏi đánh phấn hồng, mặt đã bùng bùng như lửa. Đến trưa thì phồng rộp. Đến tối mọng nước. Đến đêm mưng mủ. Hai tuần sau đóng vẩy thâm sì. Cậu Luân không ngồi bên cạnh nhặt vẩy nhọt bong ra mà ăn, cho có vị ốc bẻ, như người nào sành ăn của quý trong truyện gì của Tàu.

Cậu chỉ gửi hoa hồng *Singapore* hàng ngày. Cô Cam không hỏi tôi, Tâm ơi Tâm, mày dầm sương dãi nắng, sao da mày trắng ? Để tôi bảo, muốn trắng thì đào hố, bỏ cái mặt mụn vào đấy, rồi gội nước sôi, như trong truyện gì của ta. Truyện của người Việt miền xuôi. Người Mường không kể những chuyện như thế.

Khách không cầm tôi về dùng, nhưng dặn lại rằng đừng phạt nó, phải tội. Nó không nghe ai xui dại, vùng lên làm cách mạng, thế là còn may. Tháng ấy tôi bị trừ sạch tiền công. Cô Cam bảo để nhớ, chứ cả năm công xá của mày chưa tậu được một cái vạt áo sơ mi ấy đâu. Tiền tâm tôi bớt được cho cô mỗi tháng cũng bằng tiền con ở, nhưng không phải để đập vào chỗ tôi bị khâu. Làm thế chỉ vì thấy phí phạm thì phải có trách nhiệm ngăn ngừa. Cô Cam hậm hực mãi, không biết vì áy náy với khách, hay vì muốn trừ cả tiền công hai năm của tôi cho đủ hai vạt, nhưng lại sợ mang tiếng nhẩn tâm. Từ đó tôi cho đánh rắm để xả bớt hậm hực.

Bây giờ chỉ còn việc đi chợ. Ít lâu nay cô cậu nhất định chỉ dùng cơm quê thanh bạch, dọn bằng bát sành chiết yêu trên mâm gỗ mộc, ngồi chõng tre mà ăn. Vừa ăn vừa nghe một bà già nhà quê hát xẩm trong băng và ngắm những cái giỏ cua, nơm cá, gầu sòng... bày biện thật là khe khát. Cái gùi mầu khói hun nâu sẫm ở tận Sa Pa đem về treo ở góc phòng khách, bên trong chỉ đựng nửa dải thắt lưng lụa hoa hiên, nửa kia buông lơ lửng ngoài hồ hững. Chiếc quạt mo che ngang miệng một cái vai da lươn cực lớn, bảo là vai đời vua gì gì. Bên cạnh lối nhỏ chĩnh, cồng, chum, khạp, ấm, nậm, áng, âu. Những thứ người ta đẹp gọn vào gầm giường, góc bếp, góc chuối, thì cô cậu giăng ra, rồi phàn nàn là thiếu không gian. Gối thổ cẩm để rải rác, trên bậc cầu thang cũng lù lù vài chiếc. Tôi đại dột đi nhật, xếp ngay ngắn lên giường, bị mắng một trận. Cô cậu lại đem gối ra cầu thang đặt. Gật gù khen đẹp. Suốt ngày chỉ quần quanh chuyện xấu đẹp. Đầu óc không còn biết nghĩa lý gì. Hỏi tôi, tôi thưa, như cái nổi đất đặt nghiêng cạnh con gì bằng đồng đen kia, ở nhà cháu để một loạt sau chuồng gà, đựng nước tiểu tưới rau tự túc. Cô Cam nhăn mặt. Cậu Luân than rằng dân mình sao mà khó hiểu, cái vò đẹp như thế thì chôn xuống đất cất mắm, mảnh ván quan tài kinh hồn như thế thì khui lên đóng giường nằm. Cứ có cái gì hay mất thì giấu biệt đi, rồi ngang nhiên sống với những thứ xấu xí bẩn thỉu. Cậu nói cũng phải. Mẹ tôi, con gái ông đồ vùng lụa, mấy năm dành dụm may được một cái áo mới, đem mặc bên trong, cũ đi một chút mới diện ra ngoài, sợ đẹp quá thì ngượng.

Bộ mẫu thời trang lần này, cậu Luân bảo là cách điệu từ thẩm mỹ dân dã. Không hiểu sao lại gọi tôi, hỏi ý kiến, nói đùa là hỏi chuyên gia. Hỏi mà tôi thưa lại mắng.

Áo xống cô Cam thỉnh thoảng thả ra, bảo này Tâm, còn mới lắm, cho mày mang về quê diện, tôi không biết diện vào chỗ nào trong người thì đúng. Cái có hai tay, bên trên lại luồn chun như cặp quần. Cái có hai ống, lưng chùng lại thùng ra hai lỗ như để xỏ nách. Cái ngắn cũn, tưởng là quần lót, hoá ra không đáy. Cái loè xoè tưởng váy bông chiết eo vào giữa mông. Có cả một cái trông như chiếc đèn lồng, cô Cam giăng là áo ngủ. Tôi không dám. Thế ra mình là ngọn bác cháy ở trong ấy a ?

Tôi chỉ biết gộp những thứ cô Cam mặc trên người thành bốn loại, một là giặt máy bằng nước lạnh, hai là giặt máy bằng nước ấm, ba là giặt tay, bốn là giặt khô ở tiệm. Cô chia sẵn, bảo việc này không giao cho mày được. Ủi cũng giao cho tiệm, sau khi tôi làm cháy một chiếc tất siêu sợi và chăm chỉ là phẳng những nếp gấp li ti của một chiếc khăn lụa nhẵn. Tôi tưởng cô Cam sợ nhẵn. Cậu an ủi cô, may mà nó chưa cắt hết máu của cái áo khoác bằng vải lanh sùi. Tôi nghe tên vải mà hoảng hốt. Vải bông, cô cậu gọi là cốt tông, nghe mấy chục lần còn nhớ. Như siu, soa, sọc, ka tê, lai cờ rơ, tuyết xi, giơ xi, mút xơ lin, cát xơ mia, la tếch, cờ rếp, vít cốt, vớ thun bò, thun gân, thun lưới, thun nhún, nhưng chìm, nhưng sỏ, nhưng sọc, len dê, len cừu, len cào, len tuyết... thì chịu, mỗi loại một chế độ chăm sóc, một kiểu thưởng thức, một cách sáng tạo, một chức năng thẩm mỹ, một đời sống, một linh hồn, như cô cậu tuyên bố. Hàng trăm linh hồn khoác ngoài da như thế là văn minh. Chín mươi vía người Mường giấu bên trong thì đại phản động.

Những thứ cậu gọi là Việt phục, tôi nghĩ chả người Việt nào điên mà mặc như thế. Áo dài thân trước ngắn hơn thân sau mấy tấc, cậu Luân còn ngấm, cho rằng phải bảo thợ sửa, vén thân trước thêm hai phân. Bộ bà ba bằng vải láng, từ trên xuống dưới đen kịt, chỗ hai tay chấp lại may vải thô trắng, để mỗi bên một vế câu đối gì bằng mực Tàu. Quần xéo bằng vải bố, mầu nước dưa nhờ nhờ, may lủng, để thò ra hai ống chân quần xà cạp lụa mầu nõn chuối, bên dưới đi đôi guốc mộc quai da mềm. Cậu giảng là như vậy cái mịn màng của xà cạp và cái thanh tú của chiếc quai da mới gây xúc động. Cái đẹp vô cảm là cái đẹp hơi hợt dễ chán. Bây giờ cậu mới thấy mình đủ chín, đủ sâu lắng để nhìn ra những vẻ đẹp mỏng manh mà khiến người ta thốt tim. Quai có nên mảnh hơn không? Cậu tự hỏi. Tự gật. Cậu quyết định xén bớt năm ly. Tim tôi cũng thốt vì buồn cười mà phải nhin. Cô cậu thường chê cách tôi bung miệng cười là chueế.

Rồi đến trang phục của các dân tộc thiểu số, chắc phải gọi là Thượng phục. Tôi nhìn lấy lệ những khăn piêu, xà rồng, áo chên, váy xoè..., chả biết nêu ý kiến gì, xem mãi chỉ đâm nhàm. Người ta có ba bộ thay đổi thì quý cả ba bộ. Có ba chục bộ, quý được một. Có ba trăm, chán cả ba trăm. Người có ba nghìn bộ ắt không còn muốn mặc gì nữa.

Cậu Luân kéo tôi về với bộ váy áo cô Cam đang thử, bảo là nữ phục Mường. Cô cũng đi chéo chân thành một vệt những hình chữ ịch xì, lúc mau, lúc chậm, lúc đứng sững bất động. Kiểu đi đứng ấy cô phải theo thầy học hết bảy tháng liên tục, trả biết bao nhiêu tiền. Tự dung bây giờ cậu Luân bảo không hợp. Nghĩ thế nào, bắt cô thay ra, sai tôi mặc vào. Cháu chả dám, tôi chối, tôi bỏ chạy, không được. Cậu tự tay mặc vào. Một cái khăn chít đầu bằng lụa ngà thêu những bông hoa sim tím tím. Một cái yếm cũng mầu ngà bằng vải gì mỏng tang. Một cái áo cánh bằng vải lanh gai mầu tím thắm khoác hờ. Một cái váy ống cũng mầu tím thắm, lại bằng vải gì mỏng tang. Một cái tênh, cũng bằng lụa ngà thêu hoa sim tím. Tôi nơi lông. Cậu bắt thất thật sít, cho nổi mông. Cuối cùng đến cái cạp váy, mầu rừng rực, chen chúc hỗn loạn, không ra hoa văn gì. Tôi kéo lên. Cậu bắt hạ xuống. Cậu chỉnh cho cạp váy vừa đủ chồm lên yếm, khiến ngực tôi ùn lên, ào qua lần vải nõn thành hai đống thốn thện. Tôi che. Cậu đỡ. Tôi sờn gai ốc,

người như phát cuồng. Cậu hài lòng, bảo rõ ràng là gái Mường. Nhưng gái Mường của nghệ thuật hiện đại.

Cậu bắt tôi nhìn vào gương.

Cái gương bảo rằng, trông tôi nhớ nhăng, tổng ngông, kém nhả vô cùng. Đùi thì như cây cột. Đầu vú nào có hồng.

Đàn bà Mường chỉ mặc hai mầu đen trắng. Trang trí dè dẻn. Duy có cái cạp váy là để che ngực cho thêm kín đáo và điểm một chút hoa văn. Nhưng mầu pha thế nào cũng phải trầm, có cung bậc, có hoạ tiết. Không trơ, không tươi hơn hơn và lung tung bèn bèn thế này. Người Mường không dùng mầu tím. Mà sim nở đầy rừng thì thêu hoa sim làm gì.

Tôi ngập ngừng thưa rằng, đẹp lắm ạ, nhưng nhớ có người Mường nào lắm cảm, chưa tiến bộ, xuống đây đòi danh dự cho phụ nữ của họ thì nguy.

Cậu Luân cười sảng sặc. Cô Cam mắng té tát con này hỗn nhĩ, con này giỏi nhĩ.

Cậu Luân soi mới tác phẩm của cậu trên người tôi thêm một lát, thấy chỗ nào có vấn đề là sục tay vào sửa. Lúc mặt tôi trong gương đỏ tái, còn mặt cô Cam tái sạm, cậu tự dung đối ý, bảo thời trang tất nhiên phải khiêu khích, nhưng mày mặc trông khiêu khích rẻ tiền. Nghiêm mặt, quát tôi cỏi.

Quát mắng thì tôi im. Họ hết khôn, đồn ra đại đến thế, có sống ở đời cũng không bằng cha tôi ở trên trời. Cô Cam mặc cái áo tứ thân may bằng vải sô sỏ gấu, mỗi vạt một mầu, bên trên đánh cái nón mê tả toai nhuộm đỏ, dưới đi đôi dép rơm. Như hề đi đưa tang mình. Thế là khiêu khích thần chết hay sao?

Thích thế thì tôi cho thế. Đúng lời mẹ dặn nhé, có thế nào cũng không cam tâm làm người vô ơn.

Chiều nay tôi kho cá bóng. Bóng bóng bang bang ơi, cô Cam xoi bóng với com vàng com bạc nhà cô nhé. Cô thì canh rau ngót cho mát cho lành cái bụng trưởng. Cậu thì riêu cua cho mầu mỡ nghệ thuật. Những món này cô cậu khen tôi nấu thạo.

Tôi hái hết chỗ lá lơ thơ của cây lá ngón trồng trong cái bát nhỏ để ở bậu cửa sổ. Lăn đi du lịch Mường Lặt tìm cảm hứng sáng tác, cô cậu thấy cái cây hoang, hoa vàng xinh xinh, đòi đem về trồng làm cảnh. Tôi bảo thứ này khó trồng trong nhà. Quả nhiên nó còi cọc, chăm bón mãi mới lên dăm bảy cái lá khổ sở. Bây giờ giải phóng cho nó, được ở chung một lát với rác đẹp trong chiếc thùng rác bằng inóc mua ở tận Bàng Cốc. Mười phút nữa là xe rác đến đánh keng.

Tôi thái cả nắm lá vào với rau ngót. Cô bát ấy. Cậu bát khác. Như thế là để cậu có dịp tự do thể hiện cái tình gắn bó. Chưa cưới, nhưng ngủ rắm nhau là ra vợ chồng. Trong Vườn hoa núi Cối toàn các chàng tự ý đi theo các nàng về bên kia cả.

Còn ngày ấy nhà bà Lý không chết theo nhà tôi thì bây giờ nhà tôi không chết theo nhà bà Lý. Công bằng chỉ có như vậy, không đòi thì còn sỉ nhục gì?

Phạm Thị Hoài

[truyện này đã đăng lần đầu trên tạp chí VIỆT, tháng 8-2001]

Hoa sứ trắng

Trần Thùy Mai

Tôi là cô giáo, còn Stéphane là... học sinh. Một học sinh vừa lười vừa bướng bỉnh, có đôi mắt sâu thẳm màu xanh nước biển. Lần đầu đến dạy, tôi ngỡ ngàng vì đôi mắt ấy luôn toả ra thứ ánh sáng mơ mộng như thường thấy trên khuôn mặt những nam thần trong tranh thời Phục Hưng.

Ngôi biệt thự mà Nguyệt Cẩm, bạn tôi, cho Stéphane thuê là một ngôi nhà kiểu xưa, trước hoa viên có một pho tượng thiếu nữ Huế nặn rất vụng về. Cẩm không nói được tiếng Pháp, nó nhờ tôi giải thích với Stéphane: “ Ngày xưa, ông nội Cẩm yêu một tiểu thư hoa khôi kinh thành. Không lấy được cô ấy, ông tự tay nặn pho tượng này để suốt đời tưởng nhớ ”. Một pho tượng tầm thường, nhờ một sự tích nhỏ, bỗng đẹp lên, bí ẩn và quyến rũ. Stéphane bảo: “ Với người đời nay, chẳng có gì có thể là suốt đời. Những chữ ấy đã thuộc về cổ tích ”. Về sau, mỗi lần đến dạy học, tôi thường tránh qua lối đi bên phải. “ Tại sao ? ” - Stéphane hỏi. Tôi ngập ngừng: “ Pho tượng đã đứng đó quá lâu. Ở phương Đông người ta tin những vật vô tri sau thời gian lâu dài sẽ trở nên có linh hồn. Tôi cứ thấy cô ấy nhìn theo tôi ”.

Ngôi nhà cổ xưa được trang bị bên trong với đủ tiện nghi hiện đại, nhưng Stéphane không thích giam mình trong phòng. Nguyệt Cẩm bảo tôi: “ Bà cô giáo đến rồi mà đều chào thua ”. Thế mà tôi đã dạy Stéphane hơn năm trời. Cẩm tròn mắt lên khi nghe Stéphane nói những câu tiếng Việt khá rõ ràng “ Chào cô. Cô có khoẻ không? Hôm nay là ngày rằm. Cô có đi lên chùa ? ”. Bí quyết dạy học của tôi khá đơn giản : Biến những buổi học thành những cuộc đi dạo ngoài trời. Stéphane hào hứng bảo: “ Như Như à, người ta thường bảo nếu một người Ý không phải là nghệ sĩ thì sẽ là một nhà đi biển. Có lẽ tôi thuộc nhóm sau, luôn luôn thích phiêu lưu ”. Tôi nói với anh rằng tôi đã biết máu viễn du của dân tộc anh từ khi còn là một cô bé, qua câu chuyện truyền kỳ về Máccô Pólô, con người đã chọc thủng bức màn bí ẩn ngăn cách phương Tây và phương Đông vào thế kỷ mười ba. “ Đây Như Như, trước đây tôi cứ tưởng Máccô chỉ đơn giản đi tìm sự giàu có. Còn giờ đây tôi tin là anh ta đã bị sự huyền ảo của phương Đông thu hút ”. - Thế nhưng cuối cùng ông ấy cũng rời Trung Hoa, trên một con thuyền. - Như Như, ông ấy thật hạnh phúc, đã ra đi cùng một nàng công chúa.

Tôi mỉm cười vì sự gian lận của Stéphane. Thực ra, nàng công chúa không phải dành cho Máccô vì ông chỉ được đưa nàng đến xứ Tibet, nơi nàng sẽ trở thành hoàng hậu. “ Chẳng Máccô của chúng tôi thật ngốc - Stéphane liếc nhìn tôi rất ý nhị - nếu tôi cùng nàng đi chung một con thuyền, tôi chẳng bao giờ chịu đưa nàng vào tay kẻ khác ”. Tôi đỏ mặt, vì lúc ấy Stéphane đang cùng tôi ngồi trên một con thuyền ngược sông Hương...

Không ai ngờ một người Ý mới học tiếng Việt và một người Việt không biết tiếng Ý có thể nói với nhau vô vàn

chuyện trên thế gian như thế. Tiếng Pháp với tôi cũng như với Stéphane, đều là ngoại ngữ. Trên cây cầu vay mượn ấy, chúng tôi đã đi với nhau một chặng thật dài... Lúc ấy tôi vẫn chưa nhận ra, một chặng đường ấy có thể dài bằng cả cuộc đời.

Chiều thứ bảy, nghỉ dạy học, nghĩa là nghỉ dạo chơi. Tôi đến gặp các bạn gái tôi ở câu lạc bộ khiêu vũ nữ. Đã có nhiều lần Stéphane ghé qua đây tìm tôi, anh ngạc nhiên thấy từng đôi nữ ôm nhau nhảy Tango: “ Có phải đây là một tụ điểm của người đồng tính luyến ái nữ ? ”. Tôi nín cười giải thích rằng không phải thế, ở thành phố này, đây là một sinh hoạt giải trí được xem là thanh khiết. Hôm ấy, tôi đi slow với Ngọc Sương. Sương nói thắm: “ Mi điên sao? Cặp kè với thằng Tây đó cả năm trời, thiên hạ đều biết. Sau này hán sống về Tây, mi khó mà kiếm chồng được ở cái thành phố ni ”. Tôi ngẩn người. Sương hơn tôi ba tuổi, người đầy đặn sung mãn, nước da ngăm ngăm hồng, là vợ một viên chức có cỡ trong tỉnh. Tính Sương dịu dàng, ít nói nhưng lời nói như kim châm huyết. Nguyệt Cẩm thì bô bô: “ Bà còn solo nhưng bọn này có chồng. Mấy ông chồng mà thấy Stéphane lui tới thì bọn này hết chỗ vui chơi. Mà hôm nay không học, sao hán cũng theo Như tới đây ? ” Tôi sực nhớ ra, chẳng biết từ lúc nào Stéphane đã tự giành lấy cái nhiệm vụ đưa đón và che chở tôi. Có lần, cha tôi đã nói bóng gió khi ngồi trong hiên nhà nhìn ra vườn, tay cầm quạt chỉ vào cái am nhỏ nhất, thấp nhất trong số bốn cái am thờ bốn bà cô đời trước. “ Đó là am cô Sáu, đi lấy chồng được một hôm thì nhà chồng cho gánh con heo luộc cắt tai qua làm lễ nhị hi. Cha và anh phải sang tạ tội lãnh con về. Bà chết già, không lấy được ai nữa. Cái am thờ bà vì thế phải xây nhỏ hơn, thấp hơn am của những bà cô đồng trình ”. Heo nhị hi bị cắt tai nghĩa là cô dâu không còn trinh tiết khi về nhà chồng. Tôi cười bảo ba: “ Bà yên tâm đi, ông Stéphane rất đúng đắn với con ”.

Thực ra Stéphane nhiều lần bảo tôi “ Trong yêu đương chẳng có gì là không đúng đắn ”. Nhưng tôi sợ. Nỗi sợ nằm trong bản năng tự vệ của nữ giới.

Đêm rằm tháng tư, ngồi trên thuyền, tôi thả xuống sông chiếc đèn hoa màu xanh lục. Stéphane bảo: “ Em có thấy màu xanh lục trên sông thật lạnh và buồn không? Tôi sẽ làm cho nó ấm lên ”. Anh thả một chiếc đèn màu đỏ, hai chiếc đèn hoa tựa vào nhau trôi trên sông đêm. Stéphane cầm tay tôi lên hôn, rồi anh ôm chặt tôi vì thấy tôi run và sắp khóc. “ Stéphane, bao giờ anh đi ? ”. “ Tháng tám. Như Như, tôi không muốn đi một mình. Em hãy trả lời tôi đi ! ”.

Quê xăm tôi xin được ở chùa Ba Đôn là quê xăm tốt. Stéphane rất thích xem tôi xin xăm, anh bảo khuôn mặt tôi với đôi mắt nhắm nghiền đây về sùng tín thanh khiết. Lời quê là một câu thơ, khá trong trẻo nên không cần dịch ra, Stéphane cũng hiểu. “ Trời xanh trắng tỏ rạng, soi sáng việc đêm khuya ”. “ Thế nghĩa là thế nào? - Stéphane hỏi - Tại sao khi mình đang cần lời chỉ dẫn, mà thần thánh lại không chịu nói rõ hơn ? ”. Vị sư già giải thích rằng lời quê thế này là rất rõ ràng: Trời quang mây tạnh là điềm lành, đêm lẽ ra tối mà lại sáng là vận may, trăng tròn không có mây che là ý nói sự mãn nguyện. Rút được quê này, thí chủ mong gì trong lòng cũng thành. Stéphane cung kính chào từ biệt, khi ra đến cổng chùa anh ghé tai tôi : “ Dù cho quê có không tốt thì anh cũng bắt Như xin lui xin tới cho đến khi nó tốt ”. Tôi bật cười... Chiều hôm ấy, rất hạnh phúc, tôi nhận lời câu hôn của nhà đi biển.

Đó là lần cuối cùng tôi đi xin xăm, bởi chẳng bao lâu tôi nhận ra chính vì sự bí ẩn trong lời thơ mà bất luận giải thích thế nào, các quẻ xăm luôn luôn đúng. Rằm tháng sáu, Nguyệt Cẩm rủ tôi đi mua hoa. Tôi phân vân giữa chợ muôn màu: Rằm tháng tư tôi đã cắm hoa sen cho Stéphane, rằm tháng năm hoa hoàng anh lấm tấm vàng. Giờ tôi muốn tìm một thứ hoa khác của mùa hè nhiệt đới. Như sự nhớ ra, Cẩm đưa cho tôi một miếng giấy thơm quấn đầy những sợi tóc đen dài. “ Sáng nay do người làm dọn phòng, thấy tóc mi vương đầy gối Stéphane, ta phải nhanh tay thu lấy. Tội người làm nhiều chuyện lắm, đừng để chúng biết ”. Tôi tái mặt, bàng hoàng một lúc mới ấp úng: “ Oan thị Kính. Tao chưa hề bước chân vào phòng Stéphane ”.

Đêm, trăng sáng in hình những cành sứ khảng khiu chòn vòn trên lối đi trong vườn. Tôi hái hoa bằng dao, mù sù rờn rờn nhỏ xuống như sữa. Trắng muốt và thơm ngọt ngào, những bông sứ ngậm sương hơi khép lại. Cha tôi lo lắng thấy tôi mặc áo dài. “ Tối rồi, con đi đâu? Đi đêm mặc áo trắng không nên, con ạ ”. Nhà Stéphane vắng lặng không ai. Lần đầu tiên tôi đến ngôi dưới chân pho tượng mà không còn thấy sợ. Cô gái và tôi nhìn nhau. Tôi run rẩy, dường như cô gái này biết về Stéphane nhiều hơn tôi. Ánh mắt cô bé sáng nổi lo âu ma quái, khi bên tai tôi, vắng tiếng xe chậm lại, tiếng cánh cổng sắt rít lên, chính anh đang trở về giữa khuya...

Người đàn bà mặc áo đen, trăng xuyên qua tấm khăn voan mỏng cho tôi thấy những đường nét thanh tú quen thuộc. Hai chúng tôi nhìn nhau. Trăng sáng loá giữa trời - có phải ánh trăng trong quẻ xăm bí ẩn ? Tôi loá mắt. Trăng trên áo tôi, trên những bông sứ đang thơm ngát, trên những vũng sương trắng trong vườn. Những màu trắng với phản quang chói rục. Tôi nhắm mắt, mù mẫm, chỉ kịp lăm lăm khi cảm thấy Stéphane đang chạy đến bên mình: “ Stéphane, em đem cho anh hoa sứ trắng ”. Nhưng bông hoa rơi thật dụi quanh mình tôi khi tôi ngã xuống trong vũng trăng...

Tháng chín năm ấy, tôi lánh mình trong nhà như người ẩn tu. Cẩm đến thăm, bảo tôi thật ngạc nhiên khi để Stéphane ra đi mà không bắt hán làm đám cưới. Tôi đắn đo mãi mới nói: “ Những sợi tóc trên gối Stéphane không phải của tao. Tao đã gặp người đàn bà đó ”. Cẩm ngớ người: “ Ai thế ? ”. Tôi ngậm miệng. Tháng sau, khi chồng Ngọc Sương đột ngột lên đường đi tu nghiệp ở Ý một năm, bộ óc sắc sảo của Cẩm mới bắt đầu hoạt động, nó vụn vụn hỏi tôi đủ điều. “ Một quả Cẩm ơi, để cho nước trôi qua cầu đi. Mi tò mò như một con ma tinh lè ”.

Rằm tháng tư năm sau chồng Ngọc Sương từ Ý về, lâu lắm mới đến thăm, nhằm lúc hai vợ chồng đứng giữa ngôi nhà đang đập ra xây lại. Chừng như hàm ơn sự im lặng của tôi, Sương kéo ra một góc, thủ thủ: “ Những lần mình đến ngôi nhà đó chỉ có nghĩa như một sự cảm ơn. Lẽ ra Như không nên thế, với đàn ông cần phải biết tha thứ ”. Tôi lắc đầu, thực ra tôi không bao giờ nghĩ rằng Stéphane có lỗi. Chỉ có điều tôi nhận ra, Stéphane là một nhà đi biển thực thụ. Mọi tình này với anh là cuộc viễn du vào một miền văn hoá lạ, trong khi với tôi nó giống bầu trời của người hành hương lên núi cao, một là có tất cả, hai là bóng đêm và vực thẳm. Đây cũng là lúc tôi hiểu rằng dù sống trên một xứ sở có bờ biển rất dài, tôi vẫn mang tập tính của cư dân vùng núi. Trước khi ra đi, Stéphane bảo: “ Sao em không lấy tôi làm con thuyền ? ”. Tôi nhìn anh lần cuối, qua nước mắt, vẫn còn nhận được nơi đôi mắt xanh thăm kìa,

chính chàng cuối cùng cũng nhận ra sự cưỡng lại đây vô thức của tôi.

Sự cưỡng lại để không tan hoà trong biển của chàng, biển mà tôi yêu.

Chàng Maccô của tôi từ khi ra đi không gửi thư từ gì. Chồng Ngọc Sương bảo anh ta đã có dịp đến thăm nhà ông Stéphane, một căn nhà xinh xắn ở ngoại ô, có pho tượng nhỏ trên bãi cỏ xanh. Khi hỏi đây là tượng của ai, ông Stéphane bảo: “ Đây là ký ức của tôi về một nàng công chúa. Tôi thường không tin tưởng ở mấy chữ “suốt đời”, tuy nhiên, bao lâu còn có thể, pho tượng này sẽ nhắc tôi nhớ về những giấc mơ và niềm ân hận mà tôi để lại ở phương Đông ”.

Trần Thuỳ Mai

Lao Động 09.06.2001

Không để

Ở phía đối diện mặt trời
vẫn là đối diện nỗi buồn
cũng tự hỏi lòng
suốt đời chỉ mãi thế thôi sao?

Ở phía đối diện mặt trời
đỉnh tháp nhà thờ nhỏ
vạch lên trời một chữ thập dài.

Nghĩ những bước chân chệch choạch của mình
cũng làm cho con đường mòn thêm chút nữa
mà thương cho con đường.

Bên bờ biển, chiều tối
Có một người dắt một chiếc điều
và một con chó nhỏ.

Đứt dây điều bay đâu,
đứt dây chó chạy đâu?

Bên bờ biển, chiều tối
Một người không mang theo gì cả
đeo đẳng một nỗi buồn.

Không biết gió bắt đầu từ đâu
trên biển xanh rợn sóng.
Nhưng biết gió kết thúc chỗ nào
một nơi nào xa vắng...

Những đứa trẻ con tôi
chưa gặp nhau bao giờ
nhìn nhau qua ảnh
quen nhau qua băng hình

Chưa bao giờ được ôm nhau vào lòng
chưa bao giờ chơi đùa cùng nhau.

...Những đứa trẻ con tôi
Chúng biết nhớ nhau không ?

Đỗ Quang Nghĩa (9.2001)

Mai Ninh

Hạt điện cô đơn

Hiếm khi tôi có thể dừng lại để ngắm nghĩ xem mình sinh ra đời dưới một ngôi sao sáng chói hay mờ nhạt, vì tôi luôn luôn phải chạy. Không được đi, mà chạy. Thật ra, cũng chẳng thể nói tới chuyện “ra đời”. Tôi làm gì có ngày sinh, cũng không hề có ngày tử, nói gọn hơn, tôi là một hiện hữu vô hạn định. Khi nhìn ra “Cõi Ngoài”, ở đó có linh hồn và vật chất, tôi đã thấm thía thế nào là nỗi buồn. Không kinh nghiệm gì về linh hồn nên tôi chẳng thể ba hoa về nó, bạn sẽ tha hồ chế nhạo. Nhưng vật chất, tôi có thể bàn bạc đôi điều, bởi không có tôi, đâu có vật chất.

ở cõi ngoài, mọi vật đều có một con đường đời, đi từ đâu sinh đến đâu tử. Vật thể nào cũng có lúc bị ít nhiều biến thái hay biến chất. Vậy mà tôi, không rõ do đâu mình ra đời và khi nào được chết. Như thế, tôi không có cuộc đời, nên cảm thấy hiện hữu này trở thành vô nghĩa. Đó là một suy nghĩ, vướng mắc lẫn quẩn bao nhiêu lâu nay từng làm tôi u uẩn, nản lòng. Thôi thì, mất đầu sinh đã đành, nhưng chẳng bao giờ được đổi kiếp, thật mòn mỏi. Ưu tư là thế, nhưng tôi không hề mong chia sẻ nỗi khác khoải không-được-chết ấy với một ai. Vì từ thiên niên vạn kỷ, thế gian này miệt mài đi tìm phép trường sinh. Tôi không được cảm thông bởi cõi ngoài đã đành, cũng không với đồng chủng của mình. Trong thế giới của chúng tôi và trên con đường vận hành không ngừng nghỉ, anh em đồng loại chẳng ai thèm ngoảnh lại khi thấy tôi chùn chân mỗi gó. Họ còn vượt qua mặt, cười mũi với nhau, ối chào tên triết lý lảm cẩm. Bởi vậy, thà tôi cảm nín, ôm nỗi u sầu nan giải như bọc hành trang nặng trĩu.

Nhưng hôm nay, tôi muốn được tâm sự với bạn, người bạn cõi ngoài nhạy cảm. Vì tôi không thể lặng câm mãi, khi bao điều vừa xảy ra đang chấn động đời tôi một cách ghê hồn. Nhất là, một ngày kia chắc chắn chúng sẽ khống chế luôn tương lai của tôi, và hẳn nhiên cả cuộc sống của bạn. Rồi bạn sẽ hiểu vì sao tôi vừa cô đơn vừa hạnh phúc, lo âu lẫn hứng phấn, thất vọng nhưng vẫn cứ ước mơ. Nhưng, xin đừng ngạc nhiên khi tôi nói rằng tất cả chẳng qua một chuyện tình. Mà có gì lạ đâu, ở cõi ngoài của bạn, mọi điều tạo thành cuộc sống, thành văn hoá hay khổ đau, an lạc đều bắt nguồn từ cái gọi là tình-yêu, có phải?

Thế giới thành thang sinh động, muôn ngàn sắc thái của bạn đã thường xuyên ám ảnh, khiến tôi luôn luôn áp ứ giấc mộng rồi bỏ nơi cư ngụ của mình. ở đó tôi bị bao vây, ngăn chặn bởi bao nhiêu phần tử phải chung kiếp với nhau. Tất cả hợp thành mạng, thành cấu trúc, lớp lang thứ tự chặt chẽ hơn

cả những đơn vị gia đình, làng xã cùng quốc gia của thế giới con người. Tuy là vật thể nhỏ bé nhất trong vũ trụ nhưng thật ra chúng tôi là một tập hợp của nhiều chủng loại, khác biệt nhau chẳng những ở giới tính âm dương của phần tử cấu tạo mà con người gọi là điện tích, còn vì chuyện đồng vị, đồng phân...vừa phức tạp vừa bị bao nhiêu định luật kỳ bí khống chế và chi phối. Vốn mang điện tích âm, quy luật vũ trụ chỉ cho tôi được phép lãn la, kết hợp với một phần tử có điện tích dương nặng nề hơn tôi gấp bội, để lần quẩn quay vòng quanh hẳn ta theo một quỹ đạo buồn bã. Hai đứa tôi hợp thành đơn vị nguyên tử cơ bản của vật chất. Không hề được chọn lựa, nên trong sự ghép cặp ấy chúng tôi vẫn cố tình giữ một khoảng cách tối thiểu, chẳng hoàn toàn gần gũi, chia sẻ được gì. Một xã hội bị kềm kẹp hẳn nhiên không thể bền vững. Chỉ cần một kích thích dao động giản dị như thay đổi áp suất, gia tăng nhiệt độ...là hỗn loạn ngay. Những phần tử tuy cực nhỏ nhưng rất dễ kích động như tôi chẳng hạn khi được cung cấp một chút năng lượng là vói vàng từ già tên “bạn đường”, bứt rời quỹ đạo đơn điệu để lao vào cơ cấu trật tự chung quanh. Tôi lọt tới đâu va chạm, bắn phá những phần tử cùng chung sống, gây ra sự hoán chuyển lẫn xáo trộn môi trường. Và bạn hẳn biết rằng chính những náo loạn vô tội vạ ấy của tôi cùng đồng loại đã tạo nên bao hiện tượng vật lý điều khiển và ảnh hưởng tới thiên nhiên cùng sự sống con người. Thế nhưng bạn hãy yên tâm, sự việc thường chỉ như trò chơi, chẳng ghê gớm gì, không đi đến đâu, vì rất nhanh chóng những đụn độ này sẽ tước đoạt hết sức lực của tôi. Khi mất cả năng lượng rồi, tôi đành lủi thủi trở về tình trạng bình thường, tìm một tên mang điện dương để lập lại kiếp tâm gửi và chờ đợi một lần tái xuất giang hồ khác. Cứ thế, tôi không ngừng chuyển biến giữa hai trạng thái kích thích và cơ bản.

Tôi bị chìm thật lâu trong thâm u, sâu dưới chân núi. Hoàn toàn chẳng biết ánh sáng là gì để đếm thời gian. Sự sống được thể hiện bằng những tiếng thở than về nỗi sầu bi mọc dài của các rễ cây, bằng những nhúc nhích cự mệnh của các tinh thể mỗi lần sinh nở hay chuyển hóa. Mấy tên khoáng chất, nham thạch ẩn náu trong đất đá thường xuyên kèn cựa nhau để tranh dành một thể tích lớn hơn. Giữa bao thứ ấy, tôi thích lắng nghe những mạch nước ngầm róc rách bình thản rồi có lúc lại rạt rào cuống quít khi có trận mưa to trên trời.

Cho đến một ngày, bỗng nhiên bốn bề rung chuyển. Tiếng động cơ rầm rầm ở đâu cao xa lắm nhưng vẫn làm chúng tôi hốt hoảng, sợ hãi hỏi nhau phải chăng một cơn địa chấn? Rồi những mũi khoan khổng lồ từ trên mặt đất dần dần xuyên thủng bao tầng đất đá. Tia ánh sáng đầu tiên theo đó lọt vào tận chốn thâm sâu. Nó mong manh và yếu ớt lắm nhưng đủ để tôi ngỡ ngàng, thẳng thốt trước cái đẹp lung linh kỳ diệu. Một tia sáng, rồi hai, ba, rồi cả ngàn cả vạn thoát tràn ngập, rực rỡ. Tôi hoang mang tột độ, không hiểu hiện tượng gì đang xảy ra, khi một cõi lặng chìm tăm tối bất ngờ chói rực, tươi thắm. Trong ánh sáng rạng ngời, chúng tôi bỗng nhận ra diện mạo của nhau. Một thế giới muôn hình vạn trạng. Bao khoáng chất kết thành tinh thể lóng lánh màu sắc xanh tím vàng...li ti nhiều hình dạng, lẫn lộn giữa những khối đất vàng nâu, đen đui.

Trong suốt ống ả hay mờ đục xạ xịt, tất cả quanh tôi đều bùng bùng rạo rục khi tiếp xúc với mặt trời và không khí. Lần đầu tiên tôi được biết thế nào là niềm vui và sự bàng hoàng, nhưng nào ngờ, đây cũng là điểm khởi đầu một hành trình định mệnh.

Chẳng hân hoan được mấy đổi, người ta đã cào xúc cả hầm mỏ này đi, đưa vào những dàn máy sàng lọc, phân chất để cuối cùng tách rời từng loại. Tôi và một số đồng bạn bấy giờ bị kết hợp thành một kim loại mà con người đánh cho ký hiệu gọi là “Đồng”, rồi gửi đến một phòng thí nghiệm lớn. Tôi nằm im ở đây một thời gian, cho tới lúc người ta hào hứng đem ra trộn lẫn với hai ba hoá chất khác cũng phát xuất từ đất đai quặng mỏ, xong nghiền nát trong cối xay trước khi bỏ vào một lò nung rực đỏ, hơn ngàn độ. Bạn biết đâu rằng nhiệt lượng khủng khiếp ấy đã phân tán các cấu trúc kết hợp ban đầu giữa chúng tôi, mỗi thành phần bị bứt ra khỏi vị trí của mình, lao xao di tản, để sau đó lại sát nhập với nhau theo một cách sắp đặt khác hình thành mạng tinh thể mới. Rồi cuối cùng, người ta dùng kỹ thuật kết hợp những tinh thể vừa được sáng tạo này thành khối hay kéo thành sợi. Bấy giờ, tôi lọt vào trong một sợi dây dài chẳng hiểu bao nhiêu. Môi trường sống thay đổi thật đấy, nhưng hứng thú hẳn lên khi có sự hiện diện của con người. Qua câu chuyện giữa họ, tôi mới ý thức rõ ràng về vai trò của chúng tôi trong sự hiện hữu và quá trình phát triển đời sống ở cõi ngoài, qua cái họ gọi là tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Bỗng dung từ một phần tử cực kỳ nhỏ nhoi, tôi hãnh diện khi biết mình và đồng loại mang sứ mạng hình thành tất cả vật chất. Ngược lại, tôi bàng hoàng nhận ra quyền lực ghê gớm của cái phân vô hình vô ảnh mà con người gọi là trí tuệ.

Một ngày sợi dây tôi được đem đến một nơi đầy máy móc. Những người làm việc ở đây thường lộ vẻ khản trương trong những ngày này. Họ đang sửa soạn thực hiện một chuyện gì đó hình như quan trọng lắm. Tôi bị thu hút bởi khung cảnh mới nên bỏ quên chuyện chơi bởi nhảy nhót ra ngoài vòng sống nhàm nhạt, tự hỏi, mình có đóng vai trò gì không trong những sửa soạn mưu tính này? Nhưng tôi chẳng phải thắc mắc lâu, họ đã nối hai đầu sợi dây vào máy phát điện rồi nhúng cả sợi trong một thứ chất lỏng lạnh ghê người, cơ hồ trăm lần hơn băng đá. Cả bọn tôi bất thần cong queo, vội co cụm lại trong khi những làn hơi tỏa ra như giải lụa bay lơ lửng. Tôi chỉ muốn thoát khỏi các ràng buộc quanh mình để nhẹ nhàng bay theo chúng. Bỗng có tiếng người ra hiệu bật máy, tức khắc bao nhiêu tinh thể trong sợi dây bị chấn động như giữa làn sóng dữ dội. Một lũ hạt đồng loại với tôi ở đâu ồ ập ùa tới, hình như từ cái máy nối hai đầu. Chúng chạy đến đâu xô đẩy và sức mạnh ấy đã bứt tôi rời khỏi vị trí cố hữu. Tôi bị cuốn đi trong cuồng lưu ấy, chẳng kịp hiểu gì, nhưng tự nhiên cảm thấy bùng bùng ấm áp, như có ai đang ôm truyền nhiệt lượng. Hóa ra tôi vừa được kết cấu với một tên cũng mang điện tích âm như mình. Làm sao ngờ được, trong phút chốc tôi không còn cô độc nữa, đã có bạn đồng hành, và lại là một tên đồng loại đồng tính, một song sinh! Thế mới lạ lùng, từ trước đến nay chúng tôi không bao giờ đến gần nhau được bởi có một lực đẩy vô hình giữa hai điện tích âm, vẫn phải đua chạy trước đua chạy sau,

thật chẳng có gì thú vị. Càng kỳ diệu hơn khi tôi không bị mất sức nhanh chóng để bắt buộc trở về trạng thái cơ bản, phải dừng lại sát nhập với một hạch điện dương như thường lệ. Tay trong tay, cặp điện âm chúng tôi lao đi vùn vụt, cơ hồ môi trường chung quanh không còn sức cản trở hữu hiệu nữa. Tôi phơi phới cùng bao nhiêu cặp khác hơn hở băng mình trong cuộc marathon man dại.

Nào biết được hiện tượng kỳ quái gì đang xảy ra trong đời mình, nhưng việc chi phải tiêu hao tâm trí tìm hiểu lúc này. Niềm vui đầy ắp trên con đường bay nhảy thênh thang, sự truyền giao mật thiết với một song sinh ngẫu nhiên được có đã thi vị và thăng hoa cảm xúc đến tột cùng. Ấy vậy, đang mê cuồng trong cơn say, bỗng một động lực vô hình đẩy tôi lùi lại. Tự nhiên tôi thấy mình nhẹ hẫng, không còn chút sức lực nào, như hệt vào khoảng chân không. Hoảng hốt quay sang, tôi sững sờ nhận ra tên bạn yêu quý chẳng còn bên cạnh nữa, hẳn rơi rớt mất đâu rồi! Cùng một lúc, tôi bị đẩy về điểm khởi đầu, như thể vừa trải qua một giấc mơ ngộ ngông cuồng, hoang tưởng. Nhưng trong các tinh thể cả bọn thi nhau hô hấp ồn ào để dần nở về trạng thái cũ theo với nhiệt độ đang tăng dần, chứng tỏ sự kiện vừa xảy ra là điều có thật. Trấn tĩnh nhìn quanh, hóa ra sợi dây đã được nhấc ra ngoài không khí. Và những con người đang hiện diện nao nức chúc mừng thí nghiệm về chất siêu dẫn vừa kết thúc khả quan.

Có ngờ đâu, một sớm một chiều đang quán quanh ử dột dưới chân núi tối tăm tôi lại được con người luyện thành một vật liệu không còn điện trở lúc nhiệt độ hạ rất thấp. Người ta mãi nguyện khi tìm ra nguyên lý của hiện tượng siêu dẫn này. Trong chất dẫn điện bình thường, sự chuyển động của các hạt điện tử âm chúng tôi tạo ra dòng điện, nhưng những va chạm với các nguyên tử kết thành mạng tinh thể bao quanh trong vật liệu đã cản trở sự vận hành đó. Mỗi lần đụng độ là mỗi lần chúng tôi mất dần chân khí. Nhưng trong chất siêu dẫn, ở vùng nhiệt độ thấp, nhờ lực hấp thụ mạnh nên hai hạt điện tử âm chúng tôi không bị tách rời mà di chuyển từng cặp, vì thế khi năng lực của tôi bị thất thoát, do sự va chạm với mạng lưới tinh thể chung quanh, đã có tên bạn song hành hút trở vào. Năng lượng của hai đứa cộng chung lại vẫn được bảo toàn, không hề suy suyển nên tha hồ chuyển động, như không có môi trường ngăn trở. Trừ phi nhiệt độ lên cao, quá một giới hạn nào đó, các phân tử của tinh thể sẽ dao động rất mạnh và những chấn động này sẽ bứt rời hai chúng tôi ra. Lúc ấy, mỗi hạt điện sẽ mất dần sức lực.

Tôi biết đâu rằng những khám phá này có thể ảnh hưởng lớn lao tới đời sống cõi ngoài. Ngày kia, khi người ta chế tạo được hợp chất không còn điện trở ở nhiệt độ bình thường, sẽ có biết bao ứng dụng kỹ thuật thực tiễn. Tất cả các vật liệu điện tử làm bằng chất siêu dẫn sẽ vạn lần hữu hiệu. Không có điện trở, các động cơ không còn bị nóng máy, năng suất nhân gấp bội. Tương lai dự trừ loại máy siêu vi tính nhờ vận tốc truyền tải dữ kiện tức thời. Và nếu chúng tôi chuyển động nhanh bao nhiêu thì đời sống của con người cũng sẽ được hưởng phần qua những phương tiện di chuyển hết sức mau chóng ngân ấy. Họ đang thực hiện thí nghiệm chế tạo loại tàu

điện lướt đi trên không, chẳng chạm vào đường rây siêu dẫn. Không còn lực ma sát, vận tốc tàu sẽ đạt tới bảy trăm cây số một giờ, chẳng kém máy phi cơ. Và nếu những đường dây điện cao thế làm bằng chất siêu dẫn, dòng điện sẽ được truyền tải không giảm sút qua bao dặm trường. Con người chẳng còn gì để bận tâm về sự bành trướng các nhà máy điện hạt nhân.

Sau lần thí nghiệm hi hữu ấy, tôi trở lại tình trạng lẻ loi xưa cũ, cô độc hơn bao giờ. Trước kia tôi chỉ cảm thấy một nỗi buồn mênh mang, những suy tư mơ hồ diệu vợi dù gì cũng nhẹ nhàng, dễ chịu hơn cảm giác mất mát, khắc khoải trước một song sinh của mình thất lạc. Con người đã ban phát cho tôi điều kỳ diệu. Nó không những lung linh rạng rỡ ấm áp như tia nắng đầu tiên tôi đã nhìn thấy hôm nào, mà còn tuyệt vời hơn vì tôi chỉ được sống sự huyền nhiệm ấy trong vài giây phút. Bây giờ mỗi mồn ngóng vọng cho tôi hiểu thế nào là đáng đáng thời gian dù vẫn chưa ý niệm được chiều dài của con đường sinh tử. Tôi ước ao được cho đi và nhận lại những nhiệt truyền ấm áp đã từng chia sẻ với tên bạn thân yêu. Nhưng những con người quanh đây sao bình thản lạ. Thí nghiệm ấy xong, chùng như họ tính toán lo toan ngay một chương trình khác. Sợi dây điện siêu dẫn nằm lơ lửng đó, họ đâu biết rằng tôi đang đại đi trong buồn bã, vừa bồn chồn lao đao bởi những suy nghĩ về con người. Như từng nói với bạn rồi, con người không bao giờ quên sử dụng quyền lực của họ. Và một khi quyền lực ấy được cộng thêm với trí tuệ sẽ đưa đến kết quả gì? Bạn đoán được chăng? Riêng tôi, khi bắt gặp hạnh phúc cũng là lúc thấm nhập nỗi cô đơn cùng tận. Hân hoan tâm phục trí tuệ sáng tạo của con người bao nhiêu thì đồng thời tôi càng sợ hãi. Mới đây thôi, nghe chung quanh họ bàn tán hừng khởi về một hiện tượng khoa học có thể thay đổi toàn bộ những định luật vật lý căn bản đã được thực hiện. Họ vừa cho ra đời chín đứa con hoang tưởng nhất. Chúng là những "Nguyên tử phản- vật- chất", hoàn toàn đối ngược với nguyên tử cơ bản của vật chất từ trước đến nay vốn được cấu tạo bằng một hạch nhân chứa các hạt mang điện tích dương và một lớp vỏ là hạt điện âm chúng tôi. Như thế, một cách khái quát, trung tâm một phản- nguyên- tử mang điện âm bọc bên ngoài bởi lớp điện dương.

Cho đến nay, ngỡ rằng phản- vật- chất chỉ là trò tưởng tượng mua vui của khoa học giả tưởng. Nhưng vừa qua, sự hiện hữu của chúng dù triệu lần phù du, bốn mươi phân tử giây đồng hồ, cũng là một điều đã được kiểm chứng. Do đấy là sự thật nên lòng tôi hết sức lo âu, vì khi một nguyên tử đựng độ một phản- nguyên- tử tức khắc tạo thành phản ứng hủy diệt. Không phải tôi sợ cho sinh mạng của mình sẽ bị triệt tiêu khi đâm vào một tên có cấu trúc đối nghịch. Đã nói với bạn rồi, tôi mang nặng nỗi sầu không-được-chết. Nhưng tương lai vũ trụ này sẽ ra sao nếu một ngày kia các phân tử phản- vật- chất sẽ được con người chế tạo nhiều hơn, không những chín, mà sẽ là trăm là triệu, rồi chúng có thể tự bành trướng đến độ lấn át các hành tinh vật chất của chúng ta? Và nữa, phản ứng hủy diệt tất nhiên phóng ra một năng lượng ngàn lần mạnh hơn năng lượng của một phản ứng hạt nhân. Con người sẽ có trong tay thứ khí giới điên loạn chưa từng thấy. Quả bom nguyên tử năm nào dội xuống Hiroshima sẽ chỉ là một cái nắm nhỏ nhoi bên cạnh sự

bùng nổ từ quả bom chế tạo bằng nguyên tử phản- vật- chất, tuy gọn nhỏ hơn nhưng hiệu quả gấp ngàn lần.

Nghĩ cho cùng, đã có một vòng nghiệp chướng huyền bí, xiềng xích mọi hiện hữu dù vô hình hay hữu hình với nhau. Trí não con người do chúng tôi tạo ra, nó trĩu trĩu, bình thường hay thông minh tuyệt đỉnh, cũng tùy thuộc vào cách kết hợp của các tế bào hình thành từ những chuỗi nguyên tử. Nhưng ai ngờ được, có thể một ngày, tôi và đồng loại sẽ bị tiêu diệt bởi sản phẩm của chính mình. Tuy thế, tôi được biết rằng, ngoài trí tuệ còn có cái tâm, một điều linh thiêng khác nơi con người. Tâm và trí tuệ là hai điều cần song hành với nhau để vũ trụ này tồn tại. Vấn đề từng đặt ra câu hỏi, các nhà khoa học có trách nhiệm về hậu quả của những khám phá, sáng tạo của họ, hay chính xã hội loài người phải ý thức sâu xa về việc sử dụng những sản phẩm của trí tuệ? Một mình tôi, tôi trầm nghĩ, điều thiết yếu nhất cho mọi hiện hữu phải chăng chỉ giản dị là một sự quân bình.

Mỗi ngày, nhìn thấy nắng chứa chan từ trời rơi xuống, lòng tôi nao nức lẫn bồi hồi. Nắng mai sáng rỡ niềm hi vọng, còn nắng chiều trải dài nỗi nhớ mong đợi chờ vàng vọt. Dù muốn dù không, tôi đã lọt vào vòng hệ lụy, từ nay những vui buồn đời tôi đã tùy thuộc vào con người. Từng giây phút, tôi ngóng trông họ lại thực hiện thí nghiệm vừa qua, để tôi được trùng phùng với tên bạn thân yêu. Từ khi tiếp cận cõi ngoài, những điều nghiệm ra khiến tôi chao đảo và sợ hãi, nhưng cũng từ đó tôi được biết thế nào là thương yêu và mơ ước. Bềnh bồng trong mộng tưởng, tôi mơ một ngày kia, sợi dây siêu dẫn có tôi sẽ được đem đến một vùng đồi núi, cây cối bạt ngàn và nhiều con suối nhỏ róc rách reo vui. Dây điện cao thế giăng giữa những trụ điện cao, băng ngang một thung lũng đầy sương sớm. Và đôi chúng tôi, hai-hạt-điện-tử-âm-đồng-phái-đồng-tình, rong ruổi mãi trong cuộc du hành hạnh phúc. Không gian cõi ngoài mênh mông thanh bình. Từ trên cao vợi vợi, tôi cúi nhìn chim và bướm ríu rít nhón nhơ trong thung lũng ngập thắm mai vàng, khi nắng đã tan sương. Cái đẹp tuyệt vời của thiên nhiên và tình yêu sẽ cất đi nỗi sầu không-được-chết.

Mai Ninh

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước
- ♦ nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Nói chuyện với GS Keith W. Taylor

Mấy vấn đề về lịch sử Việt Nam

Tap chí Xưa và Nay, số 95, tháng 7.2001

LỜI TOÀ SOẠN XƯA VÀ NAY : GS Keith Weller Taylor là tiến sĩ sử học tại Đại học Michigan năm 1976. Đã từng làm trợ giảng Nghiên cứu Nam Á và Đông Nam Á ở Đại học Michigan (1973 - 1975), giảng dạy ở Nhật Bản (1976 - 1979), ở Đại học Quốc gia Xingapo (1983 - 1987). Từ năm 1989 đến nay là giáo sư về Nghiên cứu văn hoá Việt Nam tại khoa Châu Á học, Đại học Cornell, đồng thời giảng dạy tại các đại học Michigan, Oregon...

*GS K.W.Taylor đã từng đến Việt Nam trong các chương trình hợp tác với Viện Khảo cổ học, Viện Sử học và Viện Ngôn ngữ năm 1986, 1992 - 1994 và 1997. Ngoài nhiều bài tạp chí nghiên cứu về Việt Nam, giáo sư có hai cuốn sách là: **Sự ra đời của Việt Nam** (1983) và **Khảo luận về quá khứ Việt Nam** (1995).*

Nhân dịp giáo sư đến thăm Toà soạn Xưa & Nay ngày 29-5-2001, chúng tôi đã trao đổi một số vấn đề về sự quan tâm của GS đối với lịch sử Việt Nam. Sau đây là nội dung cuộc trao đổi.

Trong quá trình nghiên cứu lịch sử Việt Nam, những vấn đề nào được GS quan tâm nhiều nhất?

Lịch sử Việt Nam thường được cấu trúc trong sự kế tiếp của các triều đại. Những nhân vật chính là vua, hoàng tử và triều thần. Những sự kiện chính là các cuộc xâm lăng, chiến tranh và việc tổ chức cai trị. Nhưng điều mà tôi quan tâm hơn là ở cấp độ làng xã, đền chùa, nông nghiệp và chợ búa. Ở cấp độ này, những nhân vật chính hầu hết thường vô danh và những sự kiện chính hầu hết được ghi chép lại theo quan điểm của người cai trị. Tuy nhiên, sức sống hàng ngày của hàng vạn con người bình thường đã không ngừng sản sinh ra những sự kiện khiến cho cuộc sống chính trị và văn hoá chuyển theo những chiều hướng mới.

Thí dụ, chúng ta đều rất quen thuộc khi đọc những lời ca ngợi những công tích thời Hồng Đức của vua Lê Thánh Tông vào cuối thế kỷ XV. Thế nhưng, ít khi chúng ta được đọc một sự lý giải xác đáng về việc tại sao chỉ mấy năm sau đấy những thành tựu đó lại tan tành dưới áp lực của các cuộc nổi dậy nông dân và việc tranh giành giữa các dòng họ có thế lực. Liệu chúng ta có thể hiểu ra việc tại sao triều Lê lại sụp đổ nhanh chóng trong thế kỷ XVI? Liệu chúng ta có thể hiểu được tại sao hàng ngàn nông dân lại đi theo Trần Cảo khi ông chống lại triều Lê trong nhiều năm trời? Liệu chúng ta có thể hiểu tại sao họ Mạc lại có tiếng tăm ở vùng đồng bằng sông Hồng đến thế? Để giải đáp những câu hỏi này, chúng ta cần phải suy nghĩ đến các làng xã và đền chùa, về những người dân quê và các nhà sư, và cả về các thương nhân. Lịch sử Việt Nam bao hàm những dòng chảy đa dạng về tri thức và tôn giáo. Ngoài đạo Khổng mà nhà Lê và nhà Nguyễn đề cao, Phật giáo cùng với Đạo giáo, việc thờ Mẫu

và Công giáo và nhiều tư tưởng khác rất thịnh hành ở các làng quê.

GS phát hiện ra những đặc điểm này của lịch sử Việt Nam từ lúc nào, và vì những lý do gì?

Những suy nghĩ của bản thân tôi về lịch sử Việt Nam bắt đầu có sự thay đổi khi tôi học để đọc được một số những bản Nôm đang còn lại đến nay.

Tôi bắt đầu hiểu ra rằng tại sao hầu hết các nhà cai trị lại nghi ngại việc viết chữ Nôm. Nhiều đời vua đã cấm hay hạn chế việc sử dụng chữ Nôm. Vào cuối thế kỷ XIX triều Nguyễn tìm cách kiểm soát chữ Nôm bằng việc hệ thống hoá nó và kết quả là làm cho nó càng phức tạp và khó sử dụng hơn. Lê ra chữ Nôm có thể phát triển theo một trong hai cách. Một là hướng theo cách viết đơn giản hơn để biểu thị cách phát âm của từ như đã diễn ra tại Nhật Bản và Triều Tiên. Nhưng ở Việt Nam, sự can thiệp của các triều đại đã đẩy chữ Nôm thành thứ văn tự biểu nghĩa một cách cầu kỳ và rối rắm. Vào thế kỷ XVII, tác giả của *Chỉ Nam Ngọc âm* đã viết trong lời đề tựa rằng chữ Nôm cần phải được giản lược đi để phù hợp với cách phát âm tiếng địa phương. Thế nhưng hai thế kỷ sau thì chiều hướng lại ngày càng trở nên phức tạp hơn và chữ Nôm đã không phát triển ngoài lớp đồ nho. Tại sao? Chúng ta có thể ước đoán rằng những ông đồ Việt Nam liên kết với các triều vua không muốn nổi lòng độc quyền của họ về chữ viết. Do vậy họ chuộng cách viết chữ Nôm vẫn tương đối khó tiếp cận với dân thường và tiếp tục phức tạp hoá những yếu tố ngữ âm bằng các yếu tố tượng trưng. Điều này nói lên rằng ở Việt Nam, hơn cả Nhật Bản và Triều Tiên, vẫn tồn tại một khoảng cách đáng kể giữa văn hoá người có học với văn hoá thường dân. Sự sụp đổ đột ngột của quyền lực triều đình đầu thế kỷ XVI thừa nhận cuộc nổi dậy rộng lớn của nông dân có thể nói cho ta hay rằng những thành tựu rất được ca ngợi của việc cai trị thời Hồng Đức trong thực tế là rất mong manh và không dựa vào văn hoá làng. Mong mỏi của các nhà nho thời Hồng Đức nhằm áp đặt những tư tưởng của mình lên làng xã đã thất bại, và bởi thế ta chứng kiến sự hồi sinh của Phật giáo và tôn giáo dân gian trong những thế kỷ sau, khi quyền lực chính trị bị chia sẻ và tranh giành. Bất chấp điều này, chữ Nôm tiếp tục được phức tạp hoá theo biểu hiện ngày càng tượng trưng, hơn là được giản lược hoá theo hướng văn tự gần với phát âm hơn. Các ông đồ vẫn tiếp tục canh giữ ranh giới giữa người có chữ với dân thường.

Như vậy theo giáo sư có hay không mâu thuẫn giữa văn hoá của tầng lớp thống trị với văn hoá của dân gian bắt đầu từ nhà Lê?

Thí dụ về chữ Nôm gợi ra rằng ở Việt Nam văn hoá cung đình và văn hoá làng xã cần được hiểu theo những cách khác nhau. Ở cung đình, điều ưu tiên là thống nhất và tập quyền, là khẳng định sự kiểm soát đối với làng xã. Ở làng xã, điều ưu tiên là ra sức bảo vệ quyền tự trị địa phương chống lại sự can thiệp của chính quyền Trung ương. Chẳng có gì bất ngờ hay đặc biệt về điều này. Đây là một trải nghiệm chung trong lịch sử nhiều quốc gia. Điều đáng chú ý về Việt Nam là vai trò của đạo Phật, tôn giáo dân gian và Công giáo trong việc tổ chức đời sống văn hoá của làng xã và các thị tứ. Đời sống văn hoá cấp địa phương này rất sống động và đa dạng.

Ngược lại với chính sách các vua nhà Lê trong thế kỷ XV, thái độ của các vua đời Lý, Trần đối với làng xã lại rất cởi mở. Là những người theo đạo Phật, họ chống lại sự phân đôi giữa họ và dân thường. Chừng nào không có nổi loạn các làng xã được

tự do phát triển đời sống văn hoá tự trị của mình. Tuy nhiên, sau khi bị nhà Minh xâm chiếm vào đầu thế kỷ XV, khi các chùa chiền bị phá dỡ và việc giáo dục đạo Nho được đẩy mạnh, các vua nhà Lê mang một thái độ ông thầy đối với văn hoá làng xã và muốn cải cách nó cho phù hợp hơn với tư tưởng Nho giáo. Cũng vậy, với việc bành trướng quân sự vào phía Nam, triều Lê muốn ngăn chặn ảnh hưởng của văn hoá Chăm thâm nhập vào các làng quê Việt Nam. Từ thế kỷ XVII, các tù nhân người Chăm được tái định cư ở nhiều địa phương và họ đã có những đóng góp có ý nghĩa vào sự phát triển của văn hoá làng và tôn giáo dân gian. Cố gắng của thời Hồng Đức nhằm đưa những tư tưởng Nho giáo vào công việc cai trị và xã hội Việt Nam từ phương Bắc (Trung Hoa) là nhằm chuyển hướng văn hoá làng xã theo cách để các nhà cầm quyền dễ dàng giám sát và kiểm soát hơn. Tuy vậy, nỗ lực này chỉ đơn giản làm xa cách các nhà cai trị với sức sống của nhân dân họ.

Điều đáng chú ý là trong số 125 nhân vật lịch sử được kể ra trong *Thoát hiên vịnh sử thi tập* mà Đặng Minh Khiêm viết ra hồi đầu thế kỷ XVI không có ai thuộc về triều đại nhà Lê. Hầu hết là thuộc đời Trần, nhiều người thuộc đời Lý và số còn lại thuộc về các thời trước nữa. Đặng Minh Khiêm, dù đổ đạt vào thời Hồng Đức, lại xuất thân từ một gia đình mà tổ tiên là những người phò tá nổi tiếng của các hoàng tử nhà Trần. Việc ông tuyển chọn các nhân vật lịch sử nói lên một ký ức hết sức đậm nét về thời đại nhà Trần và sự bỏ quên đáng ngạc nhiên thời nhà Lê gần gũi hơn. Ký ức tốt đẹp của Đặng Minh Khiêm về thời đại nhà Trần đã nói lên điều mà chúng ta có thể hình dung ra rằng đó chính là những cảm nhận của hàng ngàn nông dân đi theo ngọn cờ khởi nghĩa của Trần Cảo, vốn là một nhà lãnh đạo Phật giáo và tự xưng là thành viên của hoàng gia nhà Trần. Đặng Minh Khiêm sống vào những năm có cuộc khởi nghĩa của Trần Cảo. Là một người có học, rõ ràng ông không thể đồng ý đi theo người cầm đầu nổi loạn, và ông vẫn trung thành với vị vua tích cực bấy giờ của triều Lê, chọn việc đi theo vua khi nhà vua trốn chạy vào vùng sơn cước. Nhưng đồng thời ông lại viết ra một cuốn sách ca ngợi những con người thời nhà Trần, đồng thời lại bỏ qua những người thời nhà Lê. Các vua đời Trần có tiếng là những người nhiều cảm tình và gần gũi với dân làng nhưng các ông vua nhà Lê lại tìm mọi cách để cách biệt họ với làng xã và thay đổi lối sống của các làng xã.

Một khía cạnh khác là trong khi các vua Trần xuất xứ từ đồng bằng sông Hồng thì các vua đời Lê trong thế kỷ XV xuất xứ ở Thanh Hoá. Trong thế kỷ XVI cuộc sống làng xã ở lưu vực sông Hồng ổn định dưới sự cai trị của nhà Mạc vốn xuất xứ từ đồng bằng sông Hồng và khuyến khích Phật giáo và tôn giáo dân gian. Thanh Hoá lại có một nền tảng văn hoá và dân tộc khác với đồng bằng sông Hồng, nơi mà Phật giáo kém phát triển hơn trong nhiều thế kỷ và dễ chấp nhận các tư tưởng Nho giáo về cai trị hơn. Khi các đồng họ Lê - Trịnh từ Thanh Hoá chinh phục được đồng bằng sông Hồng vào cuối thế kỷ XVI, họ đã thận trọng tránh dùng những chính sách can thiệp quá đáng vào công việc của làng xã như đã từng áp dụng bởi các vua Lê trong thế kỷ XV.

Vậy nguyên nhân gì đã dẫn đến sự cách biệt giữa văn hoá triều đình và văn hoá làng xã từ thế kỷ XV?

Chúng ta cũng có thể ước đoán rằng các vua đời Lê trong thế kỷ XV theo đuổi chính sách tích cực của họ đối với làng xã là do tình hình nhiều nhượng thời nhà Minh đô hộ và do nhu cầu tổ chức lại đời sống làng xã sau những năm bị ngoại bang chiếm đóng và chiến tranh. Thế nhưng do chủ trương một trật

tự mới dựa trên những tư tưởng cai trị và xã hội từ nước ngoài họ đã không hiểu được bản chất và sức sống của đời sống làng xã Việt Nam và việc chăm bón những hình thái của đời sống văn hoá đã nuôi dưỡng nhân dân Việt Nam nhiều thế kỷ.

Trong khi đó, vào thế kỷ XVII và XVIII nhân dân Việt Nam tiếp tục phát triển đời sống văn hoá của mình chung quanh những chùa chiền, đền miếu, và nhà thờ. Thương mại và các thị tứ cũng như nông nghiệp là những yếu tố quan trọng trong công việc nuôi dưỡng đời sống văn hoá này. Các thương nhân đã đóng góp cho nền tảng kinh tế của tôn giáo dân gian. Chính tại những trung tâm thương mại địa phương và dọc các tuyến đường thương mại chính những đền chùa lớn được xây cất và những khuynh hướng tôn giáo mới xuất hiện. Phật giáo được hoàng dương, việc thờ cúng những vị thần mới như Liễu Hạnh lan rộng, việc thờ cúng những vị thần chính thức hơn như Trần Hưng Đạo được chú trọng hơn trước, và Công giáo đã có mặt ở nhiều địa phương.

Trong nhiều năm tôi đã quan tâm đến triều đại nhà Lý. Những ông vua trong thế kỷ XI rất gần gũi với văn hoá làng xã. Họ bỏ nhiều thời gian đi khắp đất nước, thăm các đền chùa và làng mạc. Họ khảo sát những vị thần địa phương và không chỉ tôn thờ những vị thần này mà thường còn xây đền miếu cho họ ngay tại Thăng Long. Các vị vua này theo đạo Phật, mà Phật giáo lúc bấy giờ cắm rễ sâu vào văn hoá làng xã và cả vào trong việc thờ cúng những thần thánh địa phương. Sau này các sử gia đạo Nho đã chỉ trích các vua Lý là quá mê tín, nhưng cái mà các sử gia này gọi là mê tín có lẽ đơn giản chỉ là tinh thần sáng tạo của nhân dân được thể hiện qua những hình thức nghi lễ cộng đồng. Các vua nhà Lý hiểu tầm quan trọng của những hình thức các tập tục xã hội dân gian đó và đã khôn khéo tham dự vào. Họ đã xác lập một nền tảng văn hoá và chính trị cho một vương quốc kéo dài trong 400 năm.

Thật vậy, cũng như mọi chế độ chính trị, vào lúc bắt đầu thế kỷ XIII, cấu trúc vương triều nhà Lý cuối cùng đi đến điểm phân rã. Những người cầm đầu dòng họ nhà Trần đã tạo ra một phương thuốc chữa chạy sự bế tắc của hệ thống chính trị đời Lý và duy trì một thái độ khoan dung và mềm dẻo đối với văn hoá làng giống như thời nhà Lý. Tuy nhiên sự sụp đổ của sự cai trị triều đại nhà Trần vào cuối thế kỷ XIV lại trùng hợp với sự hưng thịnh của triều đại nhà Minh ở Trung Hoa. Rốt cuộc vào thế kỷ XV các vua nhà Lê đáp ứng những tư tưởng “hiện đại và duy lý hơn” của Nho giáo đến từ Trung Hoa thời Minh với việc coi văn hoá làng xã là một vấn đề mà không phải là một bệ đỡ và một khoảng cách đáng kể giữa vua với làng xã bắt đầu nổi rộng. Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX, các vua liên tiếp ban hành sắc chỉ nhằm thay đổi cấu trúc tinh thần và xã hội của đời sống làng xã như thể cách sống chi phối các dân làng là một mối đe dọa đối với quyền lực của họ. Thái độ này về cơ bản rất khác với thái độ của các vua đời Lý và đời Trần, những người tán thành và tôn trọng văn hoá làng xã.

Thật đặc biệt hấp dẫn khi xem xét những đóng góp của các vua đời nhà Lý, bởi lẽ lịch sử về đời nhà Lý phần nào bị che phủ bởi cái bóng của các vua nhà Trần. Các vua nhà Lý đã xa xưa với chúng ta, nhưng khám phá và xây dựng một ký ức có ích về họ là một nhiệm vụ đặt ra không những đối với các học giả mà với các nhà lãnh đạo chính trị và dân thường nữa. Sự lãnh đạo sáng tạo của họ gồm sự kết hợp quyền lực chính trị trung ương với văn hoá làng xã đã không được nhiều người hiểu ra. Những thành tựu của họ vẫn đáng để cho chúng ta ngày nay xem xét.

H&V. thực hiện

Hội An Hoard dưới mắt người sưu tập

Kiều Quang Chấn

Tạp chí Xưa và Nay, số 95 - Tháng 7.2001

Ảnh trên Website của Kim



Có thể nói chưa bao giờ, San Francisco lại có một sự kiện về văn hoá - kinh tế Việt Nam có quy mô rộng lớn như ngày khai cuộc đấu giá những đồ gốm Việt Nam vớt lên từ con tàu đắm ngoài khơi Cù Lao Chàm do Butterfield, một công ty đấu giá hàng đầu miền Tây Hoa Kỳ tổ chức vào ngày 10-10-2000.

Như chúng ta đã biết, năm 1993 những ngư dân ở thôn Cẩm Kim - Hội An trong khi đánh cá ở vùng biển cách Cù Lao Chàm - Hội An khoảng 20 km đã tìm thấy trong lưới của họ không chỉ có cá thu mà còn có cả những đồ gốm lạ. Nhà khảo cổ học Trịnh Cao Tường - Viện Khảo cổ học đã thông báo chính xác là: có một con tàu chở gốm Việt Nam có niên đại khoảng cuối thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI bị đắm ở vùng biển này ⁽¹⁾.

Hai năm sau phát hiện quan trọng trên, chính phủ Việt Nam đã ký kết một hợp đồng với Saga Horizon company Malaysia với sự cố vấn khoa học của Oxford University cùng các cơ quan khoa học trong nước tiến hành khai quật con tàu. Sau hơn 4 năm - cuối năm 1999, vượt qua rất nhiều khó khăn, cuộc khai quật đã hoàn tất được bước đầu.

Những người khai quật đã đưa ra khỏi con tàu: 300.000 món đồ gốm của các lò gốm Xứ Đông - Hải Dương gồm 24.000 món nguyên vẹn, số còn lại đã bị hư hại nhiều do hơn năm trăm năm nằm dưới lòng biển. Ngoài gốm Việt, còn tìm thấy một số đồ gốm Champa của các lò ở Bình Định; gốm Trung Hoa (Lò Long Tuyền và Cảnh Đức trấn), gốm Thái Lan (Savankhalok); tiền đồng (Trung Hoa), đồ đồng, hạt hoa quả và 11 bộ xương của thủy thủ đoàn...

Phía Việt Nam sau khi giữ lại 789 hiện vật độc bản và 10% số đồ gốm được chia theo thoả thuận với Saga, cho 5 Viện bảo tàng trong nước, đã uỷ thác cho Butterfield bán giúp số đồ gốm còn lại cùng với phần được chia của Saga Horizon.

Trở lại với San Francisco, do Butterfield đã tổ chức quảng

cáo một cách khá rầm rộ trên rất nhiều kênh của mạng lưới thông tin toàn cầu nên đã có tới 300 quan khách tới dự một buổi khai mạc thật tung bừng, náo nhiệt. Trong số những quan khách nước ngoài có mặt, người ta thấy có đại diện nhiều Viện Bảo tàng lớn của Hoa Kỳ; các chuyên gia nghiên cứu gốm Việt Nam có tên tuổi như: John Guy từ London, John Stevenson từ Seattle, Roxanna Brown từ Los Angeles v.v... Đông đảo nhất là khối sưu tập gia khoảng 200 người trong đó có những tên tuổi lừng danh như: John Menke từ New York, bà Piccus từ Hồng Kông... Điều làm tôi ấn tượng nhất là trong khối này có khoảng 20 sưu tập gia người Việt sống tại hải ngoại. Nhiều người trong số họ, lần đầu tiên đến với di sản văn hoá dân tộc tràn đầy cảm hứng về nguồn cội và cộng thêm cả chút tự hào dân tộc.

Giới buôn đồ cổ từ Hong Kong, Singapore, London, New York v.v... cũng quy tụ khá đông đảo. Về phía Việt Nam ngoài sự hiện diện của ông Nguyễn Xuân Phong - tổng lãnh sự tại San Francisco còn có 9 người từ trong nước qua. Họ là những đại diện của Bộ Thương mại, Bộ Tài chính, Bộ Văn hoá, Công ty trực vớt Visal...

Hầu như tất cả các bài diễn văn được đọc trong lễ khai mạc trọng thể này, dù với những động cơ khác nhau theo tôi hiểu, song tất cả đều khẳng định tên gọi của cuộc đấu giá mà Butterfield dùng là chính xác: Chúng ta đang đứng trước *Kho báu Hội An*.

Nhưng mọi báu vật trên thế gian ngày nay đều được nhìn nhận từ các vị trí khác nhau trong một không gian có nhiều chiều kích. Vì thế, nếu các giá trị về văn hoá của nó chưa có thể đánh giá hết được, thì giá trị kinh tế của nó lại có những giới hạn được đo đếm chi li hơn.

Ngày 11-10 cuộc đấu giá mở màn sôi nổi ngay từ phút đầu. Những đồ gốm đẹp nhất được bán rất nhanh với giá cả vượt qua cả dự kiến. Ví như, những chiếc đĩa tam thái (vẽ ba màu trên men, kết hợp với một số hoa lam dưới men) giá phát ra - từ 5 đến 7 ngàn USD nhưng đã được bán cao gấp hai, ba lần một cách nhanh chóng.

Nhưng khi niềm vui của những "ông chủ lô hàng" đã chẳng được bao lâu. Chỉ sau hai tiếng đồng hồ, khi các món đồ đẹp nhất được bán ra với lượng tiền thu được chừng 1 triệu USD thì không khí của phòng đấu giá đột ngột trầm xuống.

Hai ngày tiếp sau người mua đã tỏ ra hờ hững với hơn 2000 lô hàng - chứa hàng vạn món đồ hàng ngày của "giới bình dân" hoặc đã bị muối mặn bào mòn sắc đẹp. Như vậy, hiện đang có hàng vạn đồ gốm chưa đủ sức quyến rũ những người đam mê khó tính.

Trong số những người mà tôi gặp trong ngày cuối của cuộc đấu giá, tôi đọc ra được nỗi buồn trên gương mặt của hai người. Một là của Mr. Ong - Tổng giám đốc công ty Saga Horizon, người đã bỏ ra 7 triệu USD cho cuộc khai quật này đang lo sẽ thu hồi vốn ra sao?

Hai là cô bạn Mỹ của tôi Roxanna Brown mắt đắm đuối nhìn vào những đồ gốm Champa, Bình Định - có lẽ vì cô là người đầu tiên có một dự cảm tuyệt vời: có những lò gốm men của người Chăm ở tỉnh Bình Định, đang bị khách hàng hờ hững mà cô, dù là một học giả tài danh cũng chẳng bao giờ có đủ tiền mua nổi chúng.

Tại sao cuộc đấu giá vừa rồi lại được các viện bảo tàng, giới

sưu tập và các nhà buôn tham dự đông đảo như vậy ?

Chỉ vài chục năm trước đây, giới sưu tầm quốc tế chưa từng biết gốm Việt Nam là gì, thậm chí phần lớn còn cho đây chỉ là một loại gốm tỉnh lẻ, lạc hậu của Trung Hoa. Nhờ những phát hiện mới của giới khảo cổ học trong nước một thập kỷ vừa qua và có thể một phần nào nhờ vào Sách *Vietnamese Ceramics, a separate tradition* (Gốm Việt Nam, một truyền thống riêng biệt) xuất bản năm 1997. Trong sách này, ông John Stevenson đã không những phá tan huyền thoại trên mà còn “trưng bày” cho thế giới chiêm ngưỡng những mẫu vật của gốm Việt Nam từ thời tiền sử đến những chiếc bình hoặc đĩa hoa lam, tam thái đã làm say mê từ các bậc vua chúa Đông Nam Á đến các ông hoàng những xứ Cận Đông. Thời kỳ huy hoàng của gốm Việt Nam là hậu bán thế kỷ XV.

John Guy đã cho rằng, các lò gốm ở Hải Dương đã chạy đua sát nút với lò Cảnh Đức Trấn của Trung Hoa. Cho đến bây giờ, chưa có một tiêu bản gốm tam thái Trung Hoa nào qua mặt được gốm tam thái Việt Nam trong thời kỳ này, cũng là thời kỳ của con tàu đắm.

Người viết bài này, còn ghi lại được nhiều thông tin khá bổ ích khác từ bên lề của cuộc bán đấu giá Hội An hoard. Xin muốn được chia sẻ cùng các bạn:

1. Do luật cung cầu, có tới hơn 200 người hiện diện tại phòng đấu giá và một số tương đương đấu qua điện thoại và mạng internet. Những món thượng đẳng quá ít nên mọi người phải giành nhau vài chục món đồ đẩy giá lên rất cao. Ví dụ, ba chiếc bình dáng rồng, mỗi chiếc lên đến 70 ngàn USD. Một chiếc đĩa xanh trắng vẽ phong cảnh chỉ mấy tháng trước viện bảo tàng Metropolitan ở New York mua với giá 20.000 USD bị chê là quá đắt, nay có người đã phải trả đến 34.500 USD.

2. Có thể nói, đây là một phát hiện lớn nhất trong lịch sử nghiên cứu gốm cổ Việt Nam. Chưa bao giờ một số lượng đồ gốm Việt Nam được phát hiện nhiều đến như vậy. Theo giám đốc Saga company thì số hiện vật này chỉ là 3 trong số 18 khoang của con tàu Như vậy có nghĩa là, khối lượng đồ gốm còn rất lớn, nhiều bí mật của con tàu vẫn chưa được khám phá. Nó sẽ là nguồn tư liệu vô giá trong việc nghiên cứu lịch sử gốm Việt Nam nói riêng, lịch sử gốm mậu dịch nói chung.

3. Chúng ta hoàn toàn có quyền tự hào về đồ gốm Việt Nam. Như tôi đã hơn một lần lên tiếng, có rất nhiều tiêu bản gốm Việt Nam hoàn toàn không thua gì gốm Trung Hoa về chất lượng, nếu như không nói là hơn. Đó là, chưa kể đến một nhận xét khá nổi tiếng “Thương thức gốm Trung Hoa bằng con mắt, và cảm nhận gốm Việt Nam bằng con tim”. Bởi, gốm Việt Nam có sự hoàn hảo của hình dáng, tính hiện thực của đồ án, sự ấm áp của sắc màu... khiến nó đã tạo ra được sự gắn gũi như là “cái đang trong tay ta mà không phải là cái trong mắt ta”. Đó có lẽ cũng là lý do khiến cho những người truyền thông khổng lồ như: *Wall Street Journal, LA Time, New York Time, Washington Post* v.v... nhất loạt đưa tin.

4. Ngoài niềm vui của những người mua được những món đồ quý, tác giả còn gặp những gương mặt ưu tư của các khoa học gia. Họ cho rằng, việc chính phủ Việt Nam vội vã đem bán những cổ vật này khi đông đảo các nhà khoa học chưa có được cơ may tiếp xúc thì đó là một thiệt thòi lớn không chỉ cho khảo cổ học Việt Nam mà còn cho cả giới học giả quan tâm đến gốm



ảnh Kim Fay

Bình gốm hình rồng (bên trái) đã được bán 75 000 \$

Việt Nam cũng như đông đảo quần chúng.

5. Được biết, do vấn đề tài chính nên Saga horizon chỉ khai quật có 3 trong 18 khoang của con tàu. Vậy thì, số phận tương lai của những món đồ chứa trong 15 khoang còn lại sẽ được giải quyết như thế nào? Theo P.Lizt một khoa học gia người Pháp cho biết, trong vùng biển Việt Nam có 80 con tàu bất hạnh khác đang còn trầm mình trong làn nước xanh thẳm của đại dương, liệu chúng sẽ được tiến hành khai quật theo phương thức nào? Điều đó đã trở thành một câu hỏi lớn với những nhà lãnh đạo văn hoá trong nước.

6. Liên quan đến cuộc đấu giá của Butterfield - tôi không nghi ngờ gì về bề dày kinh nghiệm của một trong những “người khổng lồ” trong lãnh vực Auction này. Nhưng, cho đến giờ này, có thể nói, họ đang bị nỗi lo ế ẩm ám ảnh nếu như không nói là đã xuất hiện những tín hiệu thất bại.

Trước sự kiện này, tôi cảm thấy, dường như “người khổng lồ” đã không để ý đến một chi tiết quan trọng. Nếu Butterfield quan tâm đúng mức tới hơn 1 triệu người Việt đang sinh sống ở Hoa Kỳ, mở một chiến dịch thổi vào trong họ một luồng gió văn hoá dân tộc bằng cách : tổ chức những buổi nói chuyện và trưng bày hiện vật ở những nơi quy tụ đông người Việt như San Jose, Orange County, Houston... hay quảng cáo trên các phương tiện truyền thông Việt ngữ thì, tôi tin rằng, 20.000 món đồ của Hội An hoard sẽ trở nên một con số nhỏ bé, mặc dù nó là những đồ gia dụng có chất lượng không cao. Tiếc thay, tôi lại chẳng bao giờ là Butterfield.

7. Sau cùng là vấn đề niên đại của con tàu. Những người khai quật cho nó có niên đại thế kỷ XV. Butterfield lại xác định niên đại khoảng thế kỷ XV - XVI. John Guy danh tiếng thì khẳng định nó thuộc về thế kỷ XVI. Việc một con tàu được xác định niên đại khác nhau trong khoa học là một sự thường tình, song với một auction thì lại là một vấn đề không nhỏ đối với tâm lý người mua.

Được may mắn học hỏi nơi các học giả trong và ngoài nước, nay lại gặp một vài vị trong buổi tiếp tân cũng như lúc đấu giá, kẻ yêu gốm này xin được trình ra một niên đại nữa như một sự “múa rìu qua mắt thợ”.

Nếu đúng theo lời của người khai quật, các kết quả nghiên cứu về thuyền và về nhân chủng học cho rằng, đây là tàu buôn của Xiêm thì niên đại của con tàu đắm ở vùng biển Cù Lao Chàm Hội An có thể trong khoảng thời gian từ 1467 - 1471 vì các lý do sau :

- Dựa vào kết quả C-14 của những miếng ván thuyền bằng gỗ teak, thuyền có niên đại cuối thế kỷ XV.

- Người ta không thấy có mặt những loại hình và hoa văn tiêu biểu của gốm Việt Nam có niên đại thế kỷ thứ XVI đã được xác định từ trước tới nay trên con tàu.

- Những đồ gốm Trung Hoa có mặt trên tàu đều được xác định có niên đại nửa sau thế kỷ XV. Hình con kỳ lân trên chiếc đĩa rất giống với những chiếc đĩa có niên đại Thành Hoá nhà Minh (1465 - 1487).

- Có không ít đồ gốm của các lò gốm ở Bình Định quanh khu vực kinh đô Vijaya trên con tàu. Những đồ gốm đó đã được các nhà khảo cổ xác định là gốm Chăm-pa. Kinh thành Vijaya thất thủ trước cuộc Nam tiến của Lê Thánh Tông năm 1471. Hiện chưa có tài liệu nào chứng minh một cách thuyết phục các lò gốm quanh kinh thành tiếp tục được sản xuất sau năm 1471. Vậy thì, con tàu phải đến mua gốm của các lò gốm tại đây trước khi kinh đô này thất thủ..

- Lần gỡ lại thư tịch cổ Việt Nam ta thấy lần cuối cùng tàu Xiêm đến Việt Nam trong thế kỷ thứ XV được ghi là năm 1467.

- Thêm một lý do không mang nhiều tính khoa học nhưng mang đầy chất trữ tình là sau khi đánh bại vương triều Vijaya, trên đường trở về Thăng Long, đến cửa biển Hải Vân khi nhìn thấy một con tàu Xiêm vua Lê Thánh Tông đã cảm hứng viết một bài thơ :

Dừng thuyền cửa biển Hải Vân

*Khổ sách khuôn xe một mẫu chung,
Hải Vân trời Việt đẹp vô cùng
Đông long (2) trắng gọi qua đêm vắng
Lộ hạc (3) thuyền êm gió biển trong (4)
(Gió đẩy thuyền Xiêm nước biển trong. TG)
Bộ lạc kinh trên dằng tặng của
Biên thần yêu nước lập nên công
Người xưa giá được hồi sinh lại
Rốt tiền Ban Siêu chén rượu nồng.*

Tôi không dám bàn đến niên đại của các học giả tài danh - vì tôi vốn kính trọng họ và còn vì, đó không phải là nghề nghiệp của tôi. Song, khi đem những đồ gốm mua được từ cuộc đấu giá ở San Francisco về bày ở nhà, tôi đã kể cho các con tôi nghe câu chuyện về một con tàu Xiêm bất hạnh đến mua đồ gốm Việt Nam bị đắm chìm vào khoảng năm 1467 đến năm 1471, nay nó đã được đưa ra khỏi làn nước xanh thẳm của vùng biển quê nhà để trôi trên các xa lộ thông tin với Website: HoiAn hoard.

Kiều Quang Chấn,

Bác sĩ Y Khoa,

Hội viên hội Khảo cổ học Hoa Kỳ.

* *Kho báu Hội An*, tên website Butterfield đặt cho cuộc bán đấu giá.

1. Trịnh Cao Tường. “Thông tin về một con tầu đắm ngoài khơi Cù Lao Chàm, Hội An, tỉnh Quảng Nam”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học*, 1994.
2. Vùng biển phía Nam núi Hải Vân.
3. Tên gọi của nước Xiêm La.
4. *Lê Thánh Tông (1442 - 1497)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội - 1997.

Lũ lụt, một tai hoạ được báo trước (tiếp theo trang 23)

sản chính, vẫn là để sử dụng cho một số công việc ngoài mùa lũ. Khi lũ đến, hay khi lũ tháo đi, kết cấu của phần công trình này phải đủ thông thoáng để cho nước lũ chảy qua dễ dàng.

Ở một số vùng ngập sâu nhiều tháng trong một năm, mà diện tích canh tác quá rộng, dân cư thưa thớt, không ở tập trung, như một số vùng ở đồng bằng sông Cửu Long, biện pháp *nhà nổi* có thể là một biện pháp kinh tế và hữu hiệu. Tuy nhiên, biện pháp này có những mặt hạn chế của nó : về mặt kỹ thuật, nó không cho phép xây nặng và xây cao ; về mặt tiện nghi, ở trong một ngôi nhà nổi, cũng như ở trong một chiếc nhà bè, không tiện nghi bằng ở nhà sàn (cảm giác như ở trên thuyền, v.v.). Ngoài ra, các vấn đề thiết bị cấp nước, thoát nước, vệ sinh, cũng khó giải quyết hơn. Dẫu sao thì giải pháp nhà nổi cũng cần được quan niệm, không phải như một, hai công trình biệt lập, mà như một *cụm nhà*, đơn vị của một tổng thể kiến trúc có qui mô lớn hơn, có kiến trúc hài hoà với cảnh quan và môi trường, có khả năng làm nơi cư trú ổn định cho một cộng đồng dân cư, mà trong cuộc sống ở những vùng nông thôn ngập úng, và ít nhiều bị cô lập này, không thể nào thiếu được những thiết bị tối thiểu về trường học, nhà trẻ, trạm y tế, v.v., và các thiết bị văn hoá khác.

Các giải pháp kiến trúc dành cho những vùng có nguy cơ bị lũ lụt thường kỳ, chỉ thực sự có hiệu quả xã hội và kinh tế, khi chúng được thực hiện trên một qui mô rộng lớn, cho phép người dân, có thể định cư, ăn ở, đi lại, sinh hoạt, một cách an toàn, ngoài tầm tác động của lũ lụt.

Nói chung, tất cả những bài toán tương đối phức tạp của qui hoạch và xây dựng đều cần những giải pháp có tính *hệ thống*, từ những giải pháp trị thuỷ, phòng ngừa lũ lụt, cho đến những giải pháp kiến trúc, xây dựng làng nổi, hay cải tạo một thành phố, một khu phố.

Trên thực tế, ngay từ xưa, để bảo vệ cho con người, cho đất đai, mùa màng, cho làng mạc, thành phố, con người vẫn phải từ đời này qua đời khác, vừa xây dựng, vừa bổ sung, hoàn chỉnh, tạo nên những hệ thống đê điều, cống, đập, bao quanh những vùng mình ở. Đó là những biện pháp đòi hỏi một qui mô lớn, và một tầm nhìn xa.

Đối với các đô thị ở ven biển, ven sông, thường xuyên bị lũ lụt ở nước ta, trong số đó có hai đô thị cổ cần được đặc biệt chú trọng, là Hội An và Huế, tôi cho rằng, phải mạnh dạn nghĩ đến những biện pháp bảo vệ những đô thị này bằng một hệ thống *đê bao* kiên cố, trong một phạm vi rộng lớn, kết hợp với việc khơi thêm dòng chảy, đào thêm hồ thoát nước và bổ sung hệ thống cống, đập, để ngăn nước triều và điều chỉnh các dòng chảy ngay từ thượng nguồn các con sông.

Văn Ngọc

(1) Xem ĐĐ, các số 91,100 (tin tức về lũ lụt và bài của kts Nguyễn Đạt : *Vài ý kiến tản mạn về bão lụt ở VN*).

(2) Văn Ngọc, *Từ trong lũ lụt, nghĩ về tương lai đô thị cổ Hội An*, ĐĐ số 92, 1/2000).

Tài liệu tham khảo :

- Tạp chí Hoạt Động Khoa Học, các số 4/1998 ; 4,12/1999; 1, 2, 3, 5,6, 11/2000.
- Tuổi Trẻ, Tuổi Trẻ Chủ Nhật, Lao Động, tháng 11, 12/1999. Tuổi Trẻ Chủ Nhật, ngày 3 và 10/ 9/2000.
- Le Monde và Libération, các số từ ngày 13 đến ngày 28/11/2000.

TRỊNH CÔNG SƠN, NƠI VÙNG ƯU TU THÀNH TIẾNG DU CA

Thái Kim Lan

Như một sợi chỉ luôn theo cây kim, tin Trịnh Công Sơn mất đến với chúng tôi trong buổi tưởng niệm ngày giỗ thứ 40 năm của nhà thơ Ưng Bình Thúc Giạ Thị tại nhà văn học nghệ thuật ở đường Lê Lợi Huế. Tối ấy anh em nghệ sĩ đến nghe bình thơ khá đông, chúng tôi, chị Hỷ Khương, Bửu Ý, Gia Phàm, Như Ngân, Xuân, Xuân Quế, tôi và một số anh chị em nghệ sĩ khác đứng xúm vào nhau, nghe sợi chỉ theo cây kim nứu mình xích lại gần hơn một tí với người bạn bên mình trong nỗi nhớ đau một chút nơi tim.

Bỗng nhiên ít lời, một chút cay nơi mắt, một chút rã rời nơi vai, chúng tôi đứng như thế quây quần chôn chân, hình như có ai nói như một lời vĩnh biệt nửa buồn nửa vui: “Thời rứa là từ nay hấn bỏ mình đi rong chơi chỗ khác... hấn bỏ đi thiệt rồi!”

Cái tên lãng tử nhu mì này! Tiếng hát lênh đênh, “*chén rượu say uống hoài*”, rong chơi cả một kiếp người, bây giờ dứt áo ra đi “*lia bầy, chim bỏ đường bay*”, thõng tay viễn du nơi chốn nghìn trùng...

Sơn ra đi! Cái vòng quây quần - như chúng tôi đang đứng với nhau chiều hôm ấy, nhiều đứa tóc đã rối bởi sương muối - cái vòng bạn bè hay cái vòng tử sinh của thế hệ thập niên 40-60 chúng tôi, như chúng tôi đã thường đứng hay ngồi như thế mỗi khi gặp nhau ở lứa tuổi 20, như sút đi chốt mộng, chùng giầy, tuột phím... cái vòng lỏng lẻo, rã rời!

Dẫu biết rằng trong mấy mươi năm hể ở đâu có Sơn và tiếng hát của Sơn thì cái vòng này càng nở rộng ra, như những làn sóng, khởi đầu từ một điểm xoáy nơi nào đó ở Huế, có thể nơi khúc sông Bến Ngự, hay nơi hồ Tịnh Tâm, hay ở bến Bao Vinh, hay ở đồi Vạn Niên, ở đó Sơn ném một viên sỏi là tiếng hát của mình vào đấy và làn sóng lan ra, từ thế hệ chúng tôi cho đến thế hệ trẻ ngày hôm nay, từ Huế đến Sài Gòn, Hà Nội, Cà Mau hay Lạng Sơn, vượt qua mấy lần đại dương và cái vòng quây quần quả đất bao la, hôm qua, ngày nay và có lẽ mai sau...

Sơn là Tiếng Hát Trịnh Công Sơn của Mọi Người.

Nhưng chiều hôm ấy tôi vẫn thấy - hay bởi mình muốn thấy như vậy - Sơn như vừa mới đứng dậy ra ngoài châm điếu thuốc, rồi sẽ trở lại ngồi giữa chúng tôi, trong vòng bạn bè, có thể chỉ là ba, hay bốn, hay mười, hay hai mươi đứa, ở Huế, tại nhà một người bạn nào đó, Chi, Ý, Tường, Tôn, Hùng, MLan, KLAN, Điền, Hạnh, Thọ, Kỳ, Lý... ở nơi điểm xoáy sâu nhất của sông Hương, là vùng tâm tư của những người bạn đang

tuổi thanh xuân, ngồi yên, ít lời, đôi môi mỏng thoáng nụ cười, mi mắt chớp sau gọng kính trên chiếc mũi thanh, lắng nghe những nỗi sôi, những phiền muộn quanh mình, như lắng nghe chính con tim mình... trong vùng tôi xin gọi là *vùng ưu tư của Huế những năm 60*.

Vòng Bạn Bè

Chính trong những năm tháng ấy lần đầu tiên tôi gặp bộ ba - chữ của HPNTường - Tường - Cường - Sơn. Nguyên do thật là rất Huế, có thể tìm thấy rải rác đâu đó trong các bài hát của Sơn.

Một buổi chiều nắng vàng chiếu nghiêng trên nón lá, đường phố chính vắng người, không gian yên tĩnh có thể nghe thấy cả tiếng thời gian, chỉ có rộn rã tiếng guốc của mấy cô nữ sinh viên - đã có thể là BDiễm, TMai, Han, KLAN hay MH, NB, DL, KL - đi dạo phố mua sách vở, tà áo lụa lướt bay trong nắng, bụi mờ đường xa, và có một chàng trai xa lạ nào, có lẽ từ xứ Quảng ra, “*chiều một mình qua phố*”, đang đứng ngơ ngác nhìn đường phố, bỗng tà áo lụa như có sức hút nam châm, chàng trai thấy mình thơ thẩn bước theo.

Chiều hôm sau nghe báo có anh Tường đến thăm mượn sách, lúc ấy anh Tường tuy đã đi dạy văn nhưng học thêm môn cử nhân triết cùng khóa với tôi, anh đến với hai người bạn nữa, cái người hôm qua đi theo tà áo lụa và người kia là Sơn, “đi theo cho vui” như Sơn bảo. Chiều hôm sau nữa thì tôi cũng biết thêm là trong nhóm bạn của mình, có đứa là bạn của Sơn.

Huế nhỏ bé là như thế ấy, người này là bạn của bạn của bạn của bạn... và bạn bè thành ra những vòng tròn quây quần với nhau. Chỉ cần một tiếng “*Ồi!*” của thằng bạn ở trước ngõ là đứa trong nhà đã vội vàng với cái mũ bê-rê dắt xe đạp ra mà đi rong suốt ngày làm cho cả nhà chơi với chờ cơm... HPNTường hôm ấy thao thao, vì lấy cớ đi mượn sách nên phải nói về sách. Chúng tôi trao đổi với nhau một vài đoạn về chủ nghĩa hiện sinh trong cuốn *Hữu Thể và Hư Vô* của J. P. Sartre, một chút về ý niệm thời gian của Heidegger, mà chúng tôi đang đọc ở trường.

Sơn ngồi nghe chúng tôi bàn cãi, phân tích, hình như Sơn không bao giờ thay đổi dáng ngồi của mình, khi nào cũng như thế, tham dự nhưng không ồn ào, hiền hậu và luôn luôn thoải mái như khi ở giữa đám bạn thân, lắng nghe, chú ý mà không chút chi cố gắng, ít tranh cãi, dễ thân thiện tự nhiên, một chút phù phiếm và mỗi một nơi đáng người, và ánh mắt xa xôi với những chuyện cãi vã cốt danh phần lý về mình cũng như với mục đích khoa danh mà mỗi người sinh viên Huế thời ấy thường đặt ra cho mình.

Gió Phương Tây

Chủ nghĩa Hiện Sinh với Heidegger, Sartre, A. Camus, phong trào điện ảnh với Jean-Luc Godard, thể điệu *chanson* với Juliette Greco, Françoise Hardy ở phương Tây đã đến với lớp trẻ chúng tôi trong những năm của thập niên 60 như một làn gió chướng thổi qua cái thành phố Huế, nhỏ bé, đóng khung, còn rất cổ kính trong cách nghĩ, cách làm ấy.

Những danh từ như hiện sinh buồn chán, xao xuyến, hư vô, thời gian, hữu hạn và vô hạn, buồn nôn, thân phận con người, sự vô nghĩa của cuộc đời, nỗi hoài công phi lý của Sisyphus⁽¹⁾, ý niệm về siêu hình, bản thể học đã như những tiếng gõ bí ẩn

vào cánh cửa tâm hồn của lớp thanh niên trẻ chúng tôi thời ấy như những mồi gọi phiêu lưu vào những vùng đất lạ của tri thức. Bây giờ nhìn lại thì thấy mình dại khờ, bởi chính những tư tưởng mới này chẳng có chi là mới so với triết lý Phật giáo cả - thế nhưng lúc ấy chúng có một sức thu hút quyến rũ kỳ lạ trong cái khung cảnh đều đều êm đềm của xứ Huế, thành trì của thủ cựu và khuôn sáo, là những hàng rào ước lệ mà lớp trẻ thường hay muốn vượt qua.

Chúng tôi thường gặp nhau để kể cho nhau nghe về một quyển sách đã đọc, soạn bài, tranh luận. Và có lần với cây đàn ghi-ta, Sơn bắt đầu hát cho chúng tôi nghe.

Ưu Tư và Du Ca

Khi nghe Sơn hát tôi giật mình. Vì Sơn hát... môn siêu hình học về cuộc đời, về tình yêu đó ! cái môn mà những con sâu gạo triết - như Đinh Cường vừa nhắc lại, là chúng tôi đang còn điên đầu vật lộn với nó, nhưng ngược lại, chẳng có một chút khô khan, trừu tượng, gượng ép hay kỳ quặc gì cả, Sơn đã hát triết học như một bà mẹ Huế có giọng nói hay nhất trên đời kể câu chuyện cổ tích Tấm Cám.

Như một con ve vừa mới thoát xác lần thứ mấy mươi nghìn năm từ lòng đất của Huế, đã đi về thường xuyên trong tâm thức Huế, đã rung động và cảm ứng với trời đất Huế, với một âm điệu giản đơn thoát từ gam trầm của giọng Huế, Sơn đã trả lời trong cảm ứng vô thức những tiếng gõ cửa từ phương xa và giải thể chúng tôi ra khỏi ngõ bí của tư duy.

Trong cái không khí sôi nổi của tuổi trẻ đô thị ham mê siêu hình, Sơn đã bắt đầu hát thay vì cãi nhau, thay vì lý luận dông dài với đám bạn bè, với cả thiên hạ, Sơn hát cho vui với anh em như Sơn thường nói, Sơn hát như một sự tham dự vào những đàm luận của bạn bè thuở đó và về sau của cả thiên hạ, mà đúng thật, Sơn hát với những ưu tư thâm kín nhất của tuổi hai mươi chúng tôi, với những tư duy của thế hệ trẻ chúng tôi và với một cách đặt vấn đề - biệt ngữ của phong trào học triết học siêu hình thời ấy, khác với những người nhạc sĩ đi trước.

Sơn hát như cách thế cởi dép đội lên đầu đi ra khỏi giảng đường của Thiền sư Triệu Châu⁽²⁾ không phải là để bỏ đi, từ chối, mà là một cách thế mở ngõ cho sự sống như Triệu Châu.

Hãy xem : Sơn hát đề tài có cái gì là khởi đầu, có gì là cái cuối cùng - ngõ bí của triết học đấy, nhưng với chất keo của một điệu ca bông đùa diễu cợt, và một chút ranh mãnh hiển triết của một thiền sư thông tay vào chợ, Sơn hát "*không có chi đâu này, là có cái chết đầu tiên, không có chi đâu này, là có cái chết cuối cùng...*", hát như con bè điên cứ đánh lười tùy theo cảm hứng của nó lúc chạy theo chế diễu mọi người ở trên một đường phố nhỏ của Huế. Người nghe có thấy mâu thuẫn hay không cũng phải mỉm cười, và bỗng ngộ được tính phi lý của sự đối nghịch trước sau.

Sơn hát đề tài bản thể và hư vô và nhắc chúng tôi tìm về dòng sông Hương nhìn nước chảy, để thấy hay nghe "*tay hư vô thấp nển, chiều chơi vui lên cao, rồi dòng sông cũng qua mau, đưa người gọi mới sâu...*" trong một giai điệu tiếng nước chảy ngược về nội tâm, để thấy sông không chảy mà tâm mình đang chảy. Ai định nghĩa được hư vô ? Khổng tử cũng đã đến dòng sông để thể nghiệm với tiếng thở dài : Nước trôi mãi như thế ư ? Phạm Duy hát "*im nghe nước chảy về đâu*" trong một cảm giác buồn bã trôi xuôi. Với ý niệm hư vô, Sơn đặt lại vấn

đề và giải mã sự biến đổi, sự trôi chảy của giòng sông với cảm tính triết học của mình trong âm giai sâu lắng, giữa tỉnh và mê, giữa buồn bã và giấc ngộ.

Sơn hát đề tài nổi hoài công của Sisyphus bằng tiếng vang của vết lãng trầm... phiến đá... ưu phiền... của một cuộc đời phiêu lãng quên tuổi xanh... quê nhà xa vời vợi... cô liêu vây quanh, của mùa thu bay đi với vòng tay buồn ôm nuôi tiếc và đưa ta về với khung cảnh Huế - không phải Huế thơ mộng mà là một Huế như chốn lưu đày đồng thời là quê nhà trong nỗi nhớ, bằng một tiếng than dài như râu chuỗi âm hưởng quán quýt luân hồi.

Cũng phải nói thêm rằng thuở ấy, việc đi hát đối với các vị cha mẹ người Huế là một chuyện đáng nghi ngờ, nên nếp gia phong được rào lại kín cổng cao tường, không ai muốn cho con mình đi hát... hồng đàn đúm rong chơi với những kẻ lãng tử giang hồ. Những bài hát mới do đó đối với chúng tôi thường như những trái cấm.

Cho nên bài hát đầu tiên của Sơn mà chúng tôi hát là một bài hát chuyên tay nhau : *Nhìn Những Mùa Thu Đi*.

Nhìn Những Mùa Thu Đi và Huế 1963

Bài ca có lẽ đã bỏ trong túi lâu ngày, chưa được phổ biến, đến tay chúng tôi thì mực đã nhạt nhoè. Để tập hát, chúng tôi xúm nhau lại trên thêm xi măng của một gian phòng rộng lớn gọi là hội trường của Nha Cảnh Sát Trung Nguyên Trung Phần (bây giờ là Đại Học Sư Phạm Huế) lúc ấy tạm sử dụng làm phòng giam những thành phần trí thức Phật tử trong phong trào đòi bình đẳng tôn giáo do việc cấm treo cờ Phật giáo vào ngày Phật Đản 1963 và việc xe tăng cán chết 14 em Gia Đình Phật Tử vào đêm Phật đản tại thành phố Huế. Chúng tôi, sinh viên Phật tử, Gia Đình Phật Tử, các giáo viên và giáo sư đều đồng thời bị bắt một loạt trong đêm 20.08.63, đêm các chùa bị tổng tấn công trên khắp miền Nam Việt Nam. Có người đang ngủ ở nhà cũng bị mời vào, như trường hợp của HPNTường, hồi ấy HPNT không nằm trong Đoàn SVPT. Mảnh giấy ghi bài *Nhìn Những Mùa Thu Đi* trong túi áo của HPNTường đã trở thành bài hát cho đỡ buồn (cũng như Sơn đã nói hát cho vui) trong suốt những ngày tháng bị giam cầm của chúng tôi.

Huế dạo ấy đang độ vào thu, ban đêm mưa sầm sập trên mái nhà, buổi sáng trời trong trẻo, một thứ trong suốt như đóng đỉnh vạn vật dừng lại ở một điểm cố định, cây bàng độc nhất trong sân đứng với mấy chiếc lá đỏ trên cành, chúng tôi ngồi... "tay trơn" trên nền nhà - trẻ măng là mớ tóc và vầng trán, trẻ măng là sự ôm ấp những lý tưởng, những hoài vọng, những ước ao, những đợi chờ của tuổi hai mươi, và chúng tôi đã đếm ngày tháng bằng *Nhìn Những Mùa Thu Đi*...

Hội trường là nơi tạm giam chung nam nữ những thành phần trí thức và sinh viên, học sinh Phật tử đã biểu tình, tuyệt thực chưa được định tội rõ ràng. Vì tội trạng chưa được rõ ràng và được xem là những thành phần không đáng để ý nên chúng tôi có thể di chuyển thoải mái trong phòng và được đối xử tương đối tử tế. Ban đầu có đến hơn 500 người, sau đó được thả ra dần hoặc chuyển đi nơi khác, còn lại khoảng năm mươi, sáu mươi người, được chúng tôi lấy ghế ngăn lại làm hai trạm nghỉ : phần trên sân khấu dành cho phụ nữ cấm lều mùng mền, phần dưới sân khấu dành cho nam giới cấm trại. Buổi sáng sớm, khi mưa vẫn còn rỉ rả ngoài sân, nhóm phụ nữ còn nằm

trên... sân khấu của hội trường thì chúng tôi thường đã được điểm tâm bằng tiếng huýt sáo của ai đó đứng ngoài hiên nhìn mưa. “*Nhìn những mùa thu đi, em nghe sáo lên trong nắng, và lá rụng ngoài song...*”, buổi xế trưa bỗng nghe có ai ca giọng lê thê : “*gió heo may đã về, chiều tím loang via hè, và gió hôn tóc thê, rồi mùa thu bay đi...*” và buổi tối có giọng ai âm thầm ở trong một góc phòng của hội trường : “*và lá rụng ngoài song, nghe tên mình vào quên lãng, nghe tháng ngày chết trong thu vàng... thương cho người... lạnh lùng riêng*”. Chưa bao giờ trong đời tôi, đã nghe và đã hát một bài hát nhiều lần và trong một quãng thời gian dài liên tiếp ba tháng như thế.

Bài nhạc thật là đơn giản về âm giai thể điệu, đề tài mùa thu, một đề tài quen thuộc trong thi ca rất dễ bị rơi vào sáo ngữ, đã có *Tiếng Thu* của Lưu Trọng Lư không tiền khoáng hậu, đã có *Giọt Mưa Thu* của Đặng Thế Phong khó quên trong lòng người, *Thu Vàng* của Cung Tiến âm vang, nhưng *Nhìn Những Mùa Thu Đi* đã là bước đầu thành công của cuộc hành trình ca khúc TCS. Có thể nói hành trình ca khúc TCS thực sự bắt đầu từ *Nhìn Những Mùa Thu Đi* chứ không phải *Ướt Mi*, dù *Ướt Mi* đã làm cho người ta biết đến Sơn.

Bởi vì với *Nhìn Những Mùa Thu Đi*, Sơn đã đưa chúng ta đến một cảm nhận mới, một thể cách tân thanh đến từ chính ý thức của người nghe : chúng ta hát *Nhìn Những Mùa Thu Đi* bằng mỗi cái nhìn mùa thu như một thể cách mình biết riêng cho mình, một thể nghiệm riêng cho mỗi cảm nhận lời ca của mỗi một cá nhân. Chúng ta hát cái nhìn của chúng ta, vào một buổi sáng mai thức dậy bỗng nghe gió heo may lùa vào khe cửa hay vào một buổi trưa nắng le lói trên via hè của đường phố thưa thớt người qua lại hay vào buổi chiều tím bên song. *Nhìn* mùa thu trở thành sự rung động mùa thu.

Tôi nhớ đến chữ kiến tính của Huệ Năng khi ngài xây dựng quan điểm thiền học mới mẻ của mình, thay vì “*Thân thị bồ đề thụ, tâm như minh cảnh đài*” của Thần Tú, Huệ Năng đã đổi cách nhìn cuộc đời một cách vật lý so sánh thụ động bằng cái nhìn sinh động vào bản chất thực sự của sự vật trong tính chuyển đổi sáng tạo của nó “*Bồ đề bản vô thụ, minh cảnh diệt phi đài*”. Với cái nhìn vô niệm vào diệu dụng của vô và phi Huệ Năng đã đưa Thiền học vào một con đường dẫn đến giác ngộ đầy sinh động và sáng tạo.

Cũng thế, trong hành trình ca khúc của Sơn, với *Nhìn Những Mùa Thu Đi*, theo tôi nghĩ Sơn đã mở ra bằng cái nhìn của mình một thế giới âm thanh mới và khác lạ, thể cách và âm điệu sinh động vượt ra khỏi những cảm nghĩ khuôn sáo cũ, đi thẳng vào tâm thức người nghe, làm tiền đề cho tiếng hát TCS, và có lẽ đã là không phải một trùng hợp ngẫu nhiên mà trong tiếng hát TCS chữ vô (hư vô, vô thường) đã được ngâm nga một cách tân kỳ so với lời ca của những người đi trước và người đồng thời, ngoại trừ âm nhạc Phật giáo.

Chỉ khác nhau ở một cách đặt vấn đề, với bài hát mùa thu bằng cái nhìn mùa thu, có thể nói hành trình ca khúc TCS đã từ già khuôn khổ của âm nhạc Việt Nam trước đó để cảm ứng được những trầm tư, thao thức và khát vọng của thế hệ của chính mình và thế hệ kế tiếp mà khởi sắc giai điệu riêng tư của mình.

Mỗi khi nghe giai điệu ca khúc TCS, âm hưởng của tiếng ca đi vào lòng người một cách tự nhiên như dòng nước chảy, ta có thể nghe và hát mấy mươi lần một bài mà không chán,

tôi cứ nghĩ rằng Sơn đã nắm được yếu tố cốt tủy của âm thanh trong lòng đất Huế, đã triển khai được âm giai trầm của tiếng Huế làm thành thể cách căn bản cho ca khúc, như có lần tôi đã nghe được một công án của Phật : “*Có vị Sa môn ban đêm tụng kinh tiếng nghe rất buồn, có vẻ hối tiếc, lưỡng lự, muốn trở về thế tục. Phật gọi mà hỏi, khi ông ở nhà thì đã làm gì ? Thưa thường đánh đàn. Dây đàn đứt thì thế nào? Thưa không kêu. Dây đàn cao thì thế nào? Thưa mất tiếng. Cao đứt vừa phải thì thế nào ? Thưa âm điệu phát ra đủ cả. Phật nói, học đạo cũng phải như vậy, giữ tâm trí chừng mực thì đạo phải được.*” (Bài kinh số 33 trong *Kinh 42 Chương*, Trí Quang dịch)

Âm điệu trong nhạc TCS cũng thế, đã tùy tâm để thể hiện âm thanh, cho nên nốt nhạc không bao giờ bức xé cũng như không bao giờ quá thấp để không có thể hát được, âm thanh chậm rãi, lưu luyến chảy vào tâm thức như một ý tưởng, một suy tư đang được ánh trăng thanh lọc khỏi những nút rạn khô khan, cần cỗi, gượng ép của tư tưởng mà trở thành dòng suối tâm thức tuôn chảy không ngừng.

Nhiều đêm nằm thao thức, nghe bài ca đi về xuôi ngược dội vào tim, tôi như trực cảm rằng trong bước đầu sáng tạo, Sơn đang từ trong giảng đường đi ra, vừa đi vừa làm một tiểu luận về - nghe buồn cười nếu tôi nói tiếp, *Hữu Thế và Thời Gian* của Heidegger và *Nhìn Những Mùa Thu Đi* là một bài tiểu luận về ý niệm thời gian mà TCS đã điểm nhãn bằng giai điệu rung cảm của Huế và của tất cả những gì đã diễn biến và lưu lại trong lòng của mảnh đất đã biến thành vùng khổ nạn kể từ năm 1963.

Tình Huế

Ở Huế có lẽ có một mối tình thủy chung duy nhất không bao giờ tàn phai, đó là *tình yêu cảnh Huế* của người Huế, như núi Kim Phụng mãi mãi đứng đó mà yêu hoài sông Hương bạc tình chảy xuôi, sông núi đã un đúc mối tình keo sơn của người Huế với cảnh vật quanh mình ngay từ khi nằm trong nôi nghe mẹ hát “*ru con cho tới làng Hồ...*” “*thuyền về Đại Lược, duyên ngược Kim Long...*”, hay “*ru em cho thoát cho muối, để mẹ đi chợ... mua vôi chợ Quán chợ Cầu, mua cau Nam Phổ mua trâu chợ Dinh*”.

Huế có lẽ là thành phố duy nhất trên quả địa cầu có cả núi và sông nằm ngay trong lòng, để cho người Huế dù cho đi xa mấy mươi năm, mấy mươi nghìn vạn dặm vẫn cứ mỗi mòn mong ngày trở lại dòng sông, trở về với núi.

Và tình nhớ Huế hầu như trở thành một con “*mê chiêu*” của cảnh thức Huế lan khắp năm châu bốn bể từ Cali cho đến Sidney cho đến Paris cho đến Muenchen, Saigon, Hanoi, và ở nơi đâu khác nữa trên địa cầu có mặt người Huế, hiện tượng Nhớ Huế như một khủng hoảng căn niên của Huế hôm nay, và trong giờ phút đứng ngay trong lòng đất Huế chính tôi cũng thấy như mình đang đứng trong một bức tranh vẽ một người đang nhớ Huế...

Vườn cây, hoa lá, nắng mưa, mây gió, cảnh chùa đã ôm ru thời thơ ấu và tuổi niên thiếu của mỗi con người Huế, đã uốn nắn trong tâm thức sức nhạy cảm của người Huế trước thiên nhiên, đã trở thành những âm vang gọi cảm trong suốt cả đời người mỗi khi nghe mưa rơi, nghe lá đổ, nhìn nắng lên hàng cau, nghe hoa bưởi bắt đầu lên hương trong khu vườn buổi sáng...

Lavender, hoa tím

Cánh đồng hoa tím
Trái rộng khắp chân đồi
Biêng biếc, như màu mắt em
Hôm nào,
Phớt nhẹ lời hò hẹn
Đã phải tìm quên...
Tím,
Chập chùng cánh đồng
Nhẹ nâng nỗi nhớ
Lavender !
Thoảng hương nhẹ bay
Như ai vừa thoáng qua đây
Mà vội xa...

Mai Phương

Aix en Provence,
tháng 7/2001

Phác thảo cỏ

Anh chỉ là ngọn cỏ
Gần đất nên xa trời
Đan vào nhau mà sống
Kết vào nhau làm vui

Tự anh nhận ánh sáng
Tự anh che cho anh
Tự anh hút mật đất
Mà xanh cho trời xanh

Anh chỉ là ngọn cỏ
Như lẽ đời giản đơn
Nhưng em ơi vắng cỏ
Lấy gì xanh núi non

Anh chỉ là ngọn cỏ
Đêm đêm nằm uống sương
Giọt sương giọt nước mắt
Em thương anh thì thương...

bùi hoàng tám

Nhân Dân Điện Tử

Huế bốn mùa đã đưa chúng tôi quanh quẩn đi những con đường Thành Nội, Đông Ba, Ngự Viên, Lê Lợi, Bến Ngự, Nam Giao, An Cựu, Vĩ Dạ, Kim Long, Linh Mục, Tịnh Tâm, Đại Nội... Những cuộc đi dạo thơ thần trên những con đường nhỏ, thường là đi bộ hay đi xe đạp chậm rãi - cuộc sống ở Huế dạo ấy không có cách chi khác hơn là chậm rãi, từ từ, thong thả, hình như song song với đi học, đi dạo là một thứ giải trí không thể thiếu trong thời khóa biểu của mỗi một người Huế ở thị thành.

Đi dạo, đi bộ, đi lang thang vì thế đối với chúng tôi đã là những cuộc hành thiền ngẫu nhiên, ở đó mỗi viên sỏi trên đường đi, một dòng nước nhỏ sau con mưa, mỗi chiếc lá rơi tan tác trên đường, mây chiều lã đãng trên sông, nắng le lói trên vỉa hè, sự yên tĩnh của vườn cây, một đóa hoa vừa mới nở, một tiếng chim kêu, đã là những tín hiệu về cõi đời, về ý nghĩa của thân phận làm người, về sự phù du của thời gian và về ý nghĩa của sự đợi chờ, về tình yêu... Và mỗi cuộc đi, bên cạnh những sôi nổi ồn ào của tuổi trẻ, thường có những bước lắng nghe, chìm đắm trong cảnh vật, đã có những chiêm nghiệm trước núi và sông, “*con chim nó đậu cành tre, muta nắng ở trọ bên trong mắt người*”.

Ca khúc của Sơn, nhất là ca khúc tình yêu, thường đã mang nặng cảnh thức Huế như một nguồn sống cho ý thơ và âm điệu.

Cho nên khi nghe nhạc của Sơn, người nghe nhất là người Huế thường có cảm giác mình đang đi trên một con đường nào đó ở quê hương, hay đang ở trên đường đi trong cơn mưa “*thì thâm dưới chân gà*”, trong “*mùa hạ khói mây*” hay “*mùa đông với vợ*”, để đến thăm người yêu, chỉ đến một thoáng rồi đi, chỉ để nhìn mặt hay không nhìn mặt người yêu rồi quay trở về trên đường sỏi đá bên khúc sông Bến Ngự, để vùi trong cơn sốt thương yêu “*gọi thân hao gầy, gọi hồn ngất ngây*”.

“Diễm xưa” là mối tình đầu của *Diễm Xưa* - sau *Ướt Mi* một thời mê say giang hồ, *Diễm Xưa* đã trở thành ca khúc tình đầu của Sơn và “Diễm” đã trở nên một huyền thoại “Xưa” như chuyện Từ Thức gặp tiên, như một câu chuyện tình cổ lụy cho đời và cho cả chính Sơn.

Tình yêu đã đến với Sơn như một huyền thoại bất ngờ, như một cơn mưa đến từ cõi hoang sơ rơi trên tháp cổ, nên thật bàng hoàng. Có lần Sơn bảo, con gái Huế yêu thật lạ lùng, trong cơn đau vẫn trốn mẹ, tung mền mặc áo mưa băng qua cầu chạy như bay đến để chỉ đặt một trái cây hoặc một bông hoa trước cửa, không cần gặp người yêu, rồi ra về. Để cho người con trai sưng sờ, ngạc nhiên và lạng người trong nỗi nhớ nhưng “*buổi chiều ngồi ngắm những chuyến mưa qua, trên bước chân em âm thầm lá đổ, chợt hồn xanh buốt cho mình xót xa*”... nỗi nhớ vết chim gi, bay qua vùng đất rộng, ước sao bờ sông Bến Ngự nối liền. “*Chiều này còn mưa sao em không lại, nhớ mai trong cơn đau vui làm sao có nhau... hẳn lên nỗi đau, bước chân em xin về mau*”. Diễm ơi, Sơn ơi, những mối tình ở Huế !

Tôi nghĩ rằng không ai cả ngoài “Diễm xưa” vẫn luôn luôn là bóng dáng người tình trong những tình khúc TCS. Trong *Như Cánh Vạc Bay*, *Quyên Hương*, *Tình Nhớ*, *Hạ Trắng*, *Mưa Hồng*, *Gọi Tên Bốn Mùa*, *Tình Sầu* v.v... vẫn thấp thoáng những nét đan thanh, chám phá của Diễm : mảnh khảnh đến gió thổi bay, vai gầy guộc như đôi cánh cò (chúng tôi thường

chế điệu nhau như thế), tay gầy lêu khêu, nét xanh xao, mái tóc rối quăn ôm gương mặt trái xoan nhỏ nhắn, bóng dáng chợt đến chợt đi chợt ẩn chợt hiện như trong Liêu Trai, dáng điệu thì yếu đuối như lúc nào cũng có thể ngã đi, nhưng trong lòng thì đầy cả đam mê bão táp.

Cái hình ảnh mảnh mai ẻo lả, lãng đãng như gần như xa, như có thực mà như không có thực ấy, khác hẳn với các khuôn mặt tình và khuôn mặt đẹp theo ước lệ trong những ca khúc tình yêu thường nghe, vẻ đẹp hao gầy mong manh trở nên nguồn cảm hứng không ngừng trong ca khúc tình yêu của TCS, xúc cảm từ một cuộc tình đam mê, trong trắng, mối tình học trò ngây thơ đầy hương sắc và ánh sáng mà Sơn chưa kịp nhận được thì đã thoáng bay.

Nếu *tình yêu cảnh Huế* keo sơn bao nhiêu thì *tình yêu của người con gái Huế* lại càng phù du như đám mây trời, như cơn mưa mùa hạ bấy nhiêu. Hình như là một thông lệ cho những người yêu nhau ở Huế : yêu ai thì rất mực yêu ai, nhưng khi tình cuộc trăm năm với người nào thì cha mẹ hay tiếng nói của mẹ cha đã nằm sẵn trong tiềm thức của mỗi người quyết định, và thường khi quyết định một cách thực tế là không lựa chọn người mình yêu, dù “*nỗi lòng anh đây*” nhưng “*lời ca anh nhớ*” bé đơn sơ quá cho nên ước mơ “*ngày nào mình còn có nhau xin cho dài lâu*” đã phôi pha để chỉ còn “*Này em em hãy phụ người, này em xin cứ phụ tôi*” “*em cứ phụ đời*” bởi vì trời đã sinh ra con gái Huế là để “*yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau*” (Truyện Kiều, Nguyễn Du)

Ai bảo Sơn không khổ vì yêu, thứ tình “*mật ngọt trên môi*” trở thành “*mật đắng trong đời*”? Cho cả cuộc đời, suốt cả bốn mùa mưa nắng “*đôi khi thấy trong gió bay lời em nói, đôi khi thấy trên lá cây ngày em đã xa tôi*”. Có khổ tận trong tình yêu, có đạt đạo trong nỗi khổ mới thể nghiệm được nghĩa vô thường của “*yêu là chết*” và có thể đồng cảm với niềm vui và nỗi khổ của những người đang yêu. Trong tất cả ca khúc tình yêu của Sơn luôn luôn có tấm tình riêng chia với tấm tình chung, như đã “*yêu em*” thì “*yêu thêm tình phụ*”, như “*trên lá khô*” chảy ra “*dòng suối*” tình yêu không tuyệt vọng...

Và dằn bứt lại cho những mối tình mây nổi, đã có *tình bạn hữu* thật chí thiết, đưa vai hứng đỡ những cơn tuyệt vọng chết người “*đừng tuyệt vọng, ai ơi đừng tuyệt vọng!*” “*Bạn bè ở Huế thương nhau lắm, một đứa vợ la chín đứa kinh*”, có một nhà thơ nhận xét như vậy sau này. Cô đơn vì người tình hờn dỗi lắm khi không có liều bằng khi “*bạn bè rời xa chân chiếu*”. Và khi bạn yêu người nào thì hình như mình cũng yêu người ấy, khi bạn thất tình thì mình cũng đau khổ không kém gì nỗi đau của bạn. Trong những lúc Sơn lụy vì tình, đã nhiều lần thay bạn đi thuyết khách, giải thích, hóa ra ai yêu nhau ai giận nhau thì bạn bè đều mau mau đứng ra chịu trận như chính mình là người trong cuộc. Và chính Sơn cũng đã tâm sự với tôi như thế tôi cũng là người trong cuộc của hai người. Sơn ơi, người trong cuộc hay người ngoài cuộc, ai bỏ đi ai ở lại với tình, ai buồn hơn ai ?

Trong rất nhiều tình huống của những năm sáu mươi ở Huế, Sơn thường đứng ngoài cuộc, trong lúc chúng tôi dần thân trong vòng khổ nạn của Huế 1963, nhưng mãi đến hôm nay mới biết được - dù hãy còn mơ hồ - người trong cuộc hay người ngoài cuộc, ai sâu ai thăm, ai thương ai cảm hơn ai, và tình bạn hữu đã khấn khít như thế nào giữa người đứng trong

và người đứng ngoài hàng rào dây kẽm gai.

Mái Chùa

Đối với người Huế, và đối với chúng tôi, yêu cảnh Huế hầu như cũng đồng nghĩa với yêu cảnh chùa ở Huế. Hình như trong tất cả những lần đi ngoạn cảnh hay đi lang thang ở Huế, vô tình hay hữu ý nơi đến cuối cùng thường là bước vào cổng chùa, đứng nghỉ nắng hay chờ tạnh mưa dưới mái tam quan hay vào xin một chén nước chè tươi đỡ khát hoặc một chén trà ướp sen cho ấm lòng, tiện thể vào chiêm ngưỡng tượng Phật, thắp hương cho vị tổ sáng lập chùa, thăm thầy trụ trì, nghe một câu chuyện thiền trong một không khí ít lời, thông thả, mát dịu.

Thế rồi bóng nắng mời gọi, hoa trái trong vườn mời gọi, cỏ cây trong sân mời gọi là chân bước theo chân, là mắt đưa theo mắt, là tai chịu theo tai, ngẩn ngơ trong vườn sấn, vườn chè, rừng cây cổ thụ, nơi hồ sen, nơi tiếng ve kêu, nơi chùm khế sây trái, dừng lại nơi lá xanh reo, nơi suối róc rách, nơi hoa sen nở, nơi hoa mộc thơm hương - dù chỉ một vài giây vô niệm, không chú ý - nhưng cũng đủ để thể nghiệm sự tĩnh lặng thường còn trong vạn vật, ở đó thông dong đi về không còn ngăn cách là thấy và nghe, cảm và nghĩ, xúc giác và khứu giác trong một toàn thể bao hàm tất cả những mâu thuẫn của sự trôi đi và dừng lại..

Buổi dưng chân có thể chỉ đủ để bóng nắng nghiêng trên triển đồi hay cơn mưa vừa tạnh hạt, nhưng cũng có thể để ngả lưng đợi giờ tắt cơn nắng gắt hay cơn mưa dai dẳng chưa dứt, để thấy hơn một lần hư không là nắng và vô thường là mưa.

Hay nhiều khi có thể lưu lại chùa vào một đêm trăng sáng, nghe tiếng hòa điệu rộn ràng của trăm thức hương lồng bóng nguyệt hay cảm được tiếng kinh Phổ Môn cầu an tắm ướp ánh trăng thấm đượm thân thể như giọt nước cành dương, rồi bỗng chiêm nghiệm được trong khoảnh khắc tiếng yêu đương và tiếng yêu người cũng chỉ là một, “*yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ*”.

Có lẽ trong tất cả những người thanh niên trẻ của thế hệ chúng tôi, Sơn là người đã bắt gặp được sự đốn ngộ bất ngờ ấy sớm hơn ai cả, không phải nghĩa “*sớm*” của “*trước sau*” mà là đã “*từ bao giờ*” không ai hay - trong vòng tay của người mẹ mộ đạo Phật ru đứa con đầu lòng, của gia đình thành tâm thương Phật anh em có nhau khấn khít, của cả mấy đời người Huế thương chùa, của cả mảnh đất thần kinh thâm u miệt mài hai chữ tu tâm - nên đến bây giờ, chỉ cần một chút “*run rẩy*” của lá là đã chuyển động “*Phật tâm viên tròn thể tánh*” trong ý nghĩa đơn giản nhất : chúng ngộ, thấy được chữ “*thương ai*” (ta và người= từ bi) viết đậm nét trên chiếc lá “*hư không*”.

Mỗi ca khúc của Sơn vì thế - như ít có nơi những kẻ đi trước và những người đồng thời với Sơn trên lãnh vực âm nhạc - có thể nghe và cảm nhận như những công án thiền về cuộc đời, mà mỗi câu hỏi siêu hình về nó đều bị trả đũa bằng một hay hai điều tầm thường, vớ vẩn trong chính cuộc đời ; ở đó chữ nghĩa mất hết tính cách ước lệ, qui luật văn phạm, sự vô nghĩa nằm sát bên có nghĩa. Có ai không bất ngờ khi nghe câu hỏi đạo đức “*Sống trong đời sống phải có một tấm lòng, để làm chi em có biết không?*” được Sơn phổ thành bài ca với câu trả lời: “*Để cho nước cuốn đi*”, cũng chẳng khác chi công án thiền: “*Ý nghĩa thật sự của Bồ Đề Đạt Ma đi về phương Đông*

là gì?” Trả lời: “Cây trúc bá trong sân!” Trong bài ca, vô nghĩa đứng cạnh có nghĩa mà vẫn không nghịch lý, người nghe không thấy chõi tai mà ngược lại cảm thấy cảm xúc lăn tròn theo tiếng hát, và trong chuỗi âm thanh theo đuổi nhau, mọi nghịch lý, phi lý làm cho con người nghệt thờ của một Sisyphus hì hục lăn tảng đá cuộc đời đều được giải tỏa bằng một hơi thở dài trút hết ưu phiền của tiếng hát lênh đênh.

Mỗi tiếng mỗi chữ trong các ca khúc trở thành những đơn thể của tâm thức trong tính cách hiện sinh duy nhất, tràn đầy sinh động của chúng đã được Sơn xử dụng một cách sáng tạo như những phương tiện “tiếng vỗ của một bàn tay”⁽³⁾ nhằm đánh thức âm hưởng nội tâm của mỗi người nghe, từ đó người nghe có thể đưa thêm vào bàn tay của mình để gây âm thanh cho chính cảm xúc của mình. Và tiếng ca, từ những cộng lá khô không lời, những viên sỏi vô tri im tiếng, bỗng xôn xao “cây lá vào mùa”, bỗng lao xao sóng vỗ bờ xa...

Những ý niệm, những ngôn từ trong đạo Phật - hư vô, hư không, cõi tạm, vô thường, cõi đi về, tiền kiếp, từ bi... thường được xem như những món “cơm chay” khắc khổ, đã được Sơn hóa giải rất tài tình trong lời ca theo nguyên tác suốt cả 49 năm Phật không thuyết một lời nào, bỏ hết tất cả những chất khô cứng đóng khung của ngôn ngữ dù đó là lời kinh, chúng được lắng nghe và linh cảm trong bản chất âm giai nội tâm đối đãi nguyên sơ nhất của chúng. “*Tôi đã lắng nghe im lặng dòng sông... tôi đã lắng nghe im lặng ngọn đồi... tôi đang lắng nghe im lặng của tôi... tôi đã lắng nghe im lặng thờ dài*”. Bài hát sâu lắng như một buổi tọa Thiền quán sát hơi thở.

Hư vô, cõi tạm do đấy được xử dụng như tiếng thờ “đục” của mõ và “thanh” bỗng của chuông, hai phương tiện của nghe kinh ngộ đạo đơn sơ nhất, căn cứ vào tầng rung cảm âm thanh bẩm sinh của mỗi con người, nói nôm na là tiếng lòng của mỗi người mà âm vang của tiếng mõ và tiếng chuông có thể làm nở “đóa hoa vô thường”, có thể chở ta ra đi viễn xứ và mang chúng ta trở lại quê nhà.

Có thể nói tính cách tân kỳ của ca khúc TCS nằm ở chỗ trong khi Sơn chuyển ý niệm sắc không vào âm nhạc, Sơn đã làm mềm chúng bằng cách dựa vào giai điệu cơ bản đối đãi giữa giải thoát và cõi trần cát bụi, trong tương quan chuyển qua đối lại giữa đục - thanh, trầm - bổng của mõ và chuông, từ đó tùy tâm mà chuyển đổi và ứng dụng tất cả những phương tiện khác của âm nhạc - tứ đại cảnh, ru em, hò hay điệu *blue* buồn hoặc điệu *soul* của phong trào tân nhạc Âu châu chẳng hạn, để sáng tạo nên thể cách riêng tư của mình. Trong tất cả dòng chảy của âm nhạc TCS, sự tĩnh lặng thoát ra từ âm thanh “chuông mõ” luôn luôn làm nền tảng cho sự cảm nhận nét nhạc của mỗi bài ca, dù cho bài ấy có dồn dập đến đâu.

Chính nhờ nguyên tắc đối đãi, mà lời và nhạc của Sơn luôn luôn biến chuyển không ngừng, trong nắng hư vô đã thấy tóc em dài, đường xa áo bay, và lời ru của mẹ lời ru cho em thường dẫn ta đi vào cõi đời thường như một cõi đời mộng, để cho mộng thực luân lưu trong nội tâm quện tròn thành một lời êm dịu như tiếng kinh gõ dành giấc ngủ.

Có thể so sánh sức mạnh sáng tạo trong thơ nhạc của TCS với một công án của Hakuin, thiền sư và họa sĩ ngộ đạo nhất của Nhật Bản:

*Tay không mà có cầm cán mai;
Đi bộ mà ngồi lưng trâu;*

*Người đi qua trên cầu,
Cầu trôi, nước chẳng trôi !*

Cái câu cố định hóa mềm dưới chân, nổi ưu tư hóa mềm trong tiếng du ca. Trong cái nhìn của người nghệ sĩ, năm căn hay lục căn được cởi bỏ mọi giới hạn, để chỉ còn tự do sáng tạo, ở đó nghe là nhìn “đôi khi *thấy* trong gió bay *lời* em nói”, người là nghe, vị giác cũng là nghe, “tôi đã *lắng nghe* im lặng *mặt người*”, mà Hakuin (Thiền sư Bạch Ẩn) gọi là phạm trừ “kikan” của mỗi công án, phạm trừ của cơ cấu mềm dẻo và tự do. Trong cái nghe sáng tạo, tiếng rơi thô kệch của hòn đá rớt xuống cành mai bỗng hóa thành tiếng chim ca thánh thót hát khúc qua đời ! Đứng dưới mái chùa, TCS đã trả lời Sisyphus bằng một công án như thế !

Một Niềm Vui, Một Giọt Nước Mắt

Trong tất cả các bài hát của Sơn, có một bài duy nhất mà tôi ít thích nghe cũng như ít thích hát, đó là bài *Mỗi Ngày Tôi Chọn Một Niềm Vui* sáng tác sau 1975. Không phải vì âm điệu buồn tẻ hay lời ca không hay, nhưng vì mỗi khi nghe hát bài này tôi lại nhớ đến Sơn của lần gặp lại năm 1977, khi tôi trở về Huế thăm nhà sau 12 năm du học.

Trở về Huế sau mười mấy năm xa cách, tôi đã gặp lại một Huế thật là - người Huế thường chỉ tình trạng này bằng bốn chữ tả chân...”*xanh xương mét máu*”, một Huế đang giạt mình, một Huế đang run sợ kinh hãi cho ngày mai, bên cạnh một Huế rất nghèo, rất khổ. Đi trên đường phố ít ai ngẩng đầu lên, có trao đổi một nụ cười với ai thì nổi gượng gạo nơi người ấy đã ngăn vành môi bên kia không cho cười hết miệng.

Khác hẳn với một Huế ngày trước mà mỗi nụ cười là ánh sáng thân hữu hiếu khách, mà mỗi cái nhìn có phản chiếu sự trong trẻo của nước sông Hương trên khúc sông Linh Mục mời gọi tha nhân đi sâu vào một câu chuyện mới làm quen, Huế 1977 mà tôi gặp lại là một Huế lơ đãng, sầu hận và nghi ngờ, một Huế bị phá sản hết mọi thiết tha.

Hãi kinh và ngơ ngác đọng trong mắt, trên nét mặt của mỗi người những vòng sâu thâm quầng. Lần trở về Huế năm ấy cho tôi một nỗi bơ vơ còn hơn những nỗi bơ vơ ở xứ người, vì đâu đâu hình như ai chẳng tin ai, ai cũng nghi ngờ lẫn ai, ai cũng oán hờn với ai, ai cũng sợ ai.

Chỉ có một niềm vui duy nhất : gặp lại gia đình và gặp lại bạn cũ. Trong khoảng thời gian mấy mươi ngày ở Huế, Sơn là người bạn đến thăm tôi nhiều lần nhất. Khác với ngày trước thường đi bộ ba, bộ bốn, lần này Sơn đến một mình. Vẫn dáng người gầy, mũ caskette nâu như năm nào, gọng kính trên mũi thanh, ánh mắt thân thiện như chưa bao giờ có một khoảng trống vắng trong tình bạn. Chúng tôi kể cho nhau nghe những điều đã làm đã học trong mười mấy năm không gặp.

Tuy xa nhau rất lâu, nhưng hình như lúc nào Sơn cũng có mặt không những chỉ cho riêng tôi mà cho thế hệ chúng tôi, ở những nơi xa xôi nhất như cái thành phố Âu châu mà tôi đang ở. Nhạc tình, nhạc về chiến tranh và hòa bình của Sơn trong những năm trước 1977 đã nộ rộ và âm vang đến cộng đồng người Việt khắp năm châu. Ở nơi quê người chúng tôi đã hát nhạc của Sơn như nổi ưu tư của mình về số phận của đất nước và con người Việt Nam, về nỗi khổ chiến tranh, về khát vọng hoà bình.

Khác với những ca khúc khích động xuống đường thời ấy

nghệ sĩ như “dậy mà đi”, “cỏ cú”, ca khúc về cuộc chiến của Sơn thường gây ý thức, đặt vấn đề hay trình bày vấn đề, hoàn cảnh, số phận để mỗi một người chúng ta lấy quyết định mà hành động. Và khi đã lấy quyết định rồi thì tự mình gánh lấy trách nhiệm của mình, chứ không thể đổ tội cho bài ca. Bởi thế tôi nghĩ rằng những trách cứ về Sơn, buộc tội Sơn có hơi vội vàng do sự ngộ nhận bản chất thật sự của những ca khúc TCS mà có lẽ trong một dịp khác phải được phân tích và đánh giá lại một cách trung thực.

Trở lại 1977. Cả một công trình sáng tác nhạc mười mấy năm đang bị đe dọa phải chối bỏ, kiểm soát, tự phê bình, Sơn đã tâm sự với tôi nỗi khó khăn cho một người nghệ sĩ trong hoàn cảnh chế độ xã hội chủ nghĩa đang được thực hành trong tính cách tuyệt đối, khai trừ mọi ý kiến khác biệt. Đã kể cho tôi nghe những buổi “đi thực tế”, những lần phải viết bài tự phê bình về tác phẩm của mình, và Sơn bảo, họ không đồng ý với mình nhưng họ bảo mình viết rất hay. (Không biết những tài liệu ấy ngày nay có còn không?) Tôi đã ngạc nhiên trước những nhận xét sắc bén của Sơn, mà hồi trước vì thấy Sơn ít nói, tôi cứ đinh ninh là Sơn đơn giản.

Sơn đã chạm mặt với hai vấn đề : ý thức con người trong Xã Hội Chủ Nghĩa và lý thuyết Mác-xít. Vấn nạn thứ nhất làm cho một người nghệ sĩ chân chính phải kinh hoàng là sự không thành thực với chính mình - thành thật với chính mình là điều kiện tiên quyết cho sự đạt đạo trong sáng tác nghệ thuật. Trong hai năm trường Sơn đã chạm mặt với một hiện tượng mà Sơn gọi là nhị trùng bản ngã - danh từ lần đầu nghe ở Sơn, bên ngoài nói một đằng mà bên trong nghĩ khác, mà cả hai, bên trong và bên ngoài đều được chủ nhân của chúng *tưởng* là đúng một cách giáo điều như nhau, chứ không phải một mặt đúng thì mặt kia phải sai, không, giáo điều là sự tin tưởng cả hai thứ sai đều đúng !

Vấn nạn thứ hai là sự tò mò siêu hình cố hữu, Sơn hỏi tôi ở Âu châu đã có triết gia nào dùng lý luận để bác bỏ lý thuyết Mác-xít một cách toàn diện, tương tự như Marx đã phê bình Hegel. Câu hỏi thắc mắc triết học này đã biểu lộ nỗi lo âu trí thức của một người nghệ sĩ thức tỉnh. Không bản khoăn lo âu sao được khi ở đâu cũng bị vây quanh bởi những bích chương giáo điều quá vĩ đại và hàng ngày phải điểm tâm bằng những buổi phát thanh ca ngợi chủ nghĩa như kinh nhật tụng và những buổi học tập lý thuyết Mác-Lê loại trừ mọi phê phán ? Lo âu cho sức sáng tạo của mình bị tắt nghẽn khi phải đánh đổi sự yên tâm trí thức về chân lý bằng quyết đoán giáo điều nông cạn và hời hợt.

Một lần khác trong một cuộc đi xem triển lãm tranh tại Huế, Sơn chỉ cho tôi một bức tranh hiện thực được giải nhất, vẽ cảnh công nhân cùng với mọi tầng lớp nhân dân đang lao động, người nào cũng vai u thịt bắp mặt mày hồng hào, em bé thì bụ bẫm. Nỗi khổ của nghệ sĩ miền Nam nằm ở nơi “người người hồng hào, em bé bụ bẫm” ấy! Vì nếu vẽ hiện thực thực sự thì chỉ tìm thấy thực tế “đói dơ xương” đầy rẫy. Phải sống trong một ảo tưởng lạc quan nào đó mới có thể vẽ hay hát hiện thực “mơ mộng ngây thơ” trong hoàn cảnh Việt Nam thời ấy. Cho nên không vẽ được, không sáng tác được. Cho nên khổ !

Không có bài hát nào của Sơn trong quá khứ được ban giám khảo văn học nghệ thuật thời ấy cho lọt sổ. Nhạc Sơn bị cấm phổ biến.

Sáng tác theo chiều hướng qui định đó như một cực hình, mà không sáng tác - lẽ sống của người nghệ sĩ, thì như cây giữa mùa xuân rụng lá. Trong một hoàn cảnh như thế Sơn đã chọn lựa sáng tác và bắt đầu lượm từng chiếc lá xanh vừa rụng xuống chấp lại lên cành với bài *Mỗi Ngày Tôi Chọn Một Niềm Vui*.

Trong đêm họp mặt bạn bè cũ nhân cuộc trở về Huế của tôi (hôm ấy có mặt bộ ba của thời trước - Sơn, HPNTường, Đinh Cường) và những bạn cũ, cùng một vài khách mới, Sơn đã hát cho chúng tôi nghe ngoài những bài hát cũ, bài hát vừa mới sáng tác nói trên. Về âm điệu và lời ca, thoạt nghe, thì cảm thấy bài hát thật là dỡ ngỡ nếu được nhìn trong toàn thể ca khúc TCS.

Đến 1977 ca khúc TCS đã lớn mạnh và đạt đến trình độ tinh luyện, xuất thân về âm giai cũng như về ý nhạc, cho nên khi nghe *Mỗi Ngày Tôi Chọn Một Niềm Vui* tôi có cảm tưởng đau đớn là Sơn đang tập đi lại những bước nhạc ấu trĩ trong sự nghiệp ca nhạc của mình, như “kia đàn vịt ngoi dưới ao hồ” hát hồi lớp Năm, đang phải quên tình sầu, tình nhớ, mưa hồng, cõi tạm để hiện thực trong những niềm vui không có thực, đang phải tập đi những bước đoạn trường để qua cái cầu Xã Hội Chủ Nghĩa.

Và không những chỉ Sơn, tất cả những nghệ sĩ miền Nam đều đã phải trải qua cay đắng ấy, trong khi họ gần nửa đời người sáng tác, họ phải bắt đầu lại từ đầu với một cảm giác đang bị cặp mắt của ban kiểm duyệt văn hoá quan sát ở sau lưng.

Ai nói Sơn ca ngợi niềm vui (trong lúc mọi người đang buồn đang đói) trong bài hát này? Người ấy đã nghe quá vội, chỉ nghe chữ “vui” mà không nghe chữ “chọn” đi trước. Ai vui thì nói tôi vui như bài “vui ca lên nào anh em ơi” còn một người đang ngồi “chọn” niềm vui thì người ấy chưa vui, bởi vì trong lúc chọn, “cái vui” còn là một đối tượng bên ngoài chứ chưa phải là niềm vui bên trong, cái vui nghẹn ngào, mới chỉ là một nửa, mới chỉ là “vui gượng kéo mà” đó thôi. Âm hưởng của chữ “vui” sau chữ “chọn” nghe như có vết lằn của giọt nước mắt không nức nở của nàng Kiều !

Trong hoàn cảnh bấy giờ có người bảo không thể tìm ra một niềm vui nào cả và trách Sơn tại sao có thể xa thực tế, đi nói chuyện vui trong lúc cả nước khổ, ngược lại đài phát thanh Huế ngày nào cũng kể ra hàng vạn tin vui, và người ta trách Sơn sao chỉ chọn một niềm vui, và chọn một con đường để đi, trong lúc vui đã có và đường đã sẵn ?

Trả lời chất vấn thứ hai, Sơn hát “*tôi chọn một niềm vui*” ấy là thái độ tích cực đó chứ, tích cực nhưng không giáo điều vì sự chọn lựa là của tôi và như thế tôi trung thành với tôi, trả lời chất vấn thứ nhất, Sơn cho thấy sự bất bình thường của việc đi chọn một niềm vui như đi lựa một chiếc áo chưa mặc, như đi mua vé xem hát mà chưa đi. Trong *Mỗi Ngày Tôi Chọn Một Niềm Vui* vẫn có chữ vui, nhưng là nỗi vui được chọn lựa trong cảnh ngộ “dùi mài một thân” của người nghệ sĩ phải tìm một niềm vui để sống, phải chọn một con đường để đi giữa “gió trúc mưa mai”, chọn và tìm cho được *mỗi ngày một niềm vui* thật sự giữa những niềm vui nhị trùng bản ngã không phải là dễ.

Và niềm vui mà Sơn kể ra lại không dính líu chi với những niềm vui loan ra của các đài phát thanh của cả nước thời bấy

giờ cả, mà là những niềm vui tìm được trong cảnh thức Huế đã ghi đậm một thời : những bông hoa, những nụ cười, “*tôi chọn gió trời mời em giữ lấy*”, chọn tiếng ru con để chờ nắng đây, chờ cơn mưa tới và “*nhìn gió quê hương ngồi nghĩ đời mình*”.

Tôi nhớ nàng Kiều trong “*Nỗi lòng đời đoạn xa gần, chẳng vò mà rối chẳng dần mà đau*” đã nhớ về quê cũ với những kỷ niệm đầm ấm khó quên như một niềm vui an ủi cho hiện tại và cảm được tâm trạng của Sơn trong những năm sau 1975 một phần nào : *Chọn ở lại trên mảnh đất quê hương như là một nhu cầu tất yếu của người nghệ sĩ - có con ve nào hát được tiếng hát trung thực của nó khi bay khỏi vùng đất mà nó vừa thoát xác ? - Chọn cho được một con đường riêng cho mình để sáng tác mà không phản bội với chính mình. Chỉ với những niềm vui trong “giấc hương quan” mà đó là “gió quê hương” của tâm thức Huế, tác giả của Mỗi Ngày Tôi Chọn Một Niềm Vui khi “nghĩ lại đời mình” đã tạo cho cuộc đời mới của mình một mảnh đất sáng tạo dù cho hạn hẹp, ở đó anh có thể chọn một niềm vui như một thứ tự do dù cho chỉ là khoảnh khắc phù du như gió, như mưa, như nắng nhưng lại trung thực với con tim, bởi lẽ “*đất nước đang cần một trái tim*” trung thực như thế.*

Ngày rời Huế lúc chia tay Sơn đã đem đến tặng ba bài hát viết tay trên trang giấy học trò - hồi ấy giấy viết tốt hầu như không có, bài hát nói trên, và hai bài *Con Chim Nó Đậu Cành Tre, Em Đi Qua Chuyến Đò* hai sáng tác mới phối hợp điệu dân ca và nhạc soul mà Sơn rất đặc ý. Hành lý mang theo hôm ấy là tình bạn hữu và một nỗi xao xuyến lo âu cho người ở lại. Ở nơi xa mỗi khi nghe ai hát những bài hát ấy tôi lại thấy xót xa với niềm vui như một giọt nước mắt khô không chảy ấy.

Trong những năm kế tiếp, sau một khoảng thời gian bất tiếng, nhạc của Sơn như một luồng nước ngầm chảy đến miền Bắc và chinh phục mọi tầng lớp thính giả, mặc dù bị cấm phổ biến, trong những chuyến xe đò từ Nam ra Huế, ra Bắc, du khách bỗng nghe âm lòng khi nghe *Tình Nhớ, Quỳnh Hương* như cuộc trùng phùng bằng hữu bất ngờ, thấp thoáng, quán quýt bên tai.

Tiếng hát TCS đã trở thành tiếng hát của mọi người. (Sự thành công của Sơn sau 1977 là việc nghiên cứu trong tương lai). Sơn thường bảo “*đời đã đãi ngộ*” Sơn đó, tôi thì nghĩ, không chỉ do thế, chính trái tim chân thật đầy đạo vị của Sơn đã gặp gỡ trái tim của mọi người dù Bắc hay Nam, hữu hay tả, đó là nguồn suối thành công của Sơn.

Trái Tim Trung Thực Từ Bi - Lễ Sống Văn Hóa

Lần cuối gặp Sơn tại Sài-Gòn vào tháng 9 năm 2000, tôi đến thăm Sơn với ý định nhờ Sơn phổ nhạc cho vở kịch của B. Brecht do tôi dịch và Minh Ngọc làm đạo diễn. Một sự tình cờ, hôm ấy Thầy Tuệ Sĩ cũng đến chơi, lại nghe có Đình Cường ở Mỹ về cũng sắp đến. Chúng tôi ba người ngồi nói chuyện với nhau đợi Cường, và một đề tài cố hữu lại được đề cập - một cách thoải mái, chuyện làm văn hoá tại Việt Nam.

Sơn nói với Thầy Tuệ Sĩ - hôm nay mới thấy là một ngẫu nhiên lạ lùng, như một kết luận cho hành trình ca khúc của mình : nên làm văn hóa và có thể làm văn hóa trên đất nước này, có thể sống văn hóa trên đất nước này miễn là mình vẫn trung thành với chính mình, với con tim của mình, với cảm xúc sáng tạo của mình, và với tình thương, thì sẽ thuyết phục

được thiên hạ và có niềm vui. Rồi chỉ vào mình Sơn bảo : “*Như Sơn!*”, không một chút tự cao mà nhân hậu như một thiền sư đã chứng ngộ mọi sự khổ của cuộc đời, mọi nỗi vui của cuộc đời, với ly rượu cố hữu (khổ nạn và đam mê của Sơn) trong tay.

Tôi nghĩ đến cách thế cởi dép đội lên đầu mà đi của Thiền sư Triệu Châu⁽⁴⁾, câu trả lời duy nhất có thể cứu sự sống qua bao nhiêu tranh luận ý thức hệ, bao nhiêu giáo điều chủ nghĩa, bao nhiêu sự chém giết đày đọa hận thù lẫn nhau mà Việt nam đã trải qua và thế hệ của chúng tôi đã trầm luân trong ấy.

Ngoảnh mặt lại nhìn thì đến bây giờ chúng tôi chỉ có TIẾNG HÁT TRỊNH CÔNG SƠN như tiếng của cõi lòng thế hệ 40 - 60.

Vĩnh Biệt

Ngày đưa đám Sơn, anh em ở Huế, một số vào Sài-Gòn, một số người ở lại Huế, trong đó có tôi. Nghe báo tin ra hàng ngày là đám tang sẽ rất lớn, người ái mộ đem hoa đến không kể xiết, bỗng chùn chân không muốn đi.

Ở lại Huế, hội văn nghệ tổ chức lễ truy điệu, bạn hữu, người ái mộ đến rất đông, nhưng cũng có người không đến. Hỏi tại sao. Trả lời, tui không tới, không đi mô hết, tui đã từng thao thức nhiều đêm với hán ở trên chùa, thời nhỏ đã từng lăn lóc với hán trong vườn dâu trong bụi sắn, chừ tui ở nhà tui khóc với hán, tui nói với hán là đủ rồi - một chiều bằng hữu kiểu Huế kỳ quái! không phải khóc cho Sơn mà với Sơn, không phải điệu văn cho Sơn mà nói với Sơn trong nỗi “*bạn bè rời xa chân chiếu*”. Ô hay, sao nỗi cô liêu bỗng vô tận thế này?

Ngày đưa đám Sơn, tôi đã đi lại những con đường ở Huế, đường qua Trường Tiền đường lên Bến Ngự, vòng xuống Ngự Viên, những con đường chúng tôi đã đi thời thanh xuân, bỗng vấp chân trên đường, hòn đá lăn rơi khô khan như tiếng đất rơi tiễn biệt trên một quan tài, những viên sỏi đá! một thời tuổi xuân! đã muốn nhìn vô tri đồng nghĩa với chữ TÂM, với chữ THUỞNG!

Sơn ơi, nơi cõi “*đêm chưa qua mà ngày chưa tới*” trong kinh Bát Nhã có phải “*ngày sau sỏi đá vẫn cần có nhau!*”

Thái Kim Lan

GHI CHÚ

(1) Sisyphus: nhân vật trong huyền thoại Hy Lạp, con của Aiolos và nữ hoàng Korinth, nổi tiếng là tinh ranh quỷ quyệt đã dám bắt thần chết trở lại để cho con người khỏi phải chết, sau đó bị trừng phạt vì tội ấy suốt đời phải lăn một tảng đá lên núi, nhưng khi đến nơi thì tảng đá lại rớt xuống, và Sisyphus lại phải bắt đầu lại công việc lăn đá lên núi.

(2) và (4) Công án Triệu Châu: “*Một hôm trong tự viện của Hoà Thượng Nam Tuyền, tăng chúng ở đông và tây đường tranh nhau một con mèo. Nam Tuyền cầm con mèo giơ lên nói: “Đại chúng nếu có ai nói được (đắc đạo) thì cứu mạng cho mèo, bằng nói không được (đạo bất đắc) thì ta sẽ chém mèo vậy!”* Chúng chẳng ai nói được, Nam Tuyền bèn chém mèo. Chiều đến, Triệu Châu về, Nam Tuyền đem chuyện kể lại cho Triệu Châu. Triệu Châu bèn cởi giày đội lên đầu rồi đi ra. Nam Tuyền nói: “*Nếu như có ông ở đó, hán đã cứu được mạng cho mèo rồi.*”

(3) Một công án Thiền học nổi tiếng của Hakuin: “*Khi ta vỗ hai tay vào nhau, ta nghe tiếng vỗ tay. Hãy lắng nghe tiếng vỗ của một bàn tay!*”

(4) Xin xem ghi chú (2) ở trên.

Trịnh Công Sơn Đóa Hoa Vô Thường

Võ Xuân Hân

*Để tưởng niệm một ngọn đuốc lớn đã soi sáng âm nhạc
cũng như đã góp phần lật trang sử giông Lạc Hồng*

Cách đây ít năm, tôi cùng nhà tôi đến thăm Sơn trong một buổi chiều nhạt nắng ở miền Nam. Trong suốt buổi viếng thăm, Sơn nói nhiều, điều thuốc không hở trên tay, miệng vừa nhấp đều cốc rượu mạnh đã được pha loãng với nước. Nhưng Sơn không say chút nào. Cũng như khi sáng tác, Sơn không hề có ý trau chuốt nhiều. Ý tưởng và ngôn từ Sơn hôm ấy cứ tuôn ra như nước chảy, như thể đang sáng tác nhạc vậy. Chúng tôi im lặng ngồi nghe Sơn nói. Cũng như phong cách hàng ngày, ít nữa là vào những năm cuối đời, cứ chỉ lời nói Sơn khoan thai, vừa để tiếp bạn từ xa, vừa chia sẻ chút tâm sự. Vì không sắp đặt trước nên câu chuyện hôm đó rất đáng ghi lại vì nó đã cho hậu thế một trong những cái nhìn cuối cùng hồn nhiên, không uốn nắn hay thêu dệt về nhạc sĩ. May thay hôm ấy chúng tôi có đem theo một máy video cầm tay. Chúng tôi đã được chứng kiến một Sơn rất “Thiên”. Một Sơn chín muồi hơn thời “Diễm Xưa”. Nhờ thế, một cuộc thăm viếng thường đã trở thành một cuộc viếng thăm định mệnh vì đây là lần chót tôi gặp Sơn và cũng vì Sơn đã gói gắm cho thế gian một đời điều. Beethoven, hồi ở Heiligenstadt, 1802, viết thư cho cháu Karl và em Johann không có ý viết chúc thư cho đời, nhưng hậu thế vẫn xem đó như lời di chúc nòng nân nhất (chức thư Heiligen-stadt). Mãi đến một phần tư thế kỷ sau ngày viết tâm thư đó, Beethoven mới thành người thiên cổ. Không cố ý tự vẽ mình, mà nhờ bức thư đó, hậu thế có dịp thấy rõ hơn Beethoven con người và Beethoven nghệ sĩ. Qua câu chuyện thân hữu hôm đó với chúng tôi, Sơn đã tô đậm thêm nét chân dung mình, phản ánh một số nhân sinh quan, thẩm mỹ quan, tình yêu, tôn giáo, âm nhạc, cũng như thế giới và vai trò của thi sĩ, nghệ sĩ, v.v.

Để nhớ Sơn, ta có thể nêu ra hai câu hỏi : thứ nhất, Sơn gần đây giống và khác với Sơn xưa ở những điểm nào ? và thứ nhì, họ Trịnh và Beethoven có những điểm giống và khác nhau ra sao ? Vì sao nhắc đến nhà đại nhạc sĩ Đức ? đối chiếu ở đây không nhằm so sánh hơn thua, hay dở, nhưng chỉ có một mục đích là cho ta một nhận định rõ ràng hơn về người nhạc sĩ lỗi lạc yêu dấu của chúng ta. Cả hai đều là những “ ngôi sao xuống từ trên trời ”, một người xuống miền Tây, người kia xuống miền Đông, cách nhau hơn một thế kỷ rưỡi, nhưng có điều đặc biệt là họ một số điểm chung lớn. Mấu chốt chung là hoài bão và tâm hồn lớn của họ, là đời sống tình cảm của họ, một số cảm nghĩ về đời sống và nghệ thuật, và nhất là cảm tình sâu xa của đồng bào đối với họ và vị thế tột đỉnh của mỗi người trong nền âm nhạc tại quê hương họ. Một điều nổi bật khác nữa là thời đại của hai nhạc sĩ là thời đại của giông bão táp, của cảnh thị nát xương tan : một bên là chiến tranh giành giật phân chia đất đai (cho đến khi đại đế Napoléon bại trận năm 1814), bên kia là cuộc chiến giành độc lập thống nhất lãnh thổ. Nếu người thường ghi nhận niềm đau khổ một, mức nhạy cảm của nghệ sĩ cho họ ghi nhận mười. Cho đến nay tôi vẫn không chắc vì tất cả những lý do trên, hay có lý do nào khác, mà một khi nghĩ đến Trịnh Công Sơn, hình ảnh kinh

cụ của con người nghệ sĩ đức có nhiều tâm huyết muốn quyết liệt chống trả định mệnh lại hiện ra trong trí tôi hầu như một ám ảnh.

Nắng buồn hơn mưa...

Trong câu chuyện, có lúc Sơn chỉ tay về phía cửa sổ, nói rằng nắng ở Canada, chỗ Sơn ở thăm gia đình một thời gian ngắn, vui hơn nắng ở Việt Nam. Sơn nói nắng ở Âu Mỹ trắng mà vui hơn nắng ở đất Việt. Theo Sơn, nắng ở xứ ta vàng và buồn hơn mưa. Sơn nói ai cũng nói mưa buồn, nhưng Sơn không thấy vậy. Sơn nói “ *nắng cũng có cuộc đời của riêng của nó* ”. Nghĩa là nắng sống ngày ba buổi, sáng, trưa, chiều, trong khi đó mưa không vậy. Mưa chỉ rào xuống một cái rồi hết. Phải chăng đây là nhìn của thi sĩ ở trong Sơn ?

Thế giới nghệ sĩ

Sơn nói người nghệ sĩ có một thế giới, một đời sống riêng của mình. Sơn phụ thêm chữ Pháp *le monde à soi, pour soi*. Sơn giải thích rằng nếu không có đời sống riêng này thì nghệ sĩ không còn là nghệ sĩ hay nữa. Mà đời sống riêng tư đó là cái gì ? Không đợi chúng tôi hỏi, Sơn tự trả lời một mình : đời sống đó là một cái gì huyền ảo, đầy “ *mộng tưởng* ”, nghĩa là nó vừa hư vừa thực. Nó gần giống thế giới bên ngoài nhưng “ *không hoàn toàn giống* ”. Sơn dùng chữ *invraisemblable* để nói rộng thêm về thế giới riêng này. Theo lời Sơn, đời sống riêng của nghệ sĩ cũng có cây cỏ có bông hoa, có chim chóc, có dáng dấp của con người đi qua, nhưng tất cả cái đó không hoàn toàn giống thế giới bên ngoài. Thế giới người thường là thế giới cụ thể, nhưng thế giới nghệ sĩ thì “ *mộng lung... trừu tượng* ”. Sơn nói thế giới nghệ sĩ là thế giới ngoài đời “ *nhân lên mười lần* ”. Vì sao ? Sơn giải thích : sở dĩ như vậy là vì thế giới nghệ sĩ đầy “ *ước mơ... hy vọng* ”. Sơn nhắc đi nhắc lại hai chữ “ *ước mơ* ”. Sơn nói nhờ có thế giới riêng này mà bài hát được tồn tại. Không có thế giới riêng này, vẫn theo Sơn, sẽ không có nhạc hay, sẽ nghèo nàn. Theo lời Sơn, lý do có nhạc không hay là vì tác giả không có cái thế giới riêng đó.

Vai trò nghệ sĩ

Nhân lúc câu chuyện đi đến chỗ bàn về nghệ sĩ, tôi có góp ý rằng nghệ sĩ tài ba chẳng qua là các thầy phù thủy (hiểu theo nghĩa tốt). Tôi nói các ông nhạc sĩ, họa sĩ lớn đã nhạy cảm đủ để nghe được trong khi kẻ khác không nghe được, thấy được trong khi kẻ khác không thấy được, cảm được trong kẻ khác không cảm được. Đó là của trời cho, là dấu hiệu thiên tài. Từ những cảm nhận nhạy bén này, các nghệ sĩ lớn biết cách tiêu hoá, nhào nặn, dùng phép thần thông, tạo cho đồng loại một thế giới mới, mở cửa cho đồng loại đi vào những chân trời huyền ảo nhớ nhung. Thiếu phép thần thông của thầy phù thủy thì đất sét trong tay thế gian vẫn là cục đất sét vô duyên. Người phàm có tai cũng như điếc, có mắt cũng như đui, có miệng cũng như câm. Vậy nghệ sĩ lớn trước hết là tai mắt của thế gian. Nhưng nghệ sĩ vừa là người ghi nhận, vừa là kẻ phát ngôn của đồng loại. Nghệ sĩ nói thay tiếng nói của đồng loại bất lực trong việc bày tỏ tâm trạng mình qua các tình huống đau khổ, hạnh phúc, nhớ nhung, khát vọng. Nhờ thế, qua tác phẩm văn nghệ, người đời tìm lại được bản thân của chính mình đã bị đánh mất. Thật một sự khám phá vô giá ! Cho nên đời vắng bóng nghệ sĩ là đời què quặt, nghèo nàn, mất mát không biết bao nhiêu mà kể ! Thấy tôi nói nghệ sĩ là thầy phù thủy, Sơn tỏ vẻ tán đồng. Song khi nghe tôi dùng chữ “ *phù thủy* ”, Sơn thoát tiên dặm thêm chữ Pháp *un magicien* để dịch chữ phù thủy của tôi. Song khi cảm thấy tôi thắc mắc về chữ *magicien* (nhà ảo thuật) dùng để chỉ thầy phù thủy, thì Sơn đã

nhanh nhẹn đổi ra chữ *un sorcier*. Tôi gặt đầu để tán thành Sơn về sự sửa đổi ấy, vì thật ra *sorcier* là từ tôi nghĩ đến ngay từ đầu, nhưng vì thấy chữ *phù thủy* trong tiếng Việt quá hay nên tôi thấy không cần dùng ngoại ngữ làm gì.

Thi sĩ không phải là nhà tiên tri

Sơn nói sách báo thường cho thi sĩ là nhà tiên tri, nhưng thật sự không phải như vậy. Lý do ? Sơn giải thích rằng thi sĩ nhìn lá nhưng thấy đó không còn là lá nữa, nhìn cây, nhưng thấy đó không còn là cây nữa. Thi sĩ thấy trước được những gì sẽ xảy ra cho những cây và lá ấy. Sơn khai triển thêm. Những câu chuyện ở đời này có những giai đoạn bất buộc, nghĩa là lúc đến, phải đến, lúc đi phải đi. Thi sĩ cảm thấy được chu trình đó và đi trước người khác một “ tí xíu ” mà thôi, do đó, người ta cho thi sĩ là tiên tri, chứ thật ra thi sĩ không phải là nhà tiên tri. Thi sĩ chỉ khác không thi sĩ ở chỗ có thể cảm thông với cây cỏ, vạn vật mà người ta tưởng là vô tri, nhưng theo Sơn, thật sự không phải là vô tri. Sơn lấy ví dụ là nếu ta rời bỏ khu vườn của ta để đi một thời gian, khi trở về thì thoát đầu ta thấy nó hoang vu, nhưng sự hoang vu buồn bã đó sẽ biến mất sau khi ta ngồi chơi với nó trong một thời gian, ta sẽ đem lại “ hơi ấm ” cho nó và nó cũng phản lại, và như thế hai bên, người và vườn sẽ có “ một sự giao hoà nào đó ”.

Ngày xưa sỏi đá cũng cần có nhau

Sơn nói với chúng tôi rằng mọi vật, ngọn lá hay bông hoa cũng có đời sống riêng của chúng. Có nhiều người cho đây là một hình thức thi vị hoá âm nhạc. Thế nhưng công việc thi vị hoá lắm khi lại là công việc gượng ép, giả tạo. Với Trịnh Công Sơn, không cần cố sức thi vị hoá. Vì trong lời nói tự nhiên của Sơn đã có sẵn chất thơ rồi. Sơn nói “ ...*anh nhìn ngọn lá, có tình yêu trong ngọn lá, anh nhìn bông hoa, có tình yêu trong bông hoa... tất cả mọi cái đều có đời sống riêng* ”. Rồi Sơn giải thích cho chúng tôi tại sao Sơn hát . . *ngày xưa sỏi đá cũng cần có nhau*. Vì theo lời Sơn, sỏi đá có linh hồn riêng của nó, có đời sống riêng của nó. Sơn nhấn mạnh rằng sỏi đá cũng biết nhớ nhưng, cũng biết nghe, biết nói. Chỉ vì mình không biết nghe mà thôi . Nhưng Sơn nói có người nghe được sỏi đá, có người không nghe được. Sơn nói sỏi đá có linh hồn và nó cũng biết buồn, biết nhớ nhưng, và khi viên đá buồn, nó làm cho mình buồn. Sơn tin thật như vậy. Sơn nói nếu để sỏi đá rời nhau, xa nhau, thì chúng buồn, mà nếu để lại gần nhau thì chúng vui. Sơn nói một vật mình tưởng là vô tri, nhưng thực sự là nó không vô tri, vì nó có một đời sống, một “ giá trị tự tại ”. Sơn nói theo nhà Phật, trong cái thế giới ta bà này, mọi đồ vật và sinh vật như loài vật, thiên nhiên, sỏi đá... thật sự đều là một. Chúng có những sự liên hệ, giao hoà với nhau. Chúng cần lẫn nhau và nhờ vậy đời sống được thoải mái, dễ dàng hơn.

Ông chủ hiền, con chó cũng hiền

Sơn đi xa hơn. Sơn nói không những thiên nhiên, vạn vật, ảnh hưởng đến người, mà người cũng ảnh hưởng đến vạn vật và thiên nhiên. Ngoài câu chuyện khu vườn biết buồn khi chủ đi vắng, Sơn còn tâm sự thêm là Sơn đem về nhà một con chó Tây vốn rất giữ. Trước khi về nhà Sơn, chó đó nghe rằng gầm gừ với khách. Nhưng khi về ở với Sơn thì nó trở nên hiền khô, không còn gầm gừ nghe rặng với ai nữa.

Hạnh bố thí

Sơn tiếp tục ý tưởng về sự liên đới chặt chẽ giữa người với người, giữa người với muôn loài, với vạn vật. Sơn nói nếu tôi (thực ra, Sơn dùng chữ *moi* và *tôi*) kẹt quá, và tôi xin bạn một

trăm nghìn (đồng) để tôi giải quyết vấn đề của tôi và bạn cho tôi số tiền đó, tức là bạn đã bố thí. Nhưng Sơn nói rằng bố thí bằng của cải vật chất, tiền bạc, là hạnh bố thí thấp nhất. Sơn nói theo nhà Phật, hạnh bố thí rất rộng. Có những hạnh bố thí cao hơn như khi bạn đang buồn, bạn đến với tôi, và tôi đã giúp bạn giải quyết nỗi buồn đó. Sơn nói nhà Phật cho hạnh bố thí cao nhất là giúp đỡ người khác đang bị kẹt giải quyết vấn đề tâm linh hay tinh thần của họ.

Câu chuyện qua suối

Rõ ràng Sơn hôm ấy là cái Sơn muốn buông bỏ hơn vương mắc. Sơn cho sự thanh thoi tâm hồn là cần cho đời sống đáng sống. Nếu có lúc Sơn đã từng đam mê và ôm ấp thì hôm nay Sơn cho sự thanh thản, an lạc, hạnh phúc, tất cả đều nhất lý, là một. Sơn kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện Thiền. Đây là một trong những bài khai tâm của Thiền môn, cho nên dù cho nhiều người biết chẳng nữa, cũng xin ghi lại ở đây cho đầy đủ buổi nói chuyện hôm đó. Giọng Sơn bình dị nhưng vẫn duyên dáng, như được phát ra từ một nguồn cảm hứng mộc mạc, tự nhiên. Chuyện rằng, có hai thầy tu đi từ chùa trên núi xuống làng để mua đồ ăn, trên đường đi, phải qua một con suối lúc đó nước cạn. Trên đường về, đến cạnh bờ suối, hai tu sĩ đó gặp một cô gái trẻ đẹp trạc độ mười sáu, cũng đang tìm cách qua suối, nhưng lúc đó nước đã lên cao. Trong khi đang bối rối chưa biết tính sao thì một trong hai tu sĩ giúp công cô ta qua suối . Khi đã bỏ cô ta bên bờ suối bên kia, hai vị sư tiếp tục lên đường. Đi được một cây số, vị sư đã công cô gái hỏi vị sư kia rằng... sao từ lúc rời suối đến nay đã được một cây số rồi mà mặt bạn vẫn có vẻ ưu tư như vậy ? Vị kia trả lời : chúng ta là người tu hành, không được tiếp xúc với nữ giới, mà lúc này tại sao bạn lại công một cô gái như thế ? Vị sư công nói : giờ đây tôi công cô nào đâu... tôi không nhớ gì cả... vậy trong cây số qua, bạn là người công cô ấy chứ tôi đã hết công rồi... như vậy là bạn mệt quá rồi, chứ tôi không còn công nữa.

Biển sóng, biển sóng đừng xô nhau...

Sau câu chuyện qua suối, Sơn quay người lại để với các nút bấm của bộ máy stereo để đằng sau lưng. Tiếng hát Cẩm Vân dâng lên và bắt đầu bao phủ lấy căn phòng khách cùng phòng vẽ.

*Biển sóng, biển sóng đừng xô tôi
Đừng xô tôi ngã dưới chân người
Biển sóng, biển sóng đừng xô nhau
Ta xô biển lại, sóng về đâu ?
Sóng bạc đầu, và núi chìm sâu
Ta về đâu đó ?*

Nhạc nghe đến đây, Sơn nói chêm vào : “ *Bài này viết là từ [lời] câu kinh của Phật : Gate, Gate, Paragate, Parasamgate, Bodhi Svaha* ” (Một số trong chúng ta, kể cả chúng tôi, đã lớn lên với câu kệ *Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha*, song tụng như vệt, phải đợi đến khi tóc ngả màu mới thấm được ý nghĩa sâu xa của nó). Sơn dịch ra chữ quốc ngữ đại để là “ *vượt qua, vượt qua, tất cả chúng ta đều vượt qua, và đến bờ giác ngộ* ”. Có phải Sơn là vừa là thi - nhạc sĩ, vừa là triết gia hay thiền gia ? Hôm đó Sơn cho chúng ta một tiết lộ. Sơn nói có người lầm cho đây là bài hát về tôn giáo. Theo chính lời Sơn, mặc dù bài hát này lấy cảm hứng từ đạo Phật, “ *nhưng mà mình viết về tình yêu !* ”. Trong khi Sơn giải thích về xuất xứ và ý nghĩa bài hát, tiếng sóng Cẩm Vân vẫn dòn dập cho đến cuối bài.

*Về chốn nào, mây phủ chiêm bao
Cạn suối nguồn, bôn bề nương dâu
Ta tìm em nơi đâu ?
Biển sóng, biển sóng đừng xô nhau*

Đến đoạn này, Sơn cất tiếng hát đệm theo tiếng ca Cẩm Vân cho đến hết bài. Vầng trăng Sơn nhân nhéo, mắt Sơn nhắm lại như đang thả hồn theo tiếng sóng rạt rào. Bấy giờ Trịnh Công Sơn với biển sóng hoàn toàn là một.

*Ta xô biển lại sóng nằm đau.
Biển sóng, biển sóng đừng xô tôi
Đừng xô tôi ngã dưới tim người.
Biển sóng, biển sóng đừng xô tôi
Đừng cho tôi thấy hết tim người.
Biển sóng, biển sóng đừng xô nhau,
Ta xô biển lại sóng về đâu ?
Giấc ngủ nào, giường chiếu quanh hiu
Trăng mờ quê cũ
Người đứng chờ,
Gió động vì vu,
Vạt nắng vàng, nhắc lời thiên thu,
Nhớ ngàn năm trôi qua...
Biển sóng, biển sóng đừng trôi xa
Ba năm chờ đợi sóng gần ta.
Biển sóng, biển sóng đừng âm u
Đừng nuôi trong ấy trái tim thù.
Biển sóng, biển sóng đừng... xô... nhau...*

Grumbacher nảy rất tốt

Tiếng hát Cẩm Vân vừa mới dứt, nhà tôi rút trong xách ra một món quà để trao cho Sơn. Chàng nhìn ra ngay đó là một trong những món đồ thích chí : “ *Tôi dự định sẽ chia tay với âm nhạc để viết những tạp bút ngẫu hứng và vẽ* ” (“Trò Chuyện với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn,” www.khanhly.com) (chữ viết hoa do tôi thêm). Phòng Sơn lúc đó có đầy tranh, một số có lẽ đã vẽ xong, một số hình như còn dang dở. Vì không được báo trước, nên khi thấy nhà tôi đưa quà biếu ra, Sơn có hơi ngạc nhiên một tí. Chàng hỏi : “ Quà há ? ”. Nhưng khi thấy quà là một hộp sơn dầu ngoại quốc ngoài có mang một nhãn hiệu quen thuộc, Sơn thốt lên ngay “ *Grumbacher nảy tốt lắm đó ... rất tốt. Cảm ơn nhiều lắm* ”. Nhà tôi hỏi mấy dạo sau này Sơn có vẽ nhiều không, Sơn trả lời : “ Khi nào khoẻ thì làm... đêm ngồi buồn quá, lấy pinceau mà quẹt lên... thì cái màu nó gọi cái inspiration, vậy thôi, chứ còn nhạc thì nhiều khi âm thâm hơn... ”. Ngoài ra, nhà tôi nói với Sơn là trong chuyến thăm nảy định đem biếu Sơn hai cuốn băng video về âm nhạc, nhưng đã bị mất cả hai ở phi cảng. Một trong hai là phim về đời sống tình cảm của Beethoven (*Immortal Beloved*). đây là một câu chuyện tình thuộc loại “ *Diễm Xưa* ” của nhạc sĩ Đức, mà vì vậy chúng tôi nghĩ biết đâu khi xem, Sơn lại không tìm thấy một vài dư âm ?

Sơn và cố đô

Trong một bài phỏng vấn khá gần đây, Sơn thổ lộ : “ *Huế và đạo Phật ảnh hưởng sâu đậm trên tình cảm thời thơ ấu của tôi* ” (khanhly.com). Cho nên dù có trú ở đâu đi nữa, có thể nói Sơn luôn luôn nhớ nhà, nghĩa là nhớ Huế. Về mặt tình cảm, Sơn với Huế hình như không bao giờ rời nhau được. Sự gắn bó đó vừa do những kỷ niệm sâu sắc của tuổi trẻ, vừa do hoàn cảnh lịch sử đấu tranh của đất nước, mà Sơn là người thực sự trong cuộc trong những ngày tháng sôi sục ở miền Trung, vừa do mối cảm tình lạ lùng với mảnh đất cần cỗi nhưng linh thiêng của Phú Xuân. Trước thì như thế, nhưng thử hỏi vào những năm cuối đời mình, Sơn đã nghĩ gì về xứ Huế ? Trong buổi nói chuyện, có lúc Sơn nhắc rằng Huế vẫn buồn, vẫn nhỏ, vẫn “ *nghèo nàn dễ sợ* ” nhưng Sơn nói thêm rằng “ *tất cả mọi người phải đi qua Huế mới thành một con người... vì đó là thủ đô cũ* ”. Theo lời Sơn, Huế là nơi sản xuất nhiều nhân tài lịch sử và văn nghệ. Sơn nói “ *chỗ đó đã*

sinh đẻ ra ” tất cả những nhân vật của lịch sử cận đại Việt Nam và họ “ *đều đi qua Huế cả* ”. Trong các nhân vật lịch sử, văn hoá Sơn nhắc đến, có tên nhà thơ trữ tình cổ điển Xuân Diệu mà Sơn nói là người Bình Định cũng đã từng học ở Huế.

Hai vì sao sáng

Trên bình diện kỹ thuật, nhạc lý, không thể đối chiếu họ Trịnh với Beethoven được, và bài tưởng niệm này không có dụng ý đó. Lại càng không thể và không nên so sánh sự nghiệp của họ trong nền âm nhạc thế giới. Tuy nhiên nếu nhìn rộng hơn về con người, về suy tư, thái độ trước cuộc đời, tình yêu, quan điểm nghệ thuật, tác dụng của âm nhạc đối với người nghe... ta thấy có một khuynh hướng hội tụ cũng như phân kỳ nổi bật giữa hai thiên tài. Một lần nữa, sự giống nhau không phải chuyện hoàn toàn ngẫu nhiên vì có một số mẫu số chung lớn về đời sống tình cảm, về sự vật lộn với bệnh tật vào khoảng đời xế chiều, về thời đại nhiều nhượng, cũng như chí lớn của hai nhạc sĩ (mặc dù có sự phát biểu khiêm tốn của Trịnh Công Sơn về vai trò của mình : *Tôi chỉ là một tên hát rong... và Tôi không bao giờ có tham vọng trở thành một người viết ca khúc nổi tiếng...*). Họ Trịnh và Beethoven đều là những tâm hồn đã vươn lên từ hố tuyệt vọng. Phải chăng những tâm hồn lớn thường hay gặp nhau ?

Trước nhất, về mặt âm hưởng, ta thấy chiều sâu của hai người đều thâm thẳm. Các bản tứ tấu đàn dây cuối cùng của Beethoven làm người nghe lên ruột, nạo sâu vào tâm can. Mặc dù không thể so sánh hai thể nhạc, tuy nhiên nếu mẫu số chung giữa các loại nhạc là ngôn ngữ, thì nếu nhạc của Beethoven là nhạc thuần túy, nhạc Sơn là nhạc thơ, mà thơ là ngôn từ của chân thiện mỹ (Beethoven cũng có sáng tác một số nhạc bản đơn ca lớn, kể cả các bài bất hủ về tình yêu trong tác phẩm *An Die Fern Geliebte*). Vì có tính chất thơ nên nhạc Sơn phần nhiều nhẹ nhàng hơn, thanh thoát hơn nhưng vẫn vô cùng mặn mà, tha thiết. Nhạc lớn của Beethoven (đương cầm, tứ tấu, giao hưởng v.v.) có thể xuyên thủng tim người, gan người như chơi, nhưng chắc gì đã thấm qua sỏi đá, vạn vật như Sơn vẫn tin tưởng ? Và lại, Sơn đâu chỉ viết nhạc cho người ? Sơn muốn nói chuyện với tất cả muôn loài. Nhạc Sơn đi vào tâm khảm con người, tâm khảm của vạn vật. Sơn muốn thế. Âm thanh Sơn, ngôn ngữ Sơn đi xuyên qua tim đồng loại nơi nơi, thấm vào sỏi đá, lan vào cây cỏ. Giá nếu người đời nghe được tiếng nói của vạn vật, sẽ nghe vạn vật tâm sự... “ *tôi nghe Trịnh Công Sơn rồi, tôi hiểu Trịnh Công Sơn rồi...* ”

Đề tài Sơn rất lớn, rất bao la, rất thấm thía. Lông qua các chủ đề rất gần gũi với nhạc sĩ như tình yêu, quê hương, và thân phận, trong nguồn cảm xúc và đối tượng sáng tác của họ Trịnh, người ta thấy một thế giới súc tích bao gồm cả đời, người, chân-thiện-mỹ, vũ trụ, cái chết, và hư vô. Và nhờ vậy, hậu thế mới có một di sản âm nhạc phong phú đồ sộ đến như thế ! (Về điểm này, Trịnh Công Sơn giống Friedrich Schiller, một thi hào ưa chuộng của Beethoven, hơn Beethoven. Đối tượng của thơ Schiller cũng rất to lớn : có người, có thiên nhiên, có vũ trụ, có Thượng đế). Nhạc Beethoven, vì tự bản chất, có thể nói phần lớn không có chủ đề theo nghĩa thông thường. Và lại, nhạc lớn như thế tự nó nói lấy, cần gì có chủ đề. Trong khi thánh giả của Beethoven là người, là thiên thần, là chúa trời, thánh giả của Sơn là đồng bào, là đồng loại, là vạn vật, là vũ trụ. Tâm thức của Trịnh Công Sơn, cũng như Beethoven, là ở chỗ họ đã dùng ngôn từ của chính chúng ta để nói thay chúng ta. Ngôn từ của Trịnh Công Sơn là tiếng nói của chúng ta tìm lại được. Tiếng nói đây cũng là tiếng nói của tự tình mình, của tự tình dân tộc, của tình người. Nếu *An Die Freude* (*Ca Ngợi Niềm Vui*, thơ của Schiller, Beethoven phổ nhạc trong giao hưởng số 9) đã làm rung động năm châu, thì *Nói*

Vòng Tay Lớn cũng vang dội như một địa chấn từ Bắc vô Nam, từ đông sang Tây.

Vượt qua tự tình dân tộc để đến với tình người có thể là một trong đỉnh cao nhất của Trịnh Công Sơn. Máy ai đã không khỏi mũi lòng khi nghe Sơn chuyển từ tiếng khóc náo nùng *giọt nước mắt thương dân, dân mình phận long đong...* đến lời van lơn . . . *ôi nhân loại . . . không ai thù ghét ai. . .* Nếu trong vũ trụ quan của họ Trịnh, cũng như Beethoven, có bóng dáng của Thượng đế, thì cuối đời, Sơn thích làm nhà ở cõi vô vi. Trong khi nhạc sĩ Đức than thân, trách phận đã oái ăm đáng cho mình cái bệnh nan y (chức thư Heiligenstadt) thì Sơn điem nhiên *đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng...* với *tôi là ai mà yêu quá đời này*. Trong khi Beethoven trách móc đồng loại *ôi nhân thế tôi ơi... các người xem tôi như kẻ ghét người... là oan ức cho tôi lắm...*, họ Trịnh cũng có lúc hoài nghi một cách nên thơ *đôi tay nhân gian chưa từng độ lượng...* Nhưng hoài nghi đó không giữ lâu vì *thân phận thì hữu hạn. Tình yêu thì vô cùng. Chúng ta làm cách nào nuôi dưỡng tình yêu để tình yêu có thể cứu chuộc thân phận...*

Không phải Sơn không có nhiều nỗi khổ riêng, kể cả đời sống tình cảm : và *tôi đau đớn nhận ra rằng, có lẽ cuộc đời đã cho ta lắm ngày bất hạnh*. Ai cũng biết hai thiên tài bên trời đông và trời Tây đều có đời sống tình cảm phức tạp. Về điểm này, không biết vì run rủi hay định mệnh mà hơn một thế kỷ rưỡi sau, họ Trịnh đã làm người phát ngôn tuyệt vời cho Beethoven khi chàng viết : *Cuối cùng thì tình yêu không giữ được người mình yêu*. Nhưng phương cách đối xử mỗi người một khác. Trong khi Beethoven viết *An Die Fern Geliebte (Cho Người Tình Xa)*, Sơn cho ra đời *Diễm Xưa*.

Trong khi bị bệnh tai hành hạ từ năm 25 tuổi cho đến khi hoàn toàn điếc vào khoảng dưới 50, Beethoven còn phải khổ sở chống đỡ nhiều chứng bệnh kinh niên khác và cuối cùng đành bại trận trước bệnh ruột và gan vào năm 57 tuổi. Rượu là một trong những nguyên do chính. Trong thập niên cuối đời, họ Trịnh cũng trải qua một số kinh nghiệm tương tự, kể cả rượu, và đã *trở về cát bụi* năm 62 tuổi. Đối với phàm nhân, đau khổ làm cho tâm hồn băng hoại. Cho nên hai thiên tài họ Trịnh và Beethoven có một điểm chung nữa rất lớn : đau khổ là thuốc bổ cho sáng tạo. Thay vì tàn lụi như cỏ sa mạc, với họ, đau khổ đã đơm hoa, khai quả cho nghệ thuật, những hoa quả tươi mát, dịu ngọt, làm cho đời nhẹ nổi trần ai. Họ là bình minh của cuộc đời, của vũ trụ.

Về triết lý sáng tác, trong khi Beethoven trau chuốt từng nốt, từng câu, Sơn có lối viết nhẹ nhàng, thoải mái hơn. Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát đã có nhận xét hay : Trịnh Công Sơn “ *viết dễ như lấy chữ trong túi ra* ”. Việc Beethoven xé bỏ bản thảo của mình không phải là chuyện hiếm. Nhạc sĩ Đức nổi tiếng là người có tánh hay bực bội, nóng nảy. Beethoven đã có lúc khâm phục ca ngợi người hùng đại đế Napoléon. Người ta kể rằng, sau khi nghe tin đại đế gây cảnh khói lửa tang tóc ở Âu Châu, chàng đã xé toang trang tựa bản thảo bản giao hưởng *Anh hùng ca* (giao hưởng số 3) có ghi lời đề tặng cho đại đế. Trái lại, Sơn tánh vốn thường điềm đạm, trông có vẻ bình thản hơn trong mấy năm cuối đời mình. Beethoven luôn luôn là con người của đam mê tột độ. Sơn cũng đã từng có một thời rất Beethoven : *Như thế, với cuộc đời, tôi đã ôm một nỗi cuồng si bất tận (TCS)*. Đều là máu nghệ sĩ thứ thật cả !

Nhất lý hay nhị nguyên

Với Trịnh Công Sơn, cũng như phần nào đối với Beethoven, ta còn thấy thể hiện một số “ phản đề ” khá thú vị trong tư tưởng Thiên và triết học, là ngành Sơn đã học và suốt đời rất thích. Các

phản đề đó là : (1) giải thoát và vướng mắc, (2) đổi thay và chân lý, (3) đời buồn chòn và lòng vị tha. Là nguồn cảm hứng lớn, các phản đề này đã làm giàu kho tàng văn hóa nhân loại. Chúng bám chặt thiên tài nơi nơi, không bao giờ chịu nhả ra và cũng không phân biệt ranh giới quốc gia hay chủng tộc (tài/mệnh của Nguyễn Du; người gù/mỹ nhân của Victor Hugo ; Anna Karenina của Leo Tolstoy...). Có lẽ Trịnh Công Sơn đủ thông Thiên để thấy rằng hạnh phúc và đau khổ – mới nghe qua có vẻ tương phản – sự thật không phải là hai trạng thái đối kháng nhau ; với Thiên, chúng chỉ là một. Cũng có lẽ vì thế mà Sơn không thấy có gì mâu thuẫn trong các hình ảnh hay ý niệm đối nghịch nhau trong một số lời ca của mình.

Rất Beethoven mà cũng rất Sơn

Trong chức thư Heiligenstadt, trong giây phút tuyệt vọng, Beethoven đã phơi bày tâm sự náo nê với Karl và Johann : “ *Ôi nhân thế tôi ơi, các người đã từng xem tôi hay nói về tôi như kẻ bất nhân, không tình nghĩa, hay thậm chí còn xem tôi như kẻ thù ghét người, các người có biết như vậy là oan ức cho tôi lắm không... chỉ vì các người không biết lý do thâm kín nào đã làm tôi có bộ mặt như vậy... từ lúc nhỏ tim tôi, tâm hồn vẫn hướng về tình thương và thiện ý... nhưng sáu năm qua bệnh nan y của tôi đã làm tôi khổ và bấy y sĩ vô tài đã làm tôi khổ sở hơn. Năm này qua năm khác, hy vọng khỏi bệnh biến theo mây khói làm tôi phải chấp nhận viễn tượng bị tàn tật suốt đời... trời phú cho tính háng say mãnh liệt... mà rồi tôi cũng phải rút lui sống trong cô đơn... Có lúc tôi muốn quên mình bị tàn tật, nhưng than ôi, bệnh nghiệt ngã của tôi vẫn hành tôi mà thậm chí tôi vẫn không đủ can đảm để nói lớn : ‘Các người hãy hét lên bởi vì tôi điếc’. Làm sao tôi dám thú với người ta rằng tôi bị tật về một cơ năng đáng lẽ phải được toàn thiện ở tôi hơn ở người khác... Lay Chúa linh thiêng, xin ngài nhìn xuống tâm hồn và tim con, ngài thấy tim con lúc nào cũng đầy tình thương người và ước mong làm điều thiện... Hãy dạy con cái [của Karl và Johann] biết làm điều lành, bởi vì theo kinh nghiệm bản thân tôi, chỉ có cái đức mới đem lại hạnh phúc chứ không phải tiền tài... chính cái đức đã nuôi dưỡng tôi trong lúc tuyệt vọng. Chính nhờ có lòng nhân ái và nghệ thuật mà tôi đã không chấm dứt đời mình bằng tự vận ”.*

Trong khi Beethoven phần nộ cay cú với định mệnh, Sơn nhẹ nhàng *ca ru đời đi nhẹ*. Cái Sơn thật là cái Sơn đã có lần thốt *Sống mà giữ mãi trong lòng những hờn oán thì cũng nặng nề*. Trong đoán văn “ để bắt đầu một hồi ức ”, Trịnh Công Sơn cũng tâm tình tương tự như Beethoven, nhưng thiếu cái vị mặn, vị chát của nhạc sĩ Đức : *Tôi yêu cuộc đời và cuộc đời cũng yêu tôi. Đó là niềm an ủi lớn trong cuộc sống này. Vì thế lòng tôi không có một giây phút nào nuôi một lòng oán hận với cuộc đời. Dù có đôi khi nhân gian bạc đãi mình, và con người phụ rẫy mình nhưng cuộc đời rộng lớn quá và mỗi chúng ta chỉ là những hạt bụi nhỏ nhoi trong trần gian mà thôi. Giận hờn, trách móc mà làm gì bởi vì cuộc đời sẽ xóa hết những vết bầm trong tâm hồn chúng ta nếu lòng ta biết độ lượng. Ta biết tha thứ những điều nhỏ thì cuộc đời sẽ tha thứ cho ta những điều lớn hơn... Tôi đến với âm nhạc có lẽ cũng vì tình yêu cuộc sống*.

Trịnh Công Sơn chia tay với chúng ta để vào thế giới những người không bao giờ chết. Ở đó Sơn đã gặp mẹ và Beethoven. Nếu, theo Thiên, sự trở về đích thực là sự trở về với mình, là sự đi đến sau những năm tháng say sưa dán thân cho nghệ thuật, cho quê hương, cho đồng loại, cho vạn vật, thì nay Sơn đã trở về.

Đời như vô tận, một mình tôi về. Với tôi.

Võ Xuân Hàn

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,
Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Vân, Hoà Văn

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....
.....
.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM) : 40 Euro ;
Châu Âu ngoài Pháp : 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu :
60 USD).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN
FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W
Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có
thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 45
Eu vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020
76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn
80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc
Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG
NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề
tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 15 USD/năm, thư từ liên
lạc, gia hạn cũng như chuyển ngân xin liên lạc thẳng với
toà soạn ở Pháp, trong khi chờ đợi thông báo về đại diện
mới.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào
trương mục Journal Diendan, CCP 12-83273-3, 1211
GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu
chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 Eu cho ông TRAN, Am
Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển
khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM
(Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48
94 76 : blz 752 500 00).

CHÚ Ý : Bạn đọc gia hạn báo trước tháng 12.2001 có thể
thanh toán bằng đồng FF với giá cũ (250 FF). Sang năm
2002, nhất thiết phải thanh toán bằng Euro với giá mới.

DIỄN ĐÀN forum

số 111

tháng 10.2001

mục lục

2 thông báo sinh hoạt

hồ sơ KHỦNG BỐ QUỐC TẾ

- 3 Khủng bố chiến lược, năm 01 Nguyễn Quang
6 Thánh chiến Cao Huy Thuần
8 Chuông nguyện hồn... Nguyễn Lộc
9 Thảm hoạ và suy thoái Vũ Quang Việt

thời sự Việt Nam & vấn đề

- 14 tin
18 Đàn áp đa phương
20 Nghị định Internet H. T.
21 Lũ lụt, tai hoạ được báo trước Văn Ngọc

văn hoá & văn nghệ & khoa học

- 25 Cam tâm Phạm Thị Hoài
30 Hoa sứ trắng Trần Thuỳ Mai
32 Hạt điện cô đơn Mai Ninh
35 Nói chuyện với nhà sử học K. Taylor H. & V.
37 Sư tập cổ vật Hội An Kiều Quang Chấn
40 Nơi vùng ưu tư thành tiếng du ca Thái Kim Lan
48 Đoá hoa vô thường Võ Xuân Hân

Thơ :

Vi Thuỳ Linh (trang 24), Mai Phương (trang 43)
Đỗ Quang Nghĩa (trang 31), Bùi Hoàng Tám (trang 43)

HÌNH BÌA :

Tranh của Đào Droste

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đổ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 5 Eu.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg
Thế lệ mua báo : xin coi khung bên cạnh.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa
Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ;
hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)